

907.6

T527T

BAN TỔ CHỨC KÌ THI

TUYỂN TẬP

20

NĂM

ĐỀ THI

OLYMPIC 30 THÁNG 4

LỊCH SỬ



DVL.013475



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

501.8
T5271

BAN TỔ CHỨC KÌ THI

**TUYỂN TẬP 20 NĂM
ĐỀ THI OLYMPIC 30 THÁNG 4
LỊCH SỬ
11**

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

DVL / 13475 / 1A

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: Biên tập-Chế bản: (04) 39714896;

Hành chính: (04) 39714899; Tổng biên tập: (04) 39715011

Fax: (04) 39714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: HỒNG PHÚC

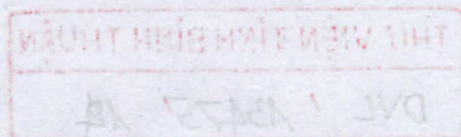
Sửa bài: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

Đối tác liên kết xuất bản:

Nhà sách HỒNG ÂN



SÁCH LIÊN KẾT

TUYỂN TẬP 20 NĂM ĐỂ THI OLIMPIC 30 THÁNG 4 - LỊCH SỬ 11

Mã số: 2L- 73ĐH2014

In 800 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty TNHH SX-TM Dịch vụ Vạn An

Giấy phép xuất bản số: 116-2014/CXB/24-25 ĐHQGHN, ngày 16/01/2014

Quyết định xuất bản số: 77LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN, ngày 24/2/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

Lời nói đầu

Kì thi Olympic 30 tháng 4 do Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đã diễn ra được 19 kì (1995 – 2013). Kì thi đã nhận được sự tin cậy và hợp tác của các trường Trung học phổ thông chuyên ở các tỉnh phía Nam cũng như các trường Trung học phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm giúp giáo viên có thêm tài liệu tham khảo trong việc bồi dưỡng, rèn luyện năng khiếu cho học sinh giỏi và giúp các em học sinh có tài liệu tự nâng cao kiến thức, trong những năm qua, Ban Tổ chức kì thi đã phối hợp với Nhà xuất bản Giáo dục và Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm xuất bản bộ sách **"Tuyển tập đề thi Olympic 30 tháng 4"** hàng năm. Bộ sách đã được sự ủng hộ của các thầy giáo, cô giáo và các em học sinh.

Để nâng cao chất lượng của bộ sách, năm học 2014, các giáo viên của Trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyển chọn các đề thi chính thức và các đề thi đề nghị của các trường tham gia 19 kì thi Olympic vừa qua thành bộ **"Tuyển tập 20 năm đề thi Olympic 30 tháng 4"**. Bộ sách này gồm 15 cuốn liên quan đến 8 môn học: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh.

Giới thiệu bộ sách này, chúng tôi tôn trọng nội dung, kết cấu và đáp án hoặc hướng dẫn giải của các trường đề nghị.

Chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô và các em học sinh để bộ sách được hoàn chỉnh hơn, cho lần tái bản sau.

TM. BAN TỔ CHỨC KÌ THI
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG, TP. HỒ CHÍ MINH
VÕ ANH DŨNG

PHẦN I:

CÁC ĐỀ THI CHÍNH THỨC

A. ĐỀ

ĐỀ THI NĂM 2007

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

I. Chọn đáp án đúng nhất cho các câu trắc nghiệm sau: (2 điểm)

Câu 1: Nền công nghiệp Mĩ từ hàng thứ tư nhảy lên hàng đầu thế giới trong thời gian:

- A. 15 năm.
- B. 20 năm.
- C. 10 năm.
- D. 30 năm.

Câu 2: Hai khuynh hướng cơ hội và cách mạng đấu tranh gay gắt với nhau trong Quốc tế thứ hai xoay quanh những vấn đề:

- A. Đấu tranh giai cấp, giành chính quyền, giành ruộng đất cho nông dân, ngày làm 8 giờ.
- B. Đấu tranh giai cấp, chiến tranh đế quốc, đời sống nhân dân, giai cấp lãnh đạo cách mạng.
- C. Thuộc địa, chiến tranh đế quốc, ruộng đất, đấu tranh nghị trường.
- D. Thuộc địa, chiến tranh đế quốc, đấu tranh giai cấp, giành chính quyền.

Câu 3: Kết quả cuộc khởi nghĩa đêm 27/10/1917:

- A. Đội Cận vệ đỏ và binh lính cách mạng đánh chiếm các khu vực đầu mối, trụ sở các bộ, các nhà ga, các cầu bắc qua sông Nêva,...
- B. Quân khởi nghĩa đã chiếm được toàn bộ Pêtrôgrat và bao vây Cung điện Mùa đông.
- C. Thủ tướng Kerenski bị bắt.
- D. Toàn bộ Chính phủ lâm thời tư sản (trừ Kerenski) đều bị bắt.

Câu 4: Khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, tại Bắc Kỳ hình thành 2 trung tâm kháng chiến lớn ở:

- A. Hải Dương, Hưng Yên.
- B. Bắc Giang, Bắc Ninh.
- C. Sơn Tây, Bắc Ninh.
- D. Thái Bình, Ninh Bình.

Câu 5: Biểu hiện truyền thống ý thức dân tộc ta:

- A. Đấu tranh chống ngoại xâm.
- B. Sớm hình thành quốc gia Văn Lang – Âu Lạc.
- C. Chinh phục thiên nhiên.
- D. Đấu tranh bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

Câu 6: Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược:

- A. Sự lãnh đạo tài giỏi của người chỉ huy.
- B. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của dân tộc.
- C. Truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân
- D. Địa hình, khí hậu bất lợi cho địch.

Câu 7: Biểu hiện củng cố thống nhất đất nước:

- A. Luật pháp chặt chẽ.
- B. Văn tự thống nhất.
- C. Chính quyền cai trị thống nhất.
- D. Tiền tệ thống nhất.

Câu 8: Yếu tố gìn giữ, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc:

- A. Định hình từ Văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- B. Phát triển với Văn minh Đại Việt.
- C. Vãn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.
- D. Tất cả đều đúng.

II. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau: (1 điểm)

Câu 1: Cách mạng Nga 1905 – 1907 – là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, vì cuộc cách mạng này có giai cấp lãnh đạo là giai cấp tư sản.

Câu 2: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc là nền văn minh của cư dân trồng lúa nước, sống trong cộng đồng làng xóm.

Câu 3: Giai đoạn thịnh đạt của nền Văn minh Đại Việt thuộc thời Lý – Trần.

Câu 4: Cách mạng tháng Mười Nga là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

III. Có 3 cột ghi nhân vật, sự kiện và địa danh. Hãy sắp xếp theo từng nhóm có liên quan với nhau: (1 điểm)

A. Nhân vật	B. Sự kiện	C. Địa danh
1. Phan Đình Phùng	Khởi nghĩa Ba Đình	Hưng Yên
2. Đinh Công Tráng	Khởi nghĩa Hương Khê	Bắc Giang
3. Nguyễn Thiện Thuật	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Hà Tĩnh
4. Hoàng Hoa Thám	Khởi nghĩa Yên Thế	Thanh Hoá

B. PHẦN TỰ LUẬN (16 điểm)

Câu 1: (4 điểm)

Vì sao:

- Năm 1917, nước Nga có đến hai cuộc cách mạng: Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười?
- Từ tháng 2 đến tháng 7, Lênin quyết định giành chính quyền bằng con đường hoà bình?

Câu 2: (4 điểm)

Hoàn cảnh, diễn biến, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê. Vì sao nói Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa điển hình trong phong trào Cần vương?

Câu 3: (4 điểm)

Căn cứ vào đâu để khẳng định Văn minh Đại Việt được hình thành trên cơ sở phục hưng và phát triển văn minh người Việt cổ, tiếp thu và đồng hoá ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc ở phương Bắc và văn hoá Chăm-pa ở phía Nam? Nêu đặc điểm, vị trí và xu hướng chuyển hoá của nền Văn minh Đại Việt.

Câu 4: (4 điểm)

Vai trò của Lênin đối với phong trào công nhân Nga và cách mạng Nga (từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918).

ĐỀ THI NĂM 2008

Câu 1: (4 điểm)

Trên cơ sở trình bày những nét tiêu biểu về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, hãy nhận xét về xu hướng cứu nước của hai ông.

Câu 2: (4 điểm)

Trình bày diễn biến và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

Câu 3: (4 điểm)

Phân tích vai trò của Liên Xô trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).

Câu 4: (4 điểm)

Lập bảng so sánh về xu hướng cứu nước chủ yếu trong phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo nội dung sau:

Nội dung	Phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Mục tiêu đấu tranh		
Hình thức đấu tranh		
Lực lượng tham gia		
Kết quả và ý nghĩa		

Câu 5: (4 điểm)

Qua việc trình bày khái quát diễn biến của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913), hãy nhận xét đặc điểm của cuộc khởi này.

ĐỀ THI NĂM 2009

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1: (4 điểm)

Trình bày ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng này đối với cách mạng Việt Nam như thế nào?

Câu 2: (4 điểm)

Trình bày nguyên nhân, hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933). Nước Mĩ đã giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế này như thế nào?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3 (4 điểm)

Điền thời gian, sự kiện về quá trình Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884 theo bảng sau:

Thời gian	Sự kiện
	Pháp tấn công bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam.
5/6/1862	
	Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.
20/6 đến 24/6/1867	
	Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất.
15/3/1874	
	Pháp nổ súng chiếm được thành Hà Nội lần thứ hai.
6/6/1884	

Câu 4: (4 điểm)

Bằng những sự kiện lịch sử của phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân ta từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX, em hãy chứng minh câu nói của Nguyễn Trung Trực “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

Câu 5: (4 điểm)

Trình bày phong trào Cần vương: hoàn cảnh bùng nổ, tóm lược các giai đoạn phát triển.

ĐỀ THI NĂM 2010

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1: (4 điểm)

Hãy trình bày sự lãnh đạo của Lênin trong Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và trong cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền Xô viết (1917–1920).

CÂU 2: (4 điểm)

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939–1945):

a. Hoàn thành nội dung bảng thống kê sau:

<i>Thời gian</i>	<i>Sự kiện</i>
Từ 9/1939 đến 4/1940	
22/6/1940	
22/6/1941	
7/12/1941	
1/1/1942	
Từ 11/1942 đến 2/1943	
6/1944	
9/5/1945	

b. Nêu tính chất của cuộc chiến tranh.

c. Nêu kết cục của cuộc chiến tranh.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3: (4 điểm)

Hãy so sánh phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo bảng sau:

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Mục tiêu đấu tranh		
Tầng lớp lãnh đạo		
Lực lượng tham gia		
Hình thức đấu tranh		
Phong trào tiêu biểu		
Kết quả, ý nghĩa		

Câu 4: (4 điểm)

Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào nông dân Yên Thế từ năm 1884 đến năm 1913. Hãy nêu nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào.

Câu 5: (4 điểm)

Trình bày buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (từ năm 1911 đến năm 1918). Qua đó hãy nêu nét mới trong hoạt động cứu nước của Người.

ĐỀ THI NĂM 2011

Câu 1:

Trình bày khái quát tình hình nước Pháp từ tháng 9/1870 đến tháng 5/1871. Nêu nhận định về cuộc cách mạng ngày 18/3/1871.

Câu 2:

Lập bảng thống kê các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc nửa sau thế kỉ XIX theo các nội dung sau: lãnh đạo, diễn biến, lực lượng tham gia, tính chất và ý nghĩa.

Câu 3:

Qua các bước xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1858 – 1884), hãy nêu những nét chính về phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta trong thời gian đó.

Câu 4:

Vì sao đầu thế kỉ XX, xã hội Việt Nam có sự chuyển biến sâu sắc? Phân tích sự chuyển biến đó.

Câu 5:

a. Lập bảng so sánh hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh theo các nội dung: khuynh hướng cứu nước; chủ trương, phương pháp; nhận xét chung.

b. Nêu tóm tắt những hoạt động chủ yếu của Phan Bội Châu từ năm 1904 đến năm 1913.

ĐỀ THI NĂM 2012

Câu 1: (4 điểm)

a. Lập bảng so sánh cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) theo các nội dung: nhiệm vụ, lãnh đạo, chính quyền nhà nước, lực lượng, tính chất, hướng tiến lên.

b. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam?

Câu 2: (4 điểm)

Có đúng hay không khi cho rằng kẻ tội phạm châm ngòi cho Chiến tranh thế giới thứ hai là chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật nhưng các nước Anh, Pháp, Mĩ cũng phải chịu trách nhiệm một phần về sự bùng nổ của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 3: (4 điểm)

Nêu hoàn cảnh lịch sử và những đề nghị cải cách ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX. Tại sao những đề nghị cải cách trên đều không thực hiện được?

Câu 4: (4 điểm)

Trình bày các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương. Bằng kiến thức lịch sử đã học, em hãy chứng minh rằng Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

Câu 5: (4 điểm)

Vì sao nảy sinh khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX? Nêu sự giống và khác nhau giữa hai khuynh hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX.

ĐỀ THI NĂM 2013**A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI****Câu 1: (4 điểm)**

a. Hoàn thành bảng thống kê các sự kiện quan trọng của Nga – Liên Xô từ 1917 – 1941 theo mẫu sau:

Thời gian	Nội dung	Kết quả
2/1917		
10/1917		
1918 – 1920		
1921 – 1925		
1925 – 1941		

b. Nêu những thành tựu của Liên Xô trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941).

Câu 2: (4 điểm)

Trình bày ba chiến thắng lớn của Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). Ý nghĩa của từng chiến thắng đối với toàn cục cuộc chiến tranh.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM**Câu 3: (4 điểm)**

a. Lập bảng so sánh thái độ chống Pháp của triều đình nhà Nguyễn và thái độ của nhân dân Việt Nam (1858 – 1867) theo mẫu sau:

Sự kiện	Thái độ của triều đình nhà Nguyễn	Thái độ của nhân dân
Mặt trận Đà Nẵng năm 1858		
Chiến sự ở Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1859 – 1862)		
Chiến sự ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867)		

b. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ có điểm gì mới?

Câu 4: (4 điểm)

Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913):

a. Tóm lược các giai đoạn phát triển của Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913).

b. So sánh điểm khác nhau cơ bản giữa Khởi nghĩa Yên Thế với phong trào Cần vương. (lập bảng so sánh: thời gian, mục đích, lãnh đạo, lực lượng tham gia)

Câu 5: (4 điểm)

a. Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước trong hoàn cảnh nào?

b. Trình bày những hoạt động của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 – 1917.

c. Những hoạt động đầu tiên của Người có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam?

B. ĐÁP ÁN

ĐỀ THI NĂM 2007

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

I. Chọn đáp án đúng nhất cho các câu trắc nghiệm sau: (2 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
D	D	B	C	D	B	C	D

II. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau: (1 điểm)

1	2	3	4
S	Đ	Đ	S

III. Có 3 cột ghi nhân vật, sự kiện và địa danh. Hãy sắp xếp theo từng nhóm có liên quan với nhau. (1 điểm)

A. Nhân vật	B. Sự kiện	C. Địa danh
1. Phan Đình Phùng	Khởi nghĩa Hương Khê	Hà Tĩnh
2. Đinh Công Tráng	Khởi nghĩa Ba Đình	Thanh Hoá
3. Nguyễn Thiện Thuật	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Hưng Yên
4. Hoàng Hoa Thám	Khởi nghĩa Yên Thế	Bắc Giang

B. PHẦN TỰ LUẬN (16 điểm)

Câu 1: (4 điểm)

a. Năm 1917, nước Nga có đến hai cuộc cách mạng:

Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười diễn ra vì có đầy đủ những tiền đề khách quan và chủ quan:

– Sau cải cách nông nô 1861, chủ nghĩa tư bản (CNTB) phát triển mạnh mẽ ở Nga, và từ đầu thế kỉ XX thì nước Nga đã chuyển lên chủ nghĩa đế quốc (CNDQ). Quá trình tập trung sản xuất, tập trung tư bản diễn ra mạnh, hình thành những công ti độc quyền. Tư bản tài chính

cũng ra đời. CNĐQ đã tạo ra những tiền đề kinh tế và chính trị cho cách mạng bùng nổ. (0,25đ)

– Việc Nga hoàng đưa nước Nga tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho nước Nga trở thành nơi tập trung cao độ những mâu thuẫn của CNĐQ: (0,5đ)

+ Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Nga với chế độ Nga hoàng.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản.

+ Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

+ Mâu thuẫn giữa đế quốc Nga với các đế quốc khác.

– Năm 1917, Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đẩy chế độ chuyên chế Nga hoàng đến bờ vực của sự sụp đổ. Kinh tế bị tàn phá, suy sụp. Nạn đói xảy ra trầm trọng. Chính quyền Nga hoàng thối nát và bất lực. Các tầng lớp nhân dân lao động không thể sống như trước được nữa. Nước Nga trở thành khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa mà cách mạng có thể chọc thủng. (0,5đ)

– Nhân tố quyết định là giai cấp vô sản Nga đã trưởng thành và đủ sức làm cách mạng; đã có một đảng cách mạng chân chính (Đảng Bôn-sê-vích), đứng đầu là Lênin, từng được diễn tập qua cuộc cách mạng 1905 – 1907. (0,25đ)

– Các cuộc cách mạng ở Nga trong năm 1917 đã được chuẩn bị đầy đủ về mặt tư tưởng, lí luận: (0,25đ)

+ Khi giai cấp tư sản thoả hiệp với chế độ chuyên chế, không dám làm cách mạng tư sản, Lênin chỉ rõ giai cấp vô sản Nga phải tiến hành cách mạng dân chủ tư sản, lật đổ chế độ Nga hoàng để sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN). (0,25đ)

+ Lợi dụng tình hình chiến tranh thế giới, Lênin đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng". (0,25đ)

+ Sau khi Cách mạng dân chủ tư sản (DCTS) tháng Hai thắng lợi, Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã có đường lối, sách lược đúng đắn, kịp thời để đưa đến thắng lợi của Cách mạng XHCN tháng Mười. (0,25đ)

– Với Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc bận tham chiến, không kịp can thiệp vào nước Nga, đây là nhân tố khách quan thuận lợi. (0,25đ)

b. Giành chính quyền bằng con đường hoà bình:

– Sau Cách mạng tháng Hai, nước Nga xuất hiện tình hình hai chính quyền song song tồn tại: Chính phủ tư sản lâm thời và các Xô viết đại biểu công nhân binh lính, đứng đầu là Xô viết Pêtrôgrat. (0,25đ)

– Lênin đưa ra Luận cương tháng tư, chỉ rõ nhiệm vụ là phải chuyển cách mạng DCTS sang cách mạng XHCN, chủ trương "tuyệt đối không ủng hộ Chính phủ lâm thời" và đưa ra khẩu hiệu "Tất cả chính quyền về tay các Xô viết". (0,25đ)

– Lúc này giai cấp tư sản chưa sử dụng bạo lực chống lại cách mạng; vũ khí ở trong tay nhân dân, sức mạnh ở về phía quần chúng; và Đảng Bônêvích hoạt động công khai nên có thể giành chính quyền bằng con đường hoà bình. Tuy nhiên đây là điều kiện quý và hiếm nên Lênin cũng chủ trương phải chuẩn bị lực lượng vũ trang để khi cần thiết thì khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. (0,25đ)

– Giành chính quyền bằng con đường hoà bình trước hết là đấu tranh chính trị, bãi công, biểu tình, tuần hành,... gây sức ép, từng bước vạch mặt bọn Mensêvích và xã hội cách mạng, vạch mặt Chính phủ lâm thời, đòi Chính phủ thực hiện: "hoà bình, ruộng đất, bánh mì", làm cho Chính phủ lâm thời khủng hoảng, phải từ chức, chuyển giao "Tất cả chính quyền về tay các Xô viết". (0,25đ)

– Bước thứ hai là đấu tranh trong nội bộ các Xô viết, bãi miễn bọn Mensêvích, đưa những người Bônêvích lên nắm các Xô viết. Như thế, hoàn thành giành chính quyền bằng con đường hoà bình, không đổ máu. (0,25đ)

Câu 2: (4 điểm)

*** Hoàn cảnh, diễn biến, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê.**

a. Hoàn cảnh: (0,5 điểm)

– Từ năm 1883 – 1885, phái chủ chiến trong triều đình do Tôn Thất Thuyết đứng đầu tích cực chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp.

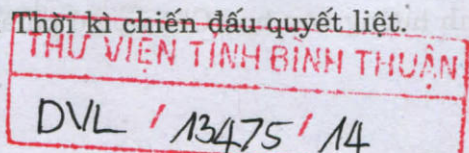
– Năm 1885, sau vụ tấn công toà Khâm sứ Pháp thất bại, Tôn Thất Thuyết mượn danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi nhân dân vì Vua chống Pháp, nhân dân các nơi hưởng ứng sôi nổi.

b. Diễn biến: (1 điểm)

– Lãnh tụ khởi nghĩa là Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

+ Giai đoạn 1: 1885 – 1888: Thời kì chuẩn bị, xây dựng lực lượng. Phan Đình Phùng ra Bắc liên kết lực lượng, Cao Thắng xây dựng căn cứ, chế tạo súng.

+ Giai đoạn 2: 1889 – 1896: Thời kì chiến đấu quyết liệt.



- Địa bàn hoạt động: Từ Hương Sơn, Hương Khê (Hà Tĩnh) lan ra Thanh Hoá, Nghệ An... có tổ chức chặt chẽ.

- Từ năm 1889 - 1892: Nghĩa quân thắng nhiều trận càn.

- Từ năm 1892, Pháp càn quét liên miên; năm 1893, Cao Thắng hi sinh làm lực lượng nghĩa quân yếu dần.

- Tháng 12 - 1895, Phan Đình Phùng hi sinh, khởi nghĩa tan rã.

- Khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất của phong trào Cần vương, đã huy động được sự ủng hộ của nhân dân.

c. Nguyên nhân thất bại: (1 điểm)

- Nghĩa quân chưa liên kết, tập hợp lực lượng trên quy mô lớn để phát triển thành phong trào toàn quốc.

- Còn bị hạn chế vì khẩu hiệu chiến đấu.

- Bị chi phối bởi tư tưởng phong kiến, so sánh lực lượng ta và địch chênh lệch.

d. Ý nghĩa: (0,5 điểm)

- Có vị trí rất to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Để lại nhiều tấm gương và bài học kinh nghiệm quý báu.

*** Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa điển hình trong phong trào Cần vương. (1 điểm)**

- Thời gian tồn tại: 10 năm.

- Quy mô rộng lớn: 4 tỉnh.

- Tính chất ác liệt, chiến đấu chống Pháp và phong kiến tay sai.

- Lực lượng cách mạng đông đảo: người Kinh, người dân tộc thiểu số, người Lào, bước đầu có liên lạc với các cuộc khởi nghĩa khác.

Câu 3: (4 điểm)

a. Giới thiệu về sự hình thành và phát triển Văn minh Đại Việt: (0,5 điểm)

- Văn minh Đại Việt được hình thành song song với quá trình hình thành và phát triển của quốc gia Đại Việt (từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII).

- Văn minh Đại Việt được hình thành dựa trên cơ sở:

+ Văn minh Văn Lang - Âu Lạc của người Việt cổ được phục hưng và phát triển.

+ Ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc ở phương Bắc.

+ Ảnh hưởng văn hoá Chăm-pa ở phía Nam.

b. Căn cứ vào các thành tựu văn hoá của Văn minh Đại Việt để khẳng định nền Văn minh Đại Việt được hình thành dựa trên 3 cơ sở nêu trên:

- Thành tựu văn hoá kinh tế - vật chất: (0,5đ)

+ Về cơ bản giống người Việt cổ, không có sự chuyển biến về chất. Kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, ăn - ở - mặc - đi lại vẫn đậm bạc giản dị,...

+ Nhưng phát triển với quy mô lớn hơn, trình độ kĩ thuật cao hơn. Kĩ thuật đồ sắt đã phổ biến, các ngành nghề thủ công và hoạt động buôn bán khá nhộn nhịp.

- Thành tựu văn hoá - xã hội: (0,5đ)

Thiết chế nhà nước quân chủ chuyên chế, phong kiến quan liêu vẫn tồn tại, bao trùm lên một hệ thống cộng đồng các làng xã cổ truyền. Nhưng phát triển quy củ và hoàn chỉnh hơn từ trung ương đến địa phương.

Vi dụ: Sau vua, đứng đầu quan văn là Thừa tướng, đứng đầu quan võ là Thái úy.

- Thành tựu văn hoá - tinh thần:

+ *Văn hoá Phật giáo:* Với các kiến trúc - điêu khắc: chùa tháp, tượng, đúc đồng, khắc in kinh sách Phật. Để lại nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng: chùa Diên Hựu, tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền,... (0,25đ)

+ *Văn hoá Nho giáo:* Với dòng văn học chữ Hán, các công trình thành quách, cung điện. Các thành tựu tiêu biểu: Văn Miếu - Quốc Tử Giám, các tác phẩm văn học như bài thơ thần tương truyền của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn. Dựa trên chữ Hán sáng tạo ra chữ Nôm. (0,25đ)

+ *Văn hoá dân gian:* Với nền văn học truyền miệng, các trò chơi ca hát, rối nước, đá cầu,... Đồ chạm khắc với nhiều kiểu hoa văn trang trí, đường nét mềm mại, độc đáo,... (0,25đ)

c. Đặc điểm của Văn minh Đại Việt: (0,5đ)

- Thể hiện một nền văn hoá phát triển rực rỡ, phong phú, độc đáo.
- Gắn liền với cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Mang đậm tính dân tộc và dân gian.

d. Vị trí Văn minh Đại Việt: (0,5đ)

– Nếu như Văn minh Văn Lang – Âu Lạc phác hoạ và định hình bản sắc truyền thống dân tộc, thì Văn minh Đại Việt có vị trí kiện toàn, phát triển bản sắc truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên tâm hồn và tính cách Việt.

e. Xu hướng chuyển hoá: (0,25đ)

– Thời Lý – Trần, các dòng văn hoá: Phật giáo, Nho giáo, dân gian phát triển đan xen nhau, hoà nhập vào nhau. Chất kết dính gắn bó ba dòng văn hoá đó là ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước.

– Thời gian sau (thời Lê), cùng với sự phân hoá đẳng cấp xã hội, Nho giáo lấn át Phật giáo, trở thành chính thống độc tôn nơi cung đình. Dòng văn hoá cung đình ngày càng xơ cứng, khô cứng, kìm hãm tư tưởng và óc sáng tạo của các tác giả. Do đó văn hoá dân gian tách rời văn hoá cung đình và đi vào môi trường xóm làng – dân gian,...

Câu 4: (4 điểm)

1. Vai trò

a. Thực hiện nhiệm vụ lịch sử kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân Nga, thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga (1903). (0,25đ)

b. Đề ra lí luận cách mạng: (0,25 điểm)

– Phát triển lí luận của chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa đế quốc:

Mác nói: “Chủ nghĩa đế quốc là đèm trước của cách mạng vô sản”.

Lênin phát triển: “Trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc, do sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí là một nước riêng lẻ của chủ nghĩa đế quốc” hay “Cách mạng vô sản sẽ nổ ra và thành công ở khâu yếu nhất trong chuỗi các nước đế quốc và khâu yếu nhất đó là nước Nga”...

– Năm 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Nga hoàng tham gia chiến tranh đế quốc, nước Nga lâm vào khủng hoảng mọi mặt, Lênin đề ra khẩu hiệu “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”. (0,5đ)

c. Đề ra đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn và sáng tạo:

– Đường lối chiến lược: (0,75 điểm)

Trong Luận cương cách mạng (4/1905):

Nhiệm vụ của giai cấp vô sản Nga: Lãnh đạo cách mạng dân chủ tư sản, thực hiện liên minh công nông, đánh đổ sự thống trị của Nga hoàng, sau đó tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– *Đường lối sách lược: (0,5 điểm)*

Sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, nước Nga xuất hiện tình trạng hai chính quyền song song tồn tại:

+ Chính quyền của giai cấp tư sản (Chính phủ lâm thời);

+ Chính quyền của công nhân và binh lính (Chính quyền Xô viết).

⇒ Lênin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương chuyển cách mạng DCTS sang cách mạng XHCN, chuyển chính quyền từ tay giai cấp tư sản sang giai cấp vô sản.

– Từ tháng 2 – 7/1917, điều kiện cho phép, chủ trương đấu tranh bằng phương pháp hoà bình để tránh đổ máu cho nhân dân.

– Từ tháng 7 – 10/1917, điều kiện đấu tranh hoà bình không còn nữa, nhanh chóng chuyển sang đấu tranh vũ trang, giành chính quyền về tay Xô viết.

– Tháng 11/1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, 14 nước đế quốc bao vây nước Nga, Lênin đề ra chính sách “Cộng sản thời chiến”.

d. Chỉ đạo phong trào công nhân và cách mạng Nga kịp thời, sáng suốt: (0,5 điểm)

– *Chỉ đạo các hoạt động của quần chúng:*

+ Tháng 2/1917, hướng dẫn phong trào bãi công của công nhân thành tổng bãi công và chuyển sang khởi nghĩa vũ trang.

+ Tháng 4/1917, khi Chính phủ lâm thời gửi công hàm cho Đồng minh cam kết sẽ tiếp tục chiến tranh, lãnh đạo quần chúng xuống đường đấu tranh đòi: “Hoà bình, ruộng đất, bánh mì...”.

+ Tháng 7/1917, nghe tin quân Nga liên tiếp thất bại ở ngoài mặt trận, quần chúng Pê-tơ-rô-grat phản nộ, lãnh đạo quần chúng xuống đường đấu tranh với tính chất hoà bình,...

+ Chớp thời cơ tiến hành khởi nghĩa ngày 24/10/1917.

– *Nắm vững quy luật bạo lực cách mạng, đề ra phương pháp đấu tranh phù hợp: (0,5đ)*

+ Kết hợp đấu tranh chính trị (mít tinh, biểu tình,...) với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa vũ trang.

+ Giành chính quyền từng bước: giành chính quyền ở thủ đô trước, sau đó giành chính quyền trong cả nước,...

– *Đưa ra khẩu hiệu kịp thời, phù hợp:*

+ Sau Cách mạng tháng Hai năm 1917: “Tất cả chính quyền về tay Xô viết”, “Tuyệt đối không ủng hộ Chính phủ lâm thời”.

+ Tháng 11/1918: Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc 14 đế quốc bao vây nước Nga: “Tổ quốc lâm nguy, tất cả cho tiền tuyến”,...

e. Trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa Pêtorôgrat: (0,25 điểm)

Tối 24/10/1917, Người đến Viện Xônúi trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở thủ đô Pêtorôgrat.

2. Kết luận (0,25 điểm)

Lênin có vai trò rất quan trọng, có tính chất quyết định đối với những thắng lợi của phong trào công nhân và cách mạng Nga đầu thế kỉ XX.

ĐỀ THI NĂM 2008

Câu 1: (4 điểm)

**** Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu: (1,5 điểm)***

– Phan Bội Châu (1867 – 1940) là sĩ phu nổi tiếng của đất Nghệ An và là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỉ XX. (0,25đ)

– *Chủ trương:* Vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ của bên ngoài, trước hết là Nhật Bản để tiến hành bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị tiến bộ vì dân. Cứu nước để cứu dân, giải phóng dân tộc. (0,25đ)

– *Hoạt động*

+ Năm 1904, Phan Bội Châu cùng với một số sĩ phu yêu nước khác thành lập Hội Duy tân nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam. (0,25đ)

+ Năm 1904, tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh thiếu niên sang học tập ở Nhật Bản để chuẩn bị lực lượng chống Pháp. (0,25đ)

+ Năm 1912, thành lập Việt Nam Quang phục hội, với mục đích: Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam. (0,25đ)

+ Ngoài ra, Phan Bội Châu còn viết nhiều sách, báo như: *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải ngoại huyết thư*... phục vụ đắc lực cho hoạt động cứu nước. (0,25đ)

*** Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh (1,5 điểm)**

– Phan Châu Trinh (1872 – 1926) là nhà khoa bảng đất Quảng Nam. Ông là người tiêu biểu cho xu hướng canh tân cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. (0,25đ)

– *Chủ trương*: Đấu tranh ôn hoà công khai, giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội, phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, nâng cao dân trí, dân quyền, đòi Pháp thay đổi chính sách cai trị, đề cao phương châm “tự lực khai hoá”, tuyên truyền tư tưởng dân quyền. Cứu dân để cứu nước, cải cách dân chủ. (0,5đ)

– *Hoạt động*:

+ Bôn ba nhiều nước, tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, phê phán thuộc địa, vua quan, vận động Duy tân. Tư tưởng của Phan Châu Trinh có ảnh hưởng lớn đến các phong trào: Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội (1907), phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908) và đặc biệt là phong trào Duy tân. (0,25đ)

+ Từ năm 1906 – 1908, Phan Châu Trinh cùng với Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế... đã khởi xướng phong trào Duy tân ở Trung Kỳ: thành lập các trường học, cải cách chương trình học, tuyên truyền mở mang công thương nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, đả phá phong tục lạc hậu, thực hiện đời sống mới. (0,25đ)

+ Ngoài ra, ông còn viết nhiều sách, báo như: *Thư gửi toàn quyền Beau*, *Tỉnh quốc hồn ca*,... để tuyên truyền tư tưởng canh tân. (0,25đ)

*** Nhận xét (1 điểm)**

– Đường lối cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh vừa có điểm giống nhau – đồng nhất ở khái niệm nước với dân, nhất trí ở mục tiêu cách mạng là đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến để giành độc lập, canh tân toàn diện để đưa xã hội phát triển đi lên; vừa có điểm khác nhau – Phan Bội Châu nhấn mạnh vấn đề cứu nước để

cứu dân, giải phóng dân tộc, còn Phan Châu Trinh nhấn mạnh việc cứu dân để cứu nước, cải cách dân chủ. (0,25đ)

– Hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh không đối lập nhau mà hỗ trợ cho nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. (0,25đ)

– Xu hướng cứu nước của hai ông còn có nhiều hạn chế: không nhận thức đúng bản chất của kẻ thù, không đề ra được con đường cứu nước đúng đắn, hạn chế về thời đại, điều kiện giai cấp,... nên đường lối và hoạt động cứu nước của hai ông chưa đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. (0,25đ)

– Sự thất bại của hai ông đã đặt ra yêu cầu cho lịch sử Việt Nam là: phải giải quyết các mâu thuẫn của cách mạng Việt Nam, tập hợp các tầng lớp nhân dân đánh đuổi thực dân Pháp, cải cách xã hội, phải có những phương pháp cách mạng mới phù hợp với cách mạng Việt Nam và xu thế của thế giới, phải có một giai cấp tiên tiến và có đảng chân chính lãnh đạo. (0,25đ)

Câu 2: (4 điểm)

*** Nguyên nhân (0,5 điểm)**

– Mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân Trung Quốc với chế độ phong kiến Mãn Thanh và đế quốc xâm lược. (0,25đ)

– Chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh quốc hữu hoá đường sắt, bán rẻ quyền lợi dân tộc cho đế quốc. (0,25đ)

*** Diễn biến: (2 điểm)**

– 9/5/1911, phong trào bảo vệ đường sắt bùng nổ, châm ngòi cho cách mạng. (0,25đ)

– 10/10/1911, khởi nghĩa ở Vũ Xương thắng lợi. (0,5đ)

– 29/12/1911, Quốc dân đại hội ở Nam Kinh, thành lập Trung Hoa Dân quốc, Tôn Trung Sơn được bầu làm Đại Tổng thống lâm thời. (0,5đ)

– 12/2/1912, Hoàng đế Phổ Nghi từ ngôi, nền quân chủ Mãn Thanh sụp đổ. (0,25đ)

– 2/1912, Tôn Trung Sơn từ chức Đại Tổng thống lâm thời. Quyền Tổng thống thuộc về Viên Thế Khải. Cách mạng Tân Hợi chấm dứt. (0,5đ)

*** Ý nghĩa: (1 điểm)**

– lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền cộng hoà. (0,5đ)

- Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. (0,25đ)
- Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á. (0,25đ)

*** Cách mạng Tân Hợi là cuộc cách mạng tư sản không triệt để vì (0,5 điểm)**

- Không thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến, không chia ruộng đất cho dân cày. (0,25đ)
- Không xoá bỏ ách nô dịch của nước ngoài. (0,25đ)

Câu 3: (4 điểm)

– Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô giữ vai trò đi đầu và là một lực lượng chủ chốt góp phần quyết định thắng lợi. (0,5đ)

– Trước nguy cơ bá chủ của chủ nghĩa phát xít Đức và hàng loạt nước đã rơi vào tay phát xít, nhân dân Liên Xô đã kiên cường chống lại sự tấn công như vũ bão của phát xít, bảo vệ Tổ quốc và giúp đỡ các dân tộc khác chống lại chủ nghĩa phát xít. (0,25đ)

– *Tại mặt trận Xô – Đức:*

+ Ngày 6/12/1941, Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công ở Mátxcova. Với khẩu hiệu “Chúng ta quyết không lùi, vì đằng sau là Mátxcova”, Hồng quân Liên Xô đã đánh bại kế hoạch “Chiến tranh chớp nhoáng” của Hitle. (0,5đ)

+ Ngày 2/2/1943, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức ở Xtalingrat. Chiến thắng này đã làm thay đổi cục diện chiến tranh thế giới – phe Đồng minh chuyển sang phản công và phe phát xít chuyển sang phòng ngự, báo hiệu sự thất bại của phe phát xít. (0,5đ)

+ Từ sau chiến thắng Xtalingrat, Hồng quân Liên Xô đã liên tiếp mở những cuộc phản công tiêu diệt chủ nghĩa phát xít trên khắp các mặt trận. Năm 1944, sau khi giải phóng hoàn toàn Tổ quốc, trên đường truy kích bọn phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô đã tiến qua lãnh thổ các nước Đông Âu, phối hợp và giúp đỡ nhân dân các nước Ba Lan, Rumani, Nam Tư, Tiệp Khắc,... lật đổ nền thống trị của phát xít, giải phóng đất nước. (0,5đ)

+ Ngày 16/4/1945, Liên Xô tấn công vào sào huyệt cuối cùng của Hitle ở Beclin. Ngày 2/5/1945, phát xít Đức đầu hàng. (0,5đ)

– Tại mặt trận Thái Bình Dương:

Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật, buộc phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện. Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. (0,5đ)

– Trong cuộc chiến tranh này, nhân dân Liên Xô phải gánh chịu những hi sinh và tổn thất vô cùng to lớn: trên 27 triệu người chết, 1.710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị thiêu huỷ, 3.200 xí nghiệp bị tàn phá,... (0,5đ)

– Như vậy, Liên Xô có vai trò rất quan trọng trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền hoà bình của thế giới. (0,25đ)

Câu 4: (4 điểm)

Nội dung	Phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	– Triều đình Huế đã kí Hiệp ước Hác măng (1883) và Patơnot (1884), công nhận sự thống trị của Pháp ở Việt Nam. (0,25đ) – Cuộc phản công của phái chủ chiến ở Huế thất bại. Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương, mở đầu phong trào đấu tranh mới. (0,25đ)	– Ảnh hưởng của những trào lưu tiến bộ trên thế giới: tư tưởng Cách mạng Pháp, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, cải cách Minh Trị ở Nhật Bản,... Tầng lớp sĩ phu có sự chuyển biến về tư tưởng. (0,25đ) – Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam. Xã hội Việt Nam có sự phân hoá: các giai cấp, tầng lớp mới ra đời – giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản, tư sản. (0,25đ)
Mục tiêu đấu tranh	Chống Pháp và lập lại chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế. (0,25đ)	Chống Pháp và hướng đến xây dựng một nền cộng hoà, một nước Việt Nam độc lập. (0,25đ)

Hình thức đấu tranh	Chủ yếu là khởi nghĩa vũ tranh để đánh đuổi Pháp giành độc lập dân tộc. (0,25đ)	Nhiều hình thức phong phú: phong trào Duy tân, Đông du, Đông Kinh nghĩa thục,... (0,25đ)
Lực lượng tham gia	Quan lại phong kiến, sĩ phu và nông dân. (0,25đ)	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, tư sản và tiểu tư sản. (0,25đ)
Kết quả và ý nghĩa	- Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại nhưng gây cho Pháp nhiều tổn thất. (0,25đ) - Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của nhân dân ta. (0,25đ) - Dọn đường cho những cuộc vận động cách mạng đầu thế kỉ XX. (0,25đ)	- Chưa thành công trọn vẹn nhưng có nhiều đóng góp vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. (0,25đ) - Khơi dậy tư tưởng dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. (0,25đ) - Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Mở ra con đường cứu nước mới ở Việt Nam. (0,25đ)

Câu 5: (4 điểm)

*** Nguyên nhân bùng nổ: (0,25 điểm)**

Tháng 6/1884, Pháp đưa quân bình định Yên Thế; để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân ở đây đã đứng lên đấu tranh chống Pháp.

*** Diễn biến: (2,5 điểm)**

- *Giai đoạn 1: 1884 – 1892.*

+ Hoạt động lẻ tẻ, chưa có sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất nhưng đã đẩy lùi được nhiều trận càn của Pháp. Tháng 4/1892, Đề Năm hi sinh, Đề Thám đứng ra tổ chức lại phong trào và trở thành thủ lĩnh của phong trào. (0,25đ)

+ Nghĩa quân đánh theo lối du kích, gây cho Pháp nhiều tổn thất. Pháp tìm mọi cách để mua chuộc, dụ dỗ, thậm chí là ám sát nhưng đều thất bại. (0,25đ)

- *Giai đoạn 2: 1893 – 1897.*

+ Nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều vùng ở Bắc Giang, Bắc Ninh và xây dựng căn cứ Hồ Chuối. Đề Thám bắt cóc Sétnay – chủ thầu khoán và chủ tờ báo Tương lai Bắc Kỳ. (0,25đ)

+ Tháng 10/1894, Pháp chủ động giảng hoà. Pháp phải trả một khoản tiền lớn để chuộc Set nay và rút quân khỏi Yên Thế. Nghĩa quân được cai quản 4 tổng: Nhã Nam, Mực Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng. Tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân vừa lo sản xuất, vừa củng cố lực lượng. (0,25đ)

+ Tháng 11/1895, Pháp tấn công trở lại. Nghĩa quân đánh phục kích, tiêu hao nhiều sinh lực địch, nhưng nghĩa quân cũng bị thiệt hại nhiều, buộc phải di chuyển nhiều nơi. (0,25 đ)

+ Tháng 12/1897, Pháp đồng ý đề nghị của Đề Thám giảng hoà lần thứ hai. (0,25đ)

– *Giai đoạn 3: 1898 – 1908.*

Đây là giai đoạn đình chiến. Nghĩa quân đẩy mạnh sản xuất vũ khí, luyện tập quân và mở rộng căn cứ. Pháp thiết lập đồn bốt, mở đường giao thông, chuẩn bị đánh đòn quyết định. (0,25đ)

– *Giai đoạn 4: 1909 – 1913.*

+ Pháp tấn công trở lại, quyết tiêu diệt bằng được nghĩa quân Yên Thế. Nghĩa quân chống trả quyết liệt gây cho địch nhiều tổn thất nhưng nghĩa quân cũng bị thiệt hại nhiều. (0,25đ)

+ Tháng 2/1913, Pháp đột nhập vào căn cứ, Đề Thám hi sinh. Cuộc khởi nghĩa Yên Thế chấm dứt. (0,25đ)

(*Nêu đúng thời gian 4 giai đoạn: 0,25đ*)

* **Đặc điểm: (1,25 điểm)**

– Khởi nghĩa Yên Thế là phong trào đấu tranh tự phát của nông dân. Trong quá trình tồn tại, nó đã kết hợp được yêu cầu độc lập dân tộc với nguyện vọng dân chủ. (0,25đ)

– Khởi nghĩa Yên Thế là phong trào đấu tranh lớn của nông dân trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. (0,25đ)

– Sự tồn tại bền bỉ, lâu dài (suốt 30 năm) của phong trào nói lên tiềm năng, ý chí và sức mạnh lớn lao của nông dân, sự độc đáo của chiến tranh du kích. Đồng thời phản ánh mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp. (0,25đ)

– Cuộc khởi nghĩa xuất phát từ mục đích bảo vệ xóm làng, bảo vệ cuộc sống của người dân nên nó vượt lên tất cả các cuộc khởi nghĩa khác về thời gian tồn tại. (0,25đ)

– Lãnh đạo nghĩa quân là các tướng lĩnh và những nghĩa quân trung kiên trưởng thành trong chiến đấu từ các nơi đổ về nên họ đã có bài học về thất bại và thành công, đặc biệt họ hầu hết là nông dân. (0,25đ)

ĐỀ THI NĂM 2009

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1: (4 điểm)

Nội dung	Điểm
* Ý nghĩa:	(3,0đ)
– Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với nước Nga và thế giới. Một kỉ nguyên mới đã mở ra làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu người ở Nga.	0,25đ
– Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi mọi gông xiềng nô lệ,...	0,5đ
– Lịch sử nước Nga đã sang trang, một chế độ xã hội mới được thiết lập với mục đích cao cả là xoá bỏ chế độ người bóc lột người...	0,25đ
– Cách mạng tháng Mười có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tiến trình lịch sử và cục diện thế giới.	0,25đ
– Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa tư bản, làm cho nó không còn là một hệ thống thế giới.	0,5đ
– Sự xuất hiện của nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới đã tạo ra một chế độ xã hội đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa.	0,25đ
– Cách mạng tháng Mười đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ ra cho họ con đường đi tới thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.	0,5đ
– Thực tiễn của Cách mạng tháng Mười không những đã thức tỉnh, cổ vũ ý chí đấu tranh mà còn mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.	0,5đ

* Ảnh hưởng:	(1,0đ)
– Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam theo Cách mạng tháng Mười...	0,75đ
– Sau Cách mạng tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) gắn bó với phong trào công nhân ở các nước tư bản...	0,25đ

Câu 2: (4 điểm)

* Nguyên nhân: (0,5đ)

– Sự phát triển kinh tế diễn ra không đều giữa các nước tư bản. (0,25đ)

– Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ nhưng thiếu kế hoạch, không tương xứng với sự cải thiện đời sống của đa số nhân dân. (0,25đ)

* Hậu quả: (1,5đ)

– Tàn phá nặng nề về kinh tế, gây ra những hậu quả nghiêm trọng về chính trị, xã hội. (0,25đ)

– Hàng chục triệu công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn. (0,25đ)

– Những cuộc đấu tranh, biểu tình tuần hành của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước. (0,25đ)

– Khủng hoảng kinh tế đã đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. (0,25đ)

– Đức, Italia, Nhật thiết lập chế độ độc tài phát xít → nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới. (0,5đ)

* Nước Mỹ giải quyết khủng hoảng kinh tế: (2đ)

– Năm 1932, Tổng thống Rudoven đã đề ra một hệ thống chính sách, biện pháp của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế – tài chính và chính trị – xã hội, được gọi chung là *chính sách mới*: (0,25đ)

+ Nhà nước đã can thiệp tích cực vào đời sống kinh tế. (0,25đ)

+ Thực hiện các biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp. (0,25đ)

+ Phục hồi sự phát triển kinh tế thông qua các đạo luật về ngân hàng, phục hưng công nghiệp; trong đó đạo luật phục hưng công

ng nghiệp là quan trọng nhất. Đạo luật này quy định việc tổ chức lại sản xuất công nghiệp theo những hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và hợp đồng tiêu thụ. (0,5đ)

– Nhà nước tăng cường vai trò của mình trong việc cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới, khôi phục sản xuất, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì chế độ dân chủ tư sản. (0,25đ)

– Về đối ngoại, Chính phủ Rudoven đề ra “chính sách láng giềng thân thiện”... (0,25đ)

– Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, Quốc hội Mĩ đã thông qua nhiều đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ (0.25đ).

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3: (4 điểm)

Thời gian	Sự kiện
1/9/1856	Pháp tấn công bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc xâm lược nước ta.
5/6/1862	Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.
Từ 20/6/1867 đến 24/6/1867	Thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.
Cuối năm 1873	Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất.
15/3/1874	Triều đình Huế kí với Pháp Điều ước Giáp Tuất.
Tháng 4/1882	Pháp nổ súng chiếm được thành Hà Nội lần thứ hai.
6/6/1884	Triều đình Huế kí với Pháp Điều ước Patơnốt.

Câu 4: (4 điểm)

Chứng minh câu nói của Nguyễn Trung Trực...

Khi bị Pháp bắt và đưa ra chém, Nguyễn Trung Trực khẳng khái nói: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” → Trước khi chết ông đã khẳng định tinh thần quyết tâm đánh Pháp đến cùng của nhân dân ta. Thực tế lịch sử truyền thống yêu nước của nhân dân ta đã chứng minh đúng như thế. (0,25đ)

- Mặt trận Đà Nẵng: (0,5đ)

Ngay từ khi liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng xâm lược Đà Nẵng, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu và thực hiện “vườn không nhà trống” gây cho địch nhiều khó khăn. Đốc học Phạm Văn Nghị đã đem 300 quân tình nguyện từ Bắc vào kinh đô Huế xin được lên đường giết giặc. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương làm tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam khi Pháp đánh Đà Nẵng...

- Mặt trận Gia Định: (1đ)

Khi Pháp đánh chiếm thành Gia Định, các đội nghĩa binh ngày đêm bám sát, tìm cách bao vây tiêu diệt địch buộc Pháp phải phá hủy thành, rút xuống chiến tàu. Nguyễn Tri Phương làm tổng chỉ huy mặt trận ở thành Gia Định...

- Miền Đông Nam Kỳ: (0,75đ)

Khi Pháp chiếm Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long, các toán nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiện Chánh, Lê Huy đã chiến đấu rất anh dũng và lập nhiều chiến công. Nguyễn Trung Trực chỉ huy nghĩa quân đánh chìm tàu Étpêrăng của giặc trên sông Vàm Cỏ. Sau khi triều đình Nguyễn kí Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, phong trào chống Pháp vẫn tiếp tục lên cao tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Trương Định (1862 – 1864). Một số sĩ phu yêu nước thể hiện thái độ bất hợp tác với Pháp bằng phong trào “tị địa”.

- Miền Tây Nam Kỳ: (0,5đ)

+ Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, một số nhà nho tìm đường ra Bình Thuận nhằm mưu cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Đấu tranh vũ trang như: Phan Tôn, Phan Liêm chỉ huy nghĩa quân hoạt động ở Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc,... nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, khởi nghĩa của Trương Quyền ở Tây Ninh.

+ Đấu tranh của các nho sĩ như: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Phan Văn Trị dùng ngòi bút của mình tố cáo quân cướp nước.

- Mặt trận Bắc Kỳ: (0,5đ)

+ 100 binh sĩ dưới sự chỉ huy của viên Chuông cơ đã chiến đấu anh dũng, hi sinh đến người cuối cùng.

+ Tổng đốc Nguyễn Tri Phương và con trai là Nguyễn Lâm đã anh dũng hi sinh khi bảo vệ thành Hà Nội, Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết khi Pháp đánh Hà Nội lần thứ hai.

+ Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ chiến đấu kiên cường, phục kích tiêu diệt địch làm nên hai lần chiến thắng Cầu Giấy (1873 và 1883).

- Khi triều đình đầu hàng: (0,25đ)

Phong trào Cần vương bùng nổ với nhiều cuộc khởi nghĩa như: Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê, Bãi Sậy, phong trào nông dân Yên Thế, phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số,...

- Ý nghĩa: (0,25đ)

+ Thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí chiến đấu bất khuất của nhân dân ta.

+ Để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn sau.

Câu 5: (4 điểm)

*** Hoàn cảnh: (1đ)**

- Hiệp ước Hác-măng (1883) và Patơnot (1884) đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến, đại diện là Tôn Thất Thuyết, vẫn nuôi hi vọng khôi phục lại chủ quyền. (0,25đ)

- Hành động của phái chủ chiến khiến thực dân Pháp lo lắng. Chúng định dùng áp lực loại bỏ phái chủ chiến. (0,25đ)

- Trước sự uy hiếp của kẻ thù, Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến đã quyết định nổ súng để giành thế chủ động. (0,25đ)

- Cuộc phản công kinh thành Huế đêm mừng 4 rạng mừng 5 tháng 4 năm 1885 thất bại. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), mượn lời Hàm Nghi, hạ chiếu Cần vương, kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước. (0,25đ)

*** Tóm lược các giai đoạn phát triển: (3đ)**

Phong trào Cần vương nổ ra từ giữa năm 1885 và kéo dài đến năm 1896 tuy với danh nghĩa Cần vương, nhưng thực chất là một phong trào yêu nước, chống xâm lược của nhân dân ta. (0,25đ)

Lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa Cần vương là các văn thân, sĩ phu có chung nỗi đau mất nước với quần chúng nhân dân lao động, tự nguyện đứng về phía nhân dân yêu nước. Phong trào chia làm 2 giai đoạn: (0,25đ)

– *Giai đoạn 1: từ năm 1885 đến tháng 11/1888:*

+ Ngay sau khi chiếu Cần vương phát ra, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã sôi nổi hưởng ứng. Họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ. (0,5đ)

+ Đặc điểm nổi bật của phong trào trong giai đoạn này là còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của triều đình kháng chiến, đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết. (0,25đ)

+ Trước khó khăn, tháng 12/1886 Tôn Thất Thuyết đã sang Trung Quốc cầu viện. Cuối năm 1888, do có sự chỉ điểm của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi bị rơi vào tay giặc. (0,25đ)

– *Giai đoạn 2: từ cuối năm 1888 – 1896:*

+ Sự kiện vua Hàm Nghi bị bắt đã ít nhiều gây ra tâm lí hoang mang trong một bộ phận sĩ phu, văn thân yêu nước. (0,25đ)

+ Nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động từ vùng đồng bằng lên vùng trung du, rừng núi, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn,... (0,25đ)

+ Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê. (0,5đ)

+ Phong trào trong giai đoạn này vẫn không khắc phục được tình trạng-lẻ tẻ, địa phương, thiếu liên kết và thiếu sự chỉ đạo thống nhất. Thêm vào đó, Pháp đã ổn định được nền thống trị và triều đình nhà Nguyễn bị biến thành tay sai... đã khiến các cuộc khởi nghĩa lần lượt bị thất bại... năm 1896, phong trào Cần vương coi như kết thúc. (0,5đ)

ĐỀ THI NĂM 2010

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1: (4 điểm)

Sự chỉ đạo của Lênin trong Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và trong cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền Xô viết:

Lênin có vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo Cách mạng tháng Mười đi đến thành công và giữ vững chính quyền Xô viết trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1917-1920) (0,25đ)

*** Trong Cách mạng tháng Mười: (2đ)**

– Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 thành công, chế độ chuyên chế Nga hoàng bị lật đổ, xuất hiện cục diện 2 chính quyền song song tồn tại. Trước tình hình đó, Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng nhằm lật đổ chính phủ tư sản lâm thời. (0,75đ)

– Trải qua 8 tháng đấu tranh hoà bình, Đảng Bôn-sê-vích và Lênin quyết định chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. (0,25đ)

– Ngày 7/10/1917 Lênin từ Phần Lan trở về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo cách mạng (0,25đ)

– Ngày 25/10/1917, Chính phủ lâm thời tư sản sụp đổ, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi. (0,25đ)

*** Xây dựng chính quyền Xô viết: (1,25đ)**

– Đêm ngày 25/10, tại Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, với vai trò là người lãnh đạo cao nhất trong chính quyền Xô viết, Lênin quyết định đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới. (0,5đ)

– Thông qua Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất. Thủ tiêu những tàn tích của chế độ phong kiến, xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp, nam nữ bình quyền, các dân tộc bình đẳng. Hồng quân công nông được thành lập. (0,5đ)

– Tiến hành quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản, thành lập hội đồng kinh tế quốc dân tối cao. (0,25đ)

*** Bảo vệ chính quyền Xô viết: (1,0đ)**

– Cuối năm 1918, 14 nước đế quốc đã cấu kết với bọn phản cách mạng tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết. (0,25đ)

– Để huy động sức mạnh của toàn dân chống thù trong giặc ngoài, Lênin thực hiện *Chính sách cộng sản thời chiến*. (0,5đ)

– Nhờ vào *Chính sách cộng sản thời chiến* đã đập tan mọi âm mưu của kẻ thù trong và ngoài nước, chính quyền Xô viết được bảo vệ và giữ vững. (0,25đ)

Câu 2: (4 điểm)

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945):

a) Hoàn thành nội dung bảng thống kê: (2đ)

Thời gian	Sự kiện
Từ 9/1939 đến 4/1940	Anh, Pháp dàn trận nhưng không tấn công Đức (Chiến tranh kì quặc). (0,25đ)
22/6/1940	Đức tấn công Pháp, Pháp đầu hàng. (0,25đ)
22/6/1941	Không tuyên chiến, Đức bất ngờ tấn công Liên Xô. (0,25đ)
7/12/1941	Nhật Bản bất ngờ tấn công Mĩ tại Trân Châu Cảng, chiến tranh lan rộng khắp thế giới. (0,25đ)
1/1/1942	Khối Đồng minh chống phát xít hình thành và ra bản: “Tuyên ngôn Liên hợp quốc”. (0,25đ)
Từ 11/1942 đến 2/1943	Chiến thắng Xtalingrat. (0,25đ)
6/1944	Anh, Mĩ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu. (0,25đ)
9/5/1945	Phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. (0,25đ)

b) Kết cục của chiến tranh: (1,25đ)

– Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của các nước phát xít Đức, Italia và Nhật Bản. (0,25đ)

– Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc chiến đấu ấy, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. (0,5đ)

– Hậu quả của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại. Hơn 70 quốc gia với 1,7 tỉ người bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế. (0,25đ)

– Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới. (0,25đ)

c) Tính chất của cuộc chiến tranh: (0,75đ)

– Trước khi Liên Xô tham chiến (từ 1/9/1939 đến trước 22/6/1941): chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa. (0,5đ)

– Sau khi Liên Xô tham chiến: chiến tranh chính nghĩa bảo vệ Tổ quốc chống phát xít. (0,25đ)

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3: (4 điểm)

<i>Nội dung</i>	<i>Phong trào Cần vương</i>	<i>Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX</i>
<i>Bối cảnh lịch sử (1,0đ)</i>	– Sau Hiệp ước Patơnốt (1884), thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ Việt Nam. (0,25đ) – Cuộc phản công tháng 7/1885 thất bại, vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần vương. (0,25đ)	– Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, kinh tế – xã hội nước ta có nhiều chuyển biến. (0,25đ) – Tác động của những trào lưu tư tưởng tiến bộ thế giới... (0,25đ)
<i>Mục tiêu đấu tranh (0,5đ)</i>	Giúp vua cứu nước. Khôi phục vương triều phong kiến. (0,25đ)	Chống Pháp, giành độc lập, dân chủ. (0,25đ)
<i>Hình thức đấu tranh (0,5đ)</i>	Khởi nghĩa vũ trang. (0,25đ)	Bạo động vũ trang, cải cách xã hội, duy tân đất nước. (0,25đ)
<i>Tầng lớp lãnh đạo (0,5đ)</i>	Quan lại, sĩ phu, văn thân yêu nước. (0,25đ)	Các sĩ phu tiến bộ theo khuynh hướng dân chủ tư sản. (0,25đ)
<i>Lực lượng tham gia (0,5đ)</i>	Sĩ phu, nông dân. (0,25đ)	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, trí thức tiểu tư sản. (0,25đ)

<i>Phong trào tiêu biểu (0,5đ)</i>	Khởi nghĩa Bãi Sây, Ba Đình, Hương Khê... (0,25đ)	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thực. (0,25đ)
<i>Kết quả, ý nghĩa. (0,5đ)</i>	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của dân tộc. – Là nguồn cổ vũ tinh thần cho những cuộc vận động cách mạng sau này. (0,25đ)	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, cổ vũ tinh thần. – Để lại bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng về sau. (0,25đ)

Câu 4: (4 điểm)

*** Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào nông dân Yên Thế từ năm 1884 đến năm 1913:**

Giai đoạn từ năm 1884 đến năm 1892:

Ở Yên Thế có hàng chục toán quân chống Pháp hoạt động riêng lẻ, nhiều thủ lĩnh chỉ huy khác nhau. Thủ lĩnh có uy tín nhất là Đề Năm đã lãnh đạo nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của quân Pháp ở Cao Thượng, Hồ Chuối,... Tháng 4/1892, Đề Năm bị sát hại. (0,5đ)

Giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1897:

– Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) trở thành thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa. (0,25đ)

– Đây là thời kì hoà hoãn lần thứ nhất giữa nghĩa quân với thực dân Pháp, nhằm tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng. Nhưng sau đó Pháp bội ước, tổ chức tấn công trở lại. Đề Thám xin giảng hoà lần thứ hai (tháng 12/1897). (0,25đ)

Giai đoạn từ năm 1898 đến năm 1908:

Trong thời gian hoà hoãn lần thứ hai, nghĩa quân vừa sản xuất vừa tích cực luyện tập quân sự. Căn cứ Yên Thế trở thành nơi hội tụ của những nghĩa sĩ yêu nước từ khắp nơi kéo về... (0,5đ)

Giai đoạn từ năm 1909 đến năm 1913:

Sau năm 1908, Pháp quyết định mở cuộc tấn công. Nghĩa quân trải qua những tháng ngày gian khổ, phải di chuyển liên tục, nhiều thủ

lĩnh đã hi sinh. Đến tháng 2/1913, khi Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã. (0,5đ)

*** Nguyên nhân thất bại: (1đ)**

– Tương quan lực lượng chênh lệch (sau khi phong trào Cần vương thất bại, Pháp có điều kiện tập trung đàn áp). Thực dân Pháp kết hợp chặt chẽ giữa thủ đoạn chính trị với thủ đoạn quân sự, dùng tay sai để tìm cách sát hại thủ lĩnh phong trào. (0,25đ)

– Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn của một lực lượng xã hội tiên tiến. (0,25đ)

– Phong trào mang nặng tính địa phương nhỏ hẹp. (0,25đ)

– Cách đánh giặc chủ yếu là phòng thủ, dựa vào địa hình hiểm trở, đánh theo lối du kích. (0,25đ)

*** Ý nghĩa lịch sử: (1đ)**

– Khởi nghĩa Yên Thế tuy thất bại, nhưng đã kéo dài gần 30 năm, và ghi một trang vẻ vang trong lịch sử chống Pháp của dân tộc ta. (0,25đ)

– Nêu cao tinh thần yêu nước, chiến đấu kiên cường, bền bỉ của nhân dân ta, thể hiện khả năng cách mạng hùng hậu của giai cấp nông dân. (0,5đ)

– Để lại bài học kinh nghiệm quý báu về chiến tranh du kích, đồng thời thể hiện tài chỉ huy của anh hùng Đề Thám. (0,25đ)

Câu 5: (4 điểm)

Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (từ năm 1911 đến năm 1918): (3 điểm)

– Nguyễn Tất Thành, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cha là cụ Nguyễn Sinh Sắc. Mẹ của Người là Hoàng Thị Loan. (0,25đ)

– Người sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước, lớn lên ở một miền quê có truyền thống đấu tranh quật khởi, từ rất sớm Nguyễn Tất Thành đã có ý chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. (0,5đ)

– Người khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ nên quyết định tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. (0,5đ)

– Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành từ cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Khác với thế hệ cha anh hướng về Trung Quốc và Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây, đến nước Pháp để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào rồi về giúp đồng bào mình. (0,5đ)

– Nhiều năm sau đó, Người đã đi qua nhiều nước, nhiều châu lục. Người nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bóc lột. (0,25đ)

– Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp. Tại đây, Người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong cuộc đấu tranh của quần chúng lao động và công nhân Pháp. (0,25đ)

– Tham gia vào Hội những người Việt Nam yêu nước, Người viết báo, truyền đơn, tranh thủ các diễn đàn, mít tinh để tố cáo thực dân và tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam. Người còn tham gia đấu tranh đòi cho binh lính và thợ thuyền Việt Nam sớm được hồi hương. (0,25đ)

– Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người dần có những chuyển biến. (0,25đ)

– Những hoạt động yêu nước của Người trong thời gian này tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. (0,25đ)

*** Nét mới trong hoạt động cứu nước của Người: (1 điểm)**

– Hướng đi sang phương Tây để tìm con đường cứu nước. (0,25đ)

– Cùng sống, làm việc với giai cấp cùng khổ thế giới để tìm ra con đường cách mạng đúng đắn nhằm cứu nước cứu dân. (0,25đ)

– Học hỏi, rút kinh nghiệm từ cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga. (0,25đ)

– Xác định một dân tộc muốn giải phóng phải dựa vào sức mình là chính. (0,25đ)

ĐỀ THI NĂM 2011

Câu 1:

*** *Khái quát tình hình nước Pháp từ tháng 9/1870 đến tháng 5/1871:***

– Napôlêông III thua trong cuộc Chiến tranh Pháp – Phổ (ngày 2/9/1870). Ngày 4/9/1870, nhân dân Paris khởi nghĩa, đòi thiết lập chế độ cộng hoà và chuẩn bị chống quân Phổ xâm lược. Giai cấp tư sản lập “Chính phủ Vệ quốc” nhưng không chống Phổ.

– Quân Phổ bao vây Paris, “Chính phủ Vệ quốc” xin đình chiến.

– Sáng ngày 18/3/1871, “Chính phủ Vệ quốc” (Chie) cho quân đánh chiếm đồi Môngmác (nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân). Được quần chúng hỗ trợ, Quốc dân quân đã đánh bại âm mưu của quân chính phủ.

– Trưa ngày 18/3, Quốc dân quân chiếm các cơ quan chính phủ, nhà ga, sở cảnh sát... Chiều 18/3, cờ đỏ phấp phới bay trên nóc toà thị chính. Quân chính phủ rút chạy về Vécxai.

– Quân cách mạng làm chủ thành phố, ngày 26/3 đã tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28/3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu thắng lợi của cách mạng.

– Từ tháng 4/1871, quân Vécxai bắt đầu tấn công Paris. Ngày 21/5, quân Vécxai tiến vào Paris. Các trận đánh ác liệt diễn ra trong “Tuần lễ đẫm máu” (từ ngày 21/5 đến ngày 28/5/1871). Các chiến sĩ công xã anh dũng chiến đấu (tiêu biểu là trận ở nghĩa địa Cha Lasedơ) nhưng đã bị đánh bại.

*** *Nhận định về cuộc cách mạng ngày 18/3/1871.***

Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

Vì:

– Mục đích của cách mạng là lật đổ chính quyền tư sản, thành lập chính quyền của giai cấp vô sản.

– Lãnh đạo và tham gia cách mạng là giai cấp vô sản.

– Kết quả của cuộc cách mạng là nền chuyên chính vô sản được thành lập.

Câu 2:

Nội dung	Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc	Phong trào Duy tân Mậu Tuất	Phong trào Nghĩa Hoà Đoàn
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn.	Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu.	
Diễn biến	Bùng nổ ngày 1/1/1851 tại Kim Điền (Quảng Tây), sau đó lan rộng ra nhiều địa phương khác. Xây dựng chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ. Năm 1864, khởi nghĩa bị chính quyền Mãn Thanh đàn áp.	Năm 1898, một số sĩ phu tiến bộ chủ trương tiến hành cải cách để cứu vãn tình thế của đất nước. Sau 103 ngày, phong trào thất bại.	Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây. Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.
Lực lượng tham gia	Nông dân.	Quan lại, sĩ phu tiến bộ, vua Quang Tự.	Nông dân.
Tính chất và ý nghĩa	Là phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, thi hành nhiều chính sách tiến bộ lần đầu tiên được đề ra trong lịch sử Trung Quốc. Làm lung lay triều đình phong kiến Mãn Thanh.	Là cuộc vận động Duy tân cải cách mới ở Trung Quốc, mong muốn khởi xướng khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc.	Là cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân chống đế quốc, giáng đòn bất ngờ vào các nước đế quốc đang xâm lược Trung Quốc.

Câu 3:

– Từ năm 1858 – 1862: Thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng và đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

+ Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng; quan quân triều đình, đứng đầu là Nguyễn Tri Phương, phối hợp với nhân dân chống giặc, đắp lũy, thực hiện “vườn không nhà trống” đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp...

+ Đốc học Phạm Văn Nghị đem 300 quân từ Nam Định vào Nam, xin vua ra chiến trường chiến đấu.

+ Tại Gia Định và các tỉnh Nam Kỳ: Nguyễn Tri Phương tổ chức nhân dân chống giặc, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy Đại đồn Chí Hoà làm trung tâm. Nhân dân Nam Kỳ anh dũng đứng lên chiến đấu, như: nghĩa quân của Trần Thiện Chính, Lê Huy lập nhiều chiến công; nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu giặc trên sông Vàm Cỏ Đông; khởi nghĩa của Trương Định;...

– Từ sau năm 1862 – 1867: Thực dân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Nhân dân miền Tây anh dũng chiến đấu:

+ Một số nhà nho yêu nước: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông,... đã dùng văn thơ chống Pháp.

+ Trương Định kháng lệnh bãi binh của triều đình, ở lại cùng nhân dân chống giặc, được nhân dân suy tôn làm “Bình Tây Đại nguyên soái”,...

+ Khởi nghĩa của Trương Quyền ở Tây Ninh đã phối hợp với người Khơme, người Thượng xây dựng cơ sở kháng chiến chống Pháp.

+ Phan Tôn, Phan Liêm chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh ở Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh từ năm 1867 – 1868.

+ Nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ Rạch Giá (1867).

+ Khởi nghĩa của Võ Duy Dương (1865), Nguyễn Hữu Huân ở Tân An,...

+ Phong trào tị địa gây khó khăn cho Pháp trong việc thiết lập chính quyền mới.

– Từ năm 1873 – 1874: Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất:

+ Ngày 20/11/1873, thực dân pháp đánh chiếm Hà Nội, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Lâm cùng binh sĩ tổ chức chống cự,...

+ Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ chiến đấu kiên cường, ta phục kích tại Cầu Giấy giết chết viên chỉ huy Gácniê (21/12/1873)...

- Từ năm 1882 - 1883: *Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai.*

+ Hoàng Diệu và binh sĩ tổ chức kháng cự nhưng thất thủ.

+ Nhân dân khắp nơi nổi dậy đánh Pháp (tự tay đốt nhà, đầu độc binh lính Pháp,...); phối hợp với đội quân của Lưu Vĩnh Phúc phục kích tại Cầu Giấy giết chết tướng giặc Rivie (19/5/1883).

- Từ năm 1883 - 1884: *thực dân Pháp tấn công cửa biển Thuận An.*

Ngày 17/7/1883, thực dân Pháp tấn công Thuận An. Quân dân Bắc Kỳ tiếp tục đứng lên kháng chiến: Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Văn Hoè,...

Kết luận: Phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta diễn ra sôi nổi, quyết liệt, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Phong trào thất bại nhưng đã thể hiện tinh thần quyết tâm kháng chiến chống thực dân của nhân dân ta.

Câu 4:

Năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa Việt Nam:

- Nông nghiệp: Cướp ruộng đất lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, cao su,...

- Công nghiệp: Đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than) để đưa về nước phục vụ cho công nghiệp chính quốc. Xây dựng một số cơ sở công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tại chỗ.

- Giao thông: Xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ, phục vụ cho công cuộc khai thác.

Chính sách khai thác của thực dân Pháp làm cho cơ cấu kinh tế ở Việt Nam bước đầu thay đổi, kéo theo sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc.

Sự phân hoá xã hội:

- Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ trở nên giàu có. Dựa vào Pháp, họ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Một bộ phận *địa chủ phong kiến vừa và nhỏ* bị Pháp chèn ép nên có tinh thần chống Pháp.

- *Nông dân* bị cướp ruộng đất, chịu áp bức bóc lột nặng nề bởi nạn thuế khoá, phu phen, tạp dịch,... Một số rời làng ra các hầm mỏ, đồn

điền làm thuê,... Đây là lực lượng cách mạng to lớn nhưng thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.

– *Công nhân* được hình thành từ một bộ phận nông dân phá sản bỏ làng xóm ra thành thị, đến các nhà máy, đồn điền, hầm mỏ để xin việc làm. Đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân Việt Nam tuy còn ít nhưng bị áp bức bóc lột nặng nề.

– *Tư sản dân tộc* cũng ra đời từ một bộ phận người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất, bị thực dân Pháp khống chế, chèn ép nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu,...

– *Tiểu tư sản* gồm những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên,... với số lượng ngày càng đông.

– *Các sĩ phu nho học* cũng có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị. Bên cạnh việc đọc sách Nho giáo, họ còn đọc những cuốn sách mới của các tác giả châu Âu và Trung Quốc, hô hào lập trường, dạy học theo lối mới, mở các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Câu 5:

a. So sánh hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Nội dung so sánh	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Khuynh hướng cứu nước	Dân chủ tư sản	Dân chủ tư sản
Chủ trương, phương pháp	Bạo động vũ trang, dựa vào Nhật Bản để chống Pháp giành độc lập dân tộc.	Cải cách về kinh tế, văn hoá – xã hội, nhằm nâng cao dân khí, dân trí, dân quyền; yêu cầu thực dân Pháp sửa đổi chính sách cai trị ở Việt Nam.
Nhận xét chung	Xuất phát từ tinh thần yêu nước, gắn cứu nước với đấu tranh vũ trang, giành độc lập dân tộc.	Xuất phát từ tinh thần yêu nước, gắn cứu nước với duy tân làm cho đất nước phát triển.

b. Tóm tắt những hoạt động chủ yếu của Phan Bội Châu từ năm 1904 đến năm 1913:

- Tháng 5/1904, thành lập Hội Duy tân ở Quảng Nam.
- Những năm 1905 – 1908, tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh niên đi du học ở Nhật Bản.
- Tháng 3/1909, rời Nhật Bản về Trung Quốc.
- Những năm 1909 – 1911, ở Trung Quốc, rồi sang Xiêm nương náu chờ thời.
- Tháng 1/1912, Phan Bội Châu quay lại Trung Quốc hoạt động.
- Tháng 6/1912, tại Quảng Châu, Ông cùng các đồng chí của mình thành lập Việt Nam Quang phục hội.
- Ngày 21/12/1913, Phan Bội Châu bị giới quân phiệt bắt và giam ở nhà tù Quảng Đông (Trung Quốc).

ĐỀ THI NĂM 2012

Câu 1: (4 điểm)

a. Lập bảng so sánh cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) theo các nội dung: Nhiệm vụ, lãnh đạo, chính quyền nhà nước, lực lượng, tính chất, hướng tiến lên: (3 điểm)

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi (1911)	Cách mạng XHCN tháng Mười Nga (1917)
Nhiệm vụ (0,5đ)	Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế Mãn Thanh; thực hiện dân chủ,...	Lật đổ chính phủ tư sản; thực hiện chế độ dân chủ,...
Lãnh đạo (0,5đ)	Giai cấp tư sản.	Giai cấp vô sản.
Chính quyền nhà nước (0,5đ)	Chuyên chính tư sản.	Chuyên chính vô sản.

Lực lượng (0,5đ)	Tư sản, tiểu tư sản, nông dân,...	Công nhân, nông dân, binh lính...
Tính chất (0,5đ)	Cách mạng dân chủ tư sản chưa triệt để.	Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Hướng tiến lên (0,5đ)	Chủ nghĩa tư bản.	Chủ nghĩa xã hội.

b. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam: (1 điểm)

– Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin và Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đó là sự kết hợp phong trào giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp phong trào công nhân, phong trào yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. (0,25đ)

– Học tập Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, là tiền thân của Đảng và được sự huấn luyện giảng dạy trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc. (0,25đ)

– Cuộc Cách mạng tháng Mười ở Nga ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Việt Nam thông qua con đường sách báo bí mật như tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh*,... (0,25đ)

– Từ kinh nghiệm thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tháng 2/1930 đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. (0,25đ)

Câu 2: (4 điểm)

**** Nguyên nhân: (0,5 điểm)***

– Nguyên nhân sâu xa: Do sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị giữa các nước tư bản. (0,25đ)

– Nguyên nhân trực tiếp: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 dẫn đến việc lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, Ý, Nhật. (0,25đ)

**** Nói kẻ tội phạm châm ngòi Chiến tranh thế giới thứ hai là phát xít Đức, Ý, Nhật nhưng các nước Anh, Pháp, Mĩ cũng phải chịu trách nhiệm một phần về sự bùng nổ của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai không sai. (0,25đ)***

Vì:

– Từ cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, Đức, Ý, Nhật đã phát xít hoá bộ máy thống trị, đi theo đường lối gây chiến tranh chia lại thị trường thế giới. (0,25đ)

– Năm 1937, ba nước Đức, Ý, Nhật hình thành khối phát xít được mệnh danh là trục “Béclin – Rôma – Tôkiô”. Khối này vừa chống Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh để chia lại thế giới. (0,25đ)

– Sau khi chiếm Đông Bắc Trung Quốc (1931), từ năm 1937, Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Phát xít Italia tiến hành chiến tranh xâm lược Êtiôpia (1935), cùng với Đức tham chiến ở Tây Ban Nha (1936 – 1939). (0,25đ)

– Sau khi xoá bỏ Hoà ước Vécxai, nước Đức phát xít hướng tới mục tiêu thành lập một nước “Đại Đức” gồm tất cả các lãnh thổ có dân Đức sinh sống ở châu Âu. (0,25đ)

– Trước các cuộc xâm lược của Liên minh Phát xít, Liên Xô xem phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, nên chủ trương liên kết với các nước tư bản Anh, Pháp, Mĩ để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh. (0,25đ)

– Chính phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ đều có chung mục đích là giữ nguyên trạng trật tự thế giới có lợi cho mình. Họ lo sợ sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít, nhưng vẫn ghét cộng sản. Vì thế giới cầm quyền các nước Anh, Pháp thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít hòng đẩy chiến tranh về phía Liên Xô. Với “Đạo luật trung lập”, giới cầm quyền Mĩ thực hiện chính sách không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ. (0,25đ)

– Để thành lập Nhà nước “Đại Đức”, lợi dụng sự dung túng của Anh, Pháp, Mĩ, Hítle đã sáp nhập Áo (một nước cùng dân tộc với Đức) vào Đức, yêu cầu Chính phủ tìm cách chuyển vùng đất Xuyđét cho Đức (0,5đ)...

– Ngày 29/9/1938, Hội nghị Muyních được triệu tập với sự tham dự của Chính phủ Anh, Pháp, Đức, Italia. Một Hiệp định được kí kết theo đó, Anh, Pháp trao Xuyđét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hítle về việc chấm dứt mọi thôn tính ở châu Âu. Sau khi chiếm Xuyđét, Hítle thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939). Không dừng lại ở đó, Hítle bắt đầu gây hấn và ráo riết chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan. (0,5đ)

– Sau khi kí xong Hiệp ước “Không xâm phạm lẫn nhau Xô – Đức” (23/8/1939), rạng sáng 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. (0,5đ)

→ Như vậy, rõ ràng chính sách nhượng bộ của Anh, Pháp và không can thiệp của Mĩ đã không cứu vãn được hoà bình, mà lại khuyến khích bọn phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Thủ phạm gây chiến tranh là phát xít Đức, Ý, Nhật, nhưng các cường quốc Anh, Pháp, Mĩ đã tạo điều kiện (dung túng và nhượng bộ), họ cũng phải chịu một phần trách nhiệm về sự bùng nổ của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. (0,25đ)

Câu 3: (4 điểm)

*** Hoàn cảnh lịch sử: (1 điểm)**

– Nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Nông nghiệp sa sút, thủ công nghiệp và thương nghiệp bế tắc, tài chính cạn kiệt. (0,25đ)

– Trong khi đó, triều đình nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân. (0,25đ)

– Bộ máy chính quyền từ trung ương tới địa phương trở nên sâu mọt; địa chủ cường hào tha hồ đục khoét, những nhiều dân lành. (0,25đ)

– Nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo loạn chống triều đình đã nổ ra. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp phong kiến thống trị ngày càng trở nên sâu sắc. (0,25đ)

→ Vận nước nguy nan đã tác động tới các quan lại, sĩ phu yêu nước tiến bộ. Nhiều đề nghị cải cách duy tân được đưa ra.

*** Những đề nghị cải cách ở Việt nam nửa sau thế kỉ XIX: (1 điểm)**

– Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định), Đinh Văn Điền xin đẩy mạnh khai khẩn ruộng hoang và khai mỏ, phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng. (0,25đ)

– Năm 1872, Viện Thương Bạc xin mở ba cửa biển ở miền Bắc và miền Trung để thông thương với bên ngoài. (0,25đ)

– Đặc biệt, từ năm 1863 – 1871, Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi lên triều đình 60 bản điều trần, đề cập đến một loạt vấn đề như: chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục,... (0,25đ)

– Ngoài ra, vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch còn dâng hai bản “Thời vụ sách” lên vua Tự Đức đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước. (0,25đ)

*** Những đề nghị cải cách trên không thực hiện được vì: (2 điểm)**

– Các đề nghị cải cách trên mang tính rời rạc, lẻ tẻ. (0,5đ)

– Chưa xuất phát từ những cơ sở bên trong: điều kiện kinh tế, vật chất, tài chính lúc đó không thuận lợi để tiến hành cải cách. (0,5đ)

– Chưa động chạm đến những vấn đề cơ bản của thời đại: giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp xâm lược và giữa nông dân với địa chủ phong kiến. (0,5đ)

– Triều đình phong kiến nhà Nguyễn bảo thủ, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh nên không chấp nhận những thay đổi và từ chối mọi sự cải cách, kể cả những cải cách hoàn toàn có khả năng thực hiện. Trong khi đó, những người đưa ra đề nghị, cải cách không phải là những người nắm quyền lực cao nhất. (0,5đ)

Câu 4: (4 điểm)

Gồm 2 giai đoạn:

– *Giai đoạn 1: từ năm 1885 đến tháng 11/1888: (1đ)*

+ Ngay sau khi chiếu Cần vương ra đời, nhiều văn thân, sĩ phu đã sôi nổi hưởng ứng. Họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ. (0,5đ)

+ Trước tình hình khó khăn, tháng 12/1886, Tôn Thất Thuyết đã sang Trung Quốc cầu viện. Cuối năm 1888, do có sự chỉ điểm của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi bị rơi vào tay giặc. (0,25đ)

– *Giai đoạn 2: từ cuối năm 1888 đến năm 1896 (1đ)*

+ Sự kiện vua Hàm Nghi bị bắt đã ít nhiều gây tâm lí hoang mang trong một bộ phận sĩ phu, văn thân yêu nước. (0,25đ)

+ Nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động từ đồng bằng lên vùng trung du, rừng núi, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn... (0,25đ)

+ Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê. (0,25đ).

+ Phong trào Cần vương trong giai đoạn này vẫn không khắc phục được tình trạng lẻ tẻ, địa phương, thiếu liên kết, thiếu sự chỉ đạo thống nhất và các cuộc khởi nghĩa lần lượt bị thất bại, năm 1896 phong trào Cần vương coi như kết thúc. (0,25đ)

*** Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương vì: (2 điểm)**

– Thời gian: kéo dài nhất (1885 – 1896) (0,25đ)

– Lãnh tụ: Phan Đình Phùng – ông là sĩ phu đại khoa đồng thời đã từng là đại thần trong triều, Cao Thắng – nhà chế tạo vũ khí nổi tiếng đất Hồng – Lam (Nghệ Tĩnh). (0,25đ)

– Địa bàn hoạt động: rộng khắp 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình; xây dựng nhiều căn cứ, trung tâm là căn cứ Vụ Quang (Hương Khê, Hà Tĩnh), tạo điều kiện thuận lợi cho nghĩa quân hoạt động. (0,25đ)

– Tổ chức chặt chẽ hơn các cuộc khởi nghĩa khác: nghĩa quân được chia thành 15 quân thứ; một quân thứ đóng tại đại bản doanh, do Phan Đình Phùng trực tiếp chỉ huy; giữa đại bản doanh và các quân thứ thường xuyên giữ liên lạc đảm bảo sự chỉ huy thống nhất. (0,25đ)

– Ngoài vũ khí tự trang bị, nghĩa quân đã chế tạo được súng trường theo kiểu súng năm 1874 của Pháp. (0,25đ)

– Phương thức hoạt động và kết quả: kết hợp đánh du kích với đánh trận địa lớn, chủ động mở các cuộc tấn công vào sào huyệt của kẻ thù, gây tổn thất lớn cho Pháp (2 lần hạ thành Hà Tĩnh năm 1892, 1894; trận Vụ Quang 1894). (0,25đ)

– Cuộc khởi nghĩa đã huy động đến mức cao độ tiềm năng to lớn của nhân dân. (0,25đ)

→ Như vậy, khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX, có quy mô rộng lớn, tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công, gây cho địch những tổn thất nặng nề. (0,25đ)

Câu 5: (4 điểm)

*** Có sự nảy sinh khuynh hướng mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX:**

– *Tình hình trong nước:* (1đ)

+ Sau khi dập tắt phong trào Cần vương, thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. (0,25đ)

+ Cơ cấu kinh tế Việt Nam có nhiều thay đổi: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập. (0,25đ)

+ Cơ cấu xã hội thay đổi: các giai cấp, tầng lớp mới ra đời (công nhân, tư sản, trí thức, tiểu tư sản),... (0,25đ)

+ Các sĩ phu Nho học có sự chuyển biến về tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế,... (0,25đ)

– *Tình hình thế giới:* (1đ)

+ Phong trào cải cách chính trị – văn hoá ở Trung Quốc gắn liền với những nhân vật như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi; tư tưởng của Cách mạng Pháp với những tác phẩm của Ruxô, Môngtexkiơ, Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc,... đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam... (0,5đ)

+ Đặc biệt, Nhật Bản sau 30 năm tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị càng củng cố thêm niềm tin của họ vào con đường cách mạng tư sản,... (0,5đ)

→ Đây chính là điều kiện làm nảy sinh và thúc đẩy phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới ở nước ta đầu thế kỉ XX. Trong đó tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

*** Sự giống và khác nhau giữa hai khuynh hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX:**

– *Giống nhau:* (1đ)

+ Đều xuất phát từ lòng yêu nước thương dân, họ đều là các văn thân, sĩ phu yêu nước mong muốn giành độc lập cho dân tộc. (0,25đ)

+ Đều chịu ảnh hưởng tư tưởng mới từ bên ngoài. (0,25đ)

+ Đều có khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản. (0,25đ)

+ Kết quả cuối cùng: cả hai khuynh hướng đều thất bại nhưng lại tạo điều kiện cho khuynh hướng cứu nước mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. (0,25đ)

– Khác nhau: (1đ)

+ Khuynh hướng bạo động do Phan Bội Châu khởi xướng, chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp. (0,25đ)

+ Phan Bội Châu chủ trương tổ chức lực lượng trong nước và tranh thủ sự viện trợ từ bên ngoài, trước hết là Nhật. Ông nhấn mạnh vấn đề giải phóng dân tộc, cho đó là điều kiện để tiến hành cải dân chủ. (0,25đ)

+ Khuynh hướng cải cách do Phan Châu Trinh khởi xướng, ông chủ trương gương cao ngọn cờ dân chủ cải cách, xã hội, chủ trương cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền. (0,25đ)

+ Yêu cầu Pháp phải sửa đổi chính sách cai trị. Ông đề cao phương châm “tự lực khai hoá”, tuyên truyền tư tưởng dân quyền... đánh đổ phong kiến, thiết lập cộng hoà ở Việt Nam. (0,25đ)

ĐỀ THI NĂM 2013

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1: (4 điểm)

a. Hoàn thành bảng thống kê: (2,5 điểm)

Thời gian	Nội dung	Kết quả
2/1917	– Nước Nga tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng. (0,25đ)	Chế độ Nga hoàng bị lật đổ, sau cách mạng tồn tại hai chính quyền song song: Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính; Chính phủ tư sản lâm thời. (0,25đ)
10/1917	Cách mạng tháng Mười Nga thành công. (0,25đ)	Lật đổ được Chính phủ tư sản lâm thời, chính quyền Xô viết được thành lập. (0,25đ)

1918 – 1920	Nhân dân Nga xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết. (0,25đ)	Nước Nga đánh bại thù trong, giặc ngoài; chính quyền Xô viết non trẻ được bảo vệ và giữ vững. (0,25đ)
1921 – 1925	Nước Nga khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh. (0,25đ)	Hoàn thành chính sách kinh tế mới, nền kinh tế được khôi phục và phát triển, thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô). (0,25đ)
1925 – 1941	Xây dựng chủ nghĩa xã hội: thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, kế hoạch 5 năm lần I, lần II, lần III. (0,25đ)	Kế hoạch 5 năm lần I, II hoàn thành trước thời hạn đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. (0,25đ)

b. Những thành tựu của Liên Xô trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941): (1,5 điểm)

– Công nghiệp: Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. (0,5đ)

– Nông nghiệp: 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác được đưa vào nền nông nghiệp tập thể hoá, cơ sở vật chất kĩ thuật được cơ giới hoá. (0,5đ)

– Văn hoá – giáo dục: Thanh toán được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố,... (0,25đ)

– Xã hội: Xoá bỏ hoàn toàn giai cấp bóc lột, chỉ còn hai giai cấp công nhân và nông dân cùng tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. (0,25đ)

Câu 2: (4,0 điểm)

Ba chiến thắng lớn của Hồng quân Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) và ý nghĩa của từng chiến thắng đối với toàn cục cuộc chiến tranh:

a. Chiến thắng Mátxcơva

– Cuối năm 1941, quân Đức mở hai cuộc tấn công vào Mát-xcơ-va nhưng bị Hồng quân Liên Xô bẻ gãy. (0,25đ)

– Trong mùa đông năm 1941, Hồng quân Liên Xô do tướng Giucốp chỉ huy đã phản công, đẩy lùi quân địch cách xa thủ đô Mátxcơva hàng trăm km. (0,25đ)

*** Ý nghĩa:**

– Chiến thắng Mátxcơva làm thiệt hại nặng nề đạo quân trung tâm của Đức. (0,25đ)

– Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Đức. (0,25đ)

b. Chiến thắng Xtalingrat:

– Trong trận Xtalingrat (19/11/1942 – 2/2/1943), Hồng quân Liên Xô tấn công, bao vây, chia cắt, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do thống chế Paolút chỉ huy. (0,5đ)

– Ý nghĩa:

+ Trận phản công tại Xtalingrat của Hồng quân Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt xoay chuyển tình thế của Chiến tranh thế giới thứ hai. (0,25đ)

+ Ưu thế chuyển từ phe Trục sang phe Đồng minh. (0,25đ)

+ Sau trận Xtalingrat, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công trên khắp các mặt trận. (0,25đ)

c. Trận tấn công Béclin:

– Trận tấn công Béclin (16/4 – 2/5/1945) diễn ra vô cùng ác liệt. Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của 1 triệu quân phát xít Đức. (0,5đ)

– Ngày 30/4/1945, Hồng quân cầm cờ chiến thắng trên nóc toà nhà Quốc hội Đức. Hitle tự sát dưới hầm chỉ huy. (0,25đ)

– Ngày 2/5/1945, Béclin treo cờ trắng đầu hàng, cùng ngày quân Đức tại Italia cũng đầu hàng. (0,25đ)

– Ngày 9/5/1945, phát xít Đức kí Hiệp định đầu hàng vô điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu. (0,25đ)

*** Ý nghĩa:**

Chiến thắng Béc-lin là đòn quyết định cuối cùng tiêu diệt phát xít Đức, buộc Chính phủ mới của phát xít Đức phải kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu. (0,5đ)

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3: (4 điểm)

a. Lập bảng so sánh thái độ chống Pháp của triều đình nhà Nguyễn và thái độ của nhân dân Việt Nam (1858 – 1867) theo mẫu sau: (3,25 điểm)

Sự kiện	Thái độ của triều đình nhà Nguyễn	Thái độ của nhân dân
Mặt trận Đà Nẵng năm 1858	– Cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng chỉ huy kháng chiến. (0,25đ) – Phối hợp với nhân dân chống trả, đẩy lùi các đợt tấn công của Pháp. (0,25đ)	– Nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống” gây cho Pháp nhiều khó khăn. (0,25đ) – Dấy lên làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong nhân dân. (0,25đ)
Chiến sự ở Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1859 – 1862)	– Tháng 3/1860, Nguyễn Tri Phương xây dựng Đại đồn Chí Hoà làm trung tâm kháng chiến, bỏ lỡ cơ hội đánh Pháp. (0,25đ) – Năm 1861, Đại đồn Chí Hoà thất thủ, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông. (0,25đ) – Năm 1862, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất với những điều khoản nặng nề. (0,25đ)	– Nhân dân chống cự quyết liệt, tìm cách bao vây, tiêu diệt địch. (0,25đ) – Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: Trương Định, Trần Thiện Chánh, Nguyễn Trung Trực,... (0,25đ)

Chiến sự ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867)	- Triều đình tìm cách ngăn cản phong trào kháng chiến của nhân dân. (0,25đ) - Triều đình bạc nhược để Pháp chiếm gọn 3 tỉnh miền Tây. (0,25đ)	- Nhân dân 3 tỉnh miền Tây vẫn anh dũng đứng lên chống giặc (thành lập Đồng Châu xã do Nguyễn Thông đứng đầu ở Bình Thuận,...). (0,25đ) - Khởi nghĩa của Phan Tôn, Phan Liêm, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân,... (0,25đ)
---	--	---

b. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862) phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ có điểm mới: (0,75 điểm)

- Kháng chiến độc lập với triều đình. (0,25đ)
- Quy tụ thành những trung tâm kháng chiến lớn, tổ chức ngày càng chặt chẽ, điển hình là cuộc Khởi nghĩa Trương Định. (0,25đ)
- Vừa kháng chiến chống Pháp vừa chống phong kiến đầu hàng. (0,25đ)

Câu 4: (4 điểm)

Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913):

a. Tóm lược các giai đoạn phát triển của Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913): (2 điểm)

- *Giai đoạn 1884 – 1892:* Dưới sự chỉ huy của Đề Năm, nghĩa quân còn hoạt động lẻ tẻ, chưa có sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất. Nghĩa quân vừa chiến đấu đẩy lui nhiều trận càn của địch, vừa xây dựng, củng cố hệ thống phòng thủ. Năm 1892, Pháp tấn công vào căn cứ, Đề Năm bị sát hại. (0,5đ)

- *Giai đoạn 1893 – 1897:* Nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của Đề Thám đã mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều vùng thuộc Bắc Giang, Bắc Ninh, xây dựng lại căn cứ Hố Chuối. Nghĩa quân hai lần giảng hoà với Pháp, tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân vừa lo sản xuất vừa ra sức chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu mới. (0,5đ)

– *Giai đoạn 1898 – 1908*: Đây là thời gian đình chiến nhưng nghĩa quân vẫn giữ vững tinh thần chiến đấu, đồng thời tích cực tổ chức sản xuất, sắm sửa vũ khí, luyện tập quân sự. Căn cứ Yên Thế trở thành nơi hội tụ của những nghĩa sĩ yêu nước. (0,5đ)

– *Giai đoạn 1909 – 1913*: thực dân Pháp tấn công quyết liệt, phong trào suy yếu dần. Tháng 2/1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã. (0,5đ)

b. So sánh những điểm khác nhau cơ bản giữa Khởi nghĩa Yên Thế với phong trào Cần vương: (2 điểm)

Nội dung	Phong trào Cần vương	Khởi nghĩa Yên Thế
Thời gian	1885 – 1896. (0,25đ)	1884 – 1913. (0,25đ)
Mục đích	Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, khôi phục lại chế độ phong kiến. (0,25đ)	Đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ quê hương đất nước. (0,25đ)
Lãnh đạo	Văn thân, sĩ phu yêu nước. (0,25đ)	Nông dân. (0,25đ)
Lực lượng tham gia	Đông đảo các tầng lớp nhân dân. (0,25đ)	Chủ yếu là nông dân. (0,25đ)

Câu 5: (4 điểm)

a. Hoàn cảnh: (1,5 điểm)

– Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, cách mạng Việt Nam bị khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Các cuộc đấu tranh bị đàn áp và nhanh chóng thất bại. (0,5đ)

– Nguyễn Tất Thành sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước và lớn lên ở một quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Người sớm có tinh thần yêu nước và ý chí cứu nước. (0,5đ)

– Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh cùng các nhà yêu nước khác ở đầu thế kỉ XX, nhưng không đi theo con đường của họ vì Người đã nhìn thấy sự bế tắc của các con đường cứu nước đó. (0,5đ)

b. Những hoạt động của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 – 1917: (2 điểm)

– Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Người quyết định sang phương Tây để tìm hiểu, sau đó trở về giúp đồng bào mình. (0,5đ)

– Từ năm 1911 đến năm 1917: Người bôn ba qua nhiều nước ở châu Phi, châu Mĩ, châu Âu. Người dừng chân khảo sát khá lâu ở ba nước đế quốc lớn nhất là Mĩ, Anh, Pháp. Người rút ra kết luận: Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề. (0,5đ)

– Tháng 12/1917, Người trở lại Pháp, hăng hái hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào đấu tranh của công nhân Pháp. (0,5đ)

– Người trở thành nhân vật lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội những người Việt Nam yêu nước ở Paris. (0,5đ)

c. Ý nghĩa của những hoạt động của Người đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam: (0,5 điểm)

– Những nhận thức và hoạt động của Người trong thời gian này tuy mới chỉ là bước đầu nhưng rất đúng hướng, là điều kiện cần thiết để sau Chiến tranh thế giới thứ nhất Người đến với chủ nghĩa Lênin, tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. (0,5đ)

PHẦN II:**CÁC ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ****A. ĐỀ****ĐỀ 1****Câu 1:**

Trình bày phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống phong kiến, đế quốc từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, đặc biệt là phong trào Duy tân đã ảnh hưởng đến Việt Nam.

Câu 2:

Lập bảng so sánh các cuộc cách mạng (CM) theo mẫu sau:

<i>Nội dung</i>	<i>CM Pháp (1789)</i>	<i>CM Tân Hợi (1911)</i>	<i>CM tháng Mười Nga (1917)</i>
<i>Hình thức cách mạng</i>			
<i>Nhiệm vụ cách mạng</i>			
<i>Văn kiện xác nhận thể chế chính trị</i>			
<i>Kết quả cách mạng</i>			
<i>Tính chất cách mạng</i>			

Câu 3:

Qua trình bày phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX, hãy rút ra đặc điểm của nó.

Câu 4:

Phân tích sự chuyển biến của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ XX dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.

Câu 5:

Qua phong trào nông dân Yên Thế (1884 – 1913):

a. So sánh: Phong trào nông dân Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương theo mẫu sau:

<i>Nội dung</i>	<i>Phong trào nông dân Yên Thế</i>	<i>Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương</i>
<i>Mục đích</i>		

Lãnh đạo		
Thời gian tồn tại		
Hình thức đấu tranh		
Tính chất		

b. Tại sao phong trào nông dân Yên Thế tồn tại trong thời gian dài (30 năm)?

c. Rút ra nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào nông dân Yên Thế.

(Trường THPT Chuyên Bến Tre)

ĐỀ 2

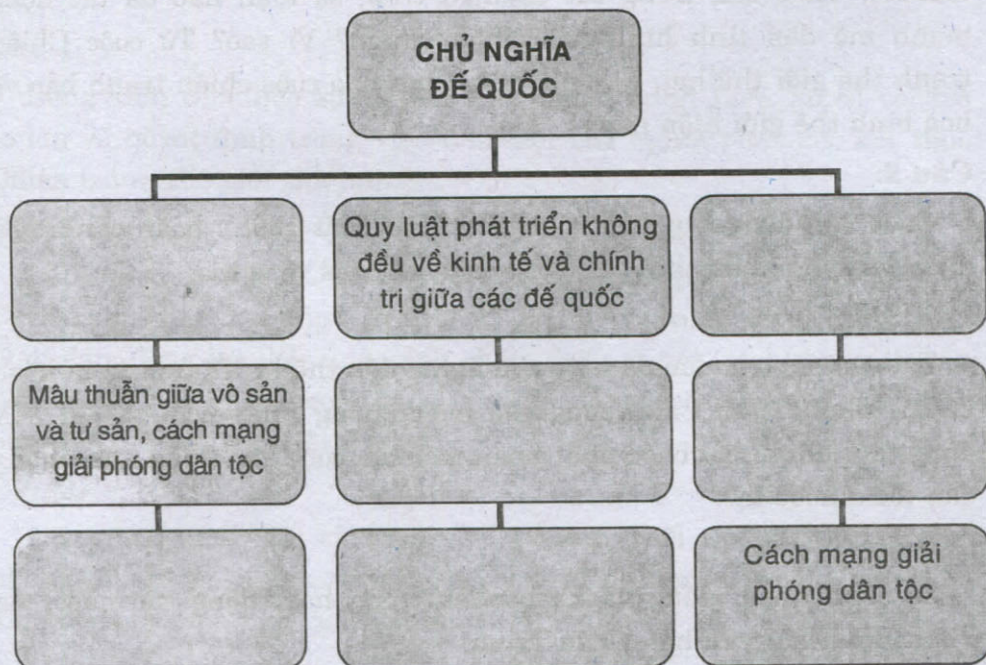
Câu 1:

Lập bảng so sánh cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) với cuộc Cách mạng Nga (1905 – 1917) theo các nội dung: lãnh đạo, nhiệm vụ, lực lượng tham gia, xu hướng phát triển, kết quả.

Câu 2:

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945):

- Trình bày những sự kiện tiêu biểu của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Hoàn thiện sơ đồ sau để làm rõ những mâu thuẫn cơ bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và xu hướng giải quyết các mâu thuẫn đó.



Câu 3:

Lập bảng so sánh về cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1904), Đông Kinh Nghĩa thực và cuộc đầu độc binh lính Pháp ở thành Hà Nội với các nội dung: mục đích, lãnh đạo, hình thức và nội dung hoạt động, kết quả.

Câu 4:

Nêu bối cảnh lịch sử và những nội dung cơ bản của trào lưu cải cách Duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Những mặt tích cực và hạn chế của những đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX.

Câu 5:

Trình bày các giai đoạn phát triển của Khởi nghĩa Hương Khê. Vì sao Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

(Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa – TP. Hồ Chí Minh)

ĐỀ 3

Câu 1:

Trình bày những sự kiện tiêu biểu của Chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương (từ tháng 9/1940 đến tháng 8/1945). Theo em, trong các sự kiện trên, sự kiện nào đã tác động mạnh mẽ đến tình hình cuộc chiến tranh? Vì sao? Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc chiến tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay.

Câu 2:

Cuộc vận động Duy tân (Cải cách Mậu Tuất 1898): hoàn cảnh, nội dung, nguyên nhân thất bại, tính chất, kết quả, ý nghĩa.

Câu 3:

Tại sao nói trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX ở nước ta là sự kế tục phong trào Cần vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX đồng thời đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta?

Câu 4:

So sánh điểm giống và khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Câu 5:

Hãy so sánh phong trào Cần vương chống Pháp với phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX với các nội dung theo bảng sau:

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Tầng lớp lãnh đạo		
Mục tiêu đấu tranh		
Hình thức đấu tranh		
Lực lượng tham gia		
Phong trào tiêu biểu		
Kết quả, ý nghĩa		
Nguyên nhân thất bại		

(Trường THPT Hùng Vương – TP. Hồ Chí Minh)

ĐỀ 4

Câu 1:

Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy chứng minh Liên Xô có vai trò to lớn và quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2:

Lập bảng so sánh Cách mạng tư sản Anh (giữa thế kỉ XVII) và Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) về: nhiệm vụ, hình thức, lãnh đạo, động lực, kết quả, tính chất. Tại sao nói Cách mạng tư sản Anh phát triển quanh co, không triệt để, còn Cách mạng tư sản Pháp phát triển đi lên và triệt để?

Câu 3:

Nêu những đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Vì sao những đề nghị cải cách này không được thực hiện? Từ đó rút ra điều kiện để thực hiện một cuộc cải cách.

Câu 4:

Trình bày hai giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương. Từ đó rút ra điểm khác nhau giữa hai giai đoạn.

Câu 5:

Lập bảng thống kê phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) theo nội dung sau và rút ra nguyên nhân thất bại của các phong trào.

<i>Tên phong trào</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Lãnh đạo</i>	<i>Hình thức và nội dung hoạt động</i>	<i>Kết quả</i>
<i>Hội Duy tân (1904)</i>				
<i>Việt Nam Quang phục hội (1912)</i>				
<i>Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ</i>				
<i>Đông Kinh Nghĩa thực (1907)</i>				
<i>Đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội (1908)</i>				

(Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền – TP. Hồ Chí Minh)

ĐỀ 5

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Trình bày những chuyển biến về kinh tế, chính trị – xã hội ở nước Anh trước Cách mạng tư sản Anh (1642 – 1689) và những hệ quả của nó.

Câu 2:

Hãy chứng minh rằng Công xã Paris là nhà nước kiểu mới. Theo anh (chị), biện pháp nào mà Công xã thực hiện thể hiện rõ nhất bản chất Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã có những đề nghị cải cách gì? Đánh giá vị trí của tư tưởng cải cách trong tiến trình

lịch sử Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XIX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 4:

Anh (Chị) hãy cho biết chính sách khai thác về kinh tế của thực dân Pháp ở Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1914 và rút ra nhận xét.

Câu 5:

Lập bảng so sánh phong trào Cần vương với phong trào nông dân Yên Thế (theo những nội dung: mục đích đấu tranh, thời gian tồn tại, lãnh đạo, lực lượng tham gia, địa bàn hoạt động, phương thức đấu tranh, tính chất), và cho biết vì sao phong trào nông dân Yên Thế lại tồn tại lâu như vậy?

(Trường THPT Thủ Đức – TP. Hồ Chí Minh)

ĐỀ 6

Câu 1:

Sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, việc xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết đã diễn ra như thế nào? Qua đó em hãy đánh giá vai trò của Lenin và Đảng Bôn-sê-vích trong việc chỉ đạo Nhà nước Xô viết xây dựng và bảo vệ chính quyền sau cách mạng (1918 – 1920).

Câu 2:

Vì sao Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 được xem là một trong những cuộc cách mạng tiêu biểu của nhân loại?

Câu 3:

Phong trào Cần vương:

- Nguyên nhân bùng nổ.
- Trình bày các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương theo yêu cầu (tên khởi nghĩa, thời gian, địa điểm, người lãnh đạo). Trong đó cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu nhất? Vì sao?
- Nêu những đặc điểm chung của phong trào.

Câu 4:

Nêu bối cảnh lịch sử và nội dung của trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. Qua đó rút ra ưu điểm và hạn chế của đề nghị cải cách duy tân đó.

Câu 5:

Lập bảng so sánh giữa phong trào Cần vương với phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX theo các yêu cầu: (bối cảnh lịch sử, mục tiêu đấu tranh, hình thức đấu tranh, lãnh đạo, lực lượng, kết quả và ý nghĩa). Qua đó cho biết những điểm tiến bộ của phong trào yêu nước nửa đầu thế kỉ XX.

(Trường THPT Đắk Song – Đắk Nông)

ĐỀ 7

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Trình bày những thành tựu văn hoá của Trung Quốc thời phong kiến. Những ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc đối với Việt Nam và thế giới như thế nào?

Câu 2:

Lập bảng so sánh trình bày khái quát những hiểu biết của em về Ấn Độ và Đông Nam Á theo các yêu cầu sau: thời gian hình thành nhà nước, điều kiện tự nhiên, kinh tế, thể chế chính trị, cơ cấu tổ chức xã hội, thành tựu văn hoá.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Nghệ thuật quân sự của nước ta được thể hiện như thế nào qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XVIII? Trên cơ sở đó, em hãy rút ra những bài học kinh nghiệm trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Câu 4:

Bằng những sự kiện lịch sử đã học, em hãy chứng minh phong trào Tây Sơn đã làm nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc.

Câu 5:

Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII (tên các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa, thời gian, người lãnh đạo, các chiến thắng tiêu biểu). Ý nghĩa lịch sử của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa ở giai đoạn này.

(Trường THPT Duy Tân – Kon Tum)

ĐỀ 8

Câu 1:

Tính triệt để của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII được thể hiện như thế nào? Những nguyên nhân nào làm cho Cách mạng tư sản Pháp có tính triệt để hơn so với các cuộc cách mạng tư sản Âu – Mĩ trước đó ?

Câu 2:

Phân tích vai trò và công lao của Liên Xô đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3:

a. Trình bày và so sánh hai giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương.

b. Vì sao nói phong trào Cần vương thực chất là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược?

Câu 4:

Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913) có những điểm gì khác với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương?

Câu 5:

Trình bày nội dung phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo yêu cầu của bảng sau:

Nội dung	Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX
Lực lượng lãnh đạo		
Khuynh hướng chính trị		
Mục tiêu đấu tranh		
Lực lượng tham gia		
Hình thức đấu tranh		
Nguyên nhân thất bại		

(Trường THPT Kon Tum – Kon Tum)

ĐỀ 9

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Vì sao nói: Sự kiện ngày 18/3/1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới? Hãy trình bày nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Công xã Paris. Cách mạng Việt Nam học tập được gì từ Công xã Paris?

Câu 2:

Nêu nguyên nhân làm bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). Bằng những sự kiện lịch sử có chọn lọc, em hãy làm rõ vai trò của Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Trình bày nội dung cơ bản của một số đề nghị cải cách, duy tân tiêu biểu ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, từ đó chỉ ra những điểm chung của các đề nghị đó. Lí giải tại sao hầu hết những đề nghị này đều không được thực hiện?

Câu 4:

Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam như thế nào? Phân tích những chuyển biến của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ XX dưới tác động của chính sách đó.

Câu 5:

Hãy hoàn thành bảng so sánh sau:

Nội dung so sánh	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Tầng lớp khởi xướng		
Hệ tư tưởng		
Mục tiêu đấu tranh		
Hình thức đấu tranh		
Phong trào tiêu biểu		
Lực lượng tham gia		
Kết quả, ý nghĩa		

ĐỀ 10

Câu 1: Công xã Paris

- Công Xã Paris được thành lập như thế nào? Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước Công xã ?
- Hãy chứng minh rằng Công xã Paris là một nhà nước kiểu mới, do dân và vì dân.
- Dựa vào đâu để khẳng định Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản?

Câu 2:

Đánh giá vai trò của quần chúng nhân dân đối với sự phát triển và thắng lợi của cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Câu 3:

Tại sao đầu thế kỉ XX ở Việt Nam lại xuất hiện phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Khuynh hướng dân chủ tư sản có những đóng góp gì mới đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc lúc bấy giờ?

Câu 4:

Thông qua nội dung cơ bản của Chiếu Cần vương, anh (chị) hãy:

- Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa (tác dụng) của Chiếu Cần vương. Phân tích thái độ của các văn thân, sĩ phu và quần chúng nhân dân đối với Chiếu Cần vương.
- Trình bày các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương trong sự nghiệp chống Pháp.

Câu 5:

Lập bảng so sánh về trào lưu cải cách, duy tân cuối thế kỉ XIX và cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo mẫu sau:

Tiêu chí so sánh	Trào lưu cải cách, duy tân trong những năm cuối thế kỉ XIX	Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Những người thực hiện		
Cách tiến hành		
Mục tiêu đấu tranh		
Kết quả – ý nghĩa		

(Trường THPT Hùng Vương – Bình Phước)

ĐỀ 11

Câu 1:

Vì sao nước Nga phải tiến hành hai cuộc cách mạng trong năm 1917? Trình bày diễn biến khởi nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga; Phân tích vai trò của Lênin trong và sau cuộc cách mạng này.

Câu 2:

Nêu nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai. Lập niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941 theo các nội dung: thời gian, chiến sự, kết quả.

Câu 3:

Phong trào Cần vương (1885 – 1896):

- Nguyên nhân bùng nổ.
- Quá trình phát triển.
- Ý nghĩa lịch sử.

Câu 4:

Phân tích sự chuyển biến của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ XX dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.

Câu 5:

Lập bảng so sánh phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo nội dung : bối cảnh lịch sử, mục tiêu đấu tranh, tầng lớp lãnh đạo, lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh, phong trào tiêu biểu, kết quả và ý nghĩa.

(Trường THPT Nguyễn Khuyến – Bình Phước)

ĐỀ 12

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Qua các sự kiện diễn ra trong quá trình chiến tranh, hãy phân tích nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2:

Vì sao cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 được đánh giá là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và lịch sử nhân loại? Liên hệ những ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt Nam.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX:

- Hoàn cảnh ra đời, động cơ cải cách, duy tân.
- Nội dung cơ bản của các đề nghị cải cách.
- Tại sao trào lưu cải cách, duy tân này lại thất bại và hậu quả của nó?

Câu 4:

Phân tích những nhân tố tác động đến sự ra đời của phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Câu 5:

So sánh con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ đó rút ra điểm mới trong con đường cứu nước của Người.

(Trường THPT TX Phước Long – Bình Phước)

ĐỀ 13

Câu 1:

Tóm tắt những thắng lợi của quân Đồng minh trong việc đánh bại phát xít Italia, Đức và quân phiệt Nhật. Ý nghĩa của những chiến thắng đó đối với cục diện Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).

Câu 2:

- Lập bảng so sánh Cách mạng tư sản Anh (giữa thế kỉ XVII) và Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) về: lãnh đạo, nhiệm vụ, tính chất và ý nghĩa lịch sử?
- Vì sao nói nền chuyên chính Giacôbanh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII?

Câu 3:

Nêu điều kiện ra đời và những biểu hiện chủ yếu của phong trào yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản ở Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914).

Câu 4:

Trình bày tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương. Vì sao nói “Cần vương chỉ là danh nghĩa, tính chất yêu nước chống Pháp mới là chủ yếu”.

Câu 5:

Cuộc khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp? Những điều kiện nào đảm bảo cho cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài được 30 năm (1884 – 1913)?

(Trường THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển – Cà Mau)

ĐỀ 14

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Tại sao nói: Công xã Paris là nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới?

Câu 2:

Trình bày ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó đối với Cách mạng Việt Nam như thế nào?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy làm sáng tỏ những nội dung chính yếu về phong trào Cần vương – phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.

Câu 4:

Vì sao Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang và muốn dựa vào Nhật Bản để giành độc lập trong thời kì đầu thế kỉ XX?

Hoạt động chính của phong trào Đông du.

Nguyên nhân thất bại của phong trào Đông du và bài học thực tế rút ra từ phong trào đó.

Câu 5:

Phân tích các đặc điểm cơ bản sau của phong trào yêu nước ở nước ta đầu thế kỉ XX: bối cảnh lịch sử; mục tiêu đấu tranh; hình thức đấu tranh; lực lượng tham gia; kết quả và ý nghĩa.

(Trường THPT Pleiku – Gia Lai)

ĐỀ 15

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Bằng những kiến thức đã học về cách mạng ở Nga năm 1917. Em hãy lí giải vì sao năm 1917 nước Nga có đến hai cuộc cách mạng. Qua đó cho biết ý nghĩa của cuộc Cách mạng tháng Mười năm 1917.

Câu 2:

Lập bảng so sánh của Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc với cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga theo các tiêu chí sau: giai cấp lãnh đạo, xu thế phát triển, tính chất. Đồng thời cho biết nét tương đồng của hai cuộc cách mạng này.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Phân tích những đặc điểm chung của phong trào đấu tranh cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Lí giải vì sao tất cả các phong trào đó đều thất bại.

Câu 4:

Trình bày những hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành từ 1911 – 1918. Qua đó phân tích nét mới trong hoạt động cứu nước của Người so với các bậc tiền bối đi trước.

Câu 5:

Hãy so sánh phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo mẫu sau.

(Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm – Đại học An Giang)

ĐỀ 16

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

Trình bày nguyên nhân và diễn biến cuộc Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII.

Câu 2:

Phân tích nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Cuộc Cách mạng tháng Mười đã tác động đến cách mạng Việt Nam như thế nào?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Trước cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến và nguy cơ đe dọa từ bên ngoài đã đặt Việt Nam trước những khả năng nào? Tại sao triều đình Nguyễn lại cố tình duy trì đường lối bảo thủ, phản động?

Câu 4:

Nêu những đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Vì sao những đề nghị cải cách đó không thực hiện được? Để thực hiện được một cuộc cải cách cần có những điều kiện nào?

Câu 5:

So sánh phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX với phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX theo các nội dung: bối cảnh lịch sử, giai cấp lãnh đạo, mục tiêu đấu tranh, lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh, kết quả và ý nghĩa lịch sử.

(Trường THPT Vũng Tàu – Bà Rịa Vũng Tàu)

B. ĐÁP ÁN

ĐỀ 1

Câu 1:

a. Phong trào đấu tranh

- Phong trào Duy tân Mậu Tuất (1898):

+ Lãnh đạo là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

+ Nội dung, cải cách về mọi mặt: kinh tế (phát triển công nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo và phát minh khoa học), văn hoá (học chương trình mới, đưa khoa học kĩ thuật vào nhà trường), quân sự (trang bị, huấn luyện kiểu Âu - Mỹ), chính trị (dân được quyền kiến nghị với nhà vua),...

+ Cuộc vận động thực hiện được 103 ngày thì chấm dứt vì thế lực thủ cựu chống đối, đứng đầu là Từ Hy Thái hậu.

- Phong trào Nghĩa Hoà Đoàn (1900):

+ Đầu thế kỉ XX, do ách thống trị của phong kiến trong nước và sự xâm lược của đế quốc đã làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc phát triển mạnh.

+ Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra liên tiếp, lớn mạnh nhất là Nghĩa Hoà Đoàn ở Sơn Đông đã lan rộng khắp miền Bắc Trung Quốc. Năm 1900, Nghĩa Hoà Đoàn tấn công vào các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.

+ Liên quân 8 nước đế quốc đánh Bắc Kinh, bắt giết, cướp bóc, đốt phá nhà cửa, đất đai của nhân dân Trung Quốc.

+ Triều Thanh đầu hàng, kí Điều ước Tân Sửu (1901) chịu nhiều điều khoản nặng nề (bồi thường chiến phí cho các nước đế quốc đóng quân ở Bắc Kinh). Trung Quốc thực sự trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

- Cuộc cách mạng Tân Hợi (1911)

+ Do Đồng minh hội tiến hành dưới sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn.

+ Đây là cuộc cách mạng tư sản đã lật đổ triều Mãn Thanh tồn tại lâu đời ở Trung Quốc.

+ Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

b. Ảnh hưởng đối với Việt Nam:

– Sự đầu hàng của nhà Nguyễn, thực dân Pháp đặt Việt Nam vào quỹ đạo của Pháp, Việt Nam chịu tác động dữ dội của tình hình bên ngoài.

– Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống phong kiến, đế quốc, đặc biệt là phong trào Duy tân đã lan sang các nước vùng châu Á như Việt Nam, Ấn Độ,...

– Tại Việt Nam, một số sĩ phu yêu nước, qua các sách báo của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, đã tiếp thu tư tưởng cải cách, từ đó làm nảy sinh một khuynh hướng chính trị mới.

– Trào lưu dân tộc chủ nghĩa với hai gương mặt tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

Câu 2:

Nội dung	CM Pháp (1789)	CM Tân Hợi (1911)	CM tháng Mười Nga (1917)
Hình thức cách mạng	Nội chiến + đấu tranh giải phóng dân tộc.	Nội chiến.	Nội chiến.
Nhiệm vụ cách mạng	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa.	Lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, thiết lập nền cộng hoà.	Lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản.
Văn kiện xác nhận thể chế chính trị	Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.	Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội	Luận cương tháng tư của Lênin.
Kết quả cách mạng	Lật đổ được nền quân chủ chuyên chế, tuyên bố xác lập chế độ tư bản cùng các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ chế độ đẳng cấp và quan hệ ruộng đất phong kiến, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.	Lật đổ được triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản.	Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, chế độ xã hội chủ nghĩa được thiết lập với mục đích cao cả là xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc và công bằng cho người lao động.

<i>Tính chất cách mạng</i>	Cách mạng tư sản. Cách mạng tư sản triệt để nhất.	Cách mạng dân chủ tư sản. Cách mạng không triệt để	Cách mạng xã hội chủ nghĩa Cách mạng vô sản.
--------------------------------	---	---	--

Câu 3:

*** Phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX:**

- Phong trào Cần vương (1885 – 1896):

+ Giai đoạn 1 (1885 – 11/1888):

Nhiều sĩ phu, văn thân yêu nước đã hưởng ứng chiếu Cần vương, tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt trên một địa bàn rộng lớn tập trung ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ như các cuộc khởi nghĩa:

Ở Trung Kỳ: có các cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng (Bình Định), Lê Trung Đình (Quảng Ngãi), Lê Duy Hiệu (Quảng Nam), Lê Trực (Quảng Bình), Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh), Phạm Bành (Thanh Hoá),...

Ở Bắc Kỳ: có các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Quang Bích, Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật,...

+ Giai đoạn 2 (1888 – 1896):

Nghĩa quân chuyển hoạt động từ đồng bằng lên trung du và rừng núi, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao và duy trì cuộc chiến đấu dẻo dai trong nhiều năm như: Khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), Khởi nghĩa Ba Đình, Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (Thanh Hoá), Khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh),...

- Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913): ở Bắc Giang do Hoàng Hoa Thám chỉ huy.

- Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số:

Ở Thanh Hoá những nghĩa quân người Mường do Hà Văn Mao chỉ huy đã tham gia Khởi nghĩa Ba Đình, người Thái do Cẩm Bá Thước chỉ huy đã phối hợp chiến đấu với nghĩa quân Hùng Lĩnh và Hương Khê.

Ở Tây Nguyên, có khởi nghĩa của N'Trang Gưh, Ama Wah, Ama Kol, Ama Jhao,...

Ở Tây Bắc, các dân tộc người Thái, Mường, H'Mông tập hợp xung quanh Nguyễn Quang Bích,... đấu tranh.

Ở Đông Bắc, có các toán quân người Dao, Hoa hoạt động,...

*** Đặc điểm của các phong trào đấu tranh:**

- Phong trào nổ ra rộng khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- Thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động.
- Hình thức đấu tranh chủ yếu là vũ trang.
- Lãnh đạo đấu tranh là các sĩ phu, văn thân yêu nước và nông dân.
- Các cuộc đấu tranh tuy bị đàn áp nhưng đã làm chậm quá trình bình định Việt Nam của Pháp.

Câu 4:

- Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp:

+ Năm 1897, Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam trên quy mô lớn.

+ Xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ; xây dựng một số nhà máy điện, nước, xi măng, xay xát và một số cơ sở công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tại chỗ.

+ Đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu là than) để đưa về nước phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

+ Cướp ruộng đất lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, cao su...

- Chính sách khai thác của Pháp làm cho cơ cấu xã hội Việt Nam ngày càng phân hoá sâu sắc:

+ Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ trở nên giàu có. Dựa vào Pháp, họ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Trong đó, một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ bị Pháp chèn ép nên có tinh thần chống Pháp.

+ Nông dân bị mất ruộng đất. Một số ít bỏ làng ra các hầm mỏ, đồn điền làm thuê. Phần đông vẫn ở lại làng chịu áp bức bóc lột nặng nề bởi nạn thuế khoá, phu phen, tạp dịch. Đây là một lực lượng cách mạng to lớn nhưng thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên chưa phát huy được đầy đủ sức mạnh của mình.

+ Giai cấp công nhân được hình thành từ một bộ phận nông dân phá sản phải bỏ làng xóm ra thành thị, đến các nhà máy, đồn điền,

hầm mỏ để xin việc làm. Công nhân Việt Nam ngày tăng về số lượng, và tập trung trong các cơ sở kinh tế chủ yếu của thực dân Pháp.

+ Tư sản dân tộc cũng ra đời từ một bộ phận người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất. Tầng lớp này ngay từ đầu đã bị thực dân Pháp khống chế, chèn ép nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu.

+ Tầng lớp tiểu tư sản ra đời, họ thuộc nhiều thành phần: chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên,... Số lượng ngày càng đông cùng với sự mở rộng khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

+ Các sĩ phu Nho học bắt đầu có những chuyển biến trong tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế.

– Cuộc khai thác thuộc địa của Pháp làm nảy sinh những lực lượng mới, qua đó tạo nên những biến đổi bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỉ XX.

Câu 5:

a. So sánh: phong trào nông dân Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương theo mẫu sau:

Nội dung	Phong trào nông dân Yên Thế	Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương
Mục đích	Đánh đuổi giặc Pháp, bảo vệ quê hương, đất nước.	Đánh đuổi giặc Pháp, hưởng ứng chiếu Cần vương
Lãnh đạo	Phần lớn là nông dân.	Văn thân, sĩ phu và thổ hào ở địa phương.
Thời gian tồn tại	Trải qua 4 giai đoạn, kéo dài 30 năm (1884 – 1913).	Qua 3 cuộc khởi nghĩa lớn, 11 năm (1885 – 1896).
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang.	Khởi nghĩa vũ trang.
Tính chất	Dân tộc.	Dân tộc (theo ý thức hệ phong kiến).

b. Phong trào nông dân Yên Thế tồn tại trong thời gian dài (30 năm). Vì:

– Nghĩa quân biết dựa vào dân, nhờ sự che chở của nhân dân. Nghệ thuật chiến tranh khôn khéo, hoà hoãn để củng cố lực lượng chiến đấu lâu dài.

– Dựa vào yếu tố địa hình, địa vật để hoạt động gây cho Pháp nhiều khó khăn, Pháp phải đối phó với nhiều cuộc khởi nghĩa khác.

c. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào nông dân Yên Thế.

*** Nguyên nhân thất bại:**

– Sau khi dập tắt được phong trào Cần vương, Pháp tập trung lực lượng để dập tắt cuộc Khởi nghĩa Yên Thế, dùng nhiều thủ đoạn (giảng hoà, dùng nội gián) để nắm rõ tình hình của nghĩa quân.

– Sự chênh lệch về lực lượng, thiếu vai trò lãnh đạo, đường lối kháng chiến không phù hợp, chưa xây dựng được hậu phương vững chắc.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

– Mặc dù phong trào nông dân Yên Thế bị thất bại nhưng đã thể hiện tinh thần kiên cường chống Pháp của nhân dân ta. Chứng tỏ sức mạnh của giai cấp nông dân Việt Nam đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

– Để lại những kinh nghiệm quý báu về cách thức tổ chức lãnh đạo, đường lối kháng chiến, nghệ thuật chiến tranh, xây dựng hậu phương.

ĐỀ 2

Câu 1:

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi (1911)	Cách mạng Nga (1905 – 1907)
<i>Lãnh đạo</i>	Những người cấp tiến trong giai cấp tư sản và tiểu Tư sản, tiêu biểu là Tôn Trung Sơn.	Giai cấp vô sản, đứng đầu là Lênin và Đảng Bôn-sê-vich.
<i>Nhiệm vụ</i>	– Lật đổ triều đại Mãn Thanh. – Khôi phục Trung Hoa.	– Lãnh đạo phong trào cách mạng của công nhân. – Thành lập nền chuyên chính vô sản.

	– Thành lập nước Trung Hoa Dân quốc. – Giải quyết vấn đề ruộng đất của nhân dân.	– Lật đổ chế độ phong kiến Nga hoàng. – Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, mở đường cho sản xuất phát triển.
<i>Lực lượng tham gia</i>	– Đông đảo quần chúng nhân dân ở mọi tầng lớp. – Giai cấp tư sản, tiểu tư sản. – Địa chủ, các chí sĩ bất bình với nhà Thanh.	Giai cấp công nhân, nông dân, binh lính và các dân tộc sống trong đế quốc Nga.
<i>Xu hướng phát triển</i>	– Đánh đổ nhà Mãn Thanh, thành lập nền chuyên chính tư sản (chế độ cộng hoà).	Lật đổ chế độ chuyên chính Nga hoàng, thành lập nền chuyên chính vô sản.
<i>Kết quả</i>	Thất bại, Tôn Trung Sơn phải lánh ra nước ngoài.	Thất bại do bị đàn áp.

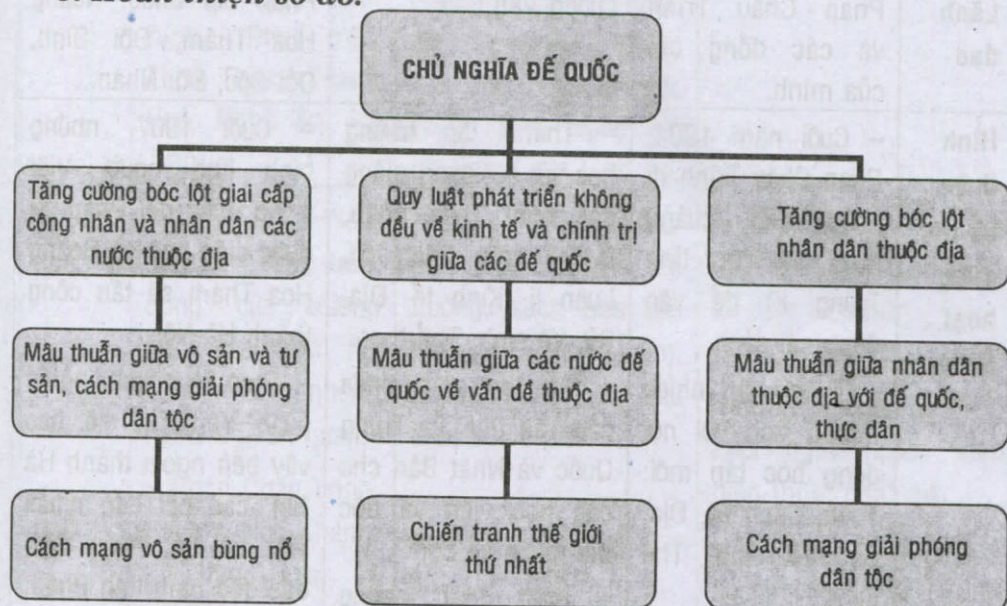
Câu 2

a. Mặt trận Xô – Đức (từ tháng 6/1940 đến tháng 6/1944)

Thời gian	Sự kiện
22/6/1941	– Đức tấn công Liên Xô, phá vỡ Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược nhau. – Tận dụng ưu thế về sức mạnh quân sự và yếu tố bất ngờ, Đức áp dụng chiến thuật “Chiến tranh chớp nhoáng” dự định đánh bại Liên Xô trong 6 – 8 tuần lễ. – Ba đạo quân Đức gồm 5,5 triệu người đồng loạt tấn công, gây cho quân Liên Xô nhiều tổn thất nặng nề, chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn. – Sau ba tháng, đạo quân phía Bắc của phát xít Đức đã bao vây Leningrat, đạo quân trung tâm đã tiến đến vùng ngoại vi của Mátxcơva, đạo quân phía Nam đã chiếm Kiép và phần lớn lãnh thổ Ucraina. – Nhân dân Liên Xô đã chiến đấu anh dũng trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt cho đến ngày được giải phóng.

6/12/1941	– Đức mở hai cuộc tấn công lớn liên tiếp vào thủ đô Mátxcova nhằm kết thúc chiến tranh nhưng đã bị Hồng quân Liên Xô bẻ gãy. Trong mùa đông năm ấy, Hồng quân Liên Xô do tướng Giucốp chỉ huy, ngày 6/6/1942 đã phản công đẩy lùi quân địch cách xa Mátxcova hàng trăm kilômét, làm thiệt hại nặng nề đội quân trung tâm, phá vỡ hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Đức. – Sau thất bại ở Mátxcova, phát xít Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía nam, nhằm chiếm vùng lương thực và nguồn dầu mỏ quan trọng của Liên Xô ở đây, đồng thời cũng cắt đường tiếp tế lương thực của Hồng quân Liên Xô. Muốn làm chủ phần này, Đức phải chiếm được thành phố Xtalingrat. Cuộc chiến đấu bảo vệ Xtalingrat đã diễn ra vô cùng ác liệt trong 2 tháng.
19/11/1942 – 2/2/1943	– Trận phản công tại Xtalingrat đã tạo nên bước ngoặt xoay chuyển tình thế của cuộc chiến tranh thế giới: ưu thế từ phe Trục chuyển sang phe Đồng minh, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân trung tâm do Thống chế Phôn Paolút chỉ huy. Từ đây, quân Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.
5/7 – 23/8/1943	– Trận chiến ở Cuốcxcơ, quân Liên Xô đã bao vây, tấn công và tiêu diệt 30 sư đoàn của Đức (trong đó có 7 sư đoàn xe tăng), loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân Đức.
Cuối năm 1943 – 6/1944	– Hồng quân Liên Xô tiến vào và giải phóng nhiều vùng lãnh thổ: tiến vào Ucraina (cuối năm 1943), giải vây cho Leningrat (1/1944)... Đến tháng 6/1944, phần lớn lãnh thổ trước chiến tranh của Liên Xô đã được giải phóng.

b. Hoàn thiện sơ đồ:



Câu 3:

Nội dung so sánh	Cuộc Vận động cải cách ở Trung Kỳ (1904)	Đông Kinh Nghĩa thực	Cuộc đấu độc binh lính Pháp ở thành Hà Nội
Mục đích	- Cải cách xã hội, nâng cao dân trí, dân quyền. - Vạch trần bộ mặt của vua quan phong kiến thối nát. - Đề nghị thực dân Pháp thay đổi thái độ với các sĩ phu Việt Nam và thay đổi chính sách cai trị để nhân dân Việt Nam tiến lên văn minh. - Chủ trương "tự lực khai hoá", thức tỉnh dân chúng, làm cho họ ý thức được quyền của mình.	- Nâng cao, tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, chí tiến thủ cho người dân. - Truyền bá những hiểu biết về một nền học thuật mới và nếp sống văn minh. - Phối hợp với phong trào Đông du của Phan Bội Châu và phong trào cải cách Duy tân đang phát triển, góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi âm mưu xâm lược của ngoại bang, thành một quốc gia độc lập.	- Đấu độc binh lính Pháp. - Đấu tranh chiếm lại thành Hà Nội.

Lãnh đạo	Phan Châu Trinh và các đồng chí của mình.	Lương Văn Can.	Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám, Đội Bình, Đội Cốc, Đội Nhân...
Hình thức và nội dung hoạt động	- Cuối năm 1904, Phan Châu Trinh đi khắp tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ để vận động cải cách. - Thành lập nhiều trường học với nội dung học tập mới: Toán, Cách trí, Địa, Sử, Vệ sinh, Thể dục... - Tuyên truyền đầy mạnh sản xuất, thúc đẩy công thương nghiệp, lên án bọn vua quan phong kiến thối nát, đả phá phong tục lạc hậu. - Kết quả: Nhiều hội buôn hàng nội hoá và các công ti làm nghề thủ công ra đời. - Cuộc vận động đi sâu vào quần chúng và làm bùng lên phong trào chống bất phu, đòi giảm thuế của nhân dân Trung Kỳ (3/1908). Phong trào lan	- Thành lập trường học với nội dung giảng dạy mới: Toán pháp, Ngoại ngữ, Cách trí, Luân lý, Kinh tế, Địa, Sử, Vệ sinh, Thể thao. - Có thư viện chứa các Tân thư của Trung Quốc và Nhật Bản cho các học viên và đọc giả mượn về đọc - Hoạt động phong phú. Về văn hoá - giáo dục, trường tuyên truyền thực hiện nếp sống mới, cải cách xã hội, chống tư tưởng phong kiến lạc hậu, chống cụ học, hủ nho, chống thi cử Hán học. - Đề cao phương pháp học tập mới: cho phép học viên bàn bạc, thảo luận, đọc báo, giảng sách, bình văn. - Ảnh hưởng của phong trào ngày càng lớn, số học viên ngày càng đông (lên đến 2.000 người), các buổi bình văn, thơ thu hút nhiều người tham gia.	- Cuối 1907, những binh lính người Việt trong quân đội Pháp đã được giác ngộ và Hoàng Hoa Thám sẽ tấn công thành Hà Nội. - Theo kế hoạch, nghĩa quân Yên Thế sẽ bao vây bên ngoài thành Hà Nội, các bồi bếp người Việt sẽ bỏ thuốc độc, đầu độc binh lính Pháp. Khi có hiệu lệnh, quân của Hoàng Hoa Thám từ bên ngoài đánh vào, binh lính người Việt từ trong đánh ra, nhanh chóng chiếm thành Hà Nội

	rộng khắp các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.	– Phân hiệu Nghĩa thực được hình thành ở nhiều nơi: Bắc Ninh, Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phan Thiết,...	
Kết quả	– Thực dân Pháp đàn áp phong trào, đóng cửa trường học, giải tán hội buôn, bắt những người có liên quan. – Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Huân và nhiều người khác bị đày ở Côn Đảo, Lao Bảo.	Tháng 11/1907, Pháp ra lệnh đóng cửa trường, sách báo của trường cũng bị cấm, những nhân vật chủ chốt đều bị bắt.	– Kế hoạch bị dờn nhiều lần, đến ngày 27/6/1908 thì được thực hiện. – Hàng trăm binh lính Pháp bị đầu độc, cuộc khởi nghĩa chưa thực hiện thì bị phát giác. – Lính và sĩ quan Pháp được cứu chữa, lệnh thiết quân luật được ban ra, các đội tuần tiễu lùng sục khắp thành phố và ngoại ô, những nơi quan trọng trong thành phố bị canh gác nghiêm ngặt. – Binh lính người Việt bị tước hết vũ khí; tháng 6/1908, Pháp xử tử Đội Bình, Đội Cốc, Đội Nhân. 10/1908, Pháp xử tử thêm 6 người nữa, kết án chung thân một số người và nhiều người bị kết án tù có thời hạn. Những người trong Đông Kinh Nghĩa thực cũng bị kết án.

Câu 4:

a. Bối cảnh lịch sử:

- Nửa cuối thế kỉ XIX, đất nước ta ngày càng rơi vào khủng hoảng trầm trọng, triều đình nhà Nguyễn lại ra sức bóc lột người dân.
- Nhiều cuộc khởi nghĩa chống triều đình diễn ra nhưng thất bại.
- Nhiều quan lại, sĩ phu yêu nước đã đứng cảm dâng lên vua những bản điều trần đề nghị cải cách, trong đó nổi tiếng nhất là bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ.
- Tuy nhiên, hầu hết các bản điều trần đó đều không được thực hiện.

b. Nội dung cơ bản của trào lưu cải cách Duy tân

- Mở rộng việc khai mỏ, đóng tàu.
- Biệt đãi người phương Tây.
- Khai thông buôn bán với bên ngoài, mở các cửa biển Trà Lý (Nam Định), Ba Lạt, Đồ Sơn, Đà Nẵng để giao lưu, thông thương với các nước ngoài.
- Chấn chỉnh bộ máy quan lại.
- Chỉnh trang võ bị, ngoại giao.
- Cải tổ giáo dục theo gương của Nhật Bản.
- Đề nghị xây dựng một "Hương Cảng của Việt Nam"

c. Những mặt tích cực và hạn chế của những đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX:

*** Tích cực:**

- Tất cả các bản điều trần đều xuất phát từ tấm lòng yêu nước và tâm huyết của các quan lại sĩ phu tiến bộ, mong muốn đất nước phát triển, thoát khỏi âm mưu xâm lược của ngoại bang.
- Tấn công vào những tư tưởng bảo thủ, cổ hủ.
- Chuẩn bị toàn diện cho phong trào cải cách duy tân sôi nổi và rộng khắp đầu thế kỉ XX.

*** Hạn chế:**

- Những đề nghị đó không xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước, nặng về học tập, mô hình. Do quan sát được từ nước ngoài nên những bản điều trần còn tản mạn, rời rạc, thiếu thực tế, thiếu tính khả thi, không toàn diện.
- Vẫn duy trì chế độ phong kiến.
- Chỉ dừng ở mức đề nghị.

Câu 5:

a. Các giai đoạn phát triển của Khởi nghĩa Hương Khê:

- Giai đoạn 1: (1883 – cuối 1888)

+ Phan Đình Phùng giao quyền chỉ huy cho Cao Thắng, ra Bắc liên kết lực lượng.

+ Cao Thắng tổ chức, tập trung lực lượng, huấn luyện nghĩa quân, chú trọng phối hợp các toán nghĩa quân, động viên nhân dân tham gia khởi nghĩa.

+ Tích trữ lương thực, khí giới do sự giúp đỡ của nhân dân rồi đem giấu vào rừng.

+ Chế tạo thành công súng trường theo kiểu của Pháp (Cao Thắng được xem là ông tổ ngành quân giới nước ta).

+ Xây đắp công sự, hình thành hệ thống chiến lũy hoàn hảo ở Ngàn Trươi và Vụ Quang.

- Giai đoạn 2: (1889 – 1896)

Đây là giai đoạn nghĩa quân chiến đấu quyết liệt, tấn công vào một số đồn trại của giặc và lập nhiều chiến công:

+ Tháng 9/1889, Phan Đình Phùng trở về, trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

+ Lực lượng được chia làm 15 quân thứ, mỗi quân thứ được đặt dưới sự chỉ huy của các tướng lĩnh tài năng và uy tín.

+ 1889 – 1892: Nghĩa quân đánh thắng được nhiều trận càn của địch, tấn công nhiều đồn trại của giặc và giành chiến thắng.

+ Năm 1892, thực dân Pháp tấn công vào khu Ngàn Trươi. Nghĩa quân bố trí một phần lực lượng ở lại chống cự, một phần khác luồn ra phía sau, hoạt động sau lưng địch, buộc chúng phải rút về. Cùng lúc đó, nghĩa quân táo bạo tấn công vào thị xã Hà Tĩnh, phá nhà tù, giải phóng 700 tù chính trị.

+ Tháng 11/1893, được sự đồng ý của Phan Đình Phùng, Cao Thắng dẫn 1.000 quân tấn công vào tỉnh lỵ Nghệ An. Ông hi sinh trong trận đánh đồi Nu (Thanh Chương), gây tổn thất không nhỏ đối với nghĩa quân.

+ Lợi dụng cơ hội đó, Pháp tập trung lực lượng siết chặt phạm vi hoạt động của nghĩa quân.

+ Tháng 3/1894, nghĩa quân đánh vào thị xã Hà Tĩnh lần nữa rồi sau đó rút về cố thủ ở núi Quạt và núi Vụ Quang. Ngày 17/10/1894, dù bị uy hiếp mạnh nhưng nghĩa quân vẫn giành thắng lợi trong trận Vụ Quang, làm tiêu hao nhiều sinh lực địch.

+ Triều đình Huế cử Nguyễn Thân đem 3.000 quân bao vây căn cứ. Ngày 28/12/1894, Phan Đình Phùng hi sinh.

+ Đầu 1896, những thủ lĩnh cuối cùng của phong trào bị bắt. Cuộc khởi nghĩa chấm dứt hẳn.

b. Khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa đỉnh cao của phong trào Cần vương vì:

– Thời gian tồn tại: 10 năm.

– Tổ chức tương đối chặt chẽ, huy động tối đa sức mạnh nghĩa quân và nhân dân, lập nhiều chiến công, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

– Chiến thuật: sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo, cả trong giai đoạn chuẩn bị lẫn giai đoạn tác chiến.

– Quy mô: địa bàn rộng lớn trải trên 4 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

– Lực lượng tham gia: đông đảo quần chúng nhân dân và các dân tộc thiểu số.

– Lãnh đạo: thành phần đa dạng, có cả nông dân.

ĐỀ 3

Câu 1.

**** Những sự kiện tiêu biểu của Chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương:***

– Tháng 9/1940, Nhật tiến vào Đông Dương, quan hệ Mĩ – Nhật căng thẳng.

– Ngày 7/12/1941, Nhật tấn công Trân Châu cảng (Mĩ), Mĩ tuyên chiến, chiến tranh lan rộng khắp thế giới.

– Từ tháng 12/1941, Nhật Bản mở hàng loạt các cuộc tấn công vào các nước Đông Nam Á, bành trướng ở khu vực Thái Bình Dương; Nhật chiếm Mã Lai, Thái Lan, Xingapo, Philíppin, Miến Điện, Indônêxia, nhiều đảo ở Thái Bình Dương,...

– Từ tháng 4/1942, Nhật đánh chiếm hầu hết các đảo Tân Ghinê, uy hiệp Ôxtrâyliá,... Tháng 8/1942, quân Mĩ đánh bại quân Nhật ở Guadacanan, tạo ra bước ngoặt ở mặt trận này, Mĩ chuyển sang phản công, lần lượt đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương. Từ năm 1944, liên quân Anh – Ấn, Mĩ – Hoa tấn công đánh chiếm Miến Điện, Philippin, uy hiệp các thành phố lớn của Nhật bằng không quân.

– Ngày 6/8/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hirôsimá (Nhật Bản) làm 140 nghìn người chết.

– Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến và tiêu diệt đạo quân Quan Đông (gồm 70 vạn quân Nhật ở Mãn Châu).

– Ngày 9/8/1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Nagasaki (Nhật Bản) làm chết 70.000 người.

– Ngày 15/8/1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

**** Sự kiện tác động mạnh mẽ đến tình hình chiến tranh.***

Ngày 7/12/1941, Nhật Bản tấn công Mĩ tại Trân Châu cảng (Haoai).

– Nhật Bản tấn công Mĩ tại Trân Châu cảng đã buộc Mĩ phải tham chiến. Việc Mĩ tham chiến cùng với Liên Xô từ tháng 6/1941 đã chính thức làm cho cuộc chiến tranh lan rộng khắp thế giới.

– Chính phủ Mĩ phải thay đổi thái độ, bắt tay với Liên Xô trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít. Ngày 1/1/1942, tại Oasinhtơn, 26 quốc gia (đứng đầu là Liên Xô, Mĩ, Anh) đã kí tuyên ngôn Liên hợp quốc, tuyên ngôn cam kết cùng nhau tiến hành cuộc chiến chống phát xít với toàn bộ lực lượng của mình, từ đó khối Đồng minh chống phát xít thành lập.

– Sự ra đời của khối Đồng minh chống phát xít, đã thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình thế giới.

**** Bài học cho cuộc chiến tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay:***

– Chủ nghĩa đế quốc, phát xít là nguồn gốc của xâm lược, chiến tranh và phản động, là thế lực đem đến những hậu quả nặng nề cho loài người.

– Đấu tranh chống đế quốc, phát xít, bảo vệ và duy trì một thế giới hoà bình là nguyện vọng của loài người tiến bộ.

– Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít là một bằng chứng chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội, hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc.

– Sự thành lập mặt trận Đồng minh chống phát xít là bằng chứng về khả năng hợp tác của các quốc gia có chế độ chính trị – xã hội khác nhau. Sự hợp tác này tiếp tục được phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước, chống lại các âm mưu gây chiến, xung đột,... của các quốc gia – dân tộc hiện nay.

Câu 2:

– Hoàn cảnh:

+ Nửa sau thế kỉ XIX, nhà Thanh kí nhiều hiệp ước bất bình đẳng với nhiều nước đế quốc... Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm xé và chia cắt.

+ Thái độ uơ hèn của nhà Thanh và tình trạng lạc hậu của Trung Quốc là nguyên nhân làm xuất hiện trào lưu tư tưởng mới muốn cải cách đất nước để thoát khỏi tình trạng phụ thuộc vào đế quốc bên ngoài.

+ Khang Hữu Vi (1858 – 1927), Lương Khải Siêu (1873 – 1929) đã khởi xướng phong trào Duy tân (1898)

– Nội dung:

+ Về kinh tế: Lập ngân hàng, xây dựng đường sắt, khai mỏ, khuyến khích tư nhân kinh doanh, công khai công bố dự án xuất nhập của nhà nước.

+ Về chính trị: Sửa đổi Hiến pháp, cho nhân dân quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản sách báo, lập hội học, thủ tiêu một số đặc quyền của tầng lớp quý tộc người Mãn.

+ Về văn hoá – giáo dục: Sửa đổi lại chế độ thi cử, lập nhiều trường học, mở trường Đại học Bắc Kinh.

+ Về quân sự: Trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.

– Nguyên nhân thất bại:

Do lực lượng tiến hành còn yếu nên phong trào Duy tân bị thất bại.

Vua Quang Tự ủng hộ Duy tân nhưng không có thực quyền (do sự chống đối quyết liệt của đại đa số quan lại phong kiến Mãn Thanh, đứng đầu là Từ Hi Thái hậu.)

– Tính chất:

Phong trào được xem là một cuộc cách mạng tư sản.

- Kết quả:

Phong trào tiến hành được 103 ngày thì thất bại bởi thế lực thủ cựu phản động của triều đình Mãn Thanh phá hoại.

- Ý nghĩa:

+ Cuộc vận động Duy tân đã khơi dậy tư tưởng tiến bộ, tấn công mạnh mẽ vào hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ, lạc hậu nhằm làm thay đổi chế độ phong kiến Trung Quốc, đưa Trung Quốc phát triển theo hướng TBCN.

+ Mang tính thời đại, góp phần giải quyết yêu cầu cấp bách của Trung Quốc lúc bấy giờ.

Câu 3:

*** Trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX ở nước ta là sự kế tục phong trào Cần vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX:**

+ Trong nửa sau thế kỉ XIX, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra liên tục. Lúc đầu là phong trào kháng chiến của quần chúng kết hợp với lực lượng quân đội chính quy của triều đình, tiếp theo là phong trào yêu nước khởi nghĩa vũ trang Cần vương còn chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến. Thực chất đây là phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân nhằm đánh đổ Pháp và tay sai, khôi phục lại nền độc lập dưới chế độ phong kiến.

+ Đầu thế kỉ XX, trước những biến chuyển về kinh tế, xã hội và ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào, đã xuất hiện một trào lưu dân tộc chủ nghĩa với những cuộc vận động dân tộc – dân chủ của những tầng lớp xã hội mới. Đây là phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản của tầng lớp nho sĩ cũ đã chịu ảnh hưởng tư tưởng mới ở bên ngoài (tư tưởng Duy tân), tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh với các phong trào Đông du, phong trào cải cách xã hội ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ (như việc thành lập Đông Kinh Nghĩa thực, phong trào Duy tân ở Trung Kỳ), phong trào chống thuế ở Trung Kỳ 1908,... Vì vậy có thể nói đây là sự kế tục phong trào Cần vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

*** Đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta:**

– Chủ nghĩa yêu nước trong phong trào Cần vương là “trung quân ái quốc” của sĩ phu, văn thân thời trước đã chuyển thành “trung dân ái quốc” (yêu nước gắn liền với thương dân). Khởi xướng phong trào là những sĩ phu yêu nước tiến bộ, tiêu biểu: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Họ mất niềm tin vào chế độ phong kiến, họ bắt đầu có ý thức về dân chủ và dân quyền. Họ chủ trương giải phóng dân tộc gắn liền với duy tân, thay đổi xã hội hiện tại. Mục đích cứu nước để cứu dân, gắn cuộc đấu tranh giành độc lập với phát triển đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa.

– Hình thức và phương pháp đấu tranh không chỉ là đấu tranh vũ trang mà còn kết hợp nhiều biện pháp, đấu tranh trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, ngoại giao, tư tưởng, văn hoá, đoàn kết dân tộc, vận động giúp đỡ từ bên ngoài,...

– Tư tưởng, mục tiêu, nhiệm vụ, và phương thức đấu tranh trên đây đã làm dấy lên cuộc vận động cứu nước sôi nổi, sâu rộng trong đông đảo quần chúng đầu thế kỉ XX với các phong trào: Đông du, vận động cải cách Duy tân, Đông Kinh Nghĩa thực, chống thuế ở Trung Kỳ. Tuy chưa làm bùng nổ một cuộc cách mạng tư sản thật sự, nhưng có thể nói phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX, không chỉ là sự kế tục phong trào Cần vương yêu nước cuối thế kỉ XIX, mà còn đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta.

Câu 4:

Điểm giống và khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

*** Giống nhau:**

– đều xuất phát từ tinh thần yêu nước, có chung mục đích làm cách mạng để cứu nước, cứu dân. Cả hai ông đều thống nhất khái niệm “cứu nước” với “cứu dân”; gắn cứu nước với duy tân làm cho đất nước phát triển, gắn việc đuổi Pháp với cải cách xã hội.

– Là những trí thức phong kiến ưu tú mong muốn giành độc lập cho dân tộc.

– Cả hai ông đều chủ trương cầu ngoại viện để giành độc lập (Phan Bội Châu dựa vào Nhật, Phan Châu Trinh dựa vào Pháp).

– Điều đi ra nước ngoài học hỏi kinh nghiệm cách mạng của các nước và về làm cách mạng ở Việt Nam.

– Cả hai đều chịu ảnh hưởng tư tưởng từ bên ngoài tác động vào, chủ trương cứu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản.

– Kết quả cuối cùng: cả hai khuynh hướng đều thất bại nhưng lại tạo điều kiện cho khuynh hướng cứu nước mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– Khác nhau:

+ *Phan Bội Châu:*

Dùng phương pháp bạo động, cứu nước rồi cứu dân (chủ trương giải phóng dân tộc để tiến hành cải cách dân chủ), chủ trương vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ của bên ngoài trước hết là Nhật Bản để tiến hành bạo động chống Pháp, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam. Ông nhấn mạnh vấn đề giải phóng dân tộc, cho đó là điều kiện để tiến hành cải cách dân chủ.

+ *Phan Châu Trinh:*

Dùng phương pháp ôn hoà, cứu dân rồi cứu nước, ông nhấn mạnh vấn đề cải cách dân chủ, cho đó là điều kiện để giải phóng dân tộc (cải cách dân chủ để tiến hành giải phóng dân tộc), cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền; chủ trương bất bạo động, vận động thức tỉnh dân chúng, tuyên truyền tư tưởng dân quyền, cổ động lòng yêu nước thông qua các mặt kinh tế, văn hoá, giáo dục).

Câu 5:

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
<i>Bối cảnh lịch sử</i>	– Triều đình Huế đã kí Hiệp ước năm 1884 thực sự đầu hàng thực dân Pháp. – Phái chủ chiến và vua Hàm Nghi hạ Chiếu Cần vương.	– Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất, làm cho nền kinh tế – xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi. – Sự hình thành các tầng lớp, giai cấp mới. – Ảnh hưởng của những trào lưu tiến bộ trên thế giới.

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
<i>Tầng lớp lãnh đạo</i>	– Vua quan nhà Nguyễn, (Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết (phái chủ chiến)). – Văn thân, sĩ phu yêu nước còn mang ý thức hệ phong kiến.	Những sĩ phu yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh).
<i>Mục tiêu đấu tranh</i>	Chống Pháp giành độc lập, khôi phục chế độ phong kiến.	Chống Pháp giành độc lập, hướng tới một nền cộng hoà, một nước Việt Nam độc lập,... Gắn độc lập dân tộc với việc xây dựng một xã hội tiến bộ hơn.
<i>Hình thức đấu tranh</i>	Chỉ đấu tranh vũ trang (khởi nghĩa).	Phong phú, đa dạng: bạo động vũ trang, cải cách xã hội, vận động văn hoá, mở trường, tuyên truyền, lập hội,... với các phong trào như phong trào Duy tân, Đông du, Đông Kinh Nghĩa thực.
<i>Lực lượng tham gia</i>	Văn thân, sĩ phu yêu nước, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, tư sản, tiểu tư sản và nhiều tầng lớp: thợ thuyền, nhà Nho, nông dân, nhà buôn, binh lính, học sinh.
<i>Phong trào tiêu biểu</i>	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê.	Phong trào Duy tân, Đông du, Đông Kinh Nghĩa thực.
	– Gây cho địch nhiều tổn thất, nhưng cuối cùng bị đàn áp và thất bại.	– Dấy lên phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới, với hình thức đấu tranh phong phú; có những

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
<i>Kết quả, ý nghĩa</i>	– Là sự tiếp nối phong trào đấu tranh của giai đoạn trước; làm chậm quá trình bình định quân sự và thiết lập bộ máy thống trị của thực dân Pháp. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc. Dọn đường cho những cuộc vận động cách mạng đầu thế kỉ XX.	- đóng góp nổi bật về văn hoá. – Tuy thất bại, phong trào đã thức tỉnh lòng yêu nước, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đánh dấu bước tiến mới của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
<i>Nguyên nhân thất bại</i>	– Nổ ra trong khi thực dân Pháp đã khuất phục được triều đình Huế, biến một bộ phận giai cấp phong kiến thành tay sai. – Sự bất cập của con đường cứu nước theo ý thức hệ phong kiến. – Sự yếu kém của các sĩ phu, văn thân cầm đầu. Thiếu sự liên kết giữa các phong trào.	– Thực dân Pháp đã ổn định nền thống trị ở Việt Nam. – Thiếu một giai cấp tiên tiến có khả năng lãnh đạo cách mạng. – Khuynh hướng tư sản hạn chế về thời đại, thiếu cơ sở xã hội để phát triển.

ĐỀ 4

Câu 1:

Trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa phát xít, trong khi các cường quốc tư bản thoả hiệp với phát xít thì Liên Xô lại có thái độ kiên quyết chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Liên Xô giành hàng loạt các thắng lợi, đẩy phe phát xít vào thế phòng ngự bị động và tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh:

– Chiến thắng Mátxcơva:

+ Cuối năm 1941, Đức mở 2 cuộc tấn công mãnh liệt vào Mátxcơva hòng kết thúc chiến tranh nhưng bị Hồng quân Liên Xô bẻ gãy. Ngày 6/12/1941, dưới sự chỉ huy của tướng Giucốp, Hồng quân Liên Xô bắt đầu phản công quyết liệt, đẩy lùi quân địch ra khỏi cửa ngõ thủ đô Mátxcơva hàng trăm km.

+ Ý nghĩa: Chiến thắng Mátxcơva đã giáng một đòn thiệt hại nặng nề vào đạo quân trung tâm của phát xít Đức, làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Hitle.

– Chiến thắng ở Xtalingrat:

+ Sau thất bại ở Mátxcơva, mùa hè năm 1942, Đức chuyển hướng tấn công xuống phía Nam nhằm chiếm Xtalingrat (nay là Vongagrat) – “nút sống” của Liên Xô. Nhưng sau hơn 2 tháng, Đức vẫn không chiếm được thành phố này.

+ Từ ngày 19/11/1942 đến ngày 2/2/1943, Liên Xô phản công và giành chiến thắng ở Xtalingrat. Hồng quân đã tấn công, bao vây, chia cắt, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn (2/3 bị tiêu diệt, 1/3 bị bắt sống, trong đó có chỉ huy Phôn Paolút và 24 viên tướng).

+ Ý nghĩa: Chiến thắng vĩ đại Xtalingrat đã tạo nên bước ngoặt, xoay chuyển tình thế của cuộc chiến: ưu thế chuyển từ phe Trục phát xít sang phe Đồng minh. Sau trận Xtalingrat, Liên Xô và phe Đồng minh đã chuyển sang phản công khắp các mặt trận.

– Chiến thắng ở vòng cung Cuốcxơ:

+ Từ ngày 5/7 đến ngày 23/8/1943, Hồng quân Liên Xô phản công Đức tại vòng cung Cuốcxơ (Trận đấu xe tăng vĩ đại nhất), đánh tan

30 sư đoàn (có 7 sư đoàn xe tăng), loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân Đức, giải vây cho Xtalingrat (1/1944), đến tháng 6/1944 thì giải phóng phần lớn lãnh thổ Liên Xô.

+ Đầu năm 1944, cuộc tổng phản công của Hồng quân Liên Xô diễn ra liên tục trên toàn mặt trận, đánh tan đạo quân trung tâm mạnh nhất của Đức, tiêu diệt 17 sư đoàn địch, quét sạch quân xâm lược ra khỏi lãnh thổ Liên Xô. Tiếp đó, Liên Xô tiến quân giải phóng các nước Đông Âu (Ba Lan, Rumani, Bungari, Nam Tư, Hunggari,...) và tiến sát đến biên giới nước Đức.

- Trận tấn công vào Béclin:

+ Từ ngày 16/4 đến ngày 2/5/1945, Hồng quân Liên Xô tấn công vào Béclin, cuộc chiến diễn ra ác liệt. Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của hơn 1 triệu quân phát xít Đức.

+ Ngày 30/4/1945, Hồng quân Liên Xô đã cầm cờ chiến thắng trên nóc toà nhà Quốc hội Đức, Hítler tự sát dưới hầm chỉ huy. Ngày 2/5/1945, Béclin treo cờ trắng đầu hàng. Cùng ngày, quân Đức ở Italia cũng đầu hàng.

+ Ngày 9/5/1945, Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu.

- 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản, tấn công và tiêu diệt đạo quân Quan Đông (70 vạn quân Nhật) ở Mãn Châu (Trung Quốc).

- Ngày 15/8/1945, Nhật chấp nhận đầu hàng vô điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 2:

*** Lập bảng so sánh:**

Nội dung	Cách mạng tư sản Anh (giữa thế kỉ XVII)	Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII)
Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến, làm nhiệm vụ dân chủ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.	Lật đổ chế độ PK, đánh đổ liên minh phong kiến Áo - Phổ (chống ngoại xâm - bảo vệ Tổ quốc), mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
Hình thức	Nội chiến.	Nội chiến và chống ngoại xâm.

Lãnh đạo	Tư sản và quý tộc mới.	Tư sản (đại tư sản, tư sản công thương, tư sản vừa và nhỏ).
Động lực	Quần chúng nhân dân lao động (nông dân, thợ thủ công,...).	Quần chúng nhân dân lao động (đặc biệt là nông dân).
Kết quả	Chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập, đưa tư sản và quý tộc mới lên nắm chính quyền.	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền cộng hoà của giai cấp tư sản. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.
Tính chất	Cuộc CMTS không triệt để.	Cuộc CMTS triệt để.

★ CMTS Anh phát triển quanh co, không triệt để vì:

– Lãnh đạo cách mạng là tư sản liên minh với quý tộc mới, chính họ đã đưa cách mạng nhanh chóng phát triển lên đỉnh cao (sự kiện: năm 1649, xử tử vua Sác-lơ I và thành lập nền cộng hoà). Và cũng chính họ đã làm cho cách mạng nhanh chóng đi xuống (sự kiện: năm 1653, thiết lập chế độ độc tài quân sự do Ô-livơ Crômôen đứng đầu; năm 1660, phục hồi vương triều Xtiuôt,...).

– Sau cách mạng, tư sản và quý tộc mới nắm chính quyền, bao chiếm ruộng đất, đàn áp các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, thiết lập nền quân chủ lập hiến (tức là chưa tiêu diệt tận gốc chế độ phong kiến). Trong khi đó, sau khi cách mạng thành công, quần chúng nhân dân lao động – động lực chính của cuộc cách mạng tư sản – không được hưởng quyền lợi gì (vấn đề ruộng đất cho nhân dân chưa được giải quyết).

★ CMTS Pháp phát triển đi lên và triệt để vì:

– Lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản biết dựa vào dân và từng bước giải quyết nguyện vọng cho nhân dân. Lực lượng cơ bản của cách mạng là nông dân chiếm hơn 90% dân số, trong đó khoảng 50% không có ruộng đất. Họ tham gia cách mạng với nguyện vọng là ruộng đất. Mỗi tầng lớp tư sản lên nắm chính quyền nếu không đáp ứng được nguyện vọng của họ, thì họ nhanh chóng lật đổ và đưa tầng lớp khác lên lãnh đạo cho đến khi nguyện vọng ruộng đất được giải quyết mới thôi.

– Cách mạng tư sản Pháp **triệt để** vì đã giải quyết hai nhiệm vụ cơ bản của một cuộc cách mạng tư sản:

+ *Nhiệm vụ dân tộc*: lật đổ phong kiến, đánh thù trong giặc ngoài, thống nhất thị trường dân tộc, tạo điều kiện kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ *Nhiệm vụ dân chủ*: giải quyết ruộng đất cho nhân dân, xoá bỏ nghĩa vụ phong kiến, tách nhà thờ ra khỏi trường học, đáp ứng các quyền tự do dân chủ (Hiến pháp năm 1793).

Câu 3:

a. Những đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX:

- Trong hoàn cảnh đất nước bị khủng hoảng, nhân dân sống cơ cực, địch hoạ kề bên, một số sĩ phu yêu nước tiến bộ hi vọng cải cách để cứu vãn tình thế. Vào những năm 60 của thế kỉ XX, có nhiều ý kiến đề xuất cải cách được dâng lên triều đình.

- Tiêu biểu là:

+ Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định) thông thương với bên ngoài; Đinh Văn Điền xin khai khẩn ruộng hoang và khai mỏ, phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng.

+ 1863 – 1871: Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi triều đình 60 bản điều trần, đề cập đến một loạt vấn đề như chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công – thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục,...

+ Năm 1872, Viện Thương Bạc xin mở ba cửa biển ở miền Bắc và miền Trung để thông thương với bên ngoài.

+ 1877 – 1882: Nguyễn Lộ Trạch dâng hai bản “Thời vụ sách” lên vua Tự Đức đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.

b. Những đề nghị cải cách này không được thực hiện vì:

- Đất nước khủng hoảng: kinh tế suy yếu, chính trị – xã hội không ổn định. Nhân tài vật lực kiệt quệ, không đủ khả năng tiến hành.

- Triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, cố chấp, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh, khư khư ôm lấy cái cũ và không chịu đổi mới (do ý thức hệ phong kiến quá lâu, quá sâu). Những người có tư tưởng cải cách, ủng hộ cải cách không phải là người nắm quyền lực cao trong triều đình.

- Thiếu sự đồng thuận từ trên (vua và triều đình) đến dưới (thiếu sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân). Bản thân các đề nghị cải cách còn có những hạn chế: tản mạn, rời rạc, không cụ thể, thiếu tính toàn diện, thiếu tính khả thi.

- Đất nước đã bị Pháp xâm lược (hoàn cảnh đất nước có chiến tranh) nên khó tiến hành cải cách.

c. Điều kiện để tiến hành một cuộc cải cách:

- Cải cách là yêu cầu khách quan của lịch sử, muốn tồn tại và phát triển thì nhất thiết phải cải cách.

- Để một cuộc cải cách thành hiện thực phải có các điều kiện:

+ Sự đồng thuận từ trên xuống dưới, quyết tâm của người lãnh đạo, sự ủng hộ của nhân dân.

+ Phải có điều kiện thuận lợi đảm bảo công cuộc cải cách giành thắng lợi.

+ Đề nghị cải cách phù hợp với đất nước (thiên thời, địa lợi, nhân hoà).

Câu 4:

a. Các giai đoạn phát triển của của phong trào Cần vương:

Ngày 13/7/1885, tại Tân Sở, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương kêu gọi nhân dân, sĩ phu, văn thân đứng lên chống Pháp. Hưởng ứng chiếu Cần vương, một phong trào vũ trang chống Pháp đã bùng nổ kéo dài trong 10 năm (1885 – 1896) được chia làm 2 giai đoạn:

*** Giai đoạn 1 (1885 – 1888):**

- Phong trào diễn ra rầm rộ, sôi nổi, có sự chỉ huy tương đối thống nhất của Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và nhiều văn thân, sĩ phu, tướng lĩnh có chung nỗi đau mất nước với nhân dân: Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp,... Có một số lãnh đạo xuất thân từ nông dân như Cao Thắng, Cao Điển,...

- Quy mô: Phong trào nổ ra suốt từ Trung Kỳ đến Bắc Kỳ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đồng bằng Bắc Bộ, vùng Tây Bắc....). Các thủ lĩnh tiêu biểu: Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiệt Thuật,...

- Lực lượng tham gia: chủ yếu là nông dân, có cả đồng bào dân tộc thiểu số (Thái, Mường, Vân Kiều,...). Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa

của: Mai Xuân Thuồng (ở Bình Định), Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu (ở Quảng Nam),...

– Bộ chỉ huy phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây 2 tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. Cuối năm 1888, do có sự chỉ điểm nên vua Hàm Nghi rơi vào tay Pháp. Nhà vua đã cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, cuối cùng bị lưu đày sang Angiêri (Bắc Phi).

– Kết quả: gây cho địch nhiều thiệt hại; nhưng sau đó thực dân Pháp và tay sai đàn áp, các cuộc khởi nghĩa thất bại, các lãnh tụ bị bắt hoặc hi sinh, một số sang Trung Quốc cầu viện

*** Giai đoạn 2 (1888 – 1896):**

Tháng 11/1888, Hàm Nghi rơi vào tay giặc Pháp, nhưng phong trào tiếp tục được duy trì.

– Lãnh đạo: không có sự lãnh đạo của triều đình, lực lượng tham gia không như giai đoạn 1.

– Địa bàn bị thu hẹp: do Pháp càn quét dữ dội, phong trào chuyển dần từ đồng bằng lên vùng trung du, miền núi, lợi dụng địa hình, địa vật để tiếp tục hoạt động.

– Tiêu biểu: Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892), Ba Đình (1886 – 1887), Hùng Lĩnh (1887 – 1892), Hương Khê (1885 – 1896) (Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo),...

– Tính chất: ở giai đoạn này, phong trào diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự liên kết, thiếu sự chỉ đạo thống nhất khiến các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại.

– Cuối năm 1895 đầu năm 1896, phong trào Cần vương chấm dứt.

b. Điểm khác nhau giữa hai giai đoạn:

	Giai đoạn 1 (1885 – 1888)	Giai đoạn 2 (1888 – 1896)
Lãnh đạo	Có sự lãnh đạo thống nhất của triều đình (đứng đầu là vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết).	Không có sự lãnh đạo thống nhất của triều đình, do văn thân, sĩ phu yêu nước trực tiếp lãnh đạo từng địa phương.
Quy mô	Có hàng chục cuộc khởi nghĩa nổ ra nhưng quy mô nhỏ, tồn tại trong thời gian ngắn.	Quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa quy mô lớn hơn và tồn tại trong thời gian dài hơn.
Địa bàn	Rộng khắp vùng đồng bằng và trung du.	Thu hẹp ở vùng trung du và miền núi.

Câu 5:

*** Lập bảng thống kê:**

Tên phong trào	Mục đích	Lãnh đạo	Hình thức và nội dung hoạt động	Kết quả
Hội Duy tân (1904)	Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.	Phan Bội Châu, Nguyễn Hàm và một số người yêu nước khác.	– Cầu viện Nhật Bản. – Tổ chức phong trào Đông du.	– Ban đầu diễn ra thuận lợi (số học sinh lên tới 200 người). – Tháng 8/1908, Pháp – Nhật cấu kết đàn áp phong trào, trục xuất học sinh Việt Nam và cả Phan Bội Châu. Phong trào Đông du tan rã, hội Duy tân ngừng hoạt động.
Việt Nam Quang phục hội (1912)	Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam.	Phan Bội Châu.	Đánh đuổi giặc Pháp bằng bạo lực, thành lập Quang phục quân. Tổ chức trừ khử những tên thực dân đầu sỏ và bọn tay sai.	Pháp tăng cường khủng bố. Năm 1913, Phan Bội Châu và nhiều người bị bắt → Cách mạng Việt Nam rơi vào khó khăn.
Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1906 – 1908)	– Cải cách xã hội, nâng cao dân trí, dân quyền. – Vạch trần chế độ vua quan phong kiến thối nát và yêu cầu Pháp phải thay đổi thái độ đối với sĩ dân nước Nam.	Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, ...	– Mở mang công thương nghiệp. – Mở trường dạy học theo lối mới. – Lên án mạnh mẽ những hủ tục phong kiến. Vận động cải cách trang phục và lối sống.	– Nhiều trường học, hiệu buôn,... được thành lập ở Trung Kỳ. – Làm bùng nổ phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. – Thực dân Pháp đàn áp, phong trào thất bại

Đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội (1908)	Đầu độc binh lính Pháp, đánh chiếm thành Hà Nội.	Hoàng Hoa Thám và một số binh lính được giác ngộ.	– Bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc binh lính Pháp trong thành. – Nổi dậy kết hợp trong và ngoài thành (phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám) đánh chiếm thành.	Kế hoạch bị lộ, Pháp thẳng tay đàn áp. Nhiều người bị bắt, bị xử chém, tử hình, tù chung thân,...
---	---	--	---	--

*** Nguyên nhân thất bại:**

Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị chưa chín muồi (Pháp đã ổn định nền thống trị ở Việt Nam, thiếu một giai cấp tiên tiến có khả năng lãnh đạo cách mạng,...).

ĐỀ 5

A LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

*** Chuyển biến về kinh tế:**

Từ đầu thế kỉ XVII, Anh phát triển theo chiều hướng tư bản chủ nghĩa.

– Công nghiệp: Nhiều công trường thủ công như luyện kim, cơ khí, len dạ,... ra đời, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang Hà Lan, Pháp, Ý, Đức,...

– Ngoại thương phát triển mạnh mẽ với hoạt động buôn bán nô lệ.

– Nông nghiệp: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập vào cả nông nghiệp, quý tộc phong kiến chuyển từ trồng lúa sang chăn nuôi.

Những phát minh mới về kĩ thuật, các hình thức tổ chức lao động hợp lí đã làm cho năng suất lao động tăng nhanh, sản phẩm tăng nhanh về số lượng và chất lượng.

Nhiều ngân hàng ra đời, việc buôn bán phát đạt.

*** Những chuyển biến về chính trị – xã hội:**

– Chính trị:

Chế độ phong kiến bảo thủ, lạc hậu kìm hãm lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa.

– Xã hội:

Đồng đảo nông dân bị mất ruộng phải ra thành thị bán sức lao động cho tư bản hay di cư sang Tây bán cầu. Một số địa chủ, quý tộc chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa trở thành những quý tộc mới.

Bộ mặt nước Anh có sự thay đổi: các thành phố mọc lên. Luân Đôn trở thành một trung tâm tài chính công nghiệp và thương mại bậc nhất châu Âu.

Xuất hiện nhiều mâu thuẫn: nông dân với quý tộc, địa chủ; tầng lớp quý tộc mới, giai cấp tư sản với chế độ quân chủ.

*** Hệ quả:**

Những chuyển biến về kinh tế, những mâu thuẫn xã hội gay gắt đã dẫn tới cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Câu 2:

*** Công xã Paris là nhà nước kiểu mới:**

– Tổ chức bộ máy nhà nước:

Công xã Paris đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập nên chính quyền hoàn toàn mới. Hội đồng Công xã được bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu....

Thành phần tham gia Công xã: giai cấp vô sản là chủ yếu.

Quân đội, cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là các lực lượng vũ trang nhân dân, nhà thờ tách khỏi trường học.

Công xã tập trung trong tay quyền hành pháp và lập pháp $\Rightarrow$ tính chất nhân dân và cách mạng của Công xã – nhà nước của dân, do dân và vì dân.

– Chính sách kinh tế – xã hội:

+ Chính sách kinh tế: Công nhân được làm chủ các xí nghiệp mà chủ bỏ trốn, kiểm soát chế độ tiền lương,...

+ Chính sách xã hội:

Giải quyết nạn thất nghiệp, hoàn trả tiền thuê nhà, hoàn trả nợ, đề ra chế độ giáo dục bắt buộc, miễn phí. Thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác như giảm lao động ban đêm,...

Các chính sách kinh tế, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước chứng tỏ đây là nhà nước khác với các nhà nước của giai cấp bóc lột như chủ nô, phong kiến, tư sản; nhà nước kiểu mới không phải là công cụ áp bức, bóc lột của của bọn thống trị.

Bộ máy chính trị do cách mạng vô sản thành lập, nhằm bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng, bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động. Nhà nước kiểu mới ra đời đầu tiên trong lịch sử là Công xã Paris năm 1871.

*** Biện pháp thể hiện rõ Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản là biện pháp về kinh tế:**

Việc Công xã giao cho công nhân quản lý những xí nghiệp của bọn chủ bóc lột có thể xem là bước đầu của việc Công xã giao tư liệu sản xuất cho công nhân quản lý (thực hiện sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất), đã thể hiện rõ nhất bản chất: Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

*** Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ:**

Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã viết hàng loạt đề nghị có tầm chiến lược nhằm canh tân đất nước. Hơn 60 di thảo của Nguyễn Trường Tộ đã đề cập đủ mọi lĩnh vực, các mặt chủ yếu như:

– Về kinh tế: Mở mang buôn bán trong nước và giao thương với nước ngoài, phát triển công thương.

– Về khoa học: Phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt là coi trọng việc chuyển giao công nghệ.

– Về văn hoá – giáo dục: Đề xuất cải cách phong tục, chủ trương coi trọng dân, sửa đổi chế độ thi cử mở mang việc học hành, thay đổi nội dung giáo dục,...

– Về ngoại giao: Khuyên triều đình nên ngoại giao trực tiếp với Chính phủ Pháp, khéo léo chọn thời cơ lấy lại 6 tỉnh Nam Kỳ...

– Về quân sự: Khuyên triều đình cải tổ võ bị, trọng võ, trọng văn, ưu ái người lính, đào tạo sĩ quan, mua sắm tàu thuyền, vũ khí,...

*** Đánh giá vị trí của tư tưởng cải cách:**

– *Cuối thế kỉ XIX*: Các đề nghị cải cách đều xuất phát từ lòng yêu nước, tư tưởng tiến bộ,... mong muốn làm cho dân giàu nước mạnh. Hầu hết các đề nghị cải cách đều không được thực hiện. Tuy nhiên nó có tác dụng tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân đầu thế kỉ XX. Các tư tưởng chỉ đưa ra những chương trình canh tân trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội.

– *Đầu thế kỉ XX*, các nhà tư tưởng chủ trương giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội, vạch trần chế độ phong kiến, đề nghị Pháp thay đổi chính sách cai trị (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh). Một loạt các phong trào vận động cải cách diễn ra sôi nổi với nhiều hình thức phong phú.

Tư tưởng cải cách nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng toàn diện của xã hội Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX dẫn đến mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp lồng vào nhau khi mà tình thế cách mạng còn chưa chín muồi. Có thể thấy, vào thời điểm này, cải cách đã được đặt ra như một phương thức để thay đổi hẳn thể chế xã hội, xây dựng một xã hội mới mà quyền lực thuộc về dân.

Câu 4:

*** Chính sách khai thác về kinh tế:**

– *Nông nghiệp*: Thực dân Pháp đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất. Vẫn áp dụng phương pháp bóc lột nhân dân theo kiểu lập đồn điền rồi phát canh, thu tô để kiếm nhiều lời.

– *Công nghiệp*: Pháp tập trung khai thác than và các loại kim loại,... Mở một số nhà máy: xi măng, gạch ngói, điện, nước, chế biến gỗ, vải sợi, xay sát gạo,... Mục đích: làm giàu cho nước Pháp, vơ vét tài nguyên phong phú của Việt Nam.

– *Giao thông vận tải*: Có mở mang nhưng chủ yếu để phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển binh lính,...

– *Thương nghiệp*: Để nắm độc quyền thị trường Việt Nam, hàng hoá của Pháp vào Việt Nam bị đánh thuế rất nhẹ hoặc miễn thuế, còn hàng hoá các nước khác vào thì bị đánh thuế cao.

*** Nhận xét:**

Đây là một trong nhiều mục tiêu của cuộc khai thác thuộc địa: vơ vét sức lao động của nhân dân Đông Dương. Tài nguyên thiên nhiên bị bóc lột cùng kiệt. Nông nghiệp giậm chân tại chỗ. Công nghiệp phát triển nhỏ giọt, thiếu hẳn công nghiệp nặng. Vì vậy nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu và phụ thuộc.

Câu 5:

*** Bảng so sánh:**

Nội dung so sánh	Phong trào Cần vương	Phong trào nông dân Yên Thế
<i>Thời gian</i>	1885 – 1896.	1884 – 1913.
<i>Mục đích đấu tranh</i>	Đánh Pháp giành lại độc lập khôi phục lại chế độ phong kiến.	Để tự vệ, bảo vệ quyền lợi thiết thân, giữ đất, giữ làng.
<i>lãnh đạo</i>	Văn thân, sĩ phu.	Nông dân.
<i>Lực lượng tham gia</i>	Nông dân, văn thân, sĩ phu.	Nông dân.
<i>Địa bàn hoạt động</i>	Các tỉnh Trung Kỳ, Bắc Kỳ.	Chủ yếu ở Yên Thế, Bắc Giang.
<i>Hình thức đấu tranh</i>	Vũ trang.	Vũ trang.
<i>Tính chất</i>	Là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp theo khuynh hướng, ý thức hệ phong kiến, thể hiện tính dân tộc sâu sắc.	Phong trào mang tính tự phát (tính chất tự vệ) của nông dân, không có mối quan hệ trực tiếp với các cuộc khởi nghĩa Cần vương, không bị chi phối bởi ngọn cờ trung quân. Nó xuất phát từ quyền lợi của một bộ phận dân cư.

*** Phong trào Yên Thế kéo dài gần 30 năm – một khoảng thời gian tồn tại khá lâu là do:**

– Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nghĩa quân, sự ủng hộ của nhân dân, sự chỉ huy mưu trí, tài giỏi, sáng tạo của Hoàng Hoa Thám, Cả Trọng, Cả Dinh, Cả Quỳnh,...

– Địa bàn thích hợp với cách đánh du kích, tiêu hao sinh lực địch, khi cần đã di chuyển lực lượng để tập kích, phục kích tiêu hao lực lượng địch.

– Tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân củng cố đồn trại, mua vũ khí, sản xuất, chiêu mộ thêm quân,... chuẩn bị tích cực cho cuộc chiến đấu mới.

– Cách đánh giặc độc đáo, bí mật, cơ động, bất ngờ, hiệu quả cao.

ĐỀ 6

Câu 1:

*** Công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết:**

– Trong 3 năm (1918 – 1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức lực để tiến hành cuộc kháng chiến chống thù trong giặc ngoài trong điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững chính quyền Xô viết.

– Ngay trong đêm ngày 25/10/1917, Đại hội Xô viết toàn Nga khai mạc tại điện Xmonui đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lênin đứng đầu.

– Sắc lệnh đầu tiên mà chính quyền Xô viết thông qua là sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất nhằm đáp ứng nguyện vọng ngàn đời của nông dân Nga.

– Chính quyền Xô viết nhanh chóng thủ tiêu những tàn tích của chế độ phong kiến, xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp, những đặc quyền của giáo hội, thực hiện nam nữ bình quyền, các dân tộc bình đẳng và có quyền tự quyết.

– Các cơ quan trung ương và Xô viết địa phương được thành lập, thay thế toàn bộ chính quyền tư sản. Hồng quân công nông được thành lập.

– Nhà nước tiến hành quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản, thành lập hội đồng kinh tế quốc tế quân dân tối cao để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

– Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919, chính quyền Xô viết thực hiện chính sách cộng sản thời chiến.

*** *Đánh giá vai trò của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích:***

– Ngay từ khi cách mạng thành công, Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết còn non trẻ. Lênin nói “giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng khó hơn”.

– Vai trò của Đảng Bôn-sê-vích và Lê nin rất quan trọng, có tính chất quyết định trong việc củng cố xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

– Với biện pháp kiên quyết, cứng rắn và linh hoạt đã đưa đất nước vượt qua cơn hiểm nghèo.

– Đường lối đúng đắn, sáng tạo, kịp thời đã đưa đất nước vượt qua khó khăn, được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

– Biết vận dụng sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc.

– Thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Câu 2:

– Cách mạng tư sản Pháp thực sự là cuộc đối đầu gay gắt giữa hai thế lực cách mạng và phản cách mạng tiêu biểu nhất ở châu Âu.

– Cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng về quyền con người, cách mạng đã để lại cho nhân loại bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” – nền tảng cho xã hội ngày nay.

– Cuộc cách mạng được chuẩn bị khá toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng. Vì thế thắng lợi của nó cũng khá toàn diện.

– Quần chúng nhân dân ngay từ đầu đã trở thành động lực chính thúc đẩy cách mạng phát triển và đạt đến đỉnh cao.

– Với thắng lợi của cách mạng, đã xây dựng được mô hình nhà nước dân chủ tư sản, ảnh hưởng của nó lan toả khắp thế giới và tồn tại cho đến ngày nay.

– Cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII) là một cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, vì nó đã hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản và dân chủ. Nó không những là cuộc cách mạng cho nước Pháp mà còn là cuộc cách mạng cho cả châu Âu và thế giới.

– Cách mạng Pháp (1789) cùng với cuộc Cách mạng Mĩ (1775), Cách mạng tháng mười Nga (1917), Cách mạng Việt Nam (1945) được xem là những cuộc cách mạng tiêu biểu nhất của nhân loại.

– Cách mạng tư sản Pháp đã mở ra thời đại mới – thời đại thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản ở các nước tiên tiến thời bấy giờ. Vì vậy, nó được xem là một mốc lớn đánh dấu bước tiến trong quá trình phát triển của nhân loại.

Câu 3:

a. Nguyên nhân:

– Sau Điều ước Patơnot (1884), thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam.

– Thực dân Pháp âm mưu trừ khử phe chủ chiến trong kinh thành Huế do Tôn Thất Thuyết đứng đầu.

– Nội bộ triều đình Huế phân hoá thành hai phe: chủ chiến và chủ hoà. Mâu thuẫn giữa hai phe gay gắt.

– Phe chủ chiến:

+ Bí mật chuẩn bị cho các cuộc nổi dậy: (thành lập các đội quân phần nghĩa, đoàn kiệt; xây dựng các đồn sơn phòng ở các tỉnh dọc Trường Sơn; tìm một người có tinh thần chống Pháp lên ngôi vua,...).

+ Chuẩn bị tấn công toà Khâm sứ và đồn Mang Cá (đêm mừng 4 rạng mừng 5 tháng 7 năm 1885). Cuộc tấn công bị thất bại. Tôn Thất Thuyết đưa Vua Hàm Nghi ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Vào ngày 13/07/1885, hạ chiếu Cần vương.

– Chiếu Cần vương ban ra đã nhanh chóng thổi bùng lên một đợt mới ngọn-lửa kháng Pháp của nhân dân ta kéo dài 12 năm cuối thế kỉ XIX với mục tiêu giúp vua cứu nước.

b. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu:

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Địa điểm	Người lãnh đạo
Khởi nghĩa Ba Đình	1886 – 1887	Thanh Hoá.	Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	1886 – 1892	Thanh Hoá.	Tống Duy tân, Cầm Bá Thước.

Khởi nghĩa Bãi Sậy	1885 – 1892	Hưng Yên.	Nguyễn Thiện Thuật.
Khởi nghĩa Hương Khê	1885 – 1896	Hà Tĩnh.	Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu là cuộc Khởi nghĩa Hương Khê vì:

- Lãnh đạo là một văn thân nổi tiếng – Phan Đình Phùng.
- Trình độ tổ chức cao.
- Có quy mô lớn.
- Thời gian tồn tại lâu hơn cả.

c. Những đặc điểm chung của phong trào Cần vương:

– Phong trào đã thể hiện rõ mục tiêu đấu tranh chống phong kiến đầu hàng và chống thực dân Pháp xâm lược.

– Phong trào Cần vương thể hiện tính chất là phong trào yêu nước trên lập trường phong kiến.

– Tất cả các cuộc khởi nghĩa đều thất bại do những người lãnh đạo bị hạn chế bởi những điều kiện giai cấp và thời đại nên:

+ Chưa chú ý xây dựng sức mạnh vật chất (bồi dưỡng sức dân, chủ yếu là nông dân), để kháng chiến lâu dài làm cho tương quan lực lượng ngày càng có lợi cho ta.

+ Chưa phối hợp chặt chẽ giữa các cuộc khởi nghĩa để thống nhất lực lượng, tạo sức mạnh tổng hợp cho cuộc kháng chiến.

Câu 4:

*** Bối cảnh lịch sử:**

– Nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng: nông nghiệp sa sút, thủ công nghiệp, thương nghiệp bế tắc, tài chính cạn kiệt.

– Nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân, bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt.

– Những cuộc khởi nghĩa, bạo loạn của nhân dân chống triều đình tiếp tục nổ ra, mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với các giai cấp thống trị ngày càng trở nên sâu sắc.

⇒ Đứng trước vận nước nguy nan, quan lại, sĩ phu yêu nước tiến bộ đã đưa ra những đề nghị cải cách duy tân đất nước, tiêu biểu là: Đinh

Văn Điền, Trần Văn Túc, Nguyễn Duy Tế, Nguyễn Lộ Trạch, đặc biệt là cải cách của Nguyễn Trường Tộ.

*** Nội dung cải cách:**

- Thực hiện chính sách mở cửa giao lưu, buôn bán với phương Tây.
- Cải cách đất nước theo con đường duy tân của Nhật Bản.
- Mở các cửa biển để thông thương, buôn bán với nước ngoài.
- Phát triển kinh tế công - thương nghiệp, đề nghị mở mang khai mỏ, đóng tàu.
- Chấn chỉnh bộ máy quan lại, ngoại giao tài chính, quân đội, cải tổ giáo dục...

*** Ưu điểm và hạn chế:**

- Ưu điểm:

+ Các nhà cải cách đều nhìn thấy rõ sự bảo thủ, trì trệ của đất nước, mong muốn nước ta phát triển theo xu hướng tư bản chủ nghĩa. Đó là tư tưởng rất tiến bộ, là trào lưu tư tưởng rất phù hợp với thời đại. Góp phần làm rạn nứt thành trì của ý thức hệ phong kiến.

+ Mục đích của cuộc cải cách là mong muốn dân giàu, nước mạnh. Vì vậy, thể hiện tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc sâu sắc.

+ Là sự kế thừa truyền thống cải cách vĩ đại của dân tộc, thể hiện trí thông minh, tài sáng tạo của con người Việt Nam. Nó cùng các cuộc vận động xã hội trong lịch sử khác làm rạn nứt thành trì của ý thức hệ phong kiến, để lại nhiều bài học quý báu cho trào lưu cải cách đầu thế kỉ XX.

- Hạn chế:

+ Lãnh đạo: là các quan lại tiến bộ hoặc sĩ phu, là lực lượng không nắm quyền lực tối cao. Chưa có sự đồng thuận từ trên xuống, lại chịu sự chống đối mạnh mẽ của phái bảo thủ trong triều, đứng đầu là vua quan nhà Nguyễn.

+ Cơ sở xã hội: không được triển khai sâu rộng trong quần chúng nhân dân, vì thế không được họ (lực lượng đông đảo trong xã hội) ủng hộ.

+ Cơ sở vật chất: cải tổ hay cải cách muốn thành công phải có chỗ dựa, cơ sở trong nước. Song dưới triều Nguyễn, tình hình chính trị, kinh tế khủng hoảng trầm trọng. nên những đề nghị cải cách vượt quá khả năng về tài chính của đất nước. Trong khi đó, lúc này đất nước đang gặp cơn binh đao nên phải bỏ dở.

+ Các cải cách còn tản mạn, rời rạc, không cụ thể, thiếu tính toàn diện, thiếu tính khả thi.

Câu 5:

*** Bảng so sánh:**

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX
<i>Bối cảnh</i>	– Triều đình Nguyễn đầu hàng kí Hiệp ước 1884. – Sau cuộc phản công quân Pháp ở kinh thành Huế thất bại, Vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.	– Sau phong trào Cần vương thất bại. – Ảnh hưởng của những trào lưu tiến bộ trên thế giới. Thực dân pháp đã tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
<i>Mục tiêu đấu tranh</i>	Đánh Pháp, khôi phục lại chế độ phong kiến.	Chống pháp, để cứu nước, cứu dân, thay đổi chế độ.
<i>Hình thức đấu tranh</i>	Khởi nghĩa vũ trang.	Khởi nghĩa vũ trang, chính trị, cải cách, ngoại giao,...
<i>Lãnh đạo</i>	Sĩ phu, văn thân yêu nước còn mang ý thức hệ phong kiến.	Sĩ phu yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản, nông dân, tư sản, tiểu tư sản.
<i>Lực lượng</i>	Sĩ phu yêu nước, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, tư sản, tiểu tư sản.
<i>Kết quả và ý nghĩa</i>	– Đều thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc, mở đường cho cuộc vận động cách mạng đầu thế kỉ XX.	– Đặt nền móng cho tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. – Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc, mở ra một con đường mới từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

*** Những điểm tiến bộ của phong trào yêu nước nửa đầu thế kỉ XX:**

– Mục đích tiến bộ: chủ trương công cuộc giải phóng dân tộc phải gắn liền với duy tân và thay đổi chế độ xã hội.

– Phong trào Cần vương gắn “nước” với “vua”, còn các sĩ phu tiến bộ ý thức được về dân chủ, dân quyền. Khái niệm “dân” và “nước” gắn liền với nhau.

Không chỉ giới hạn ở khởi nghĩa vũ trang như phong trào Cần vương mà đã có chủ trương kết hợp nhiều biện pháp: khởi nghĩa vũ trang, đoàn kết dân tộc, chuẩn bị thực lực, vận động giúp đỡ bên ngoài, tiến hành cải cách sâu rộng, quan trọng nhất là nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, mở mang dân quyền.

ĐỀ 7

Câu 1:

*** Những thành tựu văn hoá của Trung Quốc thời phong kiến:**

– Thời Tần – Hán:

+ Tư tưởng Nho giáo là công cụ của giai cấp thống trị dùng để thống trị nhân dân.

+ Văn học: Phú là thể loại văn học đặc biệt, có nội dung ca ngợi quê hương đất nước.

+ Sử học trở thành lĩnh vực độc lập, người đặt nền móng là Tư Mã Thiên với bộ sử kí.

– Thời Đường – Tống:

+ Thơ Đường có số lượng lớn, phản ánh sâu sắc đời sống xã hội lúc bấy giờ và đạt đến trình độ cao về nghệ thuật. Tiêu biểu là các nhà thơ: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị,...

+ Phật giáo ngày một thịnh hành, chùa chiền được xây dựng nhiều.

+ Nho giáo phát triển thêm về lí luận, các vua Tống rất tôn sùng các nhà Nho.

+ Hình thức văn học điển hình là Từ.

– Thời Minh – Thanh:

+ Tiểu thuyết: Tiểu thuyết chương hồi (*Thủy hử* của Thi Nại Am; *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung; *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân; *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần).

+ Quốc sử quán của nhà nước được thành lập.

+ Có nhiều phát minh khoa học kĩ thuật.

*** Ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc đối với Việt Nam và thế giới:**

– Đối với Việt Nam:

+ Tư tưởng: Nho giáo, Phật giáo.

+ Triết học:

+ Văn học, chữ viết.

– Đối với thế giới: Tiếp thu các thành tựu về khoa học kĩ thuật

+ Thuốc súng: chế tạo đạn dược.

+ La bàn dùng trong hàng hải.

+ Giấy và nghề in sử dụng trong việc dạy học và phương tiện phát triển khoa học.

Câu 2:

Tiêu chí so sánh	Ấn Độ	Đông Nam Á
Thời gian hình thành nhà nước	Khoảng 3.000 năm đến 1.500 TCN. Thời kì hình thành nhà nước phong kiến từ 1.500 TCN.	Khoảng thế kỉ I đến thế kỉ X. Thời kì hình thành các quốc gia phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.
Điều kiện tự nhiên	Nhà nước hình thành trên lưu vực sông Hằng, sau mở rộng về sông Ấn. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, mưa thuận gió hoà, đất đai màu mỡ, thuận lợi phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao lưu buôn bán,...	Có khí hậu nóng ẩm, do hoạt động của gió mùa phân chia hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, còn gọi là vùng “châu Á gió mùa”. Gió mùa kèm theo mưa nhiều thuận lợi cho trồng trọt và chăn nuôi,... điều kiện thiên nhiên thuận lợi phát triển kinh tế.
Kinh tế	Phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.	Chủ yếu là kinh tế nông nghiệp lúa nước, ngoài ra còn chăn nuôi, trồng trọt, ươm tơ dệt lụa, là vùng có

		nhiều hương liệu quý như: hồ tiêu, sa nhân, quế, trầm hương,...
Thể chế chính trị	Quá trình phong kiến hoá chậm, kéo dài. Nhà nước phong kiến với thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.	Nhà nước phong kiến theo với thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Vua nắm mọi quyền hành.
Tổ chức xã hội	Xã hội phân hoá giàu – nghèo, phân hoá giai cấp. Quan hệ phong kiến hình thành những chúa phong kiến với nông dân lệ thuộc, tầng lớp, quý tộc võ sĩ,...	Vua chuyên chế nắm quyền hành. Xã hội phân hoá giàu – nghèo, phân hoá thành giai cấp địa chủ phong kiến với nông dân là chủ yếu.
Thành tựu văn hoá	– Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo: Bàlamôn (Hindu giáo) là tôn giáo chính thống, Phật giáo, Hồi giáo,... Cùng với tôn giáo là nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ, tạc tượng,... Nổi bật là kiến trúc Phật giáo, Hindu giáo và Hồi giáo. – Chữ viết có từ rất sớm, từ chữ viết cổ vùng sông Hằng (Chữ Bami), sau đó là chữ Phạn (Sanskrit), chữ Phạn là cơ sở chữ viết của nhiều quốc gia trong khu vực. – Văn học Hindu và văn học truyền thống ra đời và phát triển, hai bộ sử thi nổi tiếng Mahabharata và Ramayana, các tác phẩm của Kalidasa...	– Tín ngưỡng và tôn giáo: gồm tín ngưỡng nguyên thủy và sự tiếp thu Hindu giáo, Phật giáo, Hồi giáo và Kitô giáo. – Văn tự và văn học: Tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, các dân tộc đã sáng tạo chữ viết riêng: chữ Chăm, Thái, chữ Khơme,... văn học dân gian phát triển là nét đặc sắc của văn hoá Đông Nam Á, văn học chữ viết ra đời và dần dần về với văn học dân gian. – Kiến trúc, điêu khắc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc Ấn Độ nhưng không rập khuôn mà có những nét độc đáo riêng của mình. Gồm kiến trúc đền tháp, chùa tháp, nghệ thuật tạc tượng.

	– Văn hoá Ấn Độ được truyền bá ra bên ngoài,... đặc biệt là các nước châu Á. Văn hoá Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc đến các nước Đông Nam Á.	– Mặc dù ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc văn hoá Ấn Độ, tuy nhiên mỗi dân tộc ở Đông Nam Á vẫn xây dựng nền văn hoá mang đậm bản sắc riêng.
--	---	---

Câu 3:

*** Nghệ thuật quân sự của nước ta:**

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVIII, nước ta đã trải qua các cuộc kháng chiến: chống Tống thời Lý, 3 lần kháng chiến chống quân-xâm lược Nguyên – Mông thời Trần, khởi nghĩa Lam Sơn, kháng chiến chống quân Xiêm (1785) và quân Thanh (1789). Các cuộc kháng chiến đã thể hiện nghệ thuật quân sự độc đáo:

– Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều: Trong các cuộc kháng chiến, về binh lực bao giờ quân xâm lược cũng có ưu thế hơn hẳn quân ta.

+ Kháng chiến chống Tống thời Lý: nhà Lý có 10 vạn quân, địch có 30 vạn quân.

+ Kháng chiến chống quân Nguyên – Mông thời Trần: quân ta lúc cao nhất khoảng 15 vạn, nhưng địch có tới 50 – 60 vạn.

+ Thời Quang Trung có 10 vạn quân, trong khi quân xâm lược Thanh có tới 29 vạn.

Lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao chống số lượng đông, tạo sức mạnh của toàn dân đánh giặc là truyền thống, là nghệ thuật độc đáo của ta.

– Cả nước chung sức đánh giặc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì: Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế và quân sự hơn ta nhiều lần, nhân dân ta phải đoàn kết các dân tộc, thực hiện kháng chiến toàn diện, trường kì, tạo ra sức mạnh to lớn của cả dân tộc để chiến thắng kẻ thù xâm lược.

+ Thời Lý: Lý Thường Kiệt đoàn kết lực lượng: đồng bào miền xuôi, miền ngược, đoàn kết quân dân,...

+ Thời Trần: Vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức.

+ Khởi nghĩa Lam Sơn: “Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”, cuộc khởi nghĩa đã thể hiện sự chịu đựng gian khổ, kháng chiến trường kì (kéo dài 10 năm).

– Đường lối chiến lược và phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo: Trong các cuộc kháng chiến, ngoài tinh thần chiến đấu dũng cảm, không ngại hi sinh, dân tộc ta còn chiến đấu với đường lối chiến lược, phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo.

+ Chớp lấy thời cơ, kịp thời tấn công tiêu diệt địch: kháng chiến chống Tống thời Lý, chống Nguyên – Mông thời Trần, chống Thanh thời Quang Trung,...

+ Thời Lý: thực hiện: “tiên phát chế nhân”, chủ động đánh trước phá kế hoạch của địch, làm chậm bước tiến quân của địch.

+ Thời Trần: thực hiện kế hoạch “vườn không nhà trống”, lấy chỗ mạnh của ta đánh chỗ yếu của địch (“đi đoàn chế trường”), biết rút lui bảo toàn lực lượng.

– Kết hợp chiến đấu dũng cảm với “tâm lý chiến”: Trong những thời điểm quyết định, chúng ta luôn có những văn kiện khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính, làm nản lòng quân địch; bài thơ “thần” tương truyền của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Dụ tướng sĩ* của Quang Trung...

*** Bài học rút ra trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay:**

– Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược dựng nước đi đôi với giữ nước; xây dựng, phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ Tổ quốc.

– Đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân để bảo vệ Tổ quốc.

– Chú trọng xây dựng lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chú trọng giáo dục truyền thống dân tộc, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

– Xây dựng mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp với các nước, chủ động trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Câu 4:

*** Bước đầu thống nhất đất nước:**

– Đánh đổ chính quyền chúa Trịnh: Năm 1771, khởi nghĩa nông dân bùng lên ở ấp Tây Sơn (Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Sau nhiều năm chiến đấu kiên cường, cuộc khởi nghĩa phát triển, tiến lên đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn (1777), làm chủ từ Quảng Nam trở vào.

– Đánh đổ tập đoàn phong kiến Trịnh – Lê: Trong những năm 1786 – 1788, quân Tây Sơn tiến quân ra Bắc, lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Lê và làm chủ đất nước.

– Đánh đổ các thế lực phong kiến Đảng Trong và Đảng Ngoài, phong trào nông dân Tây Sơn đã bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

*** Bảo vệ độc lập dân tộc:**

– Kháng chiến chống Xiêm (1785):

+ Sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh cùng tàn quân trốn chạy sang Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân thuỷ, bộ tiến sang nước ta theo sự dẫn đường của Nguyễn Ánh. Sau khi chiếm được gần một nửa đất Gia Định (Nam Bộ ngày nay), chúng ra sức cướp phá, hoành hành và chuẩn bị tấn công quân Tây Sơn ở vùng đất còn lại.

+ Đầu năm 1785, được sự ủng hộ của nhân dân, Nguyễn Huệ đã tổ chức trận Rạch Gầm – Xoài Mút đánh tan quân xâm lược, Nguyễn Ánh theo quân Xiêm chạy thoát.

– Kháng chiến chống Thanh (1789):

+ Theo lời cầu cứu của vua Lê Chiêu Thống, cuối năm 1788, vua Thanh (Hoàng đế Càn Long) cho 29 vạn quân Thanh theo sự chỉ dẫn của vua tôi Lê Chiêu Thống kéo sang xâm lược nước ta với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh quân Tây Sơn giành lại chính quyền. Vua Lê Chiêu Thống bắt nhân dân đóng góp, còn quân Thanh thì cướp bóc, tàn phá, hoành hành khắp nơi. Nhân dân ta cực khổ và vô cùng căm thù quân cướp nước và bán nước.

+ Lực lượng Tây Sơn đóng ở Thăng Long tạm rút về Ninh Bình, Thanh Hoá (đóng ở đèo Tam Điệp), rồi cấp báo về Phú Xuân. Được tin, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi Hoàng đế (lấy niên hiệu là Quang Trung), tiến quân ra Bắc, đến Nghệ An, Thanh Hoá dừng lại tuyển thêm quân và ra lời biểu dụ thể hiện quyết tâm tiêu diệt quân Thanh để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ. Đúng giao thừa Tết Kỷ Dậu (25/1/1789), quân ta được lệnh tiến công. Ngày mồng 5 Tết, quân ta đánh bại hoàn toàn quân xâm lược ở Ngọc Hồi – Đống Đa, tiến vào Thăng Long.

⇒ Đánh tan quân Xiêm và quân Thanh xâm lược, phong trào Tây Sơn đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc.

Câu 5:*** Bảng so sánh:**

TT	Các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa	Thời gian	Lãnh đạo	Chiến thắng tiêu biểu
1	Kháng chiến chống Tống (thời Tiền Lê)	981.	Lê Hoàn.	Vùng Đông Bắc
2	Kháng chiến chống Tống thời Lý	1075 – 1077.	Lý Thường Kiệt.	Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu, phòng tuyến sông Như Nguyệt.
3	Kháng chiến chống Nguyên – Mông	Lần 1: 1258; Lần 2: 1285; Lần 3: 1287 – 1288.	Trần Hưng Đạo cùng các vua nhà Trần.	Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Bạch Đằng.
4	Khởi nghĩa Lam Sơn	1418 – 1427.	Lê Lợi, Nguyễn Trãi.	Chi Lăng – Xương Giang.
5	Kháng chiến chống Xiêm	1785.	Nguyễn Huệ.	Rạch Gầm – Xoài Mút.
6	Kháng chiến chống Thanh	1788 – 1789.	Vua Quang Trung.	Ngọc Hồi – Đống Đa.

*** Ý nghĩa lịch sử của các cuộc kháng chiến:**

- Đập tan âm mưu xâm lược của các thế lực ngoại xâm, bảo vệ và khôi phục được nền độc lập dân tộc.
- Khẳng định sức mạnh của tinh thần yêu nước và đoàn kết dân tộc.
- Góp phần xây đắp truyền thống yêu nước chống kẻ thù của dân tộc ta. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- Góp phần ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên – Mông vào Nhật Bản và các nước phương Nam.

ĐỀ 8**Câu 1:**

a. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII là một cuộc cách mạng tư sản triệt để. Tính triệt để đó được thể hiện qua những kết quả mà Cách mạng tư sản Pháp đã đạt được như sau:

– Thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* với khẩu hiệu nổi tiếng: “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”. Tuyên ngôn xác định quyền bình đẳng giữa các công dân, thừa nhận quyền tự do dân chủ.

– Dưới áp lực của quần chúng, Cách mạng Pháp đã xử tử vua Lui XVI, thiết lập nền cộng hoà.

– Thời kì cầm quyền của phái Giacôbanh, Cách mạng Pháp đã phát triển đến đỉnh cao. Chính phủ Giacôbanh thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để chống thù trong giặc ngoài và ổn định đời sống nhân dân: trả lại cho nông dân ruộng đất công bị quý tộc phong kiến chiếm đoạt; tịch thu ruộng đất của quý tộc, chia thành từng mảnh nhỏ bán cho nông dân nghèo, nông dân được trả dần trong 10 năm; xoá bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn các đặc quyền và phụ thu phong kiến,...; thông qua Hiến pháp năm 1793 xoá bỏ hoàn toàn sự bất bình đẳng về đẳng cấp;...

– Bên cạnh nhiệm vụ dân chủ, Cách mạng Pháp còn hoàn thành nhiệm vụ dân tộc: đánh bại các đội quân xâm lược của các thế lực phong kiến phản động châu Âu (Áo, Phổ) và nước Anh tư sản, bảo vệ được Tổ quốc.

b. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII triệt để hơn so với các cuộc cách mạng tư sản Âu – Mĩ trước đó bởi vì:

– Trong thành phần lãnh đạo Cách mạng Pháp không có tầng lớp quý tộc mới (như ở Cách mạng Anh) cho nên Cách mạng Pháp thuận lợi hơn trong việc xoá bỏ triệt để các tàn tích phong kiến.

– Trước khi cách mạng bùng nổ, ở Pháp đã diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt trên lĩnh vực tư tưởng, lên án mạnh mẽ chế độ quân chủ chuyên chế và đả kích Giáo hội Kitô. Các nhà Khai sáng (như Môngtexkiơ, Vôn-te, Ruxô) với những tư tưởng tiến bộ đã có tác dụng chuẩn bị tích cực về tư tưởng, mở đường cho Cách mạng Pháp phát triển đi lên. Đây là điều mà các cuộc cách mạng tư sản Âu – Mĩ trước đó không có.

– Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XIX diễn ra sau các cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan, Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ nên giai cấp tư sản Pháp đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm từ các cuộc cách mạng trước đó.

Câu 2:

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô đóng một vai trò quan trọng trong việc góp phần tiêu diệt chủ nghĩa phát xít:

– Trước khi Chiến tranh thế giới bùng nổ, nhận thức được sự nguy hiểm của chủ nghĩa phát xít, Liên Xô đã chủ trương hợp tác với các nước tư bản dân chủ để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh (nhưng bị các nước Anh, Pháp, Mĩ từ chối).

– Tháng 6/1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, buộc Liên Xô tham chiến. Từ khi Liên Xô tham chiến để bảo vệ Tổ quốc và giúp các dân tộc khác chống phát xít thì tính chất của chiến tranh đã thay đổi, không còn là chiến tranh đế quốc phi nghĩa như trước.

– Cuối năm 1941, quân dân Liên Xô đánh bại quân đội phát xít Đức ra khỏi Mátxcơva, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Đức.

– Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng. Các Chính phủ Anh, Mĩ đã phải dần dần thay đổi thái độ, bắt tay với Liên Xô chống phát xít. Sự kiện Trân Châu cảng (7/12/1941) càng thúc đẩy Mĩ phải tham gia chiến tranh chống phát xít. Khối *Đồng minh chống phát xít* được hình thành (với bản *Tuyên ngôn Liên hợp quốc* ngày 1/1/1942).

– Từ tháng 11/1942 đến tháng 2/1943, Hồng quân Liên Xô phản công ở Xtalingrat, loại 33 vạn quân phát xít, tạo nên bước ngoặt cho cuộc chiến: ưu thế chuyển từ phe Trục sang phe Đồng minh. Từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên khắp các mặt trận.

– Sau khi giải phóng lãnh thổ, Liên Xô tiến quân vào giải phóng các nước Đông Âu và truy kích phát xít Đức, tạo thành một gọng kìm (mặt trận phía Đông) cùng với mặt trận phía Tây do Mĩ – Anh mở, tấn công Béclin (tháng 4/1945), buộc Đức đầu hàng không điều kiện (9/5/1945), chấm dứt chiến tranh ở châu Âu.

– Trong các hội nghị siêu cường của phe Đồng minh (Hội nghị Têhêran tháng 11/1943, Hội nghị Ianta tháng 2/1945, Hội nghị Pốttxđam tháng 7/1945), Liên Xô có tiếng nói quan trọng trong việc thúc đẩy kết thúc chiến tranh và giải quyết hậu quả chiến tranh.

– Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và nhanh chóng đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật ở Trung Quốc, góp phần quyết định buộc Nhật đầu hàng không điều kiện (15/8/1945), kết thúc chiến tranh trên phạm vi toàn thế giới.

– Như vậy, trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô (cùng với Mĩ, Anh) là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới.

Câu 3:

a. Trình bày và so sánh hai giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương:

Phong trào Cần vương (1885 – 1896) chia làm hai giai đoạn: giai đoạn 1 (từ giữa năm 1885 đến tháng 11/ 1888) và giai đoạn 2 (từ cuối năm 1888 đến năm 1896).

*** Giai đoạn 1 (từ giữa năm 1885 đến tháng 11/1888):**

– Sau khi chiếu Cần vương phát ra, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã sôi nổi hưởng ứng. Phong trào diễn ra trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

– Đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là phong trào còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của triều đình kháng chiến (trong chừng mực nhất định).

– Tháng 12/1886, Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện. Cuối năm 1888, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc.

*** Giai đoạn 2 (từ cuối năm 1888 đến năm 1896):**

– Sự kiện vua Hàm Nghi bị bắt ít nhiều gây tâm lí hoang mang trong một bộ phận sĩ phu, văn thân yêu nước.

– Nghĩa quân phải chuyển địa bàn từ vùng đồng bằng lên vùng trung du và rừng núi, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn. Tiêu biểu là Khởi nghĩa Bãi Sậy, Khởi nghĩa Hùng Lĩnh, Khởi nghĩa Hương Khê.

– Phong trào giai đoạn này vẫn thiếu sự liên kết và chỉ đạo thống nhất. Thêm vào đó, thực dân Pháp đã ổn định được nền thống trị, triều đình nhà Nguyễn đã bị biến thành tay sai,... khiến cho các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại. Năm 1896, với thất bại của khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Cần vương kết thúc.

*** So sánh hai giai đoạn:**

– Giống nhau:

+ Điều là phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược, thu hút nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước và đông đảo nhân dân (nhất là nông dân) tham gia.

+ Hình thức đấu tranh: khởi nghĩa vũ trang.

+ Tuy thất bại nhưng đã gây nhiều khó khăn cho Pháp,...

– Khác nhau:

+ Về lãnh đạo: Nếu giai đoạn 1 còn có sự lãnh đạo của triều đình kháng chiến thì sang giai đoạn 2 không còn (vua Hàm Nghi đã bị bắt,...).

+ Về phạm vi, quy mô, trình độ tổ chức: Giai đoạn 1 nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ, trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Giai đoạn 2 quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn ở vùng trung du và miền núi, có trình độ tổ chức cao hơn.

b. Phong trào Cần vương thực chất là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược, vì sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (cuối năm 1888), phong trào không dừng lại mà vẫn tiếp tục phát triển. Điều đó chứng tỏ “Cần vương chỉ là danh nghĩa, thực chất đây là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược”.

Câu 4:

Mặc dù đều là phong trào yêu nước diễn ra dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp xâm lược và chống phong kiến đầu hàng, Khởi nghĩa Yên Thế vẫn có những điểm khác với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương. Đó là:

– *Về nội dung, mục tiêu đấu tranh:* Nếu phong trào Cần vương là phong trào hưởng ứng chiếu Cần vương nhằm đánh Pháp giành lại độc lập, khôi phục chế độ phong kiến độc lập, thì khởi nghĩa Yên Thế là phong trào nông dân tự động (không thuộc phong trào Cần vương), đánh Pháp trước tiên là để bảo vệ cuộc sống tự do, bảo vệ đất đai, quê hương mình.

– *Về lãnh đạo:* Lãnh đạo phong trào Cần vương là các văn thân, sĩ phu yêu nước theo ý thức hệ phong kiến. Lãnh tụ khởi nghĩa Yên Thế (Đề Thám,...) là nông dân.

– *Về lực lượng tham gia:* Tham gia phong trào Cần vương là các văn thân, sĩ phu yêu nước, nông dân (đông đảo nhất), một số thổ hào

địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số. Tham gia khởi nghĩa Yên Thế chủ yếu là nông dân.

– Về địa bàn hoạt động: Phong trào Cần vương diễn ra ở hầu khắp các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Khởi nghĩa Yên Thế diễn ra ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên,...) với căn cứ chính ở Yên Thế (Bắc Giang).

– Về ý nghĩa, bài học rút ra sau thất bại của phong trào: Nếu như phong trào Cần vương thất bại chứng tỏ sự thất bại của con đường cứu nước theo tư tưởng phong kiến, thì thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Thế chứng tỏ con đường đấu tranh tự phát cũng không thể giành thắng lợi. Từ đó đặt ra yêu cầu cần tìm kiếm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

Câu 5:

Nội dung	Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX
Lực lượng lãnh đạo	Văn thân, sĩ phu yêu nước theo ý thức hệ phong kiến (phong trào Cần vương) hoặc nông dân (Khởi nghĩa Yên Thế).	Những nhà nho yêu nước đang trên con đường tư sản hoá.
Khuynh hướng chính trị	Khuynh hướng phong kiến (theo ý thức hệ phong kiến) hoặc tự phát.	Khuynh hướng tư sản (theo tư tưởng dân chủ tư sản).
Mục tiêu đấu tranh	– Chống Pháp, giành độc lập, khôi phục chế độ phong kiến độc lập (phong trào Cần vương). – Chống Pháp để giữ đất giữ làng, bảo vệ cuộc sống tự do (Khởi nghĩa Yên Thế).	Chống Pháp, giành độc lập, hướng theo chế độ tư bản chủ nghĩa. Gắn độc lập dân tộc với việc xây dựng một xã hội tiến bộ hơn.
Lực lượng tham gia	Văn thân, sĩ phu yêu nước, nông dân, thổ hào địa phương,...	Nhiều tầng lớp: thợ thuyền, nhà nho, nông dân, nhà buôn, binh lính, học sinh,...

<i>Hình thức đấu tranh</i>	Khởi nghĩa vũ trang.	Phong phú, đa dạng: bạo động, cầu ngoại viện, cải cách, mở trường học, lập hội,...
<i>Nguyên nhân thất bại</i>	– Nổ ra trong khi Pháp đã khuất phục được triều đình Huế, biến một bộ phận giai cấp phong kiến thành tay sai. – Sự bất cập của con đường phong kiến và con đường đấu tranh tự phát. Yếu kém của lực lượng lãnh đạo, nổ ra lẻ tẻ, rời rạc...	– Thực dân Pháp đã ổn định nền thống trị và cơ bản hoàn thành bình định Việt Nam. – Khuynh hướng tư sản hạn chế về thời đại, thiếu cơ sở xã hội để phát triển. – Thiếu một giai cấp tiên tiến có khả năng lãnh đạo cách mạng thành công.

ĐỀ 9

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI:

Câu 1

*** Sự kiện ngày 18/3/1871 là cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới vì:**

– 3 giờ sáng ngày 18/3/1871, quân Chie đánh chiếm đồi Môngmác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Nghe tiếng chuông nhà thờ báo động, quần chúng nhân dân đã kịp thời kéo đến hỗ trợ cho Quốc dân quân. Âm mưu chiếm đồi Môngmác của giai cấp tư sản bị thất bại.

– Trưa ngày 18/3, theo lệnh của Ủy ban Trung ương Quốc dân quân, các tiểu đoàn tiến vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan Chính phủ,...

– Chiều ngày 18/3, cờ đỏ phấp phới bay trên nóc toà thị chính, quân cách mạng làm chủ thành phố.

→ Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 đã dẫn đến sự ra đời của Công xã Paris, nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.

*** Nguyên nhân thất bại:**

- Giai cấp công nhân Pháp chưa đủ lực lượng và kinh nghiệm để đánh bại giai cấp tư sản.
- Thiếu sự lãnh đạo của một chính đảng cách mạng.
- Giai cấp tư sản và các thế lực phản động cấu kết với nhau tiêu diệt cách mạng.
- Công xã còn phạm một số sai lầm: bỏ lỡ thời cơ, không kiên quyết trấn áp kẻ thù, không thực hiện liên minh công nông.

*** Ý nghĩa:**

- Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và thiết lập chuyên chính vô sản.
- Cổ vũ tinh thần cách mạng cho giai cấp công nhân các nước.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Là sự thử nghiệm một nhà nước mới, xã hội mới.
- Bài học cần có một đảng cách mạng lãnh đạo, thực hiện liên minh công nông.
- Bài học về việc đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới của dân.

*** Cách mạng Việt Nam học tập từ Công xã Paris:**

- Phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản.
 - Phải thực hiện liên minh công nông.
 - Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới
- Từ đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 với nòng cốt là liên minh công nông.

Câu 2:

*** Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân sâu xa: Do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất không giải quyết được mâu thuẫn trên, trái lại còn làm nảy sinh mâu thuẫn mới: giữa các nước thắng trận và bại trận; giữa các nước thắng trận với nhau.
- Nguyên nhân trực tiếp: Do cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm cho mâu thuẫn trên càng trở nên gay gắt, dẫn đến

việc chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở một số nước với ý đồ gây chiến tranh để phân chia lại thế giới.

→ Chính sách nhượng bộ, thoả hiệp của Mĩ, Anh, Pháp đã tạo điều kiện cho khối phát xít phát động chiến tranh.

*** Vai trò của Liên Xô:**

Là lực lượng chủ chốt và quyết định trong việc đấu tranh tiêu diệt phát xít, kết thúc chiến tranh:

– Liên Xô tham chiến đã làm cho tính chất của cuộc chiến tranh thay đổi. Liên Xô trở thành trụ cột của lực lượng đoàn kết các nước chống phát xít (Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập ngày 1/1/1942).

– Chiến thắng Mátxcova, chiến thắng Xtalingrat, cuộc tấn công của Liên Xô từ cuối năm 1943 và việc Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức về sào huyệt cuối cùng ở thủ đô Béclin, tiêu diệt phát xít Đức đã buộc Đức phải kí văn kiện đầu hàng không điều kiện (9/5/1945).

– Thắng lợi của Liên Xô đã tạo điều kiện cho Anh, Mĩ có những thắng lợi khác ở các chiến trường Bắc Phi, Italia,...

– Liên Xô tham gia chống Nhật, đánh tan đội quân Quan Đông mạnh nhất của Nhật, góp phần quan trọng buộc quân phiệt Nhật kí văn kiện đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945) kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3:

*** Nội dung của các đề nghị cải cách, duy tân tiêu biểu:**

– Khi đi sứ sang Pháp, Phan Thanh Giản tận mắt chứng kiến sức mạnh và tầm quan trọng của kĩ thuật, của công thương. Về nước, ông đã đôi lần bày tỏ ý muốn duy tân.

– Năm 1868, Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định) để thông thương với bên ngoài, xây dựng một “Hương Cảng của Việt Nam”; Đinh Văn Điền đã mật trình đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông việc buôn bán, học tập binh thư, binh pháp, huấn luyện quân đội theo lối mới,...

– Năm 1872, Viện Thương Bạc (cơ quan đối ngoại của triều đình) đề nghị mở 3 cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn để thông thương với bên ngoài.

– Đặc biệt, từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi lên triều đình gần 60 bản điều trần, đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, tài chính, chấn chỉnh võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục,... Những đề nghị của ông đã gây được tiếng vang lớn trong xã hội nước ta lúc đó.

– Ngoài ra, vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch đã dâng triều đình các bản “Thời vụ sách” đề xuất ý kiến nhằm giải quyết các yêu cầu bức thiết của thời cuộc.

*** Những điểm chung của các đề nghị cải cách, duy tân:**

– Những đề nghị cải cách, duy tân của các sĩ phu yêu nước đều xuất phát từ lòng yêu nước, lại có tư tưởng tiến bộ, muốn duy tân phát triển đất nước để đối phó với âm mưu xâm lược từ bên ngoài, đồng thời mang đến sự phồn vinh cho đất nước.

– Họ vượt qua những định kiến, đổ kị, ghen ghét và cả sự nguy hiểm đối với bản thân để gửi lên triều đình những bản điều trần, mong muốn làm cho dân giàu, nước mạnh.

– Hầu hết các đề nghị cải cách đều không được thực hiện, cơ hội duy tân bị bỏ qua.

– Cho dù không thực hiện được, nhưng trào lưu cải cách cuối thế kỉ XIX đã có tác dụng tấn công vào tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân sôi nổi, rộng khắp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

*** Lí giải tại sao hầu hết các đề nghị cải cách không được thực hiện:**

– Phần lớn các bản điều trần còn rời rạc, tản mạn, thiếu tính khả thi,...

– Triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, cố chấp, không chịu đổi mới.

Câu 4:

Năm 1897, thực dân Pháp tiến hành chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam trên quy mô lớn:

– Xây dựng hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ khá hiện đại.

– Đẩy mạnh khai mỏ, nhất là mỏ than để đưa về phục vụ cho nền công nghiệp chính quốc hoặc bán ra thị trường các nước.

– Xây dựng nhà máy điện nước, xi măng, dệt, xay gạo,... để lợi dụng nguồn lao động rẻ mạt, dồi dào ở nước ta.

– Xây dựng một số cơ sở công nghiệp sản xuất các mặt hàng không cạnh tranh với công nghiệp chính quốc, đưa lại lợi ích cao hơn là từ Pháp chuyển sang.

– Thực dân Pháp ra sức cướp ruộng đất để lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, cao su,...

→ Chính sách khai thác, bóc lột của thực dân Pháp làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam bước đầu thay đổi, kéo theo sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc:

– Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ trở nên giàu có. Dựa vào Pháp, họ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Trong đó, bộ phận địa chủ vừa và nhỏ bị Pháp chèn ép nên có tinh thần chống Pháp

– Nông dân bị mất ruộng đất. Một số ít bỏ làng ra các hầm mỏ, đồn điền làm thuê. Phần đông vẫn ở lại làng, chịu áp, bức bóc lột nặng nề bởi nạn thuế khoá, phu phen, tạp dịch. Đây là lực lượng cách mạng to lớn nhưng thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.

– Giai cấp công nhân được hình thành từ một bộ phận nông dân bị địa chủ, phong kiến cướp ruộng đất, phải bỏ làng xóm ra thành thị, đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ để xin việc làm. Công nhân Việt Nam ngày càng tăng và tập trung trong các cơ sở kinh tế chủ yếu của thực dân Pháp.

– Tư sản dân tộc cũng ra đời từ bộ phận người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán, hoặc lập xưởng sản xuất. Tầng lớp này ngay từ đầu đã bị thực dân Pháp khống chế, chèn ép nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu.

– Tầng lớp tiểu tư sản ra đời với nhiều thành phần: chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên,... Số lượng ngày càng đông cùng với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

– Các sĩ phu Nho học bắt đầu có những chuyển biến trong tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế.

→ Chính sách khai thác thuộc địa của Pháp làm nảy sinh những lực lượng mới, tạo nên những biến đổi bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc ở đầu thế kỉ XX.

Câu 5:

*** Hoàn thành bảng so sánh:**

Nội dung so sánh	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	Cuộc phản công của phái chủ chiến tại kinh thành Huế thất bại. Tôn Thất Thuyết mượn danh nghĩa vua Hàm Nghi thảo Chiếu Cần vương.	Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Các sĩ phu phong kiến tiến bộ tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam.
Tầng lớp khởi xướng	Vua quan nhà Nguyễn (phái chủ chiến).	Sĩ phu yêu nước tiến bộ theo tư tưởng Duy tân (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh).
Hệ tư tưởng	Phong kiến – trung quân ái quốc.	Ý thức về chủ nghĩa quốc gia – dân tộc, vì lợi ích chung của đồng bào cả nước.
Mục tiêu đấu tranh	Chống xâm lược, khôi phục vương triều phong kiến có chủ quyền.	Đánh đuổi thực dân Pháp, cải cách xã hội, mong muốn nước nhà đuổi kịp các nước văn minh.
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang.	Khởi nghĩa vũ trang kết hợp với chính trị, ngoại giao, cải cách xã hội,...
Phong trào tiêu biểu	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê,...	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh Nghĩa thực...
Lực lượng tham gia	Văn thân, sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, giới công thương, tiểu tư sản thành thị, quần chúng yêu nước...
Kết quả, ý nghĩa	– Thất bại. – Là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.	– Thất bại. – Có tiếng vang lớn, là những bước đi ban đầu để tìm con đường cứu nước mới.

ĐỀ 10

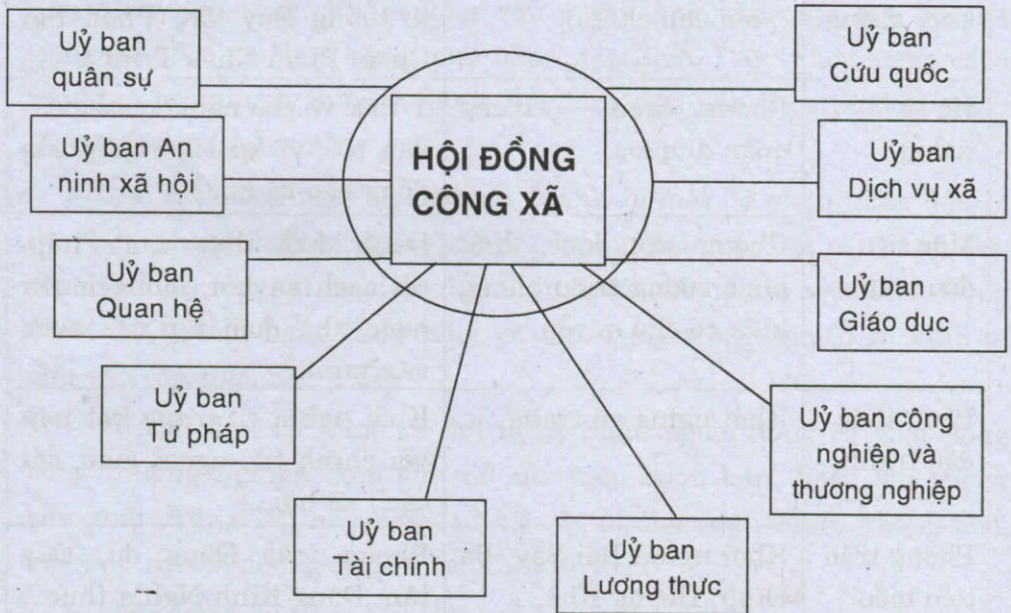
Câu 1:

*** Sự thành lập Công xã:**

– Ngày 18/3/1871, cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân Paris chống chính quyền tư sản do Chie đứng đầu đã nổ ra và giành thắng lợi. Chie thất bại và chạy về Vécxai. Các cơ quan chính phủ rơi vào tay quân cách mạng.

– Đến ngày 26/3, cuộc bầu cử Hội đồng Công xã đã được diễn ra dưới hình thức phổ thông đầu phiếu. Ngày 28/3/1871, Công xã chính thức tuyên bố thành lập tại toà thị chính.

*** Sơ đồ bộ máy Nhà nước Công xã:**



*** Công xã là một nhà nước kiểu mới:**

– Cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền hoàn toàn khác với bộ máy nhà nước của những giai cấp bóc lột trước.

– Cơ quan cao nhất của nhà nước là Hội đồng Công xã, lập trung trong tay quyền lập pháp và quyền hành pháp.

– Hội đồng Công xã đã lập ra 10 uỷ ban tạo thành một hệ thống quản lí nhà nước như Uỷ ban Quân sự và An ninh xã hội, Uỷ ban Quan hệ đối ngoại, Uỷ ban Tư pháp, Uỷ ban Tài chính,... đứng đầu

mỗi uỷ ban là một uỷ viên công xã, chịu trách nhiệm trước nhân dân và có thể bị bãi miễn.

– Quân đội và bộ máy cảnh sát của chính quyền cũ được thay bằng lực lượng an ninh nhân dân.

– Tách nhà thờ ra khỏi nhà nước và trường học, đảm bảo tự do cá nhân.

*** Nhà nước của dân:**

– Công xã ra đời là kết quả của quá trình đấu tranh gian khổ và hi sinh của quần chúng Paris trước quân xâm lược và chính quyền phản động của giai cấp tư sản.

– Nhà nước được thành lập trên cơ sở bầu cử của nhân dân và nhân dân có quyền bãi miễn các cơ quan quyền lực của nhà nước.

*** Nhà nước vì dân:**

Những chính sách của Công xã đều phục vụ cho quyền lợi của nhân dân lao động, biểu hiện:

– Không ngừng chăm lo đời sống nhân dân và đề ra nhiều biện pháp phát triển nền kinh tế quốc dân.

– Thực hiện quyền làm chủ của công dân đối với những xí nghiệp có chủ bỏ trốn; những xí nghiệp còn chủ thì Công xã kiểm soát chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập công nhân. Giải quyết nạn thất nghiệp, hoãn trả các loại nợ của dân. Thực hiện chế độ lao động ngày làm 10 giờ (một tiến bộ lúc bấy giờ).

– Phụ nữ được hưởng quyền công dân. Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, không mất tiền đi học, lập trường, nhà trẻ, cải thiện đời sống cho công nhân nữ. Nhiều tổ chức quần chúng ra đời nhằm phục vụ đời sống chính trị của nhân dân,...

*** Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản, vì:**

Đại biểu trúng cử hầu hết là công nhân và trí thức tiến bộ – đại diện cho quần chúng nhân dân lao động. Công nhân tuy không chiếm số đông nhưng là lực lượng chính lãnh đạo Công xã.

Câu 2:

– Quần chúng nhân dân (QCND) Pháp bao gồm: nông dân, thợ thủ công, công nhân, dân nghèo thành thị. Đây là lực lượng lao động chính tạo ra của cải vật chất nuôi sống xã hội nhưng lại bị áp bức, bóc lột, đời sống thấp kém, bần cùng hoá (đặc biệt là nông dân). Vì vậy họ trở thành lực lượng đông đảo nhất, hăng hái nhất và triệt để nhất trong các cuộc đấu tranh chống giai cấp thống trị.

– Trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, QCND trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy cuộc cách mạng phát triển và đạt đến đỉnh cao, mà tiêu biểu là cuộc Cách mạng tư sản Pháp.

*** Vai trò của QCND Pháp được thể hiện trong cuộc Cách mạng tư sản Pháp:**

– Ngày 14/7/1789:

Việc vua Louis XVI triệu tập Quốc hội để đánh thuế mới và vay tiền đã khiến cho đẳng cấp thứ ba hết sức căm phẫn, đẳng cấp thứ ba tuyên bố tách ra thành lập Quốc hội lập hiến và không phê chuẩn yêu cầu của nhà vua nên đã được quần chúng nhân dân ủng hộ. Louis XVI tìm mọi cách đàn áp. Vua đã điều 20.000 quân từ Vécxai về Paris với mưu toan bóp chết cách mạng. Trước tình hình đó, giai cấp tư sản tỏ ra bối rối, nhưng QCND đã đứng lên cứu nguy cho cách mạng.

+ Ngày 14/7/1789, 300.000 quần chúng nhân dân, chủ yếu là công nhân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị đã tự vũ trang tấn công các trụ sở, cơ quan quan trọng nhất của thành phố và *chiếm ngục Baxti* – *biểu tượng của chế độ phong kiến chuyên chế*.

+ Sau 4 giờ chiến đấu quyết liệt, quần chúng đã chiếm được ngục Baxti. Ngày 14/7 là mốc mở đầu cuộc Cách mạng tư sản Pháp (sau này trở thành ngày Quốc khánh của nước Pháp).

+ Sau ngày 14/7, Cách mạng bùng nổ và giành thắng lợi ở Paris, lật đổ chế quân chủ chuyên chế ở Pháp, quần chúng nhân dân đưa phái Lập hiến thuộc tầng lớp đại tư sản (tư sản tài chính) lên nắm chính quyền, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

– Ngày 10/8/1792:

+ Trước tình hình Tổ quốc lâm nguy do sự tấn công của thù trong giặc ngoài, vua Louis XVI bán nước, giai cấp tư sản bất lực, quần chúng nhân dân Paris lại một lần nữa nổi lên khởi nghĩa, quyết tâm chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ đất nước.

+ Ngày 10/8/1792, quần chúng nhân dân nổi dậy tấn công cung điện, bắt vua và hoàng hậu, lật đổ chế độ phong kiến, đưa phái Girôngđanh (tư sản công thương) lên nắm chính quyền, *thiết lập nền Cộng hoà*.

– Ngày 31/5 đến ngày 2/6/1793:

+ Mùa xuân năm 1793, nước Pháp lại lâm vào tình trạng khó khăn bởi thù trong giặc ngoài, nhưng phái Girôngđanh không kiên quyết đấu tranh, muốn dùng cách mạng lại.

+ Ngày 31/5 đến ngày 2/6/1793, tình hình nước Pháp trở nên nguy khốn bởi thù trong giặc ngoài, quần chúng Paris lại xuống đường với hàng vạn công nhân, thợ thủ công bao vây Quốc hội, bắt giam những người cầm quyền Girôngđanh, đưa phái Giacôbanh lên nắm chính quyền – đứng đầu là Rôbespie. Chính quyền này đã thực hiện nhiều chính sách tiến bộ: vấn đề ruộng đất cho nông dân, tự do dân chủ,...

+ Tháng 8/1793, hưởng ứng Sắc lệnh tổng động viên của Ủy ban Cứu quốc, 42 vạn quần chúng nhân dân đã tình nguyện tham gia quân đội. Nhờ đó, đến năm 1794, quân cách mạng đã đánh thắng thù trong giặc ngoài. *Cách mạng Pháp đạt đến đỉnh cao.*

- Giữa năm 1793, do sự chia rẽ nội bộ, phái Giacôbanh mất đi sự ủng hộ của quần chúng, trở nên suy yếu. Lợi dụng tình hình đó, ngày 27/7/1794 (Ngày 9, tháng Tecmiđô) các lực lượng đối lập đã tổ chức cuộc chính biến, bắt và xử tử Rôbespie và đồng đội của ông. Nền chuyên chính Giacôbanh sụp đổ, cách mạng bước vào thời kì thoái trào.

- Như vậy, xuyên suốt cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, quần chúng nhân Pháp đã thể hiện rõ khả năng cách mạng và tinh thần đấu tranh kiên quyết của mình. Vai trò của quần chúng nhân dân đã góp phần to lớn, có tính quyết định đối với sự phát triển và thắng lợi của cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789.

Câu 3:

*** Bối cảnh lịch sử**

Tình hình trong nước.

Sau khi tiến hành dập tắt phong trào Cần vương (1896), thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã làm cho:

- Cơ cấu kinh tế Việt Nam bước đầu có sự biến đổi: các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa hình thành và từng bước mở rộng.

- Cơ cấu xã hội cũng thay đổi theo: giai cấp công nhân ra đời và ngày càng đông đảo hơn. Tầng lớp tư sản và tiểu tư sản dân tộc cũng bắt đầu xuất hiện.

- Các sĩ phu Nho học cũng bắt đầu có sự chuyển biến trong tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế. Họ tiếp nhận tư tưởng mới – tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, qua sách báo từ Trung Quốc. Họ hô hào mở trường học, dạy theo lối mới, hô hào thực nghiệp, mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

– Vấn đề độc lập dân tộc vẫn tiếp tục được đặt ra một cách cấp thiết. Phong trào vũ trang Cần vương thất bại đã đặt ra yêu cầu cho sĩ phu yêu nước là cần phải có những con đường mới, tư tưởng mới, hình thức đấu tranh mới,... để giành độc lập.

→ Yêu cầu về độc lập dân tộc, sự biến đổi kinh tế, sự ra đời của những tầng lớp mới, sự chuyển biến trong tư tưởng các sĩ phu là cơ sở tạo ra sự chuyển biến và dẫn đến ra đời của phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Sự tác động từ tình hình bên ngoài:

– Phong trào Duy tân của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu ở Trung Quốc với khuynh hướng dân chủ tư sản thông qua các sách báo được truyền vào nước ta, ảnh hưởng đến tầng lớp các sĩ phu. Họ nhận thấy chế độ phong kiến không còn phù hợp. Cần có những cải cách, đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội,... để từng bước giành lại chủ quyền dân tộc. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với duy tân và thay đổi chế độ xã hội. Độc lập dân tộc gắn với dân quyền, dân chủ,... Để giành độc lập phải kết hợp vừa vũ trang bạo động vừa duy tân cải cách sâu rộng về nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá.

– Cách mạng Tân Hợi năm 1911 cũng giúp cho một số sĩ phu Việt Nam đoạn tuyệt với tư tưởng quân chủ chuyên chế, chuyển qua tư tưởng cộng hoà.

– Cuộc Minh Trị Duy tân của Nhật bản, thắng lợi của Nhật bản trong chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) càng ảnh hưởng lớn đến các sĩ phu. Họ muốn duy tân, cải cách đất nước theo gương Nhật Bản. Mong muốn dựa vào Nhật – nước “*đồng chủ, đồng văn*”, để đuổi thực dân Pháp.

→ Như vậy, do sự thất bại của con đường đấu tranh vũ trang thuần túy của các phong trào yêu nước trước đó, sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế và xã hội, sự tác động của các tư tưởng cách mạng mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản từ bên ngoài vào; các tầng lớp sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX thấy cần có những biện pháp, con đường cứu nước mới. Từ đó xuất hiện trào lưu dân tộc chủ nghĩa với hai xu hướng tiêu biểu: bạo động của Phan Bội Châu và duy tân cải cách của Phan Châu Trinh.

*** *Đóng góp mới đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc:***

– Tạo ra sự chuyển biến về chất trong nội dung tư tưởng, hình thức biểu hiện cho phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX: vừa vũ

trang bạo động, vừa canh tân đất nước, cải cách, đổi mới về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

– Đóng góp trong lĩnh vực tư tưởng, ý thức hệ: giúp nhân dân nhìn thấy ý thức hệ phong kiến, chế độ phong kiến đã lỗi thời, không còn phù hợp, không giải quyết được yêu cầu độc lập; cần có một khuynh hướng tư tưởng mới, một ý thức hệ mới – ý thức về một chủ nghĩa quốc gia độc lập, đề cao dân quyền, dân chủ – theo ý thức hệ tư sản, khuynh hướng dân chủ tư sản.

– Tạo ra sự thay đổi trong tư duy kinh tế, cải biến nền kinh tế – xã hội theo những hình thức mới, tư duy mới – kinh tế công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

– Tạo ra sự thay đổi trong tư duy văn hoá, trong lối sống xã hội, thay cho nền Hán học cũ là việc hô hào, truyền bá những hiểu biết về một nền học thuật mới, một nếp sống mới, văn minh, tiến bộ.

– Tạo tiền đề để thành lập những tổ chức yêu nước theo khuynh hướng vô sản sau này.

Câu 4:

a. Nội dung và tác dụng của Chiếu Cần vương.

– *Nội dung:*

+ Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

+ Lên án sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên.

+ Khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng.

– *Ý nghĩa:* Chiếu Cần vương kêu gọi văn thân, sĩ phu, nhân dân ra sức giúp vua vì mục tiêu đánh Pháp, khôi phục nền độc lập dân tộc, lập lại chế độ phong kiến có vua hiền, vua giỏi.

+ Khẩu hiệu “*Cần vương*” đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước cháy âm ỉ bấy lâu, một phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 12 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

+ Trước đây, nhà Nguyễn chưa một lần hiệu triệu nhân dân đứng lên cứu nước, vì vậy phong trào “*Cần vương*” đã nhanh chóng quy tụ được lực lượng đông đảo tham gia.

b. Thái độ của các văn thân, sĩ phu và quần chúng nhân dân đối với Chiếu Cần vương:

– *Thái độ của các sĩ phu, văn thân đối với Chiếu Cần vương*

+ Các sĩ phu, văn thân là những quan lại, những trí thức, những người có học trong xã hội phong kiến Việt Nam lúc bấy giờ, họ bị chi phối nặng nề bởi những tư tưởng Nho giáo, tư tưởng “trung quân, ái quốc” (yêu nước tức là trung thành với vua).

+ Tháng 7/1885, Chiếu Cần vương ban ra, lập tức các sĩ phu, văn thân hưởng ứng sôi nổi, nhiệt tình.

+ Chính Chiếu Cần vương đã đáp ứng được lòng yêu nước và tư tưởng trung quân của họ.

+ Họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai trên một địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc và Trung Kỳ.

– *Thái độ của quần chúng nhân dân:*

+ Là những người hiểu hơn ai hết giá trị của độc lập tự do, ở họ chỉ có một tình yêu quê hương đất nước. Lòng yêu nước nồng nàn của họ lại bị chi phối bởi tư tưởng trung quân ái quốc.

+ Chiếu Cần vương ban ra đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước vốn đang âm ỉ cháy trong quần chúng nhân dân, và nhanh chóng biến thành một phong trào rộng lớn, kéo dài hơn 10 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới bị dập tắt.

c. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương trong sự nghiệp chống Pháp.

– *Từ giữa năm 1885 đến tháng 11/1888:*

+ Phong trào đặt dưới sự chỉ huy của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định; Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dự ở Quảng Nam; Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình; Phạm Bành, Đinh Công Tráng ở Thanh Hoá. Ở Bắc Kỳ có Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Đức Ngũ, Nguyễn Thiện thuật,...

+ Đặc điểm nổi bật của phong trào trong giai đoạn này là trong chừng mực nhất định, phong trào còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất

của một triều đình kháng chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã kiên quyết chống lại mọi hành động mua chuộc dụ dỗ của thực dân Pháp, chấp nhận đi đày ở Angiêri.

– Từ cuối năm 1888 đến năm 1896:

+ Trong giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển. Nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động từ vùng đồng bằng lên vùng trung du và rừng núi, quy tụ lại thành những cuộc khởi nghĩa có trình độ tổ chức cao hơn.

+ Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong giai đoạn này là: Khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), Khởi nghĩa Ba Đình, Hùng Lĩnh (Thanh Hoá), Khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).

+ Phong trào ở giai đoạn này vẫn chưa khắc phục được tình trạng lẻ tẻ, thiếu sự liên kết và chỉ đạo thống nhất.

+ Cuối năm 1895 – đầu năm 1896, với việc chấm dứt tiếng súng chống Pháp trên núi Vụ Quang trong khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

Câu 5:

So sánh trào lưu cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX với cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX:

Tiêu chí so sánh	Trào lưu cải cách, duy tân trong những năm cuối thế kỉ XIX	Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.
Bối cảnh lịch sử	Từ sau năm 1858 tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam ngày càng khủng hoảng. Bộ máy chính trị từ trung ương tới địa phương trở lên sâu một, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra. Vận nước nguy nan đã tác động đến các quan lại, sĩ phu yêu	– Phong trào Cần vương thất bại, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam. Sự chuyển biến về kinh tế – xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. – Ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ

	nước tiến bộ, nhiều đề nghị cải cách duy tân đã được đưa ra.	từ Trung Quốc, Nhật Bản,... các sĩ phu yêu nước đã vận động cứu nước theo con đường mới.
Những người thực hiện	Đinh Văn Điền, Trần Đình Túc, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,...	Các sĩ phu yêu nước tiến bộ: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.
Cách tiến hành	Dâng sớ đề nghị cải cách.	Trực tiếp tiến hành: phong trào Đông du, phong trào Duy tân, mở trường học theo kiểu phương Tây.
Mục tiêu đấu tranh	Mong muốn đất nước giàu mạnh, phát triển theo phương Tây.	– Đánh đuổi giặc Pháp và tay sai. – Gắn liền với cuộc duy tân để thay đổi chế độ theo kiểu dân chủ tư sản.
Kết quả – ý nghĩa	– Thất bại. – Tấn công vào tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.	– Thất bại do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chưa chín muồi. – Tiếp tục phát huy tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc. – Tạo tiền đề để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

ĐỀ 11

Câu 1:

*** Vì sao nước Nga phải tiến hành hai cuộc cách mạng trong năm 1917: (1,0 điểm)**

– *Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917:* Trước cách mạng, nước Nga là nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga Hoàng. Kinh tế bị kìm hãm, công nông nghiệp còn rất lạc hậu, đời sống của người dân Nga thấp nhất châu Âu. Vì thế cần có một cuộc

cách mạng dân chủ tư sản để xoá đi sự cản trở của chế độ phong kiến, mở đường cho nước Nga phát triển.

– *Cách mạng xã – Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917*: Sau khi cách mạng tháng Hai năm 1917 thắng lợi, xuất hiện hình thái hai chính quyền song song tồn tại. Chính phủ lâm thời tư sản Nga không triệt để xoá bỏ phong kiến mà còn cấu kết với quý tộc phong kiến tiếp tục chiến tranh với Đức. Do vậy, muốn giải phóng mọi trở ngại, nước Nga phải tiến hành cuộc cách mạng vô sản lật đổ Chính phủ tư sản, thiết lập nhà nước công nông, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Diễn biến khởi nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga:**

– Đến tháng 10, không khí cách mạng lên đến cao độ. Lênin bí mật từ Phần Lan về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng.

– Đêm 24/10/1917, cách mạng bùng nổ, quân cách mạng chiếm các vị trí then chốt và bao vây cung điện Mùa Đông – nơi ẩn náu của Chính phủ tư sản.

– Đêm 25/10/1917, các đơn vị cận vệ đỏ tấn công cung điện Mùa Đông, bắt giữ toàn bộ Chính phủ tư sản, cuộc khởi nghĩa ở Pêtrôgrat thắng lợi.

*** Phân tích vai trò của Lênin trong và sau cuộc cách mạng này.**

– Hiện tượng hai chính quyền song song tồn tại sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 thể hiện sự bế tắc về phương hướng phát triển của cách mạng.

– Sau sự kiện đàn áp đẫm máu tháng 7/1917, Lê nin nhận ra điều kiện đấu tranh hoà bình không còn nữa. Vì thế tại Đại hội lần thứ VI của Đảng Bôn-sê-vích, Lênin xác định “phải lật đổ chính quyền tư sản bằng con đường bạo lực vũ trang”.

– Đến tháng 10/1917, Lênin từ Phần Lan về nước trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở pêtôrôgrat đêm 24 rạng 25 tháng 10 năm 1917 thắng lợi.

– Sau khi giành được chính quyền, với vai trò người cao nhất trong chính quyền Xô viết, Lênin ban hành sắc lệnh ruộng đất nhằm thoả mãn nguyện vọng của nhân dân Nga.

– Lê nin ban hành nhiều chính sách xoá bỏ mọi tàn tích của phong kiến thực hiện quyền tự do dân chủ, thành lập Hồng quân để bảo vệ chính quyền và Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

– Để huy động sức lực của toàn dân tộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài, Lênin thực hiện chính sách cộng sản thời chiến. Nhờ vào chính sách táo bạo và đúng đắn này mà mọi âm mưu của kẻ thù trong và ngoài nước bị đập tan, chính quyền Xô viết non trẻ của nước Nga được bảo vệ và đứng vững.

– Đến năm 1921, chính sách cộng sản thời chiến không còn phù hợp, Lênin đề xướng chính sách kinh tế mới, chuyển nền kinh tế Nga sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần do nhà nước kiểm soát.

Câu 2:

*** Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai:**

– Nguyên nhân sâu xa là do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các nước thắng trận và bại trận; giữa các nước thắng trận với nhau.

– Nguyên nhân trực tiếp là do khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 làm cho những mâu thuẫn trên thêm sâu sắc, dẫn đến việc lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở một số nước với ý đồ gây chiến tranh chia lại thị trường thế giới và chính sách nhượng bộ, thoả hiệp của Mĩ, Anh, Pháp đã tạo điều kiện cho khối phát xít phát động chiến tranh.

*** Lập niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941 theo các nội dung: thời gian, chiến sự, kết quả:**

Thời gian	Chiến sự	Kết quả
Từ ngày 1/9/1939 đến ngày 29/9/1939	Đức tấn công Ba Lan.	Ba Lan bị thôn tính.
Từ tháng 9/1939 đến tháng 4/1940	“Chiến tranh kì quặc”	Tạo điều kiện để phát xít Đức phát triển mạnh lực lượng.
Từ tháng 4 /1940 đến tháng 6 /1940	Đức tấn công Bắc Âu và Tây Âu.	Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Lúcxambua, bị Đức thôn tính; Pháp đầu hàng Đức.
Từ tháng 10/1940 đến tháng 6/1941	Đức tấn công Đông và Nam Âu.	Rumani, Hunggari, Bungari, Nam Tư, Hi Lạp bị thôn tính.

Ngày 22/6/1941.	Đức tấn công Liên Xô.	Trong những năm tháng đầu tiên, nhờ ưu thế về vũ khí và kinh nghiệm tác chiến, Đức tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.
-----------------	-----------------------	---

Câu 3:

Phong Trào Cần vương (1885-1896):

** Nguyên nhân bùng nổ:*

– Sau khi thực dân Pháp hoàn thành xâm lược Việt Nam với Hoà ước năm 1884 thì cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam chuyển qua một giai đoạn mới.

– Mở đầu là cuộc tấn công trại lính Pháp cạnh kinh thành Huế (1885) do Tôn Thất Thuyết chỉ huy.

– Cuộc tấn công bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đã phò vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, ông đã lấy danh nghĩa Hàm Nghi hạ Chiếu Cần vương (7/1885) kêu gọi các văn thân, sĩ phu cùng toàn dân tiếp tục kháng chiến

– Hưởng ứng Chiếu Cần vương, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống Pháp.

** Quá trình phát triển:*

– Phong trào khởi nghĩa vũ trang cần vương bùng nổ và phát triển trong nhiều địa phương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù năm 1888, Vua Hàm Nghi bị bắt và bị đày ra nước ngoài nhưng phong trào Cần vương vẫn tiếp tục phát triển, kéo dài đến những năm cuối thế kỉ XIX.

– Trong phong trào Cần vương, các thủ lĩnh văn thân, sĩ phu liên kết với các thổ hào địa phương, tập hợp đông đảo quần chúng nông dân dùng vũ khí thô sơ chống Pháp. Kết quả các cuộc khởi nghĩa đều thất bại do so sánh lực lượng chênh lệch bất lợi cho nhân dân ta và các thế lực phong kiến suy tàn.

– Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1892) do Phạm Bành và Đinh Công Tráng chỉ huy, Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1886 – 1892) của Tống Duy Tân, Khởi Nghĩa Bãi Sậy (1885 – 1892) của Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật và Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896) của Phan Đình Phùng.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

– Tuy thất bại nhưng các cuộc khởi nghĩa Cần vương là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho những phong trào dân tộc dân chủ mới ra đời trong những thập niên đầu thế kỉ XX.

– Từ đó, công cuộc đấu tranh giành độc lập đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi những người yêu nước phải cải cách xã hội (bỏ chế độ vua quan, quân chủ lập hiến), chuẩn bị cho những cuộc vận động cách mạng ở đầu thế kỉ XX.

Câu 4:

Phân tích sự chuyển biến của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ XX dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp:

– Năm 1897, Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam trên quy mô lớn.

– Xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ ; xây dựng một số nhà máy điện, nước, xi măng, xay xát và một số cơ sở công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tại chỗ.

– Đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu là than) để đưa về nước phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

– Cướp ruộng đất lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, cao su,...

– Chính sách khai thác của Pháp làm cho cơ cấu xã hội Việt Nam ngày càng phân hoá sâu sắc:

+ Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ trở nên giàu có. Dựa vào Pháp, họ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Trong đó, một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ bị Pháp chèn ép nên có tinh thần chống Pháp.

+ Nông dân bị mất ruộng đất. Một số ít bỏ làng ra các hầm mỏ, đồn điền làm thuê. Phần đông vẫn ở lại làng, chịu áp bức bóc lột nặng nề bởi nạn thuế khoá, phu phen, tạp dịch. Đây là một lực lượng cách mạng to lớn nhưng thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình. Giai cấp công nhân được hình thành từ một bộ phận nông dân phá sản phải bỏ làng xóm ra thành thị đến các nhà máy, đồn điền, hầm mỏ để xin việc làm, công nhân Việt Nam ngày càng tăng và tập trung trong các cơ sở kinh tế chủ yếu của thực dân Pháp.

+ Tư sản dân tộc cũng ra đời từ một bộ phận người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất. Tầng lớp này ngay từ đầu đã bị thực dân Pháp khống chế chèn ép nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu.

+ Tầng lớp tiểu tư sản ra đời, họ thuộc nhiều thành phần: chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên,... Số lượng ngày càng đông cùng với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

+ Các sĩ phu Nho học bắt đầu có những chuyển biến trong tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế.

– Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm nảy sinh những lực lượng mới, tạo nên những biến đổi bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc ở đầu thế kỉ XX.

Câu 5:

Lập bảng so sánh phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo nội dung: bối cảnh lịch sử, mục tiêu đấu tranh, tầng lớp lãnh đạo, lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh, phong trào tiêu biểu, kết quả và ý nghĩa.

Nội Dung	Phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	- Sau Hiệp ước Patơnot (1884), thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ ở Việt Nam. - Cuộc phản công tháng 7/1885 thất bại, vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ Chiếu Cần vương.	- Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, kinh tế – xã hội nước ta có nhiều chuyển biến. - Tác động của những trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới.
Mục tiêu đấu tranh	Giúp vua cứu nước. Khôi phục vương triều phong kiến.	Chống Pháp giành độc lập dân chủ.
Tầng lớp lãnh đạo	Quan lại, sĩ phu, văn thân yêu nước.	Các sĩ phu tiến bộ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Lực lượng tham gia	Sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, trí thức, tiểu tư sản.
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang.	Bạo động vũ trang, cải cách xã hội, duy tân đất nước.
Phong trào tiêu biểu	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê.	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh Nghĩa thực.
Kết quả và ý nghĩa	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của dân tộc. – Là nguồn cổ vũ tinh thần cho những cuộc vận động cách mạng sau này.	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, cổ vũ tinh thần của nhân dân. – Để lại bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng về sau.

ĐỀ 12

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã dẫn đến việc chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở các nước Đức, Italia và Nhật Bản. Ba nước này liên kết với nhau hình thành nên liên minh phát xít, chủ trương gây chiến tranh xâm lược nhằm chia lại thị trường thế giới.

– Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hítle ngang nhiên xoá bỏ Hiệp ước Vécxai, hướng tới việc thành lập một nước “Đại Đức”,...

– Trong bối cảnh đó, Liên Xô coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, chủ trương hợp tác với các nước tư bản Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh...

– Vì muốn giữ nguyên trật tự thế giới có lợi cho mình,... Anh, Pháp không chủ trương hợp tác với Liên Xô; trái lại, Anh, Pháp thực hiện chính sách nhân nhượng phát xít, hòng đẩy chiến tranh về phía Liên Xô. Còn Mĩ, với đạo luật trung lập (8/1935), giới cầm quyền Mĩ thực hiện chính sách không can thiệp vào công việc bên ngoài châu Mĩ.

⇒ Trước thái độ khác nhau của các nước lớn như vậy, chủ nghĩa phát xít đã đẩy mạnh quá trình xâm lược...

– Tháng 3/1938, Đức thôn tính Áo và gây ra vụ Xuyđét nhưng Chính phủ của Hítle không gặp phải sự cản trở nào từ các nước dân chủ, điều này cho thấy Anh, Pháp tiếp tục nhượng bộ Đức.

– Đỉnh cao của chính sách nhượng bộ, thoả hiệp của Anh, Pháp đối với Đức là những thoả thuận với nhau tại hội nghị Muyních (29/9/1938)... Nhưng thực tế cho thấy Tiệp Khắc chưa phải là tham vọng cuối cùng của phát xít Đức. Do đó, sau hội nghị Muyních, Hítle tiếp tục hoạt động gây chiến tranh và bành trướng bằng việc gây hấn với Ba Lan.

– Liên Xô kí với Đức Hiệp ước Xô – Đức (23/08/1939) cam kết không xâm phạm lẫn nhau. Đây cũng là giải pháp tốt cho Liên Xô khi đang trong hoàn cảnh bị cô lập.

⇒ Như vậy, sự xuất hiện của phát xít Đức, Italia, Nhật Bản là do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933), với tham vọng điên cuồng của các nước phát xít và chính sách nhượng bộ, thoả hiệp của Anh, Pháp, Mĩ đã tạo điều kiện cho các nước phát xít phát động chiến tranh.

Câu 2:

*** Cách mạng tháng Mười Nga được đánh giá là sự kiện lịch sử vĩ đại vì:**

Cách mạng tháng Mười Nga thành công dẫn đến sự thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với nước Nga và toàn thế giới.

– Đối với nước Nga:

+ Đập tan ách thống trị, áp bức của tư sản, phong kiến, mở ra một kỉ nguyên mới làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu con người Nga.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử, công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ, đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

+ Đưa giai cấp công – nông lên nắm chính quyền, xây dựng một xã hội mới ở Nga.

– Đối với thế giới:

+ Làm thay đổi cục diện chính trị thế giới. Phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa tư bản, nó không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.

+ Cổ vũ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ cho họ con đường đi đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

+ Có ảnh hưởng mạnh mẽ và để lại nhiều bài học cho phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

*** Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt Nam:**

– Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lênin và Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Con đường cứu nước cụ thể là kết hợp phong trào công nhân, phong trào yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

– Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên – là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam và trực tiếp tham gia huấn luyện, giảng dạy,... những bài giảng của Người đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh nghiệm tổ chức đảng vô sản kiểu mới ở Nga.

– Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga trực tiếp ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam thông qua con đường sách báo bí mật với các tác phẩm như: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh*,... và mở các lớp đào tạo cán bộ, gây cơ sở cách mạng trong nước.

– Cách mạng tháng Mười Nga được sự lãnh đạo của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, tiền thân của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Đảng ta cũng đã học tập kinh nghiệm đoàn kết công – nông – binh tạo thành một khối sức mạnh vĩ đại, và Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX:

a. Hoàn cảnh ra đời, động cơ cải cách, duy tân:

– *Hoàn cảnh ra đời:*

Nửa sau thế kỉ XIX, đất nước đang đứng trước nguy nan (kinh tế khủng hoảng, khởi nghĩa nông dân, sức dân hao mòn, tác hại của chính sách “đóng cửa”, Pháp xâm lược,...), một số sĩ phu yêu nước tiến bộ như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ,... đã đưa ra nhiều đề nghị cải cách, duy tân đất nước.

– *Động cơ:*

Xuất phát từ yêu cầu sống còn của đất nước, để làm cho dân giàu nước mạnh, đủ sức đối phó với sự xâm lược từ bên ngoài.

b. Nội dung cơ bản của các đề nghị cải cách:

Nội dung cải cách khá toàn diện về chính trị, kinh tế, xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng về kinh tế.

– Chính trị: chấn chỉnh bộ máy quan lại, quân đội, mở rộng quan hệ ngoại giao với bên ngoài.

– Kinh tế:

+ Chăm lo phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp và tài chính.

+ Tiếp nhận khoa học, kĩ thuật của phương Tây.

+ Mở các cảng biển, đẩy mạnh buôn bán với nước ngoài.

– Xã hội: bãi bỏ những hủ tục lạc hậu, cải tổ giáo dục.

c. Nguyên nhân thất bại và hậu quả:

– *Nguyên nhân thất bại:*

+ Triều đình bảo thủ, cố chấp, không chịu thay đổi (do ý thức hệ phong kiến tồn tại quá lâu, quá sâu). Trong khi đó, những người có tư tưởng cải cách, ủng hộ cải cách lại không phải là người nắm quyền lực cao nhất trong triều đình (khác hẳn với Nhật Bản và Xiêm).

+ Bản thân các đề nghị cải cách còn có những hạn chế: vẫn duy trì chế độ phong kiến; thiếu chủ trương, biện pháp để lôi kéo sự ủng hộ của đông đảo nhân dân,...

+ Hoàn cảnh đất nước và điều kiện vật chất không thuận lợi: kinh tế suy kiệt, nhân tài vật lực kiệt quệ, chiến tranh nổ ra,... cản trở cải cách, duy tân.

– *Hậu quả:*

Các đề nghị cải cách, duy tân không được thực hiện đã làm cho đất nước ngày càng lạc hậu, trở thành miếng mồi ngon cho tư bản Pháp. Đây là một nguyên nhân cơ bản làm cho đất nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

Câu 4:

*** *Sự tác động của tình hình trong nước:***

– Sau khi dập tắt được phong trào Cần vương (1896), thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở nước ta.

– Cơ cấu kinh tế Việt Nam bước đầu có sự biến đổi: Các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa hình thành và từng bước mở rộng.

– Cơ cấu xã hội Việt Nam cũng có sự thay đổi: Giai cấp công nhân ra đời và ngày càng đông lên; Tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản cũng xuất hiện; Các sĩ phu Nho học bắt đầu có sự chuyển biến về tư tưởng chính trị cũng như trong tư duy kinh tế.

– Vấn đề độc lập dân tộc tiếp tục được đặt ra một cách cấp thiết. Phong trào Cần vương với hình thức đấu tranh thuần túy đã thất bại, đặt ra yêu cầu cho các sĩ phu yêu nước là cần có một con đường mới, tư tưởng mới, hình thức đấu tranh mới,... để giành độc lập dân tộc.

*** *Sự tác động của tình hình bên ngoài:***

– Phong trào Duy tân do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu ở Trung Quốc với khuynh hướng dân chủ tư sản thông qua sách báo được truyền vào nước ta đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu. Họ nhận thấy chế độ phong kiến không còn phù hợp, cần có những cải cách, đổi mới về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... để từng bước giành lại chủ quyền đất nước.

– Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc càng giúp cho một số sĩ phu Việt Nam đoạn tuyệt với tư tưởng quân chủ để chuyển qua tư tưởng cộng hoà.

– Cuộc Minh Trị Duy tân của Nhật Bản, thắng lợi của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) càng ảnh hưởng lớn đến các sĩ phu. Họ muốn duy tân, cải cách đất nước theo gương

Nhật, họ nhìn thấy Nhật Bản là nước “đồng chủng, đồng văn”, mong dựa vào Nhật để đuổi Pháp.

⇒ Như vậy, do sự thất bại của con đường đấu tranh vũ trang thuần túy của các phong trào yêu nước trước đó, sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế và xã hội, sự tác động của tư tưởng cách mạng mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản từ bên ngoài, tầng lớp sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX thấy cần có những biện pháp, con đường cứu nước mới. Từ đó xuất hiện trào lưu dân tộc chủ nghĩa với hai xu hướng tiêu biểu: bạo động của Phan Bội Châu và Duy tân, cải cách của Phan Châu Trinh.

Câu 5:

*** Tóm lược tiểu sử và hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc:**

– Phan Bội Châu: xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước ở Nghệ An. Ngay từ đầu, ông đã chủ trương dùng bạo lực để giành độc lập dân tộc, lập Hội Duy tân (1904), vận động phong trào Đông du (1908),...

– Phan Châu Trinh: người phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh học giỏi. Phan Châu Trinh khởi xướng phong trào Duy tân (1906) và hoạt động tích cực ở miền Trung,...

– Nguyễn Ái Quốc: sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước. Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nhưng người đã nhìn thấy sự bế tắc của các con đường đó. Ngày 5/6/1911, Người rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước...

*** Giống nhau:**

- Yêu nước, muốn làm cách mạng để giải phóng dân tộc
- đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm, tìm con đường cứu nước đúng đắn.

*** Khác nhau:**

- Phan Bội Châu: chủ trương dùng bạo động vũ trang, cầu viện Nhật để đánh Pháp, giành độc lập dân tộc.

– Phan Châu Trinh: chủ trương cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền, cải cách đất nước.

– Nguyễn Ái Quốc: chủ trương hướng ra nước ngoài, đến chính các nước đế quốc đang thống trị dân tộc, để tìm hiểu, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm, tìm con đường cứu nước.

*** Điểm mới trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc**

– Hướng đi sang các nước phương Tây

– Cùng sống và làm việc với giai cấp cùng khổ thế giới để tìm ra con đường cách mạng đúng đắn nhằm cứu nước và cứu dân.

– Học hỏi, rút kinh nghiệm từ phong trào cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

– Xác định một dân tộc muốn giải phóng phải dựa vào sức mình là chính.

ĐỀ 13

Câu 1:

*** Quân Đồng minh đánh bại phát xít Italia:**

– Tháng 5/1943, liên quân Anh – Mỹ giải phóng Tuynidi. Phát xít Đức, Italia bị quét sạch khỏi châu Phi.

– 7/1943, quân Đồng minh chiếm đảo Xixilia. Mutxôlini bị bắt. Đức cho quân chiếm đóng Italia, giải phóng Mutxôlini nhưng chế độ phát xít Italia đã sụp đổ. Chiến sự ở Bắc Phi chấm dứt.

– Ý nghĩa: Sự thất bại của phát xít Italia làm suy yếu lực lượng của phe phát xít ở châu Âu. Đồng thời, Đức phải chi viện cho nhiều chiến trường, khiến lực lượng bị yếu và mỏng. Từ đó, tạo điều kiện cho phe Đồng minh đánh bại phát xít.

*** Quân Đồng minh đánh bại phát xít Đức:**

– Ngày 6/6/1944, liên quân Mỹ – Anh và Đồng minh đổ bộ vào Noóc măng đê (Bắc Pháp), mở ra mặt trận thứ hai, tấn công quân Đức từ phía tây, làm cho quân Đức bị kẹp giữa hai gọng kìm phía đông và phía Tây. Sau khi giải phóng nước Pháp (9/1944), quân Đồng minh tiến vào giải phóng Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua và chuẩn bị tấn công nước Đức.

– Đầu năm 1944, Hồng quân Liên Xô tiến hành tổng phản công, quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ Liên Xô. Sau đó truy kích phát xít Đức và tiến vào giải phóng các nước Đông Âu như: Ba Lan, Rumani, Bungari, Nam Tư,...

– Tháng 1/1945, Hồng quân Liên Xô bắt đầu tấn công nước Đức ở mặt trận phía Đông. Tháng 2/1945, liên quân Anh – Mĩ và các nước Đồng minh tấn công nước Đức từ mặt trận phía Tây.

– Tháng 4/1945, Hồng quân Liên Xô tấn công vào Béclin – sào huyệt cuối cùng của Hitle và đập tan sự kháng cự của 1 triệu quân phát xít. Ngày 26/4/1945, quân đội Anh – Mĩ và Liên Xô gặp nhau tại Toocgâu bên bờ sông Enbơ.

– Ngày 30/4/1945, Hồng quân Liên Xô cầm cờ chiến thắng trên toà nhà Quốc hội Đức, Hitle tự sát dưới hầm chỉ huy. Ngày 2/5/1945, Béclin treo cờ trắng đầu hàng.

– *Ý nghĩa:* Với sự thất bại này, buộc phát xít Đức phải kí văn kiện đầu hàng không điều kiện vào ngày 9/5/1945. Chế độ phát xít ở Đức bị sụp đổ hoàn toàn. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

*** Quân Đồng minh đánh bại quân phiệt Nhật:**

– Từ tháng 10/1944 đến tháng 6/1945, liên quân Anh – Mĩ và các nước Đồng minh đã đồng loạt phản công đánh bại phát xít Nhật ở Miến Điện, Philíppin. Mĩ tiến hành các cuộc ném bom ô ạt xuống Nhật Bản. Quân Mĩ đánh chiếm các đảo cực Nam và tiêu diệt phần lớn lực lượng hải quân và không quân Nhật Bản.

– Ngày 6/8/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hirôsimas của Nhật Bản (làm 8 vạn người thiệt mạng, 7 vạn người bị thương).

– Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu.

– Ngày 9/8/1945, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Nagasaki của Nhật Bản (giết hại 2 vạn người và làm bị thương 3 vạn người).

– *Ý nghĩa:* Với những thất bại đó đã buộc Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện vào ngày 15/8/1945. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Á và toàn thế giới.

Câu 2:**a. Lập bảng so sánh:**

Nội dung	Cách mạng tư sản Anh (1642 – 1688)	Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794)
Lãnh đạo	Tư sản – quý tộc mới.	Tư sản (đại tư sản, tư sản công nghiệp, tư sản vừa và nhỏ).
Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển.	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế.
Tính chất	Là cuộc CMTS không triệt để, vì: – Tàn dư phong kiến vẫn còn. – Ruộng đất cho nông dân không được giải quyết.	Là cuộc cách mạng tư sản triệt để, vì: Nhiệm vụ cách mạng đã hoàn thành, mọi nghĩa vụ phong kiến không còn nữa.
Ý nghĩa	Có ý nghĩa trọng đại trong thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ TBCN.	Để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử thế giới. Thể hiện tinh thần đấu tranh giai cấp. Mở đường cho CNTB phát triển ở châu Âu và thế giới.

b. Nền chuyên chính Giacôbanh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII vì:

– Sau khi chính quyền chuyển sang tay những người Giacôbanh (sau cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân từ ngày 31/5 – 2/6/1793 đã lật đổ phái Girôngđanh), Chính phủ Giacôbanh thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để chống thù trong giặc ngoài, củng cố thành quả cách mạng:

+ Giải quyết vấn đề ruộng đất và xoá bỏ các nghĩa vụ phong kiến: Đạo luật ngày 3/6/1793 quyết định chia ruộng đất thành những lô nhỏ và bán theo phương thức trả dần trong 10 năm, tạo điều kiện cho nông dân nghèo có thể mua được đất; Đạo luật ngày 7/7/1793 quy định xoá bỏ hoàn toàn nghĩa vụ phong kiến, nông dân được giải phóng khỏi mọi đóng góp, các khế ước, văn tự phong kiến bị thủ tiêu.

+ Tháng 6/1793, ban hành Hiến pháp mới: thiết lập chế độ cộng hoà, xoá bỏ hoàn toàn sự bất bình đẳng về đẳng cấp, mọi công dân từ 21 tuổi trở lên được bầu cử.

+ Chống thù trong giặc ngoài: Ngày 23/8/1792, ban hành Sắc lệnh tổng động viên, có 42 vạn người đã tình nguyện tham gia quân đội cách mạng. Đầu năm 1794, nước Pháp cách mạng có 14 đạo quân được trang bị đầy đủ, do những tướng trẻ, trung thành với cách mạng chỉ huy.

+ Quốc hội còn ban hành đạo luật xét xử những người tình nghi, luật giá tối đa đối với lương thực và thực phẩm để chống nạn đầu cơ, tích trữ; quy định mức tiền lương tối đa cho công nhân.

– Với các biện pháp trên, chỉ trong thời gian ngắn, các cuộc bạo loạn phản cách mạng bị đập tan. Mùa thu năm 1794, các đội quân xâm lược lần lượt bị đuổi ra khỏi nước Pháp. Thành quả cách mạng được giữ vững. Phái Giacôbanh đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của cách mạng tư sản và dân chủ. Cách mạng Pháp đạt đến đỉnh cao.

Câu 3:

*** Điều kiện ra đời:**

– *Khuynh hướng phong kiến:*

+ Từ năm 1884, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Sự bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn đã làm cho đông đảo nhân dân và một bộ phận sĩ phu yêu nước bất bình. Phong trào khởi nghĩa chống Pháp diễn ra nhiều nơi.

+ Tháng 7/1885, Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế nhưng bị thất bại. Tôn Thất Thuyết đã phò vua Hàm Nghi lánh ra Tân Sở (Quảng Trị) và tại đây ông đã mượn danh nghĩa Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương (13/7/1885, 20/9/1885), kêu gọi văn thân, sĩ phu đứng lên phò vua giết giặc cứu nước. Chiếu Cần vương đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước, vốn đang âm ỉ cháy trong quần chúng nhân dân và nhanh chóng biến thành một phong trào chống Pháp rộng lớn diễn ra dưới ngọn cờ phong kiến kéo dài suốt hơn 10 năm.

– *Khuynh hướng dân chủ tư sản:*

+ *Sự tác động của tình hình trong nước:* Sau khi dập tắt được phong trào Cần vương, thực dân Pháp đã tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam (1897 – 1914). Dưới tác động

của cuộc khai thác lần thứ nhất, tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam có sự biến đổi sâu sắc: Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập vào Việt Nam. Tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam bị cạn kiệt. Kinh tế Việt Nam là kinh tế thuộc địa, lệ thuộc vào Pháp. Xã hội Việt Nam xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới. Giai cấp công nhân ra đời và đông lên. Tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản xuất hiện. Các sĩ phu Nho học bắt đầu có sự chuyển biến về tư tưởng chính trị và tư duy kinh tế. Cùng với đó, sự thất bại của phong trào Cần vương đã đặt ra cho các sĩ phu yêu nước yêu cầu cần có những con đường mới, tư tưởng mới, hình thức đấu tranh mới,... để giành độc lập.

+ *Sự tác động của tình hình bên ngoài*: Giữa lúc đó, các tư tưởng tư sản tiến bộ bên ngoài đã được truyền bá vào Việt Nam. Đó là phong trào cải cách chính trị – văn hoá ở Trung Quốc gắn liền với Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, với tư tưởng cải cách, quân chủ lập hiến; tư tưởng của Cách mạng Pháp với những tác phẩm của Ruxô, Môngte xkiơ được dịch sang tiếng Hán du nhập vào nước ta; Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc với tư tưởng cộng hoà; đặc biệt, Nhật Bản sau 30 năm tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị đã trở thành một cường quốc tư bản, thoát khỏi số phận một nước thuộc địa của phương Tây, đánh bại cả nước Nga trong cuộc Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905). Các sĩ phu muốn noi theo tấm gương Nhật Bản,... đã làm nảy sinh phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam.

*** Những biểu hiện chủ yếu:**

– *Khuynh hướng phong kiến*: biểu hiện qua phong trào Cần vương (1885 – 1896) với những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Ba Đình của Đinh Công Tráng, Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật, Hương Khê của Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 – 1913) của Hoàng Hoa Thám,...

– *Khuynh hướng dân chủ tư sản*: biểu hiện ở hai xu hướng chủ yếu:

(1) Xu hướng bạo động (đại biểu là Phan Bội Châu) với việc lập Hội Duy tân (1904), tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908), thành lập Việt Nam Quang phục hội (1912).

(2) Xu hướng cải cách (đại biểu là Phan Châu Trinh) với việc thành lập trường học mới (tiêu biểu là Đông Kinh Nghĩa thực năm 1907), cuộc vận động Duy tân, biến thành bạo động trong phong trào đấu tranh chống thuế ở Trung Kỳ (1908)...

Câu 4:

*** Phong trào Cần vương diễn ra qua 2 giai đoạn:**

– *Giai đoạn 1: 1885 – 1888.*

+ Hưởng ứng chiếu Cần vương, phong trào đấu tranh chống Pháp đã diễn ra rầm rộ, sôi nổi, rộng khắp, dưới sự chỉ huy thống nhất của Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi. Trên địa bàn rộng lớn, từ miền đồng bằng, ven biển lên đến miền núi, khắp các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ đâu đâu cũng có khởi nghĩa Cần vương.

+ Lực lượng tham gia là các sĩ phu, văn thân và đông đảo quần chúng nhân dân, các dân tộc thiểu số, đặc biệt là nông dân.

+ Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Cao Thắng (Hà Tĩnh); khởi nghĩa của Phạm Bành, Đinh Công Tráng (Thanh Hoá); khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên),...

+ Tháng 12/1886, Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện. Tháng 11/1888, do sự chỉ điểm của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi bị bắt và sau đó bị đày sang Angiêri.

– *Giai đoạn 2: 1888 – 1896.*

+ Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào không vì thế mà tan rã, trái lại vẫn tiếp tục phát triển. Các cuộc khởi nghĩa đã chuyển địa bàn hoạt động từ vùng đồng bằng lên vùng trung du và rừng núi, quy tụ lại thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn và duy trì chiến đấu lâu dài.

+ Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên) của Nguyễn Thiện Thuật; Khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá) của Phạm Bành và Đinh Công Tráng; Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (Thanh Hoá) của Tống Duy tân,... đặc biệt là cuộc Khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh) – cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

+ Các cuộc khởi nghĩa trong giai đoạn này đã gây cho Pháp nhiều hi sinh, tổn thất, nhưng đến năm 1896, với việc chấm dứt tiếng súng chống Pháp trên núi Vụ Quang trong khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Cần vương đến đây kết thúc.

*** “Cần vương chỉ là danh nghĩa, tính chất yêu nước chống Pháp mới là chủ yếu” vì:**

– Phong trào Cần vương diễn ra qua hai giai đoạn. Trong giai đoạn 1 (1885 – 1888), phong trào diễn ra rầm rộ, sôi nổi, rộng khắp dưới sự

chỉ huy thống nhất của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết. Nhưng trong giai đoạn 2 (1888 – 1896), sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện, phong trào không vì thế mà tan rã, trái lại vẫn tiếp tục phát triển, càng về sau càng có xu hướng đi vào chiều sâu, hình thành các trung tâm lớn như Hương Khê (Hà Tĩnh), Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên),... dưới sự chỉ huy của các văn thân, sĩ phu yêu nước.

– Như vậy, phong trào tuy diễn ra dưới danh nghĩa “*giúp vua cứu nước*”, nhưng trong thực tế dù có vua hay không có vua phong trào vẫn phát triển với mục đích đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc.

Câu 5:

*** *Khác nhau giữa Khởi nghĩa Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương:***

– *Về thời gian:* Cuộc Khởi nghĩa Yên Thế kéo dài 30 năm; còn các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chỉ diễn ra từ 2 đến 10 năm.

– *Về mục đích:* Khởi nghĩa Yên Thế chống chính sách cướp bóc, bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống của người dân; còn các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương là giúp vua cứu nước.

– *Về lãnh đạo:* Khởi nghĩa Yên Thế là nông dân; còn các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương là các văn thân, sĩ phu yêu nước.

– *Về phương thức đấu tranh:* Khởi nghĩa Yên Thế đấu tranh vũ trang nhưng có giai đoạn hoà hoãn, có giai đoạn tác chiến; còn các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.

*** *Cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài được 30 năm do các điều kiện:***

– Nghĩa quân biết dựa vào địa thế đồi núi hiểm trở nhưng thuận lợi để xây dựng căn cứ.

– Khởi nghĩa xuất phát từ lợi ích sống còn của người nông dân nhằm giữ gìn cuộc sống và đất đai mà họ đã đổ mồ hôi, xương máu để khai phá, vì vậy nghĩa quân và nhân dân cùng đồng cam cộng khổ chiến đấu.

– Do điều kiện và hoàn cảnh sống đã tạo nên tính cách mạnh mẽ, khả năng tự vệ cao của nông dân Yên Thế (lực lượng chính của khởi nghĩa).

– Lãnh đạo khởi nghĩa xuất thân từ nông dân, tiêu biểu là thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám nên họ gắn bó với nông dân,...

– Chủ trương đúng đắn, phương thức tác chiến linh hoạt: kết hợp đấu tranh quân sự với thương lượng, hoà hoãn; vừa chiến đấu, vừa sản xuất, chuẩn bị lực lượng để đánh giặc; chiến thuật du kích;...

– Phong trào Cần vương đang diễn ra rộng khắp, quyết liệt gây tổn thất lớn cho Pháp,...

ĐỀ 14

Câu 1:

Công xã Paris là nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới vì:

Ngày 26/3/1871, Công xã được thành lập, cơ quan cao nhất của Hội đồng Công xã được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

– *Những việc làm của Công xã:*

+ Quân đội, cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là các lực lượng vũ trang nhân dân, nhà thờ tách khỏi trường học.

+ Thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác: Công nhân được làm chủ xí nghiệp có chủ bỏ trốn, kiểm soát chế độ tiền lương, giảm lao động ban đêm,...

– *Công xã Paris là một nhà nước kiểu mới do dân và vì dân:*

+ Nhà nước vô sản kiểu mới: Bộ máy chính trị do cách mạng vô sản thành lập, nhằm bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng, bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động. Nhà nước kiểu mới ra đời đầu tiên trong lịch sử là Công xã Paris năm 1871.

+ Khác với các nhà nước của giai cấp bóc lột như chủ nô, phong kiến, tư sản, nhà nước kiểu mới không phải là công cụ áp bức, bóc lột của bọn thống trị mà nó đem lại quyền lợi mọi mặt cho nhân dân.

– **Sự thất bại của Công xã Paris:**

+ Sự thất bại của Công xã là không thể tránh khỏi trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ.

+ Công xã để lại cho giai cấp vô sản những bài học kinh nghiệm quý báu về tổ chức lãnh đạo cách mạng, sự liên minh và về tổ chức lãnh đạo đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh chống áp bức.

Câu 2:

*** Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917:**

– Đập tan ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở nước Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, cách mạng đã đưa công nhân, nông dân lên nắm quyền, xây dựng chế độ mới.

– Đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở một khâu quan trọng của nó là chủ nghĩa đế quốc, làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.

– Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

– Cung cấp cho phong trào cách mạng thế giới những bài học kinh nghiệm quý giá.

– Đi vào lịch sử nhân loại như một sự kiện trọng đại, mở đầu thời kì mới – thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

*** Ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga đối với Cách mạng Việt Nam:**

– Trong lúc xã hội Việt Nam đang phân hoá sâu sắc do hậu quả của đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp thì Cách mạng tháng Mười Nga thành công vang dội, có tác dụng thúc đẩy cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kì mới.

– Lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản các nước đều tìm con đường tập hợp nhau lại để thành lập tổ chức riêng của mình: Quốc tế Cộng sản (1919), các đảng cộng sản nối tiếp nhau ra đời càng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

– Cách mạng tháng Mười Nga và sự phát triển của phong trào cách mạng vô sản thế giới đã tác động mạnh mẽ đến sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, sau khi đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, đã tin theo Quốc tế Cộng sản, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp và tích cực truyền bá tư tưởng Mác – Lênin vào Việt Nam, mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

– Nguyễn Ái Quốc lập tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản nước ta là “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” để nâng cao ý thức chính trị cho thanh niên Việt Nam, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh nghiệm tổ chức Đảng vô sản kiểu mới ở Nga.

– Từ kinh nghiệm thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga là được sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp vô sản, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) lãnh đạo Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác: Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Câu 3:

*** Hoàn cảnh bùng nổ của Phong trào:**

– Về phía thực dân Pháp:

+ Thực dân Pháp đã bình định xong Việt Nam...

+ Âm mưu tiêu diệt phe chủ chiến...

– Về phía cuộc kháng chiến:

+ Phong trào kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục phát triển...

+ Phe chủ chiến trong triều đình chuẩn bị mọi điều kiện để chống pháp...

+ Ngày 5/7/1885 phe chủ chiến tấn công vào đồn Mang Cá...

+ Ngày 13/7/1885 Chiếu Cần vương được ban ra...

*** Phân tích nội dung và tác dụng của chiếu Cần vương:**

– Nội dung: Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên giúp vua kháng chiến chống Pháp giành độc lập dân tộc...

– Tác dụng:

+ Thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân...

+ Tạo ra phong trào khởi nghĩa vũ trang chống Pháp quyết liệt kéo dài hơn 10 năm...

*** Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu:**

– HS trình bày Khởi nghĩa Hương Khê

– Giải thích:

+ Địa bàn hoạt động rộng...

+ Nghệ thuật đánh du kích gây nhiều tổn thất cho Pháp...

+ Thời gian tồn tại lâu...

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu...

Câu 4:

*** Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang và muốn dựa vào Nhật Bản để giành độc lập:**

– Phan Bội Châu cho rằng độc lập dân tộc là nhiệm vụ cần làm trước để đi tới phú cường. Muốn giành được độc lập thì chỉ có con đường bạo động vũ trang (truyền thống của dân tộc ta trong việc đấu tranh giành lại và bảo vệ độc lập dân tộc cũng là đấu tranh vũ trang: các cuộc khởi nghĩa,...), nên ông chủ trương lập ra Hội Duy tân với mục đích là lập ra một nước Việt Nam độc lập.

– Phan Bội Châu khẳng định Nhật Bản cùng màu da, cùng văn hoá Hán học (đồng chủng, đồng văn), lại đi theo con đường tư bản châu Âu, giàu mạnh lên và đánh thắng đế quốc Nga (1905) nên có thể nhờ cậy được. Ông đã quyết định xuất dương sang Nhật (1905) cầu viện. Người Nhật chỉ hứa đào tạo cán bộ cho cuộc bạo động vũ trang sau này. Ông tổ chức học sinh Việt Nam sang Nhật du học tạo nên phong trào Đông du.

*** Những nét chính trong hoạt động của phong trào Đông du:**

– Từ năm 1905 đến năm 1908, số học sinh Việt Nam sang Nhật theo phong trào Đông du đã lên tới 200 người, được đưa vào hai nơi để học: Trường Chấn Võ và Đồng Văn Thư viện.

– Thời gian này, nhiều văn thơ yêu nước và cách mạng trong phong trào Đông du được truyền về nước đã động viên tinh thần yêu nước của nhân dân (*Hải ngoại huyết thư, Việt Nam quốc sử khảo*,...).

– Từ tháng 9/1908, thực dân Pháp cấu kết và yêu cầu Nhật trục xuất những người Việt Nam yêu nước khỏi đất Nhật. Tháng 3/1909, Phan Bội Châu cũng phải rời đất Nhật. Phong trào Đông du tan rã. Hội Duy tân ngừng hoạt động.

*** Nguyên nhân thất bại của phong trào Đông du và bài học thực tế rút ra từ phong trào:**

+ Phong trào Đông du thất bại là tất yếu: Chủ trương bạo động là đúng, nhưng tư tưởng cầu viện là sai (không thể dựa vào đế quốc đánh đế quốc được). Do các thế lực đế quốc (Nhật – Pháp) cấu kết với nhau để trục xuất thanh niên yêu nước Việt Nam ở Nhật.

+ Bài học rút ra từ thực tế phong trào Đông du là cần xây dựng được thực lực trong nước, trên cơ sở thực lực mà tranh thủ hỗ trợ quốc tế chân chính.

Câu 5:

Bối cảnh lịch sử: Ảnh hưởng của những trào lưu tiến bộ trên thế giới. Thực dân Pháp đã tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Mục tiêu đấu tranh: Nước gắn liền với dân, chống Pháp để cứu nước, cứu dân, thay đổi chế độ.

Hình thức đấu tranh: Khởi nghĩa vũ trang, đấu tranh chính trị, ngoại giao và cải cách.

Lãnh đạo: Sĩ phu yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh), nông dân, tư sản, tiểu tư sản.

Kết quả: Đặt nền tảng cho tư tưởng dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Ý nghĩa: Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc, mở ra một con đường mới từ sau thế chiến thứ nhất.

ĐỀ 15

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

a. Năm 1917 ở Nga diễn ra hai cuộc cách mạng vì:

Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai và Cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) tháng Mười vì có đầy đủ những tiền đề khách quan và chủ quan:

– Sau cải cách nông nô năm 1861, CNTB phát triển mạnh mẽ ở Nga, và từ đầu thế kỉ XX nước Nga đã chuyển lên chủ nghĩa đế quốc (CNDQ). Quá trình tập trung sản xuất, tập trung tư bản diễn ra mạnh, hình thành những công ty độc quyền. Tư bản tài chính cũng ra đời,... CNDQ đã tạo ra những tiền đề kinh tế và chính trị cho cách mạng bùng nổ.

– Việc Nga hoàng đưa nước Nga tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho nước Nga trở thành nơi tập trung cao độ những mâu thuẫn của CNDQ:

+ Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Nga với chế độ Nga hoàng.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản.

+ Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

+ Mâu thuẫn giữa đế quốc Nga với các đế quốc khác.

– Năm 1917, Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đẩy chế độ chuyên chế Nga hoàng đến bờ vực của sự sụp đổ. Kinh tế bị tàn phá, suy sụp, nạn đói xảy ra trầm trọng. Chính quyền Nga hoàng thối nát và bất lực. Các tầng lớp nhân dân lao động không thể sống như trước được nữa. Nước Nga trở thành *khâu yếu nhất* trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa mà cách mạng có thể chọc thủng.

– Nhân tố quyết định là giai cấp vô sản Nga đã trưởng thành và đủ sức làm cách mạng, đã có một đảng cách mạng chân chính (Đảng Bôn-sê-vích), đứng đầu là Lênin, từng được diễn tập qua cuộc cách mạng 1905 – 1907. Các cuộc cách mạng ở Nga trong năm 1917 đã được chuẩn bị đầy đủ về mặt tư tưởng, lí luận.

+ Khi giai cấp tư sản thoả hiệp với chế độ chuyên chế, không dám làm cách mạng tư sản, Lênin chỉ rõ giai cấp vô sản Nga phải tiến hành cách mạng dân chủ tư sản, lật đổ chế độ Nga hoàng để sau đó tiến lên làm cách mạng XHCN.

+ Lợi dụng tình hình chiến tranh thế giới, Lênin đưa ra khẩu hiệu “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”.

+ Sau khi cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi, Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã có đường lối, sách lược đúng đắn, kịp thời để đưa đến thắng lợi của cách mạng XHCN tháng Mười.

– Với Chiến tranh thế giới thứ nhất, các đế quốc bận tham chiến, không kịp can thiệp vào nước Nga, là nhân tố khách quan thuận lợi.

b. Ý nghĩa cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga

** Đối với nước Nga:*

– Mở ra một kỉ nguyên mới làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu người Nga.

– Lần đầu tiên trong lịch sử Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trên lãnh thổ Nga được giải phóng khỏi gông xiềng nô lệ, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

– Lịch sử nước Nga sang trang mới, một chế độ xã hội mới được thiết lập với mục đích cao cả là xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xã hội tự do, hạnh phúc và công bằng do nhân dân nắm quyền.

** Đối với thế giới*

– Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười năm 1917 làm thay đổi cục diện chính trị thế giới, phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa tư bản, nó không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.

– Cách mạng tháng Mười thành công dẫn đến ra đời nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới, tạo ra một chế độ xã hội đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa.

– Có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, mở ra cho họ một con đường mới để giải phóng dân tộc và giành lại độc lập.

– Cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ cho họ con đường đi đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Câu 2:

Nội dung	Cách mạng Tân Hợi (1911)	Cách mạng tháng Hai (1917)
<i>Giai cấp lãnh đạo</i>	Giai cấp tư sản với chính đảng là Trung Quốc Đồng minh hội do Tôn Trung Sơn đứng đầu.	Giai cấp vô sản với chính đảng là Đảng Bôn sê vich Nga do Lê Nin đứng đầu.
<i>Xu thế phát triển</i>	Xây dựng nền chuyên chính tư sản (chế độ cộng hoà).	Lật đổ Chính phủ lâm thời, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền chuyên chính vô sản.
<i>Tính chất</i>	Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để (hay còn gọi là cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ).	Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Giống nhau	– Nhiệm vụ: lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thực hiện dân chủ. – Lực lượng: quần chúng nhân dân như nông dân, công nhân,... – Phương pháp cách mạng: khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. – Kết quả: thành công, đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. – Ý nghĩa: xoá bỏ nhà nước phong kiến lạc hậu, xây dựng một nhà nước mới, ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhiều nước trên thế giới. – Hạn chế: quyền lợi của nhân dân chưa kịp thời giải quyết như ruộng đất, quyền dân chủ,...
------------	--

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 3:

a. Đặc điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp cuối thế kỉ XIX:

Sau Hiệp ước Patơnbốt năm 1884, nhất là sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế thất bại, một số cuộc khởi nghĩa chống Pháp nổ ra dưới lời kêu gọi của phong trào Cần vương đã diễn ra sôi nổi, kéo dài đến tận năm 1896. Bên cạnh đó, có nhiều cuộc đấu tranh tự phát của nhân dân các địa phương trung du và miền núi, nổi bật nhất là phong trào Yên Thế,... Hầu hết các phong trào đấu tranh thời kì này có đặc điểm:

- Lãnh đạo các phong trào là các văn thân, sĩ phu phong kiến yêu nước, hưởng ứng chiếu Cần vương hay thủ lĩnh của các phong trào nông dân.

- Phong trào thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia như: sĩ phu, văn thân, nông dân, các dân tộc thiểu số,...

- Mục tiêu của các phong trào là giúp vua cứu nước hay xuất phát từ lòng yêu nước đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi lãnh thổ.

- Hầu hết các phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt, rộng khắp trong cả nước, dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang.

– Kết quả là tất cả các phong trào đấu tranh chống Pháp thời kì này đều thất bại.

b. Nguyên nhân thất bại

– Thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn, trong khi lại đấu tranh dưới ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, không thể tập hợp, đoàn kết được nhân dân chống Pháp.

– Thiếu sự thống nhất, phối hợp tác chiến, gắn bó giữa các phong trào với nhau. Sự đấu tranh lẻ tẻ dễ làm cho địch bao vây đàn áp.

– Cách đánh còn thụ động, chủ yếu là dựa vào địa hình, địa vật hiểm trở, thiên về phòng thủ.

– Thực dân Pháp còn quá mạnh, tương quan lực lượng giữa ta và địch còn quá lớn.

Câu 4:

*** Hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành:**

– Nguyễn Tất Thành lúc nhỏ tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cụ thân sinh là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là bà Hoàng Thị Loan.

– Sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức nghèo, sinh trưởng trên quê hương giàu truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm, những yếu tố đó sớm hun đúc và ấp ủ trong con người của Bác, thúc đẩy Bác mạnh dạn ra đi tìm đường cứu nước.

– Khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu hay Phan Châu Trinh,... nhưng Người không tán thành với cách thức cứu nước của họ, nên quyết định lựa chọn con đường cứu nước khác cho dân tộc.

– Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành từ cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Khác với những người đi trước, Người không đến Trung Quốc hay Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành quyết định đi sang phương Tây, đến nước Pháp, sau đó đi nhiều nước khác tìm hiểu để tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. Người nhận thấy ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng bóc lột tàn bạo người lao động.

- Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở về Pháp; tại đây, Người làm rất nhiều nghề, học tập, tham gia các phong trào chống đế quốc thực dân, tham gia phong trào công nhân Pháp.

- Ngoài ra, Người còn tham gia Hội Những người Việt Nam yêu nước, viết báo, mít tinh chống thực dân, tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam. Tiếp nhận tư tưởng Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga, đây là sự kiện đánh dấu sự chuyển biến sâu sắc trong việc lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

- Những hoạt động trong thời gian này chỉ là bước đầu, tuy nhiên nó đã đặt cơ sở, nền tảng cho việc xác định con đường cứu nước sau này cho dân tộc Việt Nam.

*** Nét mới trong con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành:**

- Đi về phương Tây tìm đường cứu nước, hoàn toàn khác với các tiền bối như Phan Bội Châu hay Phan Châu Trinh,...

- Xâm nhập vào đời sống của tầng lớp lao khổ, cùng sống cùng làm việc để tìm kiếm con đường cách mạng.

- Học hỏi và rút kinh nghiệm từ các cuộc cách mạng trên thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười.

- Xác định tư tưởng một dân tộc muốn độc lập phải biết dựa vào sức mình là chính.

Câu 5:

So sánh phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX:

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	Sau Hiệp ước Patơnốt năm 1884 thực dân Pháp đặt ách thống trị Việt Nam. Tháng 7/1885, cuộc phản công của phái chủ chiến thất bại, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.	Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất, làm cho tình hình kinh tế, xã hội có nhiều chuyển biến. Đồng thời cũng chịu tác động từ các trào lưu tư tưởng tiến bộ của thế giới bấy giờ.

Mục tiêu đấu tranh	Giúp vua cứu nước, khôi phục vương triều phong kiến.	Chống Pháp, giành độc lập, dân chủ.
Tầng lớp lãnh đạo	Quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước nhà Nguyễn.	Sĩ phu tiến bộ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
Lực lượng tham gia	Sĩ phu, nông dân,...	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, trí thức, tiểu tư sản,...
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang.	Bạo động vũ trang, cải cách xã hội, duy tân đất nước,...
Phong trào tiêu biểu	Khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, Hùng Lĩnh,...	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh Nghĩa thực,...
Kết quả và ý nghĩa	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của dân tộc. Là nguồn cổ vũ tinh thần cho những cuộc vận động cách mạng sau này.	– Thất bại. – Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của dân tộc. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

ĐỀ 16

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1:

a. Nguyên nhân:

– Kinh tế: Quan hệ tư bản chủ nghĩa phát triển (các công trường thủ công ra đời nhiều, hình thành tầng lớp quý tộc mới, giai cấp tư sản có thể lực về kinh tế,...) nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm.

– Xã hội: Sác-lơ I cai trị độc đoán, đặt ra nhiều thứ thuế, mâu thuẫn xã hội gay gắt.

– Nguyên cơ: Sácơ I cần tiền nên tăng thuế để có tiền chi tiêu cho việc đàn áp cuộc nổi dậy của người xốtlen nhưng không được Quốc hội thông qua.

b. Diễn biến:

Giai đoạn 1 (1642 – 1649):

- Tháng 8/1642, Sácơ I tuyên chiến với Quốc hội, nội chiến bắt đầu.
- Tháng 6/1645, dưới sự chỉ huy của Crômoen, phe Quốc hội thắng lớn.
- Ngày 31/1/1649, Sácơ I bị xử tử, nền cộng hoà thành lập, cách mạng đạt đến đỉnh cao.

Giai đoạn 2 (1649 – 1689):

- Chế độ độc tài quân sự Crômoen được thiết lập (1653 – 1658).
- Khi Crômoen mất, Quốc hội thoả hiệp với lực lượng phong kiến cũ.
- Năm 1689, Quốc hội đưa Vinhem Ôrangior lên ngôi, lập chế độ quân chủ lập hiến.

Câu 2:

a. Nguyên nhân thắng lợi:

- Đầu thế kỉ XX, nước Nga bị khủng hoảng về mọi mặt, chế độ Nga hoàng khủng hoảng, tạo điều kiện cho cách mạng bùng nổ.
- Nhân dân và các dân tộc Nga căm thù chế độ Nga hoàng, sẵn sàng làm cách mạng lật đổ Nga hoàng.
- Nhờ đường lối cách mạng đúng đắn của đảng Bôn-sê-vích đứng đầu là Lênin đã tập hợp được đông đảo quần chúng đoàn kết.

b. Cuộc Cách mạng tháng Mười đã tác động đến cách mạng Việt Nam:

- Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam đi theo Cách mạng tháng Mười Nga.
- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc giảng dạy, vạch trần tội ác của Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Cách mạng tháng Mười ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam qua con đường sách báo bí mật, qua các thanh niên được huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

– Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

– Cách mạng tháng Mười giúp Đảng ta học tập được nhiều kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo.

Câu 3:

– Nửa sau thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng và toàn diện cả về kinh tế, chính trị và xã hội. Trong lúc đó, các nước tư bản phương Tây đang trên đà phát triển mạnh về mọi mặt, đẩy mạnh công cuộc chinh phục thuộc địa để tìm kiếm nguyên liệu và thị trường. Việt Nam trở thành miếng mồi béo bở của thực dân.

– Tình hình trên đặt Việt nam đứng trước hai con đường:

+ Một là tiến hành cải cách nhằm thoát khỏi khủng hoảng ở trong nước, mở rộng quan hệ giao bang để khôn khéo bảo toàn chủ quyền độc lập.

+ Hai là chìm đắm trong chính sách thủ cựu và tự cô lập nhằm bằng mọi cách duy trì chế độ quân chủ chuyên chế lạc hậu và phản động.

– Cuối cùng, nhà Nguyễn đã khước từ mọi đề nghị cải cách tiến bộ, mà tiêu biểu là một loạt các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đề nghị cải cách đất nước về mọi mặt làm cho dân giàu nước mạnh. Nhà Nguyễn đã thi hành một đường lối hết sức bảo thủ, lạc hậu. Về đối nội, cự tuyệt các đề nghị cải cách, khẳng khẳng duy trì chính sách cai trị cũ. Về đối ngoại, thi hành chính sách “bế quan toả cảng”, độc quyền ngoại thương,...

– Sở dĩ nhà Nguyễn lại cố tình duy trì chính sách bảo thủ, phản động mà không tiếp thu và thực hiện các đề nghị cải cách vì: Lúc này hệ tư tưởng Nho giáo còn có vai trò và ảnh hưởng tương đối lớn, ăn sâu trong đám quan lại triều đình. Tầm nhìn hạn chế cộng với vì quyền lợi dòng họ, cá nhân mà triều đình và đám quan lại bằng mọi cách muốn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế vốn đã trở nên lỗi thời và lạc hậu.

Câu 4:

a. Những đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX:

– Năm 1868, Đinh Văn Điền đề nghị đóng tàu, khai thông buôn bán, mở rộng khai mỏ, củng cố quốc phòng. Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lý để buôn bán với bên ngoài.

– Năm 1872, Lê Đình, Nguyễn Hiệp đề nghị triều đình học tập điều hay của thiên hạ.

– Nguyễn Trường Tộ từ năm 1863 đến năm 1871 gửi triều đình 60 bản điều trần nhằm chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, chỉnh đốn quân sự, mở rộng ngoại giao,...

– Năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch dâng lên triều đình các bản “Thời vụ sách” nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết của thời cuộc.

b. Những đề nghị cải cách đó không thực hiện được vì:

– Các đề nghị cải cách còn mang tính lẻ tẻ, rời rạc, chưa đề cập đến những vấn đề của thời đại, đó là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp, giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

– Triều Nguyễn bảo thủ, không chấp nhận những thay đổi và từ chối các cuộc cải cách làm cho xã hội bế tắc, không có lối ra.

c. Để thực hiện được một cuộc cải cách, cần có các điều kiện sau:

– Phải có sự đồng thuận từ trên xuống dưới.

– Người đứng đầu nhà nước phải quyết tâm, mạnh dạn và được quần chúng nhân dân ủng hộ.

– Phải có những điều kiện thuận lợi, các đề nghị phải phù hợp với tình hình đất nước.

Câu 5:

So sánh phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX với phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX theo các nội dung: bối cảnh lịch sử, giai cấp lãnh đạo, mục tiêu đấu tranh, lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh, kết quả và ý nghĩa lịch sử.

Nội dung so sánh	Phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
<i>Bối cảnh lịch sử</i>	– Sau Hiệp ước Patơnốt năm 1884, Pháp hoàn thành tiến trình xâm lược Việt Nam, chính thức đặt ách đô hộ ở nước ta. – Cuộc phản công kinh thành Huế của phái chủ chiến trong triều đình Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi rút về sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), lấy danh nghĩa vua Hàm nghi ra chiếu Cần vương, kêu gọi cả nước giúp vua cứu nước.	– Cuối thế kỉ XIX, sau khi dập tắt phong trào Cần vương, Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất làm cho xã hội Việt Nam có nhiều biến chuyển, phân hoá, các giai cấp mới ra đời (tư sản, vô sản, tiểu tư sản). – Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á lên cao, khuynh hướng dân chủ tư sản dội vào Việt Nam tác động đến các văn thân sĩ phu yêu nước.
<i>Giai cấp lãnh đạo</i>	Quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước.	Các sĩ phu tiến bộ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
<i>Lực lượng tham gia</i>	Sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, tư sản dân tộc, trí thức tiểu tư sản.
<i>Mục tiêu đấu tranh</i>	Đánh đuổi giặc Pháp, giúp vua cứu nước, khôi phục lại chế độ phong kiến.	Chống Pháp, giành độc lập dân tộc, dân chủ, thực hiện cải cách xã hội theo khuynh hướng mới.
<i>Hình thức đấu tranh</i>	Khởi nghĩa vũ trang.	Đa dạng, phong phú: bạo động vũ trang kết hợp với cải cách xã hội, duy tân đất nước bằng nhiều biện pháp: lập các hội yêu nước

		bí mật, đoàn kết dân tộc chuẩn bị thực lực, vận động giúp đỡ từ bên ngoài, tiến hành vận động cải cách sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực.
Kết quả và ý nghĩa	- Phong trào thất bại, gây cho Pháp nhiều tổn thất, làm chậm quá trình bình định quân sự và thiết lập bộ máy thống trị của thực dân Pháp. - Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta. - Là nguồn cổ vũ tinh thần cho các cuộc vận động cách mạng ở giai đoạn sau. - Khẳng định con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.	- Phong trào thất bại. - Dấy lên phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới với hình thức đấu tranh phong phú. - Nêu cao tinh thần yêu nước, cổ vũ, thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân ta. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng ở giai đoạn sau.

CÁC CÂU HỎI THEO CHUYÊN ĐỀ

CHƯƠNG I

CÔNG XÃ PARIS

Câu 1:

Hãy chứng minh rằng Công xã Paris là nhà nước kiểu mới. Theo em, biện pháp nào mà Công xã thực hiện thể hiện rõ nhất bản chất Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản?

ĐÁP ÁN

a. Công xã Paris là nhà nước kiểu mới:

– Tổ chức bộ máy nhà nước:

+ Công xã Paris đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập nên chính quyền hoàn toàn mới.

+ Công xã Paris ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng trong cuộc cách mạng ngày 18/3/1871.

+ Thành phần tham gia Công xã: giai cấp vô sản là chủ yếu.

+ Công xã tập trung trong tay quyền hành pháp và lập pháp → tính chất nhân dân và cách mạng của Công xã – nhà nước của dân, do dân.

– Chính sách kinh tế – xã hội:

+ Chính sách kinh tế:

• Công xã giao cho công nhân quản lý những xí nghiệp của bọn chủ đã bỏ trốn.

• Công xã quản lý chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt và đánh đập công nhân.

+ Chính sách xã hội:

- Giải quyết nạn thất nghiệp.
- Hoàn trả tiền thuê nhà, hoàn trả nợ.
- Đề ra chế độ giáo dục bắt buộc, miễn phí, thảo kế hoạch lập vườn trẻ.

• Công xã còn dự kiến nhiều chính sách kinh tế, xã hội khác phù hợp với quyền lợi của nhân dân lao động. Chứng tỏ Công xã là nhà nước vì dân. Các chính sách kinh tế, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước chứng tỏ đây là nhà nước khác hẳn các kiểu nhà nước của giai cấp bóc lột trước kia.

→ Công xã là nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân.

b. Biện pháp về kinh tế:

Việc công xã giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp của bọn chủ bóc lột có thể xem là bước đầu của việc Công xã giao tư liệu sản xuất cho công nhân quản lí (thực hiện sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất) đã thể hiện rõ nhất bản chất: Công xã là nhà nước của giai cấp vô sản.

(Đề thi chính thức năm 1998)

Câu 2:

- Nguyên nhân và diễn biến của cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 ở Pháp.
- Vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh cách mạng ngày 18/3/1871?
- Vì sao nói cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 là cuộc cách mạng vô sản?

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân của cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 ở Pháp:

– Nguyên nhân sâu xa:

Nửa sau thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Pháp phát triển mạnh, sự bóc lột của tư sản đối với vô sản làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

– Nguyên nhân trước mắt:

+ Nền Đế chế thứ hai ở Pháp đang lâm vào khủng hoảng và bị lật đổ sau cuộc chiến tranh với Phổ thất bại, giai cấp tư sản Pháp thành lập Chính phủ lâm thời (Chính phủ Vệ quốc) nhưng họ sợ quần chúng nhân dân Pháp vũ trang (200 tiểu đoàn Quốc dân quân gồm công nhân, viên chức nhỏ) nên đã nộp Paris cho Đức ngày 28/1/1871. Cầm đầu Chính phủ là Chie.

+ Chính phủ mới đóng ở Vécxai, điều quân đội uy hiếp lực lượng cách mạng ở Paris. Để chống lại hành động thù địch ấy, tháng 2/1871, uỷ ban Trung ương Quốc dân quân được thành lập (được nhân dân thủ đô xem như chính phủ thứ hai) kêu gọi nhân dân đấu tranh. Chính phủ Chie hoảng sợ, quyết định bắt các uỷ viên, tước vũ khí của quân Quốc dân quân, dẫn đến cuộc cách mạng bùng nổ.

– Diễn biến:

+ 3 giờ sáng ngày 18/3/1871, Chie cho quân đánh úp đồi Môngmác (nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân), quần chúng nhân dân đã kịp thời đến hỗ trợ, binh lính ngã về phía nhân dân nên âm mưu của Chie thất bại, quân đội và Chie hoảng sợ chạy về Vécxai.

+ Ngày 18/3, theo lệnh của Uỷ ban Trung ương, Quốc dân quân tiến vào trung tâm thủ đô, làm chủ các cơ quan chính phủ. Chính quyền của giai cấp tư sản bị lật đổ. Uỷ ban Trung ương Quốc dân quân thực hiện nhiệm vụ của một Chính phủ lâm thời.

+ Ngày 26/3/1871, bầu cử Hội đồng Công xã theo lối phổ thông đầu phiếu.

+ Ngày 28/3/1871, Công xã được thành lập và ra mắt quần chúng nhân dân Paris.

b. Vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh cách mạng:

Trong cuộc khởi nghĩa ngày 18/3, quần chúng nhân dân giữ vai trò là động lực của cách mạng:

– Quần chúng Paris lập cơ quan lãnh đạo – Uỷ ban Trung ương Quốc dân quân.

– Phá tan âm mưu của Chính phủ tư sản muốn tước vũ khí và giải tán Quốc dân quân.

– Tấn công vào trung tâm Paris, chiếm các cơ quan chính phủ.

– Bầu cử Hội đồng Công xã.

c. Khởi nghĩa ngày 18/3/1871 là cuộc cách mạng vô sản vì:

– Mục đích: lật đổ chính quyền tư sản, thành lập chính quyền của giai cấp vô sản.

– Lãnh đạo và tham gia cách mạng là giai cấp vô sản.

(Đề thi chính thức năm 2002)

Câu 3:

Phân tích nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Công xã Paris.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân thất bại:

– Công xã thất bại trước hết vì giai cấp công nhân chưa đủ mạnh để đánh bại giai cấp tư sản, chưa có một chính đảng có khả năng lãnh đạo cách mạng.

– Chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản Pháp chưa đến lúc suy yếu. Chie, đại diện cho giai cấp tư sản, dựa vào Đức chống lại nhân dân...

– Công xã phạm sai lầm như bỏ lỡ thời cơ, thiếu kiên quyết trấn áp kẻ thù. Sau khi Cách mạng ngày 18/3/1871 thắng lợi, Công xã không truy kích quân đội Chie, để Chie chạy về Vécxai lập Chính phủ.

– Công xã không tịch thu ngân hàng của giai cấp tư sản ở Paris để cho giai cấp tư sản bí mật chuyển tiền cho Chie mua vũ khí đàn áp cách mạng.

– Công xã chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của liên minh công – nông, mặc dù có liên hệ với nông dân và kêu gọi nông dân ủng hộ Công xã.

b. Ý nghĩa lịch sử:

– Là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trong lịch sử, đánh đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thành lập chính quyền của giai cấp vô sản.

– Là sự thử nghiệm đầu tiên về một nhà nước mới, một xã hội mới.

c. Bài học kinh nghiệm:

– Công xã Paris để lại bài học kinh nghiệm: Cách mạng vô sản muốn thắng lợi, phải thực hiện chuyên chính vô sản và liên minh công – nông.

– Công xã phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới do dân, của dân, vì dân.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn)

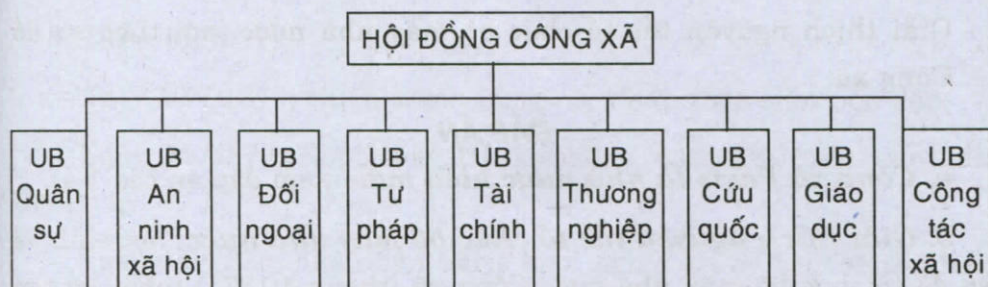
Câu 4:

Bằng những việc làm thiết thực của Công xã Paris, em hãy chứng minh Công xã Paris (1871) là một nhà nước kiểu mới, nhà nước vô sản, do dân và vì dân. Vẽ sơ đồ bộ máy Công xã Paris.

ĐÁP ÁN

a. Chứng minh Công xã Paris: (xem đáp án câu 1-a)

b. Vẽ sơ đồ bộ máy Công xã Paris:



(Đề thi đề nghị của Trường Trung học Chuyên ban Thị xã Sa Đéc)

Câu 5

a. Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 và sự thành lập Công xã Paris.

b. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Công xã Paris.

c. Từ Công xã Paris, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho cách mạng Việt Nam?

ĐÁP ÁN

a. Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871: (xem đáp án câu 2-a)

b. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 3-a, b)

c. Từ Công xã Paris, Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra bài học cho cách mạng Việt Nam là:

– Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu kĩ lịch sử Công xã Paris, rút ra nhiều bài học quý báu cho cách mạng Việt Nam, như thành lập chính đảng của giai cấp công nhân, liên minh công nông.

– Sau khi tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin (1920), Người ra sức hoạt động, chuẩn bị và đến ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã đi đến thắng lợi với cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

Câu 6:

Tại sao gọi Công xã Paris là nhà nước kiểu mới?

Giải thích nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước mới theo sơ đồ Công xã.

ĐÁP ÁN

a. Công xã Paris là nhà nước kiểu mới: (xem đáp án câu 1-a).

b. Giải thích nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước: học sinh vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Công xã (tháng 4/1871) (phải kể tên đủ, đúng 9 uỷ ban, sơ đồ phù hợp với giải thích).

Giải thích:

– Để thay thế cho chính quyền tư sản, một Chính phủ cách mạng được bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Cơ quan cao nhất của Nhà nước mới là Hội đồng Công xã tập trung trong tay cả quyền lập pháp và hành pháp. Chia làm 9 uỷ ban, đứng đầu là uỷ viên công xã chịu trách nhiệm trước Công xã, trước nhân dân và có thể bị bãi miễn.

– Cơ chế này bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong xã hội mà trước đó không thể có.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

Câu 7:

Trình bày nguyên nhân, diễn biến và tính chất của cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870).

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân:

– Phía Pháp:

+ Để cứu vãn sự khủng hoảng của Đế chế thứ hai.

+ Pháp không muốn bên cạnh mình có một quốc gia thống nhất hùng mạnh, sẽ là mối nguy hiểm cho Pháp.

– Phía Phổ:

+ Coi Pháp là trở ngại chính trên con đường tiến tới thống nhất nước Đức, (Napôlêông III không muốn nước Đức (Phổ) thống nhất).

+ Bixmác (Thủ tướng nước Phổ) muốn có chiến tranh với Pháp, nhằm gạt bỏ trở ngại chủ yếu trong việc thống nhất nước Đức).

b. Diễn biến:

– Ngày 19/7/1870, chiến tranh bùng nổ, Pháp thua trận dồn dập.

– Ngày 2/9/1870, Napôlêông III đầu hàng, quân Phổ tiến vào lãnh thổ Pháp.

– Ngày 4/9/1870, nhân dân Paris khởi nghĩa lật đổ Đế chế thứ hai, đòi thiết lập chế độ cộng hoà, chuẩn bị lực lượng chống Phổ. Giai cấp tư sản nhanh chóng thành lập chính quyền của mình “Chính phủ Vệ quốc”.

c. Tính chất:

– Giai đoạn từ ngày 19/7 đến ngày 2/9/1870, đối với Pháp là cuộc chiến tranh phi nghĩa vì nó nhằm ngăn cản sự thống nhất của Đức.

– Từ ngày 2/9/1870, nhân dân Pháp phải chiến đấu chống quân xâm lược, nên đứng về phía Chính phủ Pháp thì đó là cuộc chiến tranh tự vệ chính nghĩa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lê Quý Đôn)

Câu 8:

Trình bày cuộc nội chiến (1871) ở Pháp, qua đó chứng minh tinh thần ngoan cường chiến đấu, dũng cảm vô biên của các chiến sĩ Công xã Paris.

ĐÁP ÁN

– Trong khi Công xã mãi lo sự nghiệp xây dựng một xã hội mới vì con người, thì chính quyền ở Vécxai dùng thời gian hoà hoãn để củng cố lực lượng, tấn công Paris ngày 2/4/1871, mở đầu cuộc nội chiến.

– Trung tuần tháng 4, Paris bị bắn phá. Đến đầu tháng 5, quân Vécxai chiếm các pháo đài phía tây, phía nam Paris.

– Ngày 10/5/1871, nhằm nhanh chóng đè bẹp Paris, Chie kí hoà ước với Đức, nhường cho Đức tỉnh Andát và một phần tỉnh Loren, bồi thường chiến phí 5 tỉ phơrăng vàng để chuộc 100.000 tù binh Pháp, tăng cường lực lượng chống lại Công xã.

– Nhân dân Paris lập chiến lũy, các chiến sĩ Công xã bảo vệ từng khu phố, căn nhà, chiến đấu dũng cảm. Ngày 20/5, quân Chie tổng tấn công vào thành phố. Ngày 21/5, quân Chie tràn vào Paris → cuộc chiến đấu ác liệt ở các đường phố trong một tuần lễ (từ ngày 21 đến ngày 28/5/1871) được gọi là “Tuần lễ đẫm máu”.

– Chiều ngày 27/5, chiến lũy cuối cùng của Công xã bị thất bại. Quân đội Chie tàn sát dã man nhân dân Paris. Hơn 3 vạn người bị giết chết, hơn 4 vạn người bị đày, trong đó có hơn 1.000 phụ nữ, 650 trẻ em.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lê Quý Đôn)

Câu 9:

Ghi lại nội dung và tên tác giả bài Quốc tế ca (dịch ra lời Việt).
Tìm hiểu nội dung bài thơ có liên quan đến sự kiện Công xã Paris.

ĐÁP ÁN

a. Nội dung bài Quốc tế ca:

Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian

Vùng lên hỡi ai cực khổ bần hàn

Sục sôi nhiệt huyết trong tâm đầy chứa rồi

*Quyết phen này sống chết mà thôi
Chế độ xưa ta mau phá sạch tan tành
Toàn nô lệ vùng đứng lên đi
Nay mai cuộc đời của toàn dân khác xưa
Bao nhiêu lợi quyền ắt qua tay mình
Đấu tranh này là trận cuối cùng
Kết đoàn lại để ngày mai
Lanh-te-rơ-na-xi-on-na-lơ (L' International) sẽ là xã hội
tương lai.*

b. Tên tác giả:

- Lời Pháp: Ôgiên Pôchiê (Eugène Pottier).
- Lời Việt: Hồ Chí Minh.

c. Tìm hiểu nội dung:

- 4 câu đầu: Liên quan đến cuộc cách mạng ngày 18-3-1871.
- 4 câu kế: Thành lập Hội đồng Công xã (ngày 28-3-1871) và xây dựng chính quyền do dân vì dân.
- Những câu còn lại: Nói đến cuộc đấu tranh anh dũng của chiến sĩ Công xã và nhân dân Pháp để bảo vệ Nhà nước Công xã.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Hùng Vương)

Câu 10

Trình bày khái quát tình hình nước Pháp từ tháng 9/1870 đến tháng 5/1871, qua đó nêu sự kiện tiêu biểu và nhận định của em.

ĐÁP ÁN

a. Khái quát tình hình nước Pháp từ tháng 9/1870 đến tháng 5-1871.

- Napôlêông III thua trong cuộc Chiến tranh Pháp – Phổ (ngày 2/9/1870). Ngày 4/9, nhân dân Paris thực hiện cuộc cách mạng lật đổ Đế chế thứ hai, lập nền cộng hoà. Giai cấp tư sản nắm chính quyền – Chính phủ Vệ quốc.

– Quân Phổ bao vây Paris, Chính phủ Vệ quốc phản bội, xin đình chiến. Chính phủ Chie được thành lập.

– Cách mạng ngày 18/3/1871:

+ Nguyên nhân, diễn biến: (xem đáp án câu 2-a)

+ Kết quả: Công xã Paris, nhà nước kiểu mới ra đời (trình bày khái quát những biện pháp của Công xã Paris).

– Cuộc nội chiến từ ngày 2/4/1871 đến ngày 28/5/1871 (trình bày khái quát).

b. Sự kiện tiêu biểu nhất:

Cuộc khởi nghĩa ngày 18/3/1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lê Quý Đôn)

Câu 11

Nguyên nhân và diễn biến của cuộc cách mạng ngày 18/3/1871.
Vì sao nói cuộc cách mạng này là cách mạng vô sản?

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân, diễn biến: (xem đáp án câu 2-a)

b. Cuộc cách mạng này là cách mạng vô sản vì:

– Mục đích: lật đổ chính quyền tư sản, thành lập chính quyền của giai cấp vô sản.

– Lãnh đạo và tham gia cách mạng là giai cấp vô sản.

– Kết quả: Chính quyền vô sản được thành lập.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong)

CHƯƠNG II

NHẬT BẢN

Câu 12:

Hoàn cảnh nào đã đưa Minh Trị lên nắm quyền ở Nhật? Minh Trị đã thực hiện cải cách đất nước như thế nào? Cho biết kết quả.

ĐÁP ÁN

a. Hoàn cảnh lịch sử:

– Giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Nhật Bản (Mạc phủ) bị chi phối bởi dòng họ Tôkugaoa.

– Sau hơn 200 năm thống trị, chế độ phong kiến Nhật Bản (Mạc phủ) suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng, không đủ sức chống lại sự xâm lược của các đế quốc Âu – Mĩ.

– Sau khi bị bắt buộc phải kí hiệp ước thông thương bất bình đẳng Nhật – Mĩ (1858), Nhật còn phải kí tiếp các hiệp ước bất bình đẳng khác với các nước Anh, Pháp, Nga, Hà Lan. Điều này làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh.

– Cuộc đấu tranh chống chế độ Mạc phủ bùng nổ.

– Ngày 3/1/1868, chế độ Mạc phủ bị lật đổ, Chính phủ mới do Thiên hoàng bổ nhiệm thành lập. Thời kì “Minh Trị” bắt đầu.

b. Cải cách Minh Trị:

– Xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến, thống nhất quốc gia, chuyển kinh đô về Tôkyô.

– Tổ chức chính phủ gồm 12 bộ theo kiểu châu Âu, sử dụng chuyên gia nước ngoài.

– Ban hành Hiến pháp năm 1889, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

– Cải cách giáo dục: Giáo dục bắt buộc 4 năm, nội dung khoa học kĩ thuật được tăng cường, cử thanh niên ưu tú ra nước ngoài du học.

– Cải cách kinh tế: Thống nhất đơn vị tiền tệ, cho phép mua bán ruộng đất, khuyến khích sản xuất, Nhà nước bỏ vốn xây dựng xí

ngiệp (kiểu mẫu) rồi bán cho tư nhân (trả góp), Nhà nước nắm việc khai mỏ, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn,...

– Cải cách quân sự: Xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa. Chú trọng phát triển nghiên cứu công nghiệp quốc phòng.

c. Kết quả:

Cuộc cải cách năm 1868 đã đưa nước Nhật bước vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, trở thành nhà nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên ở châu Á.

(Đề thi chính thức năm 2000)

Câu 13:

Vì sao trong hoàn cảnh lịch sử của châu Á, Nhật Bản thoát khỏi số phận một nước thuộc địa và trở thành nước đế quốc? Thử liên hệ với tình hình Trung Quốc và Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

a. Hoàn cảnh nước Nhật:

– Giữa thế kỉ XIX, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện, giai cấp vô sản, thị dân, nông dân bị phong kiến bóc lột thậm tệ, mâu thuẫn xã hội ở Nhật ngày càng gay gắt làm chế độ Mạc phủ bị khủng hoảng trầm trọng.

– Trước nguy cơ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, Mạc phủ lại kí các hiệp ước bất bình đẳng với Mĩ năm 1858, rồi với Anh, Pháp, Hà Lan,... Điều này làm cho phong trào chống Mạc phủ (phong trào “Đảo Mạc”) càng phát triển.

– Tháng 1/1868, một số quý tộc (Đaimyô) và tầng lớp võ sĩ (Samurai) cùng nhân dân lật đổ chế độ Mạc phủ, trao quyền cho Thiên hoàng Minh Trị.

– Ngày 3/1/1868, Chính phủ mới của Thiên hoàng được thành lập, thực hiện cuộc cải cách gọi là cải cách Minh Trị. Chấm dứt thời kì thống trị của dòng họ Tôkugaoa.

b. Cải cách Minh Trị (1868 – 1895): (xem đáp án câu 12-b)

Kết luận: Cải cách Minh Trị mở đường cho nước Nhật trở thành nước tư bản chủ nghĩa, bảo vệ được độc lập, đưa nước Nhật thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa, sau đó trở thành một đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

c. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc và Việt Nam bị các nước đế quốc phương Tây chinh phục và nô dịch vì:

– Ở Trung Quốc, các chính sách cải cách của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu được vua Quang Tự ủng hộ, nhưng đã gặp thất bại vì sự cản trở, phá hoại của các thế lực phong kiến bảo thủ do Từ Hi Thái hậu đứng đầu. Hậu quả, Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa, bị các nước tư bản phương Tây xâm xé.

– Ở Việt Nam, lực lượng bảo thủ gồm các quan lại nhà Nguyễn do vua Tự Đức đứng đầu thực hiện chính sách bảo thủ về đối nội và đối ngoại, khước từ những đề nghị cải cách của nhóm Duy tân do Nguyễn Trường Tộ đứng đầu. Hậu quả, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền)

Câu 14:

Trình bày nội dung, biện pháp và tính chất của cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật (1868). Trên thế giới, nước nào tiến hành cách mạng tư sản có những bước đi, nội dung và tính chất tương tự như cuộc cải cách (1868) ở Nhật?

ĐÁP ÁN

Yêu Cầu 1: Học sinh phải hiểu đây không phải là cuộc cách mạng mà là sự cải cách của chế độ phong kiến để thích nghi với xu thế của thời đại lúc ấy. Vì thế trong phần trình bày, thí sinh phải hướng bài viết của mình đến tính chất và đặc điểm ấy.

a. Nội dung:

– Về kinh tế, nêu đủ các ý:

+ Xoá bỏ chế độ ruộng đất phong kiến, ruộng đất được xem như một hàng hoá được mua bán, sang nhượng.

+ Mở rộng việc tự do buôn bán, đi lại; thủ tiêu chế độ phường hội; thống nhất thuế quan, tiền tệ, đo lường.

+ Kêu gọi nước ngoài đầu tư, khai thác, buôn bán và phát triển kinh tế Nhật Bản.

– Về chính trị – xã hội:

+ Phục hồi quyền lực của Thiên hoàng, xoá bỏ chế độ Mạc phủ.

+ Xoá bỏ chế độ đẳng cấp, ban hành quyền tự do dân chủ của người dân, thiết lập quyền bình đẳng giữa các công dân.

+ Tiến hành nhiều cải cách quan trọng về giáo dục, văn hoá, khoa học.

b. Biện pháp:

– Nhà nước tạo mọi điều kiện để người dân tham gia đổi mới kinh tế và xã hội. Đặc biệt là lĩnh vực phát triển kinh tế.

– Cụ thể:

+ Chính phủ bỏ vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà máy, xí nghiệp rồi bán lại cho tư nhân.

+ Thi hành chính sách cho vay, trợ vốn, miễn thuế để người dân tham gia cải tiến kinh tế và đời sống.

+ Cử người tài giỏi sang các nước châu Âu học tập và mời các chuyên gia nước ngoài cố vấn và xây dựng kinh tế.

c. Tính chất:

– Đây là cuộc cải cách nhằm thích ứng với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa của phong kiến Nhật, vì thế có thể xem đây là cuộc cách mạng tư sản không triệt để do giai cấp phong kiến Nhật Bản tiến hành.

– Cuộc cải cách đã xoá bỏ những cản trở của nền kinh tế phong kiến, mở đường đưa Nhật Bản từ một nước nông nghiệp phong kiến thành một nước tư bản chủ nghĩa – thoát được số phận thuộc địa như các nước châu Á khác.

Yêu cầu 2:

a. Nước tiến hành cải cách giống Nhật Bản.

b. Năm 1861, vua Nga (Alếchxandơ II) ban bố xoá bỏ chế độ nông nô và cải cách ruộng đất. Thực chất đây là cuộc cách mạng tư sản do giai cấp phong kiến tiến hành.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

Câu 15:

Nêu những tiền đề dẫn tới cuộc Duy tân của Thiên hoàng Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản.

Nội dung và tính chất của cuộc Duy tân.

Tại sao cuộc Duy tân này thành công trong khi cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc và những đề nghị cải cách của những nhà Duy tân Việt Nam trong thời nhà Nguyễn lại thất bại?

ĐÁP ÁN

a. Những tiền đề: (xem đáp án câu 12 – a)

b. Nội dung cuộc Duy tân: (xem đáp án câu 12 – b)

Tính chất: Cuộc Duy tân của Thiên hoàng Minh Trị là một cuộc cách mạng tư sản và giai đoạn cải cách là thời kì quá độ chuyển từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản. Nhưng đây là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

c. Cuộc Duy tân của Thiên hoàng Minh Trị thành công: Nguyên nhân thành công chủ yếu là có được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp quý tộc (Đaimyô) và tầng lớp võ sĩ (Samurai).

d. Lí do thất bại của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc và của những đề nghị cải cách ở Việt Nam: (xem đáp án câu 13 – c)

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lê Quý Đôn)

Câu 16:

Trình bày những chính sách cải cách của Minh Trị.

Tại sao lại xem chính sách giáo dục là nhân tố chìa khoá cho công cuộc hiện đại hoá?

ĐÁP ÁN

a. Những chính sách cải cách: (xem đáp án câu 12 – b)

b. Giáo dục là nhân tố chìa khoá cho công cuộc hiện đại hoá đất nước Nhật vì:

– Giáo dục được xem là chìa khoá chính để nâng cao dân trí, tạo cho con người có khả năng nắm bắt khoa học kĩ thuật, tư tưởng văn hoá tiên tiến để hội nhập vào thế giới tư bản chủ nghĩa.

– Nhật Bản là quốc gia nông nghiệp, kinh tế – văn hoá – xã hội đều lạc hậu, muốn đưa nước Nhật tiến lên con đường hiện đại hoá thì chỉ có thể đạt được kết quả từ sự đổi mới của giáo dục. Vì rằng giáo dục sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế và đổi mới xã hội.

(Để thi đề nghị của Trường THPT Bến Tre)

Câu 17:

Dùng những sự kiện lịch sử để chứng minh Nhật Bản tiến lên chủ nghĩa đế quốc vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

– Sau năm 1868, chủ nghĩa tư bản ở Nhật phát triển nhanh chóng và chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa chỉ trong khoảng 30 năm.

– Nhật Bản phát triển nhanh về kinh tế, tuy còn lạc hậu so với các đế quốc Âu – Mĩ.

– Trong cuộc Duy tân của Thiên hoàng Minh Trị, Chính phủ bỏ vốn xây dựng những xí nghiệp lớn, đường giao thông được nhượng lại cho tư bản tư nhân với giá rẻ.

– Chính phủ còn miễn thuế cho vay và trợ cấp cho các xí nghiệp tư doanh.

– Công nghiệp dệt chiếm ưu thế, công nghiệp nặng, đường sắt, ngoại thương, hàng hải tiến rất nhanh.

– Từ 1900 – 1914, tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân tăng từ 19% lên 42%.

– Sự tập trung sản xuất và tư bản dẫn tới sự hình thành các công ti độc quyền.

– Công ti độc quyền Mítxui và Mítsubisi chi phối đời sống kinh tế và chính trị của nước Nhật.

– Về đối ngoại, Nhật tìm cách xoá bỏ những hiệp ước bất bình đẳng đã kí với các nước phương Tây.

– Tiến hành chiến tranh xâm lược, tranh giành thị trường Trung Quốc, Triều Tiên.

– Việc bành trướng của Nhật ở miền Đông Bắc Trung Quốc và Triều Tiên đụng chạm đến quyền lợi của Nga và Cuộc chiến tranh Nga – Nhật đã xảy ra (1904 – 1905). Đây là cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên.

– Sự bóc lột của giai cấp thống trị làm cho đời sống nhân dân lao động khổ cực.

– Công nhân phải làm việc mỗi ngày 12 đến 14 giờ, lương thấp hơn ở Âu – Mĩ rất nhiều, lại không được pháp luật bảo vệ.

– Nhân dân Nhật đấu tranh chống phong kiến tư bản quân phiệt trong nước với những nét mới.

– Từ năm 1890, Cataiama Xen truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nhật.

– Năm 1901, Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản thành lập.

– Do ảnh hưởng cách mạng Nga năm 1905, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp khác bị chính phủ Thiên hoàng đàn áp.

– Như vậy, cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Nhật Bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, có đặc điểm hình thành các công ti độc quyền và xâm chiếm thuộc địa ở châu Á.

– Chủ nghĩa đế quốc Nhật có sắc thái riêng là đế quốc phong kiến quân phiệt.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn)

Câu 18:

Chứng minh Nhật Bản trở thành nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Căn cứ vào đâu để gọi Nhật Bản là đế quốc phong kiến quân phiệt?

ĐÁP ÁN

a. Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh xâm lược:

– Dùng hải quân đánh chiếm các đảo phía Nam và dùng lục quân đổ bộ vào lục địa phía Đông châu Á, cụ thể:

+ Tiến hành Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), buộc triều đình Mãn Thanh phải nhượng cho Nhật Bản đảo Đài Loan, quần đảo Bành Hồ, Liêu Đông và 300 triệu lạng bạc bồi thường chiến phí.

+ Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), buộc Nga hoàng phải cắt cho Nhật Bản phần đất phía Nam đảo Xakhalin và cảng Lữ Thuận, nhượng cho Nhật Bản kinh doanh đường sắt ở miền Nam Mãn Châu, chiếm bán đảo Liêu Đông, Cao Ly (Triều Tiên) thuộc phạm vi kiểm soát của Nhật Bản.

b. Nhật Bản tiến lên chủ nghĩa đế quốc:

Những thắng lợi về quân sự đã tạo điều kiện vật chất thúc đẩy công nghiệp Nhật Bản phát triển.

– Công nghiệp nặng tăng trưởng nhanh chóng (gang tăng 9 lần, thép hơn 212 lần, công nghiệp nhiệt điện và thủy điện đều phát triển).

– Nhiều công ti độc quyền ra đời: Mítxui, Mítxubisi,...

– Giai cấp công nhân ra đời không ngừng đấu tranh chống tư sản.

c. Nhật Bản là đế quốc phong kiến quân phiệt:

– Đế quốc Nhật Bản vẫn duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến.

– Tầng lớp quý tộc, đặc biệt là võ sĩ vẫn có ưu thế chính trị rất lớn.

– Phát triển công nghiệp quân sự, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược...

(Đề thi đề nghị của Trường Trung học Chuyên ban
Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp)

Câu 19:

Nhật Bản tiến lên chủ nghĩa đế quốc như thế nào? Cho biết đặc điểm và hậu quả.

ĐÁP ÁN

a. Nhật Bản nhanh chóng trở thành một nước đế quốc:

Từ sau cải cách, chủ nghĩa tư bản ở Nhật phát triển nhanh chóng.

Cuối thế kỉ XIX, Nhật chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa với các biểu hiện:

- Sau khi chiến thắng trong cuộc Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), để bành trướng thế lực và mở rộng xâm chiếm thị trường, Nhật tiến hành Đấu tranh thủ tiêu các hiệp ước bất bình đẳng mà Chính phủ Nhật đã kí trước đây, giành được quyền ngang hàng với các nước tư bản Tây Âu và Mĩ.

- Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá ở Nhật kéo theo sự tập trung trong công, thương nghiệp và ngân hàng, làm hình thành nhiều công ti độc quyền (tiêu biểu là Mitsubisi và Mítxui).

b. Đặc điểm và hệ quả:

- Đặc điểm: Cuộc Duy tân Minh Trị thực chất là cuộc cách mạng tư sản. Sau cải cách, chủ nghĩa tư bản Nhật phát triển nhanh chóng và chuyển sang chủ nghĩa đế quốc song song với các nước tư bản phương Tây, nhưng chủ nghĩa đế quốc Nhật có đặc điểm riêng, đó là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt:

- + Giai cấp phong kiến nắm quyền: duy trì tầng lớp phong kiến quân phiệt (quý tộc, võ sĩ).

- + Chế độ sở hữu ruộng đất vẫn tồn tại.

- + Thực hiện chiến tranh xâm lược, chú ý phát triển công nghiệp quốc phòng, đặc biệt là ngành hàng hải.

- Hệ quả:

- + Công nghiệp phát triển, số lượng công nhân tăng nhanh: Năm 1890, tăng gấp đôi so với năm 1866 (346.000 người). Công nhân bị bóc lột nặng nề: làm việc từ 12 giờ đến 14 giờ mỗi ngày, lương thấp, không được pháp luật bảo vệ.

- + Do đó, phong trào đấu tranh bùng nổ. Năm 1890, bãi công và biểu tình lan rộng cả nước. Lúc này, Ca-tai-a-ma Xen đã truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân. Năm 1901, Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản thành lập.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong)

Câu 20:

Hãy trình bày những chuyển biến của Nhật Bản sau “Cải cách Minh Trị”.

ĐÁP ÁN

a. Sau “Cải cách Minh Trị”, chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản phát triển nhanh chóng và chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa:

- Chỉ trong vòng khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX.
- Chính phủ tự xuất vốn xây dựng các xí nghiệp lớn, đường giao thông rồi nhượng lại cho tư bản tư nhân.
- Chính phủ miễn thuế, cho vay, trợ cấp cho các xí nghiệp tư doanh, làm cho công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng phát triển.
- Từ năm 1900 đến năm 1914, công nghiệp tăng từ 19% đến 42%.

b. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá đưa đến tập trung tư bản và sản xuất đưa đến nhiều công ti độc quyền ra đời, chi phối đời sống kinh tế, chính trị nước Nhật; ví dụ: Mítxui, Mitsubisi.

c. Tư sản Nhật đòi hỏi phải xâm chiếm thuộc địa để khai thác và thầu tóm thị trường, dẫn đến Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) bùng nổ.

d. Tuy nhiên nhân dân Nhật vẫn bị áp bức bóc lột nặng nề:

- Công nhân làm việc một ngày từ 14 đến 16 giờ, lương thấp.
- Nhân dân lao động Nhật Bản nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ, nhất là công nhân.
- Năm 1890, bãi công, biểu tình lan rộng khắp Nhật Bản.
- Ca-tai-a-ma Xen (1859 – 1933) đã truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nhật.
- Năm 1901, Đảng Xã hội Dân chủ Nhật ra đời.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong)

Câu 21:

Bằng những sự kiện lịch sử cụ thể, em hãy so sánh chính sách đóng cửa của Nhật Bản dưới thời Mạc phủ Tôkugaoa với chính sách đóng cửa của Trung Quốc dưới thời phong kiến Mãn Thanh.

ĐÁP ÁN

So sánh:

a. Giống nhau:

– Khi thực hiện chính sách đóng cửa, cả Trung Quốc và Nhật Bản đều tồn tại chế độ phong kiến, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu.

– Lo sợ mất nước.

b. Khác nhau:

Nhật Bản – Tôkugaoa	Trung Quốc – Mãn Thanh
– Ngăn ngừa hàng hoá phương Tây xâm nhập. – Chấm dứt tình trạng vàng, bạc của Nhật chảy ra nước ngoài. – Ngăn chặn sự nổi dậy của các lãnh chúa vùng Tây Nam bị thương nhân phương Tây xúi giục. – Cho phép người Hà Lan ở lại làm cầu nối tiếp xúc văn hoá giữa Nhật Bản với phương Tây. Do đó, đây là chính sách “đóng cửa có chọn lựa”.	– Ngăn chặn cuộc Chiến tranh Thuốc phiện (1840 – 1842). – Tệ nạn xã hội lan tràn, do đó chính sách đóng cửa của Trung Quốc là chính sách “đóng cửa bảo thủ”.

b. Hậu quả:

Nhật Bản thoát khỏi ách thuộc địa, trở thành một đế quốc phong kiến quân phiệt đầu tiên của châu Á.	Trung Quốc trở thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.
---	---

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lâm Đồng)

Câu 22:

Vì sao xuất hiện phong trào “Đảo Mạc” ở Nhật Bản giữa thế kỉ XIX? Kết quả?

ĐÁP ÁN

a. Phong trào “Đảo Mạc”:

Sau Chiến tranh Thuộc phiên ở Trung Quốc, các nước tư bản ráo riết tìm cách xâm nhập các nước phương Đông.

Tháng 5/1853, hạm đội Mĩ bắn phá uy hiếp vùng ven biển Nhật Bản, đòi mở cửa cho người Mĩ ra vào tự do thông thương.

Năm 1858, Hiệp ước Nhật – Mĩ được kí kết.

Tiếp theo sau đó, các nước Anh, Pháp, Nga, Hà Lan đều đạt được những hiệp ước tương tự.

Chế độ Mạc Phủ Tôkugaoa mở cửa với những điều kiện bất bình đẳng dẫn tới sự bất bình trong xã hội. Từ đó, xuất hiện phong trào “Đảo Mạc”.

b. Kết quả:

Tháng 11/1867, trước sức ép của lực lượng ủng hộ Thiên hoàng, chế độ Mạc phủ Tôkugaoa buộc phải trao quyền cho Thiên hoàng Mútzuhitô vừa lên ngôi.

Tháng 1/1868, Thiên hoàng Minh Trị thành lập Chính phủ mới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Nguyễn Du)

Câu 23:

Trình bày nội dung Hiến pháp năm 1889 ở Nhật Bản. Vẽ sơ đồ cấu trúc quyền lực của Thiên hoàng Nhật Bản theo Hiến pháp năm 1889. Dựa vào sơ đồ, hãy giải thích quyền lực to lớn của Thiên hoàng. So sánh chế độ quân chủ lập hiến ở Nhật Bản sau cải cách Minh Trị với chế độ quân chủ lập hiến ở Anh sau Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVIII.

ĐÁP ÁN

a. Nội dung Hiến pháp năm 1889 ở Nhật Bản:

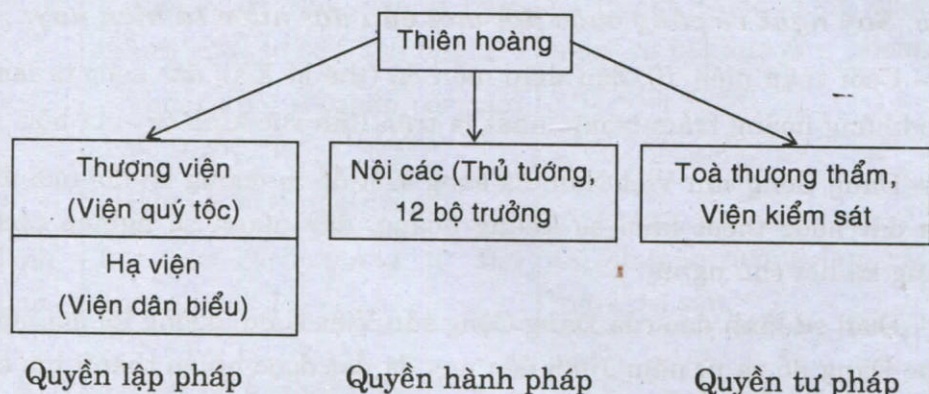
- Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
- Thiên hoàng là nguyên thủ tối cao có quyền hạn rất lớn.
- Quốc hội gồm hai viện:

+ Thượng viện do Thiên hoàng chọn gồm các hoàng thân, những người đóng thuế cao nhất và những người có công trạng đặc biệt.

+ Hạ viện do bầu cử với điều kiện hạn chế nên chỉ có 1% dân số đủ điều kiện đi bầu cử.

- Hiến pháp quy định một số quyền tự do dân chủ và nghĩa vụ công dân.

b. Sơ đồ cấu trúc quyền lực của Thiên hoàng Nhật Bản theo Hiến pháp năm 1889:



Giải thích sơ đồ:

- Thiên hoàng là ngôi vị cao nhất, cha truyền con nối, có quyền lực tối cao và vô hạn.

- Thiên hoàng trực tiếp chi phối Quốc hội (hai viện) và chỉ đạo nội các, ban bố Hiến pháp và các đạo luật, tuyên bố chiến tranh và đình chiến, bổ nhiệm và bãi miễn các quan chức cao cấp, triệu tập và giải tán quốc hội.

c. So sánh nền quân chủ lập hiến ở Nhật Bản sau cải cách Minh Trị và nền quân chủ lập hiến của nước Anh sau Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

- Ở Nhật Bản: cũng là chế độ quân chủ lập hiến nhưng quyền lực không nằm trong tay Quốc hội mà nằm trong tay Thiên hoàng (quyền lực tối cao).

- Ở Anh: cũng là chế độ quân chủ lập hiến nhưng vua không có thực quyền mà quyền hành thuộc về Quốc hội (trung tâm quyền lực của tư sản và quý tộc mới).

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Khiết)

Câu 24:

Vì sao nửa sau thế kỉ XIX công cuộc cải cách ở Nhật Bản thành công, còn cuộc Duy tân ở Trung quốc và ở Việt Nam lại thất bại?
Em có suy nghĩ gì về công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay?

ĐÁP ÁN

a. Công cuộc cải cách ở Nhật: (xem đáp án câu 12-b)

b. Cuộc Duy tân ở Trung Quốc và ở Việt Nam: (xem đáp án câu 13-c)

c. Suy nghĩ về công cuộc đổi mới của đất nước ta hiện nay:

– Cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 (thế kỉ XX), đất nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng, nhất là trên lĩnh vực kinh tế – xã hội.

– Đảng Cộng sản Việt Nam đã sáng suốt đề ra đường lối đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi sự khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đổi mới được Đảng đề ra từ năm 1986 đến nay đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, từng bước tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ổn định, nâng cao đời sống của nhân dân.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Du)

Câu 25:

Lập bảng so sánh nội dung cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868) và phong trào Duy Tân (1898) ở Trung Quốc. Hãy nhận xét kết quả của hai cuộc cải cách đó.

ĐÁP ÁN

a. Bảng so sánh:

Nội dung	Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868)	Phong trào Duy tân ở Trung Quốc (1898)
Lãnh đạo	Các thế lực phong kiến chống Mạc phủ, khôi phục quyền lực Thiên hoàng, đứng đầu là Minh Trị.	Các phần tử trí thức phong kiến tiến bộ, đứng đầu là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

Nội dung cải cách	– Cải cách hành chính, ban hành Hiến pháp. – Cải cách kinh tế, tài chính. – Cải cách văn hoá, xã hội, giáo dục, quân sự.	– Cải cách bộ máy nhà nước. – Khuyến khích phát triển kinh tế. – Cải cách văn hoá, giáo dục, tự do ngôn luận, quân sự.
Kết quả	– Mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. – Đưa Nhật Bản phong kiến thành nước tư bản chủ nghĩa. – Thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa. – Bảo vệ được nền độc lập.	– Tiến hành được hơn 100 ngày thì chấm dứt. – Trung Quốc đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược.
Tính chất	Là cuộc cách mạng tư sản không triệt để.	Có khuynh hướng làm cách mạng tư sản.

b. Nhận xét về hai sự kiện trên:

- Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản thành công: (xem đáp án câu 12-b).
- Phong trào Duy tân ở Trung Quốc thất bại: (xem đáp án câu 13-c).

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa)

CHƯƠNG III

TRUNG QUỐC

Câu 26:

Cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc diễn ra như thế nào? Tính chất và ý nghĩa lịch sử.

ĐÁP ÁN

a. Diễn biến của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911):

– Đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản Trung Quốc bắt đầu tập hợp lực lượng để nắm lấy vai trò lãnh đạo cách mạng, Tôn Trung Sơn là người đại diện cho phong trào cách mạng tư sản lúc bấy giờ. Ông đã thành lập Trung Quốc Đồng minh hội (tháng 9/1905), đề xướng học thuyết Tam dân (Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc). Mục tiêu: đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng ruộng đất.

– Sau khi thành lập, Đồng minh hội đã lãnh đạo 10 cuộc khởi nghĩa chống Mãn Thanh nhưng đều thất bại. Từ năm 1911, phong trào bảo vệ đường sắt, chống triều đình Mãn Thanh và tẩy chay hàng nước ngoài bùng nổ và phát triển mạnh mẽ.

– Ngày 10/10/1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương. Khởi nghĩa nhanh chóng thắng lợi và lan rộng khắp cả nước. Công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu của cuộc khởi nghĩa.

– Tháng 12/1911, Quốc dân đại hội họp ở Nam Kinh bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống đứng đầu Chính phủ lâm thời. Hiến pháp lâm thời được thông qua, thiết lập nền cộng hoà.

– Địa chủ và tư sản hoảng sợ, tìm cách thương lượng với triều Mãn Thanh. Vua Thanh thoái vị, Viên Thế Khải, một đại thần của triều Mãn Thanh, lên làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn bị buộc phải từ chức (tháng 3/1913). Cách mạng kết thúc.

b. Tính chất:

– Cách mạng Tân Hợi là cuộc cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo, quần chúng tham gia đấu tranh, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền cộng hoà.

– Cách mạng Tân Hợi (1911) là cuộc cách mạng tư sản không triệt để vì không thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất của phong kiến, không chia ruộng đất cho dân cày, không xoá bỏ ách nô dịch của nước ngoài.

c. Ý nghĩa:

– Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời, thành lập nền cộng hoà, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

– Ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

(Đề thi chính thức năm 2000)

Câu 27:

Hãy nêu tình hình xã hội Trung Quốc và công cuộc đấu tranh chống phong kiến, chống đế quốc xâm lược của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

a. Tình hình xã hội Trung Quốc cuối thế kỉ XIX:

Quan hệ phong kiến vẫn thống trị Trung Quốc, biểu hiện:

– Nông nghiệp: Ruộng đất nằm trong tay bọn địa chủ phong kiến, nông dân không có ruộng đất phải thuê của địa chủ và nộp tô thuế nặng nề.

– Thủ công nghiệp: Khá phát triển, nhưng hầu hết thợ thủ công bị thất nghiệp và phá sản vì không cạnh tranh nổi với hàng nước ngoài tràn ngập.

– Công nghiệp: Tuy bị quan hệ phong kiến cản trở, tư bản nước ngoài chèn ép, nhưng vẫn phát triển, các doanh nghiệp tư bản ra đời, các thành phố lớn được xây dựng, số lượng công nhân tăng, giai cấp tư sản Trung Quốc hình thành.

– Các nước đế quốc đua nhau xâm xé Trung Quốc và chia vùng ảnh hưởng.

– Cuộc Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895) và thất bại của triều đình Mãn Thanh góp phần biến Trung Quốc thành nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa.

b. Nhân dân đấu tranh chống phong kiến và đế quốc:

– Phong trào Duy tân Mậu Tuất (1898):

+ Lãnh đạo là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

+ Nội dung: cải cách về mọi mặt – kinh tế (phát triển công nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo và phát minh khoa học), văn hoá (học chương trình mới, đưa khoa học kĩ thuật vào nhà trường), quân sự (trang bị, huấn luyện kiểu Âu – Mĩ), chính trị (dân được quyền kiến nghị với nhà vua),...

+ Cuộc vận động thực hiện được 103 ngày thì chấm dứt vì thế lực bảo thủ phản động nhà Thanh phá hoại.

– Phong trào Nghĩa Hoà đoàn (1900):

+ Đầu thế kỉ XX, do ách thống trị của phong kiến trong nước và sự xâm lược của đế quốc làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc phát triển mạnh.

+ Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra liên tiếp, lớn mạnh nhất là phong trào Nghĩa Hoà đoàn ở Sơn Đông đã lan rộng khắp miền Bắc Trung Quốc.

+ Năm 1900, Nghĩa Hoà Đoàn tấn công vào các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.

+ Liên quân tám nước đế quốc đánh Bắc Kinh, bắn giết, cướp bóc, đốt phá nhà cửa, đất đai của nhân dân Trung Quốc.

+ Triều Thanh đầu hàng, kí Điều ước Tân Sửu (1901) chịu nhiều điều khoản nặng nề (bồi thường chiến phí cho các nước đế quốc đóng quân ở Bắc Kinh).

Trung Quốc thực sự trở thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.

(Đề thi chính thức năm 2001)

Câu 28:

Trình bày cuộc Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc. Phân tích nguyên nhân thất bại. Qua đó, liên hệ với cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản và lí giải tại sao cải cách Minh Trị lại thành công.

ĐÁP ÁN

a. Cuộc Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc:

– Hoàn cảnh:

+ Nửa sau thế kỉ XIX, nhà Thanh phải kí nhiều hiệp ước bất bình đẳng với nhiều nước đế quốc... Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm xé và chia cắt.

+ Thái độ ương hèn của nhà Thanh và tình trạng lạc hậu của Trung Quốc là nguyên nhân làm xuất hiện trào lưu tư tưởng mới muốn cải cách đất nước để thoát khỏi tình trạng phụ thuộc vào đế quốc bên ngoài.

+ Khang Hữu Vi (1858 – 1927), Lương Khải Siêu (1873 – 1929) khởi xướng phong trào Duy tân (1898).

– Nội dung cuộc Duy tân:

+ Về kinh tế: lập ngân hàng, xây dựng đường sắt, khai mỏ, khuyến khích tư nhân kinh doanh, công khai công bố dự án xuất nhập của nhà nước.

+ Về chính trị: sửa đổi Hiến pháp, cho nhân dân quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản sách báo, lập học hội, thủ tiêu một số đặc quyền của tầng lớp quý tộc người Mãn.

+ Về văn hoá – giáo dục: sửa đổi lại chế độ thi cử, lập nhiều trường học, mở trường Đại học Bắc Kinh.

+ Về quân sự: trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.

Kết quả: Cuộc Duy tân tiến hành được 103 ngày thì bị thất bại.

b. Phân tích nguyên nhân thất bại:

– Lực lượng phái Duy tân yếu: Vua Quang Tự ủng hộ cuộc Duy tân nhưng không có thực quyền.

– Các thế lực phong kiến bảo thủ, đứng đầu là Từ Hi Thái hậu cản trở.

c. Liên hệ với cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản:

Cuộc cải cách ở Nhật Bản thành công vì:

– Thiên hoàng khởi xướng cuộc cải cách được sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là tầng lớp quý tộc Đaimyô và tầng lớp võ sĩ Samurai.

– Thiên hoàng có quyền lực rất lớn, nhận thức và đáp ứng yêu cầu cải cách, phát triển đất nước để thoát khỏi nguy cơ xâm lược của tư bản phương Tây.

(Đề thi chính thức năm 2004)

Câu 29:

Trình bày diễn biến, ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thất bại của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc. Em đánh giá như thế nào về nhân vật Viên Thế Khải?

ĐÁP ÁN

a. Diễn biến: (xem đáp án câu 26-a)

b. Ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 26-c)

c. Nguyên nhân thất bại:

– Sự thoả hiệp của giai cấp tư sản.

– Không dựa vào quần chúng nhân dân để phát động một phong trào cách mạng thực sự, triệt để chống đế quốc, chống phong kiến.

d. Đánh giá Viên Thế Khải:

– Viên Thế Khải là người đại diện cho thế lực địa chủ, tư sản mại bản cấu kết chặt chẽ với bọn đế quốc xâm lược.

– Về bản chất, Viên Thế Khải là người xảo quyệt, có nhiều tham vọng, thể hiện tính hai mặt:

+ Một mặt, y nhìn thấy xu thế phát triển của cách mạng như vũ bão và ngày tận thế của triều đình Mãn Thanh không tránh khỏi nên xoay sang chủ trương đàm phán với phe cách mạng.

+ Mặt khác, được sự ủng hộ của các nước đế quốc, Viên Thế Khải cho quân đánh chiếm Hán Khẩu, Hán Dương, buộc phe cách mạng nhân nhượng y, để y làm Tổng thống nếu ép được vua Phổ Nghi phải thoái vị.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Ninh Thuận)

Câu 30:

Trình bày vài nét về tiểu sử Tôn Trung Sơn và sự thành lập tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội (cương lĩnh chính trị, hạn chế của cương lĩnh đó).

ĐÁP ÁN

a. Tôn Trung Sơn và việc thành lập Trung Quốc Đồng minh hội:

– Tôn Trung Sơn (1866 – 1925) sinh ra trong một gia đình trung nông ở huyện Hương Sơn, tỉnh Quảng Đông. Ông là lãnh tụ tiêu biểu của phong trào dân tộc dân chủ ở Trung Quốc đầu thế kỉ XX. –

– Tháng 11/1894, Tôn Trung Sơn sáng lập tổ chức cách mạng đầu tiên là Hưng Trung hội tại Haoai.

– Trong nước các tổ chức cách mạng lần lượt ra đời: Hoa hưng hội, Quang Phục hội.

– Tháng 9/1905, Tôn Trung Sơn hợp nhất tất cả các tổ chức cách mạng trên thành một chính đảng thống nhất: Trung Quốc Đồng minh hội.

Đây là một chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Trung Quốc.

b. Học thuyết Tôn Trung Sơn (còn gọi là học thuyết Tam dân):

– Dân tộc độc lập.

– Dân quyền tự do.

– Dân sinh hạnh phúc.

c. Cương lĩnh chính trị của Trung Quốc Đồng minh hội:

Ngày 18/9/1905, đại hội chính thức của Trung Quốc Đồng minh hội gồm có 300 đại biểu họp tại Tôkyô nhất trí thông qua cương lĩnh cách mạng của Tôn Trung Sơn.

– Về tổ chức:

+ Đồng minh hội là chính đảng do giai cấp tư sản lãnh đạo.

+ Thành phần: tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ yêu nước, một ít phần tử công nhân.

+ Quy mô: có tính chất toàn quốc, cơ cấu lãnh đạo thống nhất.

– Cương lĩnh chính trị:

+ Dựa trên cơ sở tư tưởng Tam dân do Tôn Trung Sơn khởi xướng.

+ Nội dung: đấu tranh đánh đổ Mãn Thanh; khôi phục Trung Hoa; thành lập Dân quốc; bình đẳng ruộng đất.

+ Mục tiêu cách mạng: lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, thành lập nước Cộng hoà Trung Hoa Dân quốc, thực hiện bình đẳng về ruộng đất.

Đó là đường lối cách mạng dân chủ tư sản được tiến hành trong điều kiện một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến, đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân ủng hộ nên Đồng minh hội phát triển cơ sở nhanh chóng ở trong và ngoài nước.

d. Hạn chế của cương lĩnh chính trị:

– Cương lĩnh chưa nêu cao ý thức dân tộc chống đế quốc – kẻ thù chính của nhân dân Trung Quốc.

– Chia mũi nhọn trọng tâm vào cuộc đấu tranh chống tập đoàn phong kiến Mãn Thanh, chưa đánh bại toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

– Chưa nhận thấy lực lượng nòng cốt của cách mạng là nông dân.

⇒ Đây là sai lầm to lớn có tính chiến lược làm cho cách mạng Trung Quốc gặp nhiều thiệt hại.

e. Ý nghĩa:

+ Cương lĩnh đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân Trung Quốc.

+ Việc dùng bạo lực cách mạng lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, thiết lập chế độ cộng hoà dân chủ là cống hiến vĩ đại của Tôn Trung Sơn và Trung Quốc Đồng minh hội đối với lịch sử Trung Quốc.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Quốc học Huế)

Câu 31:

Trình bày cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc và nêu tác dụng của cuộc cách mạng này đối với phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

a. Cách mạng Tân Hợi (1911): (xem đáp án câu 26)

b. Tác dụng của Cách mạng Tân Hợi đối với phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX:

Ở Việt Nam, vào đầu thế kỉ XX, do ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi nên tư tưởng của các sĩ phu yêu nước cũng thay đổi, đáp ứng đúng chiều hướng phát triển của cách mạng trong giai đoạn mới.

(Đề thi đề nghị của Trường Trung học Chuyên ban Sa Đéc)

Câu 32:

Những sự kiện lịch sử nào chứng tỏ rằng từ giữa thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Trung Quốc đã trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến?

ĐÁP ÁN

Trung Quốc phong kiến dưới triều Mãn Thanh càng ngày càng suy yếu, bị các nước đế quốc xâu xé và chia vùng ảnh hưởng, biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa.

a. Sau cuộc Chiến tranh Thuốc phiện (1840 – 1842), Trung Quốc phải kí Hiệp ước Nam Kinh (1842) với các điều khoản: Trung Quốc phải mở 5 cửa biển (Quảng Châu, Phúc Châu, Ninh Ba, Hạ Môn, Thượng Hải) để người Anh tự do buôn bán; Nhượng cho Anh Hương Cảng, bồi thường 21 triệu bạng; Việc quy định mức thuế xuất nhập khẩu do hai bên thoả thuận; Người Anh được hưởng quyền lãnh sự tài phán ở Trung Quốc.

b. Hiệp ước Vọng Hạ với Mĩ (7/1884).

c. Hiệp ước Hoàng Phố với Pháp (10/1884).

d. Lần lượt kí Hiệp ước với Bồ Đào Nha, Bỉ, Thụy Điển, Hà Lan, Tây Ban Nha, Đan Mạch biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa.

d. Hiệp ước Thiên Tân (6/1885) với Pháp mở cửa biên giới Việt – Trung cho Pháp vào buôn bán.

e. Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895) buộc Trung Quốc kí Hiệp ước Mã Quan (5/1895): Nhường bán đảo Liêu Đông, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ cùng một khoản tiền chiến phí cho Nhật là 300 triệu lạng bạc.

Cuối thế kỉ XIX, Trung Quốc bị chia thành nhiều khu vực ảnh hưởng:

Anh: Các tỉnh lưu vực sông Trường Giang.

Pháp: Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam.

Nga: Đông Bắc Trung Quốc, Lữ Thuận, Đại Liên.

Đức: Giao Châu Loan, Sơn Đông,...

g. Trước nguy cơ bị xâm lược, triều đình Mãn Thanh vẫn không có biện pháp canh tân đất nước (khước từ phong trào cải cách Duy tân của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu).

Sang đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân phát triển mạnh mẽ. Khởi nghĩa nông dân nổ ra mạnh nhất là khởi nghĩa Nghĩa Hoà đoàn (1900) tấn công các sứ quán đế quốc ở Bắc Kinh, nhưng bị triều đình Mãn Thanh bỏ rơi nên thất bại. Lập tức liên quân 8 nước đế quốc đánh Bắc Kinh. Triều đình Mãn Thanh vội vã đầu hàng, kí Điều ước Tân Sửu (1901) với các điều khoản nặng nề: Nhận bồi thường chiến phí cho các nước đế quốc đóng quân ở Bắc Kinh để bảo vệ sứ quán,... Như vậy, Trung Quốc thực sự trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Bến Tre)

Câu 33:

Trình bày bối cảnh lịch sử của Trung Quốc cuối thế kỉ XIX. Cho biết ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thất bại của các cuộc đấu tranh sau:

- Cuộc Cải cách Mậu Tuất năm 1898.
- Phong trào Nghĩa Hoà đoàn.
- Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

ĐÁP ÁN

a. Bối cảnh của lịch sử Trung Quốc:

– Vào cuối thế kỉ XIX, triều đình Mãn Thanh bị suy yếu, nhân cơ hội đó các nước đế quốc đua nhau xâm xé Trung Quốc và phân chia vùng ảnh hưởng.

– Sau Chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), Nhật Bản chiếm Đài Loan, Đức chiếm tỉnh Sơn Đông, vùng châu thổ sông Dương Tử dành riêng cho Anh, vùng Hoa Nam là khu vực ảnh hưởng của Pháp, Nga – Nhật mưu toan mở rộng khu vực ảnh hưởng ở Đông Bắc Trung Quốc.

– Phong trào Đấu tranh chống đế quốc và phong kiến lên cao nhưng bị triều đình Mãn Thanh (thủ cựa và thoả hiệp) bỏ rơi nên thất bại.

– Năm 1901, triều đình Mãn Thanh đã kí Điều ước Tân Sửu đầu hàng đế quốc. Từ đó, Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.

b. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của:

– Cuộc vận động Duy tân (1898):

+ Nguyên nhân thất bại: Do lực lượng tiến hành còn yếu nên phong trào Duy tân bị thất bại (do sự chống đối quyết liệt của đại đa số quan lại phong kiến Mãn Thanh, đứng đầu là Từ Hi Thái hậu).

+ Ý nghĩa: Cuộc vận động Duy tân có ý nghĩa tiến bộ rất lớn nhằm thay đổi chế độ phong kiến, đưa Trung Quốc phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

– Phong trào Nghĩa Hoà đoàn (1900):

+ Nguyên nhân thất bại: Do sự nhu nhược, phản bội của triều đình Mãn Thanh, câu kết với bọn đế quốc xâm lược đàn áp phong trào. Bên cạnh đó, phong trào còn non yếu, chưa có sự lãnh đạo.

+ Ý nghĩa: Nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Trung Quốc.

– Cách mạng Tân Hợi (1911):

+ Nguyên nhân thất bại: Cách mạng Tân Hợi thất bại vì sự thoả hiệp của giai cấp tư sản, không dựa hẳn vào quần chúng nhân dân để

phát động phong trào cách mạng thật sự triệt để chống đế quốc và phong kiến.

+ Ý nghĩa: Cách mạng Tân Hợi đi vào lịch sử Trung Quốc như là một dấu son chói lọi với việc lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại 2.000 năm, thành lập nền cộng hoà, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Cách mạng Tân Hợi đã cổ vũ tích cực đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

(Đề thi đề nghị của Trường Trung học Chuyên ban Cao Lãnh)

Câu 34:

Trình bày phong trào đấu tranh chống phong kiến, chống xâm lược của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Ảnh hưởng của phong trào đấu tranh đó đối với Việt Nam.

ĐÁP ÁN

a. Phong trào đấu tranh: (xem đáp án câu 27-b)

b. Ảnh hưởng đối với Việt Nam:

Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống phong kiến, đế quốc, đặc biệt là phong trào Duy tân đã lan sang các nước láng giềng vùng Đông Nam Á.

Tại Việt Nam, một số sĩ phu yêu nước, qua các sách báo của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã tiếp thu tư tưởng cải cách, từ đó làm nảy sinh một khuynh hướng chính trị mới: trào lưu dân tộc chủ nghĩa với hai gương mặt tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lý Tự Trọng)

Câu 35:

Nêu nội dung chính của Hiệp ước Nam Kinh (tháng 8/1842). Việc triều đình Mãn Thanh kí Hiệp ước này đã để lại hậu quả gì đối với xã hội Trung Quốc?

ĐÁP ÁN

a) Nội dung chính của hiệp ước Nam Kinh:

– Trung Quốc phải mở năm cửa biển cho người Anh tự do ra vào buôn bán: Quảng Châu, Phúc Châu, Ninh Ba, Hạ Môn, Thượng Hải.

– Trung Quốc phải nhượng Hương Cảng cho Anh. Điều khoản này có giá trị 155 năm (năm 1997, người Anh trao trả Hương Cảng về cho Trung Quốc).

– Trung Quốc phải bồi thường cho Anh 21 triệu bảng bao gồm 6 triệu về thiệt hại thuộc phiện bị đốt, 12 triệu cho chi phí chiến tranh, 3 triệu trả bù những khoản nợ của thương nhân Trung Quốc.

– Việc quy định thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hoá của Anh phải do hai bên thoả thuận.

– Người Anh ở Trung Quốc được hưởng quyền lãnh sự tài phán.

b. Hậu quả:

Hậu quả của việc kí hiệp ước không bình đẳng này là Trung Quốc bị đẩy vào địa vị một quốc gia phụ thuộc nước ngoài, một nước nửa thuộc địa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Trần Hưng Đạo)

Câu 36:

Cách mạng Tân Hợi (1911):

a. Những nhiệm vụ đặt ra cho Cách mạng Tân Hợi (1911) và điều kiện bùng nổ cách mạng.

b. Kết quả, tính chất của cách mạng.

c. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử.

ĐÁP ÁN

a. Nhiệm vụ và điều kiện bùng nổ của cách mạng:

– Nhiệm vụ:

+ Thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến.

+ Xoá bỏ ách thống trị của nước ngoài.

+ Giải quyết các quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động.

– Điều kiện bùng nổ:

+ Ảnh hưởng của Cách mạng Nga (1905 – 1907).

+ Tình hình kinh tế – xã hội có những biến động lớn: kinh tế tư bản chủ nghĩa bắt đầu phát triển, đặc biệt là thương nghiệp.

+ Phong trào yêu nước chống phong kiến và đế quốc tiếp tục phát triển.

+ Giai cấp tư sản ra đời và bắt đầu tập hợp lực lượng, nắm vai trò lãnh đạo cách mạng: thành lập chính đảng Trung Quốc Đồng minh hội (8/1905), đại diện ưu tú là Tôn Trung Sơn. Thông qua cương lĩnh cách mạng: “Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày”.

+ Nguyên nhân trực tiếp: Năm 1911, triều đình Mãn Thanh trao quyền khai thác đường sắt cho công ti tư bản nước ngoài, nhân dân khắp nơi nổi dậy phản đối.

b. Kết quả, tính chất:

– Kết quả: Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập nền cộng hoà nhưng chính quyền lại rơi vào tay Viên Thế Khải – kẻ đại diện cho thế lực địa chủ, tư sản mại bản,...

– Tính chất: Là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để, chưa giải quyết được vấn đề dân tộc, dân chủ, không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

c. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 33-b).

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lý Tự Trọng)

Câu 37:

Lập niên biểu về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc, phong kiến từ năm 1850 đến năm 1911 (theo mẫu). Từ đó, rút ra nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc trong thời kì này.

Thời gian	Phong trào đấu tranh	Kết quả

ĐÁP ÁN

a. Bảng niên biểu:

Thời gian	Phong trào đấu tranh	Kết quả
1851	Thái bình Thiên quốc	Thất bại
1898	Dụ tân	Thất bại
1900	Nghĩa Hoà đoàn	Thất bại
1911	Tân Hợi	Thắng lợi

b. Nhận xét:

– Các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc phong kiến trong thời kì này hầu hết đều thất bại (trừ Cách mạng Tân Hợi).

– Đường lối, chủ trương, mục đích đấu tranh chưa phù hợp.

– Chế độ phong kiến suy yếu, phản động.

– Trong đó, Cách mạng Tân Hợi có ý nghĩa lịch sử lớn lao: Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản do những phần tử trí thức cấp tiến trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo. Tuy là cuộc cách mạng tư sản không triệt để nhưng đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Hùng Vương)

Câu 38:

Trình bày phong trào Duy tân ở Trung Quốc về các mặt: lực lượng lãnh đạo, mục đích, kết quả, tính chất. Em có nhận xét gì về chủ nghĩa Tam dân do Tôn Trung Sơn đề ra?

ĐÁP ÁN

a. Phong trào Duy tân (1898):

– Lãnh đạo: Các phần tử trí thức phong kiến tiến bộ, đứng đầu là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

– Mục đích: Cải cách bộ máy nhà nước, khuyến khích phát triển kinh tế, cải cách văn hoá, giáo dục, quân sự → nhằm phục hưng Trung Quốc thành một quốc gia độc lập, thoát khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc, xây dựng đất nước giàu mạnh.

– Kết quả: Phong trào tiến hành được 103 ngày thì thất bại bởi thế lực thủ cựu phản động của triều đình Mãn Thanh phá hoại.

– Tính chất: Phong trào được xem là một cuộc cách mạng tư sản.

b. Nhận xét về chủ nghĩa Tam dân do Tôn Trung Sơn đề ra:

– Tháng 8/1905, Tôn Trung Sơn thành lập tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội nhằm: “Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày”.

– Tôn Trung Sơn đề ra chủ nghĩa Tam dân. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Tam dân là:

+ Dân tộc độc lập: Trung Quốc thành nước độc lập.

+ Dân quyền tự do: Đấu tranh thành lập Cộng hoà Dân quốc, cho nhân dân được quyền tự do.

+ Dân sinh hạnh phúc: Giải quyết vấn đề ruộng đất, bảo đảm cho nông dân có ruộng, làm cho nông dân có cuộc sống hạnh phúc.

– Ưu điểm: Đường lối phù hợp với nguyện vọng của quần chúng về độc lập, tự do, hạnh phúc và ruộng đất cho dân cày nên được nhân dân ủng hộ.

– Hạn chế: Chưa thể hiện tính chất triệt để của cách mạng, đó là chưa nêu được kẻ thù chủ yếu của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc và toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu)

Câu 39:

Nguyên nhân, diễn biến, tính chất và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc.

Lập bảng so sánh Cách mạng Tân Hợi và Cách mạng Nga (1905 – 1907) về các mặt: nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng, chính quyền nhà nước, xu thế phát triển của cách mạng, tính chất của cách mạng.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân dẫn đến cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc: (xem đáp án câu 36-a)

b. Diễn biến, tính chất và ý nghĩa: (xem đáp án câu 26)

c. Bảng so sánh Cách mạng Tân Hợi với Cách mạng Nga (1905 – 1907):

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi (1911)	Cách mạng Nga (1905-1907)
Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ.	Lật đổ chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ.
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản.	Vô sản.
Động lực cách mạng	Tư sản, nông dân.	Công nhân, nông dân.
Chính quyền nhà nước	Chuyên chính tư sản.	Chuyên chính công – nông.
Xu thế phát triển của cách mạng	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.	Tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Tính chất cách mạng	Cách mạng dân chủ tư sản không triệt để (kiểu cũ).	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lý Tự Trọng)

Câu 40:

Trình bày hoàn cảnh ra đời và cương lĩnh của Trung Quốc Đồng minh hội. Qua đó, nêu nhận xét về cương lĩnh của Trung Quốc Đồng minh hội.

Nêu vài nét về tiểu sử của Tôn Trung Sơn.

ĐÁP ÁN

a) Hoàn cảnh ra đời của Trung Quốc Đồng minh hội:

- Do ảnh hưởng của Cách mạng Nga (1905 – 1907).
- Do phong trào yêu nước chống đế quốc, phong kiến của nhân dân Trung Quốc phát triển mạnh mẽ.

– Do sự ra đời và trưởng thành của giai cấp tư sản Trung Quốc.

+ Tháng 11/1894, tại Haoai, Tôn Trung Sơn thành lập tổ chức cách mạng đầu tiên là Hưng Trung hội.

+ Ở trong nước, các tổ chức Hoa hưng hội và Quang phục hội cũng được thành lập.

+ Tháng 9/905, tại Tôkyô, Tôn Trung Sơn hợp nhất Hưng Trung hội, Hoa hưng hội và Quang phục hội lại thành Trung Quốc Đồng minh hội.

b. Cương lĩnh của Trung Quốc Đồng minh hội và Tiểu sử của Tôn Trung Sơn: (xem đáp án câu 30)

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Hùng Vương)

Câu 41:

Lập bảng niên biểu những sự kiện lịch sử tiêu biểu của Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX theo yêu cầu sau: thời gian, sự kiện tiêu biểu, nội dung chính, kết quả.

Trình bày một số nét chính về tiểu sử của Tôn Trung Sơn và tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội.

ĐÁP ÁN

a. Niên biểu những sự kiện lịch sử tiêu biểu của Trung Quốc cuối thế kỉ XX:

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu	Nội dung chính	Kết quả
1894 – 1895	Chiến tranh Trung – Nhật.	Nhật Bản tìm thị trường.	Trung Quốc thất bại trở thành nửa thuộc địa của các cường quốc.
1898	Vận động Duy tân	Cải cách phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa.	Thất bại vì sự cản trở của triều đình Mãn Thanh.

1900	Khởi nghĩa Nghĩa Hoà đoàn.	Chống đế quốc, phong kiến.	Bị đàn áp, sau đó triều Mãn Thanh kí Điều ước Tân Sửu (1901), biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
1911	Cách mạng Tân Hợi.	Đánh đuổi Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân quốc.	Lật đổ được triều đình phong kiến Mãn Thanh.

b. Tiểu sử Tôn Trung Sơn, tổ chức và cương lĩnh của Trung Quốc Đồng minh hội: (xem đáp án câu 30)

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm)

Câu 42:

Trình bày những hoạt động cách mạng của Tôn Trung Sơn.

Qua những hoạt động đó, hãy nhận xét vai trò của Tôn Trung Sơn đối với lịch sử cách mạng Trung Quốc.

ĐÁP ÁN

a. Những hoạt động cách mạng của Tôn Trung Sơn:

– Tôn Trung Sơn sinh năm 1866, trong một gia đình nông dân khá giả ở huyện Hương Sơn, tỉnh Quảng Đông. Sau khi tốt nghiệp trường thuốc ở Hương Cảng, ông bắt đầu cống hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

– Do đi nhiều nơi, có điều kiện tiếp xúc với tư tưởng tư sản phương Tây, Tôn Trung Sơn nhận thức rằng: Trong tình hình Trung Quốc lúc đó, cần phải lật đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh thối nát mới có thể đưa đất nước Trung Quốc tiến lên được.

– Năm 1894, Tôn Trung Sơn thành lập tổ chức Hưng Trung hội.

– Năm 1905, hợp nhất các tổ chức cách mạng ở Trung Quốc thành một đảng thống nhất lấy tên là Trung Quốc Đồng minh hội. Đây là chính đảng thực sự đầu tiên của giai cấp tư sản Trung Quốc.

– Trên cơ sở học thuyết Tam dân (Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc) do Tôn Trung Sơn đề xướng, Trung Quốc Đồng minh hội đã thông qua cương lĩnh cách mạng gồm 4 mục tiêu: “Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày”.

– Từ khi thành lập đến năm 1910, dưới sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc Đồng minh hội đã tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa chống Mãn Thanh, tạo nên một tình thế cách mạng sôi nổi ở Trung Quốc.

– Năm 1911, Trung Quốc Đồng minh hội lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương. Khởi nghĩa thắng lợi và lan rộng ra cả nước. Tôn Trung Sơn được bầu làm Đại Tổng thống, đứng đầu Chính phủ lâm thời.

– Ngày 1/1/1912, Tôn Trung Sơn nhậm chức tại Nam Kinh và tuyên bố thành lập nước Trung Hoa Dân quốc. Ông đã ban bố Hiến pháp lâm thời, làm cơ sở cho việc xây dựng nước Trung Hoa Dân quốc.

b) Vai trò của Tôn Trung Sơn đối với lịch sử cách mạng Trung Quốc:

– Là lãnh tụ tiêu biểu của phong trào dân tộc, dân chủ ở Trung Quốc đầu thế kỉ XX.

– Chủ nghĩa Tam dân do ông đề xướng đã đặt nền tảng tư tưởng cho cương lĩnh cách mạng của Trung Quốc Đồng minh hội và thể chế chính trị dân chủ ở Trung Quốc từ sau năm 1911.

– Tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội do ông sáng lập đã kiên quyết dùng bạo lực cách mạng để lật đổ triều Thanh và chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có tác dụng cổ vũ lớn lao đối với phong trào cách mạng Trung Quốc và phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

– Tôn Trung Sơn là một trong những nhà cách mạng để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử cách mạng Trung Quốc đầu thế kỉ XX.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

CHƯƠNG IV

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Câu 43:

Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, phong trào công nhân được hồi phục và phát triển.

a. Biểu hiện:

Chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng rãi. Nhờ vậy, nhiều tổ chức đảng công nhân được thành lập ở các nước: Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân Pháp (1879), Đảng Công nhân Xã hội Mỹ (1876), Nhóm “Giải phóng lao động Nga” (1883), Liên minh Xã hội Dân chủ ở Anh (1884). Mặc dù còn hạn chế về tư tưởng và tổ chức, sự ra đời của các chính đảng công nhân đã đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân các nước.

– Phong trào đấu tranh của công nhân lớn mạnh, biểu hiện:

+ Ở Đức: Giai cấp vô sản thu được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1890, buộc chính quyền phải bãi bỏ “Đạo luật đặc biệt”.

+ Ở Anh: Nhiều cuộc đình công lớn nổ ra, nổi bật là cuộc Đấu tranh của công nhân khuân vác Luân Đôn buộc giới chủ phải tăng lương (1889).

+ Ở Pháp: Công nhân thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1893 (được 50 đại biểu).

+ Ở Mỹ: Ngày 1/5/1886, 35 vạn công nhân chicagô tổng bãi công đòi ngày làm 8 giờ. Kết quả: 5 vạn người được làm 8 giờ một ngày, số đông được giảm giờ.

b. Những phong trào công nhân trong thời gian này diễn ra mạnh mẽ, nhưng cuối cùng đều bị đàn áp. Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải có một tổ chức quốc tế mới của giai cấp vô sản thế giới. Quốc tế thứ

hai ra đời ngày 14/7/1889 tại Paris, hoạt động của Quốc tế thứ hai gắn liền với vai trò của Ph. Ăngghen và những hoạt động không mệt mỏi của ông.

– Quốc tế thứ hai hoạt động chủ yếu dưới hình thức các kì đại hội: Đại hội II năm 1891 ở Brúcxen (Bỉ); Đại hội III năm 1893 ở Duyrich (Thụy Sĩ),... Hạn chế được trào lưu cơ hội, đoàn kết công nhân quốc tế, thúc đẩy thành lập các chính đảng công nhân ở nhiều nước.

– Bối cảnh lịch sử thế giới diễn ra phức tạp. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chủ nghĩa chuyển dần sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, ra sức chạy đua vũ trang để tranh giành thuộc địa. Mâu thuẫn gay gắt giữa các nước tư bản già và các nước tư bản trẻ dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918). Quốc tế thứ hai bị phân hoá và giải thể năm 1914.

(Đề thi chính thức năm 1998)

Câu 44:

Sự thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ hai (1889 – 1914).

ĐÁP ÁN

a. Sự thành lập:

– Sau khi Quốc tế thứ nhất giải tán, phong trào cách mạng ở các nước vẫn phát triển. Những năm 70 và 80 của thế kỉ XIX, các chính đảng công nhân, các nhóm xã hội chủ nghĩa lần lượt thành lập ở nhiều nước.

– Tình hình đòi hỏi cấp thiết phải thành lập Quốc tế mới thay cho Quốc tế thứ nhất.

– Ngày 14/3/1883, C. Mác qua đời, một mình Ăngghen gánh vác trách nhiệm lãnh đạo phong trào công nhân thế giới, mà trước hết là chuẩn bị thành lập Quốc tế mới.

– Ngày 14/7/1889, kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Baxti trong Cách mạng tư sản Pháp (1789), 400 đại biểu của 22 nước họp đại hội tại Paris tuyên bố thành lập Quốc tế thứ hai (Quốc tế Xã hội chủ nghĩa).

b. Hoạt động:

- Đại hội thành lập thông qua nghị quyết nêu:
 - + Tăng cường phong trào công nhân có tính chất quần chúng.
 - + Thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở các nước.
 - + Đấu tranh giành chính quyền, đòi ngày làm 8 giờ, tăng lương...
 - + Lấy ngày 1/5 hằng năm làm ngày đoàn kết giai cấp vô sản toàn thế giới.
- Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức những đại hội, các đại hội đã thông qua một số nghị quyết đúng đắn như lên án chính sách xâm lược của các nước đế quốc, kêu gọi chống chủ nghĩa quân phiệt.
- Quốc tế thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Ăngghen, đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX và vào việc thành lập chính đảng vô sản các nước.
- Tuy nhiên, trong Quốc tế thứ hai cũng diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội xung quanh những vấn đề thuộc địa, chiến tranh... và những người cách mạng kiên quyết lên án chính sách xâm lược thuộc địa và chiến tranh đế quốc.

- Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ năm 1914, các đảng của Quốc tế thứ hai (trừ Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga) đã ủng hộ các chính phủ tư sản gây ra chiến tranh, dưới khẩu hiệu lừa bịp "bảo vệ tổ quốc". Quốc tế thứ hai đi dần đến chỗ phá sản.

(Đề thi chính thức năm 2000)

Câu 45:

Phân tích nguyên nhân thất bại, tính chất và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga (1905 – 1907). Hãy lập bảng so sánh cuộc cách mạng Nga (1905 – 1907) với các cuộc cách mạng đã học.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân thất bại:

- Liên minh công nông chưa vững chắc.
- Quân đội chưa theo hẳn về phía cách mạng.

– Hoạt động chia rẽ của nhóm Mensêvích (bọn cơ hội trong Quốc tế thứ hai) làm cho Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga thiếu sự thống nhất, làm yếu đi sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

– Các nước đế quốc Tây Âu giúp Nga hoàng đàn áp cách mạng vì chúng sợ ảnh hưởng của Cách mạng Nga lan ra khắp nơi.

b) Tính chất:

Đây là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, vì lãnh đạo là giai cấp vô sản, động lực chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân, sau khi hoàn thành cách mạng sẽ tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

c. Ý nghĩa lịch sử:

– Giáng một đòn nặng nề vào chế độ phong kiến Nga hoàng.

– Góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân nhiều nước Âu – Mĩ, thức tỉnh nhân dân phương Đông chống phong kiến và đế quốc thực dân.

d. Bảng so sánh Cách mạng Nga (1905 – 1907) với các cuộc cách mạng tư sản.

Nội dung so sánh	Cách mạng Nga (1905 – 1907)	Cách mạng tư sản
Tính chất, nhiệm vụ cách mạng.	Giống như cách mạng tư sản.	Đánh đổ chế độ phong kiến, xoá bỏ tàn tích phong kiến, thực hiện dân chủ.
Giai cấp lãnh đạo cách mạng.	Giai cấp vô sản.	Giai cấp tư sản.
Động lực cách mạng.	Công nhân và nông dân (liên minh công nông).	Tư sản và nông dân.
Chính quyền nhà nước.	Chuyên chính công nông (các Xô viết).	Chuyên chính tư sản.
Xu thế phát triển của cách mạng.	Tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.

(Đề thi chính thức năm 2001)

Câu 46:

Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào công nhân vẫn được duy trì sau thất bại của Công xã Paris (1871) và Quốc tế thứ nhất (1876)?

Hãy cho biết vai trò và sự đóng góp to lớn của Lênin trong phong trào công nhân Nga.

ĐÁP ÁN

Sau khi Công xã Paris thất bại (1871), Quốc tế thứ nhất giải tán (1876), phong trào công nhân vẫn được duy trì nhằm chống lại mọi thủ đoạn của giai cấp tư sản, đòi quyền lợi về chính trị và kinh tế:

a. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của công nhân: (xem đáp án câu 43-a).

– Phong trào công nhân các nước phát triển mạnh, dẫn đến sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của công nhân: (xem đáp án câu 43-a).

– Sự ra đời của các chính đảng công nhân ở các nước đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế mới lãnh đạo phong trào thay cho Quốc tế thứ nhất đã giải tán. Do đó, Quốc tế thứ hai được thành lập ngày 14/7/1889 tại Paris.

b. Phong trào công nhân ở Nga:

– Ở Nga, sau Cải cách nông nô năm 1861, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Nga và đến đầu thế kỉ XX chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

– Công nghiệp nước Nga phát triển nhanh làm cho số lượng công nhân tăng nhiều với mức độ tập trung cao: 3,1 triệu người, và 50% tổng số công nhân làm việc trong các nhà máy lớn (trên 2.000 thợ).

– Họ bị bọn phong kiến và tư bản bóc lột thậm tệ: làm việc 14 đến 16 giờ một ngày, không có quyền lợi chính trị, không được pháp luật bảo vệ. Do đó, họ sớm có tinh thần đấu tranh cách mạng: nhiều cuộc bãi công, biểu tình liên tiếp bùng nổ dẫn đến sự ra đời của các tổ chức chính trị của giai cấp công nhân:

+ Năm 1875, Hội Liên hiệp Công nhân miền Nam nước Nga thành lập.

+ Năm 1878, Hội Liên hiệp Công nhân miền Bắc nước Nga thành lập.

– Năm 1883, Plêkhanốp truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga. Nhưng trên thực tế, chủ nghĩa Mác chưa xâm nhập vào được phong trào công nhân Nga.

c. Vai trò của Lênin trong phong trào công nhân Nga:

Lênin đã thực hiện nhiệm vụ lịch sử kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân Nga.

– Năm 1903, Đại hội của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga họp, đa số tán thành đường lối cách mạng của Lênin: Kiên quyết đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, lập ra chính quyền vô sản.

– Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga ra đời là Đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới, tuân thủ và vận dụng sáng tạo những nguyên lí của chủ nghĩa Mác, đấu tranh cho lí tưởng xã hội chủ nghĩa, vì quyền lợi công nhân và nhân dân lao động, đấu tranh cách mạng triệt để, không thoả hiệp.

– Đây là một thắng lợi lớn của khuynh hướng cách mạng trong phong trào công nhân Nga và phong trào cộng sản quốc tế.

– Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có sự đóng góp rất lớn của Lênin, phong trào công nhân Nga phát triển mạnh dẫn đến cuộc cách mạng Nga (1905 – 1907), nước Nga trở thành trung tâm của cách mạng thế giới, có ảnh hưởng lớn đối với phong trào cách mạng nhiều nước.

(Đề thi chính thức năm 2002)

Câu 47:

Trình bày nguyên nhân, diễn biến cuộc cách mạng Nga (1905 – 1907). Phân tích nguyên nhân thất bại, tính chất và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng. Lập bảng so sánh cuộc cách mạng này với các cuộc cách mạng tư sản buổi đầu thời cận đại.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân:

– Đầu thế kỉ XX, chế độ phong kiến chuyên chế vẫn tồn tại ở Nga. Ách áp bức phong kiến và tư bản làm cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động hết sức khổ cực.

– Trong khi nhân dân Nga đói khổ, Nga hoàng lại đẩy nước Nga – vào cuộc chiến tranh với Nhật (1904 – 1905), là một loại chiến tranh đế quốc giành thuộc địa. Nước Nga thất bại trong cuộc chiến tranh này càng làm cho mâu thuẫn xã hội và giai cấp trở nên gay gắt.

– Cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công và biểu tình đã nổ ra với các khẩu hiệu: “Đả đảo chuyên chế”, “Đả đảo chiến tranh”, “Ngày làm 8 giờ”.

b. Diễn biến cuộc Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga:

– Ngày 9/1/1905, 14 vạn công nhân ở Xanh Pêtéc-bua và gia đình kéo đến Cung điện Mùa Đông đưa đơn thỉnh nguyện (xin cải thiện đời sống), nhưng đã bị quân đội, cảnh sát Nga hoàng đàn áp đẫm máu. Lênin gọi đây là ngày khởi đầu cách mạng.

– Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, thông qua Luận cương cách mạng của Lênin, nêu rõ nhiệm vụ của giai cấp vô sản Nga là lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ tư sản, thực hiện liên minh công nông, đánh đổ ách thống trị của Nga hoàng, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– Hè năm 1905, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao.

– Tháng 6/1905, thủy thủ trên chiếc thiết giáp hạm Pôtemkin khởi nghĩa.

– Mùa thu năm 1905, phong trào tiến dần đến đỉnh cao, mở đầu là cuộc bãi công của công nhân nhà in Mátxcơva (9/1905).

– Tháng 10/1905, bãi công chính trị quần chúng lan rộng cả nước.

– Tháng 10 và tháng 11/1905, các Xô viết đại biểu công nhân được thành lập ở Xanh Pêtéc-bua và nhiều nơi.

– Tháng 12/1905, khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va, kéo dài 2 tuần. Cuộc khởi nghĩa thất bại vì lực lượng quá chênh lệch.

– Năm 1907, cuộc cách mạng kết thúc.

c. Nguyên nhân thất bại, tính chất, ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 45-a,b,c)

d. Bảng so sánh: (xem đáp án câu 45-d)

(Đề thi chính thức năm 2004)

Câu 48:

Dựa vào hoạt động của Quốc tế thứ hai, em hãy giải thích câu nói của Lênin: “Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại”.

ĐÁP ÁN

– Từ sau năm 1895, khi Ăngghen qua đời, giai cấp công nhân thiếu sự lãnh đạo của một vị lãnh tụ sáng suốt.

– Mặt khác, thời kì mới đã tạo ra những điều kiện khách quan cho chủ nghĩa cơ hội trước đây vốn đã sống len lỏi trong phong trào công nhân giờ đây có điều kiện phát triển.

– Cơ sở xã hội của trào lưu cơ hội chủ nghĩa phát triển trong phong trào công nhân quốc tế là “công nhân quý tộc”.

+ Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản phát triển cao về kĩ thuật và năng lực sản xuất, đã tạo nên số lượng lớn công nhân kĩ thuật, tỉ lệ công nhân lành nghề so với công nhân phổ thông ngày càng cao.

+ Trong số đó, một số rất lớn có tay nghề cao, được trả lương cao, có tâm lí vươn tới địa vị dễ chịu trong chế độ đương thời.

+ Số công nhân quý tộc này được các ông chủ tư bản hài lòng và chính họ cũng hài lòng về các ông chủ, cho nên họ không có nhu cầu, nguyện vọng lật đổ chế độ tư bản, mà chỉ muốn duy trì và cải biến xã hội đó theo hướng cải thiện đời sống vốn tương đối dễ chịu của họ.

– Từ sau Đại hội Paris (1900) đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, đa số lãnh tụ của các đảng trong Quốc tế thứ hai công khai ủng hộ chính phủ tư sản ở nước họ, ủng hộ chiến tranh, tàn sát nhân dân và giai cấp công nhân các nước khác. Đến đây, Quốc tế thứ hai tan rã, chấm dứt vai trò lịch sử của mình.

Vì thế, Lênin nói: “Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại”.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Ninh Thuận)

Câu 49:

Những sự kiện nào dẫn tới sự thành lập Quốc tế thứ hai (1889)?
Vai trò của Quốc tế thứ hai đối với phong trào công nhân quốc tế.

ĐÁP ÁN

a. Những sự kiện dẫn tới sự thành lập Quốc tế thứ hai (1889):

Sau khi Quốc tế thứ nhất giải tán năm 1876, phong trào công nhân tạm lắng xuống, sau đó được phục hồi và phát triển, đặc biệt là phong trào công nhân ở Âu – Mĩ.

– Nhiều tổ chức đảng của giai cấp công nhân được thành lập:

+ 1875: Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Đức.

+ 1876: Đảng Công nhân Xã hội Mĩ.

+ 1879: Đảng Công nhân Pháp.

+ 1883: Nhóm “Giải phóng lao động Nga”.

– Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân nổ ra mạnh mẽ:
(xem đáp án câu 43-a)

– Trước những điều kiện lịch sử bức thiết như trên đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để lãnh đạo và đoàn kết công nhân quốc tế. Ngày 14/7/1889, kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Baxti ở Pháp, hơn 300 đại biểu công nhân của 22 nước họp ở Paris tuyên bố thành lập Quốc tế Xã hội chủ nghĩa – Quốc tế thứ hai.

b) Vai trò của Quốc tế thứ hai:

– Thống nhất phong trào công nhân quốc tế.

– Hạn chế ảnh hưởng của các trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân.

– Đoàn kết công nhân các nước, đẩy mạnh phong trào đấu tranh, thúc đẩy sự thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở nhiều nước.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Bến Tre)

Câu 50:

Về Quốc tế thứ hai, hãy trình bày:

- a. Những điều kiện lịch sử thành lập Quốc tế thứ hai.
- b. Nội dung của Đại hội Paris năm 1889.
- c. Vai trò của Ăngghen đối với Quốc tế thứ hai và phong trào công nhân quốc tế.

ĐÁP ÁN

a. Sự thành lập quốc tế thứ hai: (xem đáp án câu 44 – a)

b. Nội dung Đại hội Paris năm 1889:

- Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết về sự cần thiết phải tăng cường đấu tranh chính trị, tăng cường phong trào công nhân.
- Phải thành lập chính đảng của giai cấp công nhân trong từng nước, đấu tranh giành chính quyền.
- Về đấu tranh kinh tế, nghị quyết nêu rõ yêu cầu làm 8 giờ một ngày; tăng lương cho công nhân, huỷ bỏ chế độ trả lương bằng hiện vật.
- Về vấn đề quân thường trực, Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết ủng hộ vũ trang toàn dân, nhưng chỉ rõ việc tăng cường quân thường trực là nguồn gốc của chiến tranh.
- Đại hội quyết định chọn ngày 1/5 hằng năm làm ngày Quốc tế Lao động, ngày biểu dương tinh thần đấu tranh và đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân toàn thế giới.

c. Vai trò của Ăngghen đối với Quốc tế thứ hai và phong trào công nhân quốc tế:

- Vai trò của Ăngghen:
 - + Sau Công xã Paris, Quốc tế thứ nhất giải tán, Mác và Ăngghen với uy tín lớn lao vẫn tiếp tục lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế. Sau khi C. Mác qua đời, một mình Ăngghen gánh vác trách nhiệm lãnh đạo phong trào công nhân thế giới.
 - + Dưới sự lãnh đạo của Ăngghen, những người theo chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân như Bêben, Lipnéc, ... đã vạch ra kế hoạch tổ chức một quốc tế mới.

+ Trong thời kì đầu của Quốc tế thứ hai, Ăngghen trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh về tư tưởng (chống phái Vô chính phủ) trong Quốc tế thứ hai.

+ Cho đến năm 1895, hoạt động của Quốc tế thứ hai gắn liền với vai trò của Ăngghen. Bằng thiên tài và sự hoạt động không mệt mỏi của mình, Ăngghen đã có ảnh hưởng trực tiếp đến các lãnh tụ của các đảng và phong trào công nhân ở nhiều nước.

Vì vậy, trong thời gian này, Quốc tế thứ hai đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của phong trào công nhân:

- Hạn chế ảnh hưởng của các trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân.
- Đoàn kết công nhân các nước, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của họ.
- Thúc đẩy sự thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở nhiều nước...

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng)

Câu 51:

Cuộc đấu tranh tư tưởng trong Quốc tế thứ hai đã diễn ra gay gắt và phức tạp trong những năm đầu thế kỉ XX như thế nào?

ĐÁP ÁN

Trong những năm đầu thế kỉ XX, cuộc đấu tranh tư tưởng trong Quốc tế thứ hai diễn ra gay gắt và phức tạp. Những vấn đề chính thảo luận trong các đại hội là:

- Phương pháp giành chính quyền.
- Vấn đề thuộc địa.
- Thái độ đối với Cách mạng Nga 1905 – 1907
- Chủ nghĩa quân phiệt và nguy cơ chiến tranh.

a. Đối với vấn đề đấu tranh nghị trường, phương pháp giành chính quyền của giai cấp vô sản: Một số lãnh tụ của Quốc tế thứ hai tuyên truyền con đường hoà hợp cải lương, chỉ chủ trương đấu

tranh hợp pháp. Họ coi đấu tranh nghị trường, tham gia chính phủ tư sản là biện pháp duy nhất và chủ yếu đem lại khả năng giành quyền thống trị cho giai cấp công nhân. Thực ra, đó chỉ là biện pháp lừa dối giai cấp công nhân, lộ rõ lập trường đầu hàng, không dám đề ra những hình thức đấu tranh cách mạng giành lấy chính quyền, thiết lập nền chuyên chính vô sản.

b. Vấn đề thuộc địa được đề cập nhiều trong các đại hội ở Luân Đôn (1896), Paris (1900), Stútgát (1907):

– Đại biểu của chủ nghĩa cơ hội – xét lại: Bécxtainơ, Cauxki đã bênh vực chủ nghĩa thực dân và chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chống lại nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, về quyền đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức. Rõ ràng, những quan điểm này rất xa lạ với chủ nghĩa Mác về vấn đề thuộc địa.

– Lênin đã kiên quyết vạch trần luận điểm “Chính sách thuộc địa xã hội chủ nghĩa” của bọn xét lại. Cuối cùng, tại Đại hội Stútgát, Lênin và những người mácxít đã thông qua nghị quyết lên án chính sách thuộc địa của bọn xét lại.

c. Thái độ đối với cuộc cách mạng dân chủ tư sản Nga 1905 – 1907, những người lãnh đạo Quốc tế thứ hai chia làm ba phái:

– Phái xét lại – cải lương công khai: Cực lực phản đối quyền lãnh đạo của đảng vô sản và giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản, đồng thời kiên quyết bác bỏ tư tưởng cách mạng dân chủ chuyển ngay sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– Phái giữa, đứng đầu là Cauxki: Ban đầu có những quan điểm tương đối đúng đắn, nhưng ngay sau khi Cách mạng 1905 – 1907 bùng nổ, Cauxki đã đi theo quan điểm cơ hội cho rằng: Giai cấp vô sản chỉ mới giành quyền tạm thời, còn nếu muốn giành được thắng lợi hoàn toàn thì giai cấp vô sản phải biến thành đa số trong nhân dân. Thực chất, phái giữa là đại biểu của chủ nghĩa cơ hội giấu mặt.

– Phái tả là phái cách mạng có đại biểu như Rôđa Lúcxembua, Lênin. Họ kiên quyết bảo vệ những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác, chống lại mọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân.

d. Vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt, chống chiến tranh đã trở thành vấn đề thời sự nóng hổi lúc bấy giờ. Tại Đại hội Stútgát, cuộc đấu tranh cho một nghị quyết đúng đắn về chủ nghĩa quân phiệt đã diễn ra quyết liệt và những người mácxít đã giành được thắng lợi. Lênin tham gia tiểu ban dự thảo nghị quyết về chống chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh.

Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã đưa tổ chức này đến chỗ phá sản. Chỉ có Đảng Bôn-sê-vích Nga, đứng đầu là Lênin, đã thực hiện một cách sáng tạo đường lối cách mạng trên nguyên lí của chủ nghĩa Mác và đã đề ra khẩu hiệu “biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”, giành thắng lợi to lớn trong cuộc Cách mạng tháng Mười năm 1917.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chu Văn An)

Câu 52:

Nêu những nét lớn của phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Trên cơ sở so sánh phong trào công nhân các nước Âu – Mĩ với nước Nga trong thời gian trên (về hình thức, quy mô, lãnh đạo phong trào), em có nhận định gì về phong trào công nhân Nga với cách mạng thế giới?

ĐÁP ÁN

a. Những nét lớn của phong trào công nhân quốc tế: (xem đáp án câu 43-a)

b. So sánh và nhận định về phong trào công nhân Nga:

– Vô sản Nga có tinh thần đấu tranh cách mạng cao và các tổ chức công nhân ra đời khá sớm. Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga là đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới, khác với các đảng xã hội ở các nước Âu – Mĩ.

– Dưới sự lãnh đạo của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, vô sản và lao động Nga làm cách mạng 1905 – 1907 để đánh đổ Nga hoàng và tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Nga (1905 – 1907) có quy mô, hình thức, mục tiêu vượt xa so với phong trào công nhân ở Âu – Mĩ.

– Kết luận: Phong trào công nhân Nga là trọng tâm của phong trào công nhân quốc tế, có ảnh hưởng sâu sắc đối với cách mạng thế giới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Thoại Ngọc Hầu)

Câu 53:

Trình bày tiểu sử của Lênin và quá trình thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga. Cho biết những đặc điểm chủ yếu của khái niệm “Đảng vô sản kiểu mới”.

ĐÁP ÁN

a. Tiểu sử Lênin:

– Sinh ngày 22/4/1870 tại Ximbiéc, trong một gia đình nhà giáo tiến bộ.

– Ông tên thật là: Vladimira Ilích Ulianốp.

– Đã tham gia cách mạng từ lúc còn là học sinh.

– Năm 1893, Lênin đến thủ đô Xanh Pêtéc-bua và trở thành người lãnh đạo nhóm công nhân mác-xít.

– Sau khi ông bị bắt đi đày ở Xibia (1895 – 1900), ông ra sống ở nước ngoài.

– Đầu thế kỉ XX, Lênin thành lập đảng kiểu mới của giai cấp vô sản ở Nga.

b. Quá trình thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga:

Hoàn cảnh lịch sử:

– Sau cuộc Cải cách nông nô (1861), nước Nga, phong kiến phát triển lên tư bản chủ nghĩa, và đầu thế kỉ XX chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

– Công nghiệp Nga cũng có bước phát triển nhanh chóng (dù chậm hơn Anh, Pháp, Mĩ), làm cho số lượng công nhân Nga tăng lên nhiều, mức độ tập trung cao.

– Số lượng công nhân chuyên nghiệp là 3,1 triệu người (50% làm tại các nhà máy lớn).

– Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trong đế quốc Nga bị tư bản chủ nghĩa và phong kiến Nga áp bức bóc lột tàn khốc.

– Công nhân Nga làm việc từ 14 đến 16 giờ một ngày, không có quyền lợi chính trị, không được pháp luật bảo vệ.

Hoạt động và các tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân Nga:

– Mặc dù mới ra đời, công nhân Nga đã sớm đã sớm có tinh thần đấu tranh cách mạng: bãi công, biểu tình đòi tăng lương liên tiếp bùng nổ.

– Các tổ chức đầu tiên của công nhân Nga được thành lập:

+ Năm 1875: Hội Liên hiệp Công nhân miền Nam nước Nga thành lập.

+ Năm 1878: Hội Liên hiệp Công nhân miền Bắc nước Nga thành lập.

+ Năm 1883: Plêkhanốp truyền bá chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân Nga, nhưng chưa đạt được kết quả cao.

Lênin đã thực hiện nhiệm vụ lịch sử: kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân Nga:

– Năm 1903, trong Đại hội thành lập, Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga đã họp và thông qua đường lối cách mạng của Lênin họ được gọi là những người Bôn-sê-vích.

– Thiếu số chống lại Lênin được gọi là những người Mensê-vích, theo khuynh hướng cơ hội.

Kết luận:

– Thắng lợi của Lênin tại Đại hội đánh dấu thắng lợi của khuynh hướng cách mạng trong phong trào công nhân Nga và phong trào cộng sản quốc tế.

– Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga kiên quyết đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, lập ra chính quyền vô sản, nên đây là Đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới.

c. Những đặc điểm chủ yếu của khái niệm “Đảng vô sản kiểu mới” là:

– Triệt để đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, và cho lí tưởng xã hội chủ nghĩa.

- Tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để, không thoả hiệp.
- Tuân thủ và vận dụng sáng tạo những nguyên lí của chủ nghĩa Mác, chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.
- Dựa vào nhân dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng.
- Tổ chức đảng chặt chẽ theo nguyên tắc dân chủ tập trung.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong)

Câu 54:

Trình bày sơ lược tiểu sử Lênin và quá trình thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng vô sản kiểu mới. So sánh sự khác nhau giữa Đảng này với các Đảng xã hội dân chủ ở châu Âu.

ĐÁP ÁN

a. Tiểu sử Lênin và quá trình thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga: (Xem đáp án câu 53-a,b)

b. Ý nghĩa:

- Hoàn thành quá trình thống nhất các tổ chức mácxít cách mạng.
- Sáng lập chính đảng vô sản kiểu mới của giai cấp công nhân Nga: lãnh đạo quần chúng tiến công vào chủ nghĩa tư bản.
- Đánh dấu thắng lợi của khuynh hướng cách mạng trong phong trào công nhân Nga, phong trào công nhân quốc tế.
- Khác với các đảng xã hội dân chủ khác ở châu Âu, đảng vô sản kiểu mới kiên quyết đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản – Đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới.

c. So sánh:

Đảng vô sản kiểu mới (Bôn-sê-vích)	Các đảng xã hội dân chủ khác ở châu Âu
- Theo và vận dụng sáng tạo nguyên lí của chủ nghĩa Mác, chống chủ nghĩa cơ hội.	- Xuyên tạc chủ nghĩa Mác, theo chủ nghĩa cơ hội, chống phong trào cách mạng thế giới (chủ nghĩa cơ hội giấu mặt).

- Mục đích: Đấu tranh vũ trang, lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Tinh thần cách mạng: triệt để, không thỏa hiệp. - Đảng có tổ chức chặt chẽ theo nguyên tắc dân chủ tập trung.	- Chủ trương đấu tranh hoà bình, bỏ rơi mục đích cuối cùng. - Không triệt để, thỏa hiệp với tư sản. - Tổ chức lỏng lẻo, không theo nguyên tắc dân chủ tập trung.
---	--

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền)

Câu 55:

Lênin đã có những đóng góp gì cho phong trào công nhân Nga cuối thế kỉ XIX và cách mạng tháng Mười Nga?

ĐÁP ÁN

a. Vài nét về tiểu sử của Lênin: (xem đáp án câu 53-a)

b. Vai trò của Lênin trong việc xây dựng chính đảng cho giai cấp công nhân Nga:

- Năm 1893, Lênin đến thủ đô Xanh Pêtéc-bua hoạt động trong nhóm mácxít của phong trào công nhân.

- Năm 1900, xuất bản báo "Tia lửa", truyền bá chủ nghĩa Mác.

- Năm 1903, dưới sự chủ trì của Lênin tại Đại hội thành lập Đảng, Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga ra đời, đó là đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới.

Qua đó, ta thấy Lênin đã thực hiện nhiệm vụ lịch sử kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân, thành lập chính đảng của giai cấp vô sản.

c. Vai trò của Lênin trong Cách mạng (1905 – 1907) ở Nga:

Đề ra Luận cương cách mạng dân chủ tư sản Nga và được Đại hội lần thứ III (tháng 4 – 1905) của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga thông qua, nêu lên nhiệm vụ của giai cấp công nhân Nga là lãnh đạo cuộc cách

mạng dân chủ tư sản, thực hiện liên minh công nông, đánh đổ ách thống trị của Nga hoàng sau đó tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

d. Vai trò của Lênin đối với Cách mạng tháng Mười năm 1917:

– Cách mạng tháng Hai năm 1917 thành công, Lênin về nước tháng 4/1917, vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu: Chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, chuyển chính quyền về tay Xô viết bằng phương pháp hoà bình.

– Tháng 7/1917, Chính phủ lâm thời đàn áp cuộc biểu tình của nhân dân Pêtrôgrát và truy nã Lênin. Lênin rút vào hoạt động bí mật, kết thúc thời kì đấu tranh hoà bình.

– Tháng 10/1917, Lênin về nước, trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Trước tình hình căng thẳng ở Pêtrôgrát, Lênin đã sáng suốt thay đổi ngày khởi nghĩa, tạo ra yếu tố bất ngờ đối với kẻ thù. Chỉ trong một đêm (ngày 24/10/1917), hầu như không bị tổn thất, quân khởi nghĩa đã làm chủ tình hình. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, được lịch sử ghi nhận như một sự kiện trọng đại, mở đầu một thời kì mới – thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Lê Quý Đôn)

Câu 56:

Trình bày diễn biến của cuộc Cách mạng Nga (1905 – 1907). Nêu tính chất, nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng đó.

Tại sao nói: Cách mạng Nga (1905 – 1907) là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

ĐÁP ÁN

a. Diễn biến: (xem đáp án câu 47-b)

b. Tính chất, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 45-a,b,c)

c. Đây là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới vì:

- Nhiệm vụ: Đánh đổ phong kiến.
- Giai cấp lãnh đạo: Giai cấp vô sản.

- Động lực cách mạng: Công nhân và nông dân (liên minh công – nông)
- Chính quyền nhà nước: Chuyên chính công nông.
- Xu thế phát triển: Cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Hùng Vương)

Câu 57:

Trình bày quá trình đấu tranh lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng của nhân dân Nga.

ĐÁP ÁN

a. Tình hình nước Nga cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX:

Đầu thế kỉ XX, nước Nga bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Kinh tế: Đồng thời với sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản ở một số trung tâm, nước Nga còn nhiều tàn dư của chế độ nông nô lạc hậu, nhất là trong nông nghiệp. Những tàn dư đó được chế độ phong kiến của Nga hoàng duy trì. Đó là trở ngại lớn nhất trên con đường phát triển của nước Nga.

- Chính trị: Dưới chế độ phong kiến Nga hoàng, tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân và các dân tộc thuộc địa hết sức khốn khổ.

Từ đó nảy sinh yêu cầu bức thiết là phải thủ tiêu chế độ chuyên chế Nga hoàng mở đường cho sản xuất phát triển. Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, yêu cầu đó đã thể hiện rõ trong các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các bộ phận tư sản. Tiêu biểu là cuộc Cách mạng Nga (1905 – 1907).

b. Cách mạng Nga (1905 – 1907):

- Diễn biến: (xem đáp án câu 47-b)
- Tính chất, nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử: (xem đáp án câu 45-a,b,c).

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Khiết)

Câu 58:

So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa cách mạng tư sản kiểu cũ với cách mạng tư sản kiểu mới và giải thích tại sao lại có những điểm giống nhau và khác nhau đó.

ĐÁP ÁN

a. Những điểm giống nhau:

- Nhiệm vụ cách mạng: đánh đổ phong kiến.
- Lực lượng, động lực cách mạng: quần chúng nhân dân, trước tiên là công nông.

b. Những điểm khác nhau:

- Lãnh đạo:
 - + Cách mạng tư sản kiểu cũ: giai cấp tư sản.
 - + Cách mạng tư sản kiểu mới: giai cấp vô sản.
- Mục tiêu cuối cùng:
 - + Nếu cách mạng tư sản kiểu cũ đánh đổ chế độ phong kiến là xong, thì với cách mạng tư sản kiểu mới, đó chỉ là mới bắt đầu.
 - + Nếu cách mạng tư sản kiểu cũ chỉ thay thế giai cấp bóc lột phong kiến bằng giai cấp bóc lột tư sản, thì cách mạng tư sản kiểu mới chủ trương xoá bỏ giai cấp bóc lột.
 - + Cách mạng tư sản kiểu cũ đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, còn cách mạng tư sản kiểu mới đưa giai cấp vô sản lên cầm quyền.
- Hướng phát triển:
 - + Cách mạng tư sản kiểu cũ: tiến lên chủ nghĩa tư bản.
 - + Cách mạng tư sản kiểu mới: tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

c. Giải thích:

- Nhiệm vụ chống phong kiến là sứ mệnh của giai cấp tư sản trong các cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ diễn ra từ thế kỉ XIX trở về trước, khi đó chủ nghĩa tư bản đang phát triển, giai cấp tư sản giữ vai trò tích cực, tiến bộ. Nhưng sang đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thì giai cấp tư sản đã lộ rõ là giai cấp bóc lột, sẵn sàng thoả hiệp với kẻ thù phong kiến vì quyền lợi của giai cấp mình.

- Trong khi đó, giai cấp vô sản đã từng bước trưởng thành, bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng độc lập, đảm đương sứ mệnh lịch sử của mình là: chống giai cấp tư sản, xoá bỏ chế độ bóc lột, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Du)

Câu 59:

Phân tích những thắng lợi quan trọng trong phong trào công nhân quốc tế những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

Những thắng lợi quan trọng trong phong trào công nhân quốc tế những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX:

– Sau khi Công xã Paris thất bại năm 1871 và Quốc tế thứ nhất giải tán năm 1876, phong trào công nhân vẫn được duy trì nhằm chống lại mọi thủ đoạn của giai cấp tư sản, đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị:

– (Xem câu 43-a)

– Sự ra đời của các chính đảng công nhân ở các nước đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế mới lãnh đạo phong trào thay cho Quốc tế thứ nhất đã giải tán. Do đó, Quốc tế thứ hai được thành lập ngày 14/7/1889 tại Paris.

– Quốc tế thứ hai đã góp phần quan trọng trong việc lãnh đạo và đoàn kết, thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân thế giới.

Như vậy, song song với sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã góp phần làm suy yếu lực lượng đế quốc, tạo tiền đề cho những thắng lợi của cách mạng về sau.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

Câu 60:

Trong các câu sau, câu nào đúng câu nào sai:

1. Mục tiêu của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga là đấu tranh hoà bình thông qua con đường nghị viện.

2. Chính đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới là Đảng Công nhân Pháp.

3. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ thì Quốc tế thứ hai bị phá sản vì các đảng của Quốc tế thứ hai ủng hộ các chính phủ tư sản gây chiến tranh đế quốc.

4. Hai khuynh hướng: cách mạng và cơ hội chủ nghĩa đã đấu tranh gay gắt trong Quốc tế thứ hai xoay quanh những vấn đề: thuộc địa, chiến tranh giai cấp, giành chính quyền.
5. C. Mác nhận định Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại.
6. Tại Chicagô, ngày 1/5/1886, 350.000 công nhân bãi công đòi ngày làm 8 giờ.
7. Đầu thế kỉ XX, phong trào công nhân quốc tế phát triển mạnh hơn, nhiều nhất là sau Cách mạng Nga (1905 – 1907).

ĐÁP ÁN

Trong các câu cho sẵn, những câu đúng là: 3, 4, 6, 7.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm)

CHƯƠNG V

QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 61:

Trình bày nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân trực tiếp của Chiến tranh thế giới thứ nhất và phân tích tính chất, kết quả của cuộc chiến tranh này.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân sâu xa:

Do bản chất và quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc làm nảy sinh xung đột về quyền lợi của các đế quốc, dẫn đến sự ra đời của hai khối quân sự đối lập nhau: khối Liên minh (Đức, Áo – Hung) và khối Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga). Hai khối quân sự này chạy đua vũ trang và chuẩn bị gây chiến tranh để giải quyết vấn đề thuộc địa.

b. Nguyên nhân trực tiếp:

– Ngày 28/6/1914, Hoàng thân thừa kế ngôi vua Áo – Hung bị một phần tử khủng bố Xécbi ám sát (Xécbi được khối Hiệp ước ủng hộ), phe Liên minh nắm lấy cơ hội này tuyên chiến.

– Ngày 28/7, Áo – Hung đánh chiếm Xécbi.

– Ngày 1/8, Đức tuyên chiến với Nga. Ngày 3/8, Đức tuyên chiến với Pháp.

– Ngày 4/8, Anh tuyên chiến với Đức.

b. Tính chất:

– Đây là cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc, chỉ đem lại nguồn lợi cho giai cấp tư sản cầm quyền.

– Đây là cuộc chiến tranh xâm lược: nhằm cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của đối phương.

– Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa: cả hai phe tham chiến đều phi nghĩa, tổn phí và hậu quả của nó đè nặng lên đời sống của người dân lao động và nhân dân thuộc địa.

d. Kết quả:

– Chiến tranh lôi kéo 38 nước, với tổng số quân tham chiến là 37 triệu người. Chiến trường chính ở châu Âu, mức độ bị tàn phá to lớn (10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương, nhiều cơ sở vật chất bị phá hủy).

– Khối Liên minh thất bại. Tuy nhiên, các nước thắng trận hay bại trận đều bị thiệt hại nặng nề (trừ Mĩ giàu lên nhờ chiến tranh).

– Hội nghị Vécxai (năm 1919) được triệu tập để các nước thắng trận phân chia thành quả sau chiến tranh.

– Trong chiến tranh, phong trào cách mạng không ngừng phát triển. Nổi bật là thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917).

(Đề thi chính thức năm 2001)

Câu 62:

Dưới đây là bảng kê các cột mốc thời gian quan trọng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, hãy điền tên các sự kiện cho phù hợp.

Thời gian	Sự kiện
28/6/1914	
28/7/1914	
1/8/1914	
3/8/1914	
4/8/1914	
9/11/1918	
11/11/1918	
28/6/1919	

ĐÁP ÁN

Bảng kê về các cột mốc thời gian và các sự kiện quan trọng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất:

Thời gian	Sự kiện
28/6/1914	Hoàng thân thừa kế ngôi vua Áo – Hung bị một phần tử khủng bố Xécbi ám sát.
28/7/1914	Áo – Hung đánh chiếm Xécbi, châm ngòi cho chiến tranh bùng nổ.
01/8/1914	Đức tuyên chiến với Nga.
03/8/1914	Đức tuyên chiến với Pháp.
04/8/1914	Anh tuyên chiến với Đức.
09/11/1918	Cách mạng bùng nổ ở Đức, lật đổ nền quân chủ, thành lập chế độ cộng hoà.
11/11/1918	Chính phủ mới ở Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
28/6/1919	Hoà ước Vécxai được kí kết.

(Đề thi chính thức năm 2004)

Câu 63:

Trình bày quan hệ quốc tế trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.
Diễn biến và kết quả của chiến tranh.

ĐÁP ÁN

a. Quan hệ quốc tế trước chiến tranh thế giới thứ nhất:

– Cuối thế kỉ XIX, hầu hết đất đai trên thế giới đã bị các nước đế quốc phát triển sớm cướp đoạt, do đó nảy sinh cuộc đấu tranh gay gắt để chia lại thế giới giữa các nước đế quốc.

– Sự ra đời và tiến lên chủ nghĩa đế quốc ở nước Đức: thái độ hung hãn trở thành đầu mối của mọi mâu thuẫn, mọi tranh chấp.

– Hai khối đế quốc ra đời: khối Liên minh (năm 1882) và khối Hiệp ước (năm 1907), ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh.

– Những cuộc chiến tranh đế quốc diễn ra trước Chiến tranh thế giới thứ nhất:

+ Chiến tranh Mĩ – Tây Ban Nha (1898) nhằm giành Cuba và Philíppin,...

+ Chiến tranh Anh -Bôơ (1899 – 1902) ở Nam Phi.

+ Tám nước đế quốc tấn công Bắc Kinh (1900).

+ Chiến tranh Trung – Nhật (1904 – 1905)

b. Diễn biến chiến tranh:

– Nguyên nhân:

+ Cả hai khối Liên minh và Hiệp ước đều muốn thanh toán đối phương của mình để làm bá chủ thế giới. Mặt khác, lợi dụng chiến tranh đàn áp phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc.

+ Ngày 28/6/1914, Hoàng thân thừa kế ngôi vua Áo – Hung bị ám sát ở Xécbi.

+ Ngày 28/7/1914, Áo – Hung đánh chiếm Xécbi châm ngòi cho chiến tranh bùng nổ.

– Diễn biến (qua hai giai đoạn):

+ Giai đoạn 1 (1914 – 1916), ưu thế thuộc về phe Liên minh.

• Năm 1914, Đức tấn công Tây Âu (Bỉ, Pháp).

• Năm 1915, Đức tấn công sang mặt trận phía Đông (Nga).

• Năm 1916, Đức trở lại tấn công Tây Âu (Pháp).

Trong giai đoạn này, chiến tranh gây ra nhiều tổn thất, do đó phong trào chống chiến tranh bùng lên ở các nước đế quốc. Tại Nga, Lênin và những người Bôn-sê-vích kêu gọi giai cấp công nhân Nga và các nước “biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”.

+ Giai đoạn 2 (1917 – 1918), ưu thế thuộc về phe Hiệp ước.

• Năm 1917, chiến sự chủ yếu ở Tây Âu, quân Nga liên tiếp thất bại, Mĩ tham chiến về phe Hiệp ước để được chia phần sau chiến tranh.

• Năm 1918, quân Anh – Pháp phản công, tổng tấn công khắp các mặt trận. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng. Ngày 11/11/1918, Đức đầu hàng. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

Trong giai đoạn này, sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, Nhà nước Xô viết kí Hoà ước với Đức (rút khỏi chiến tranh ngày 3/3/1918).

c. Kết quả của chiến tranh: (xem đáp án câu 61-d)

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

Câu 64:

Hãy lập niên biểu diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).

ĐÁP ÁN

Niên biểu diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất:

Thời gian	Chiến sự	Kết quả
a) Giai đoạn 1: (1914 – 1916)	Ưu thế thuộc về phe liên minh (Đức, Áo – Hung).	Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ từ 5 nước lan ra 38 nước và nhiều thuộc địa.
Ngày 28/7/1914	Áo – Hung đánh Xécbi chiến tranh bùng nổ.	
Từ ngày 1/8 đến ngày 4/8/1914	Đức tuyên chiến với Nga rồi Pháp; Anh tuyên chiến với Đức.	Đức bị chặn đánh ở sông Mácơơ, kế hoạch “chớp nhoáng” bị thất bại.
Mùa thu năm 1914	Đức dùng kế hoạch “chớp nhoáng” chiếm Bỉ, uy hiếp Paris nhưng Nga tấn công Đông Phổ cứu nguy cho Pháp.	Đức chiếm Bỉ và 10 quận Đông Bắc Pháp.
Cuối năm 1914	Ở phía Tây, phe Liên minh và Hiệp ước cầm cự dai dẳng.	Đức – Nga cầm cự từ sông Đơnhiep đến vịnh Riga.
Năm 1915	Đức, Áo – Hung tấn công Nga quyết liệt.	Đức thất bại, hai phe tổn thất 95 vạn quân.

Năm 1916	Đức tấn công pháo đài Vécđoong của Pháp. Nga đánh thắng Áo – Hung.	Tình thế cách mạng xuất hiện ở nhiều nước, Lênin đưa ra khẩu hiệu: “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”.
Cuối năm 1916	Chỉ có nhân dân chịu nhiều tai họa chiến tranh → phong trào đấu tranh bãi công phát triển.	
Tháng 2/1917	Cách mạng dân chủ tư sản Nga thắng lợi.	
b) Giai đoạn 2: (1917 – 1918)	Ưu thế thuộc về phe Hiệp ước (Anh, Pháp, Mĩ).	Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh.
Đầu năm 1917	Nga thất bại liên tiếp, Anh, Pháp vẫn không đè bẹp được Đức.	
Tháng 4/1917	Mĩ tham chiến cạnh phe Hiệp ước để được chia phần sau chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng.	Chính quyền Xô viết được thành lập, mở ra kỉ nguyên từ chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Phong trào cách mạng thế giới ngày càng phát triển.
Tháng 11-1917	Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Nga.	Nước Nga rút khỏi chiến tranh để có thời gian củng cố lực lượng. Đức phản công ở mặt trận Tây Âu nhưng thất bại. Pháp, Bỉ được giải phóng.

Ngày 3/3/1918	Nước Nga kí với Đức Hoà ước Brétlitốp.	
Tháng 7/1918	Anh, Pháp, Mĩ tổng phản công quân Đức ở các mặt trận.	
Tháng 9/1918	Đức khủng hoảng mọi mặt, mâu thuẫn xã hội gay gắt, phong trào đấu tranh phát triển.	Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng (Bungari tháng 9, Thổ Nhĩ Kỳ tháng 10, Áo – Hung tháng 11).
Ngày 9/11/1918	Cách mạng Đức bùng nổ.	Nền thống trị của phong kiến, tư sản lung lay, vô sản lật đổ nền quân chủ, lập nền cộng hoà.
Ngày 11/11/1918	Chính phủ mới của Đức đầu hàng vô điều kiện.	Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, phe Liên minh thất bại.
Ngày 28/6/1919	27 nước đế quốc thắng trận và bại trận kí Hoà ước Vécxai → xâm phạm nghiêm trọng lãnh thổ, chủ quyền dân tộc, kinh tế của các nước bại trận.	Tạo mâu thuẫn mới giữa các đế quốc, tiền đề cho một cuộc chiến tranh thế giới mới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền)

Câu 65:

Dựa vào nguyên nhân, tính chất và kết quả của chiến tranh thế giới thứ nhất, hãy làm rõ nhận định: “Chiến tranh thế giới thứ nhất là kết quả lôgic của mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, là cuộc chiến tranh đế quốc lớn, gây nhiều tai hoạ cho nhân loại”.

ĐÁP ÁN

Xem đáp án câu 61 và 63 để chứng minh nhận định.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Bến Tre)

Câu 66:

Hãy chứng minh rằng Chiến tranh thế giới thứ nhất là cách giải quyết hợp quy luật về mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc, và chiến tranh tạo thêm điều kiện cho cách mạng vô sản thắng lợi ở khâu yếu nhất của hệ thống đế quốc.

ĐÁP ÁN

a. Chiến tranh thế giới thứ nhất là cách giải quyết hợp quy luật về mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc:

– Chủ nghĩa đế quốc ra đời là do sự phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản, kinh tế của các nước này lại phát triển theo quy luật không đồng đều. Các nước tư bản phát triển sớm có nhiều thuộc địa, các nước tư bản phát triển muộn ít thuộc địa. Các nước tư bản phát triển muộn muốn chia lại thế giới bằng con đường chiến tranh, hung hăng nhất là đế quốc Đức.

– Thực tế về sự cần thiết của thị trường đối với Đức quá lớn, nên Đức liên minh với Italia, Áo – Hung hình thành một khối quân sự. Các đế quốc còn lại dù muốn hay không cũng phải hình thành khối quân sự đối lập, khối Hiệp ước ra đời (đứng đầu là các nước Anh, Pháp, Nga).

– Nhân cơ hội Hoàng thân thừa kế ngôi vua Áo – Hung bị ám sát ở Xécbi (Xécbi được phe Hiệp ước ủng hộ), Đức xúi giục Áo – Hung đem quân đánh Xécbi, chiến tranh bùng nổ. Như vậy, chứng tỏ chiến tranh là cách giải quyết mâu thuẫn giữa các đế quốc.

b. Chiến tranh tạo thêm điều kiện cho cách mạng vô sản thắng lợi ở khâu yếu nhất của hệ thống đế quốc:

– Thực tế lịch sử đã chứng tỏ: Tình hình Nga vào cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng, và đến đầu thế kỉ XX chuyển sang giai đoạn độc quyền chính là tiền đề dẫn đến cách mạng vô sản.

+ Về kinh tế tư bản: công thương nghiệp phát triển đòi hỏi phải có thị trường. Nga tham gia vào Chiến tranh thế giới để chia lại thị trường thế giới.

+ Mặt khác nền quân chủ chuyên chế của Nga hoàng vẫn tồn tại, thối nát, bóc lột thậm tệ đối với nhân dân. Nhân dân nghèo đói, nổi dậy chống chính quyền.

+ Trong khi đó, quân đội Nga tham chiến liên tiếp bị bại trận, ngân khố hao tổn, thiệt hại nhiều sinh mạng nhân dân. Nước Nga là nơi tập trung nhiều mâu thuẫn nhất: đế quốc mâu thuẫn với đế quốc, nhân dân mâu thuẫn với chính quyền, tư sản mâu thuẫn với vô sản,... Nước Nga là khâu yếu trong chuỗi mắt xích của chủ nghĩa đế quốc, nơi mà cách mạng vô sản có thể chặt đứt hệ thống đế quốc.

– Thực tế cách mạng Nga đã diễn ra:

+ Giai cấp vô sản và nhân dân được Lênin giác ngộ tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học, thực tế lúc đó chỉ cho quần chúng thấy rằng chỉ có làm cách mạng mới có lối thoát.

+ Lênin kêu gọi: “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”. Cách mạng tháng Hai thành công, chính quyền Nga hoàng sụp đổ.

+ Trước tình trạng hai chính quyền song song tồn tại ở Nga, Lênin lại chủ trương: “Tất cả chính quyền về tay Xô viết”. Cách mạng tháng Mười thành công vang dội, giai cấp vô sản lên nắm quyền ở 1/6 địa cầu. Như vậy, cách mạng giành được thắng lợi ở khâu yếu nhất của hệ thống đế quốc (nước Nga) vào năm 1917, đúng lúc Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra.

Ngoài ra, cách mạng vô sản còn nổ ra ở Đức, Italia, Pháp,... nhưng tiêu biểu và thành công nhất là ở nước Nga.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Hoàng Lê Kha)

Câu 67:

Hãy phân tích nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Qua đó, lập bảng biên niên các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và kết quả của nó.

ĐÁP ÁN

a. Nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của Chiến tranh thế giới thứ nhất:

– Nguồn gốc sâu xa: Tác động của quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của các nước đế quốc là nguồn gốc gây ra mâu thuẫn giữa các nước đế quốc quanh vấn đề thuộc địa.

+ Hai “đế quốc già” là Anh và Pháp có nhiều thuộc địa rộng lớn, dân cư đông, nhiều nguyên liệu, của cải.

+ Còn các nước “đế quốc trẻ” là Mĩ, Đức, Nhật mới phát triển từ 30 năm cuối thế kỉ XIX, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng thuộc địa lại quá ít. Trong khi đó, hầu hết đất đai trên thế giới đã bị xâm chiếm, không còn “đất trống” nữa.

+ Điều đó dẫn đến sự giành giật gay gắt về thuộc địa, bùng nổ nhiều cuộc chiến tranh cục bộ để sau cùng dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm cướp đoạt thuộc địa của nhau.

Như vậy, việc tranh chấp thuộc địa giữa các nước đế quốc là nguồn gốc sâu xa của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– Nguyên nhân trực tiếp: Mùa hè năm 1914, bầu không khí quan hệ quốc tế ở châu Âu trở nên hết sức ngột ngạt:

+ Xécbi là quốc gia của người Xlavo ở vùng Bancăng bị đế quốc Áo – Hung thống trị. Một phần tử khủng bố Xécbi thuộc tổ chức bí mật “Bàn tay đen” đã ám sát Hoàng thân Áo – Hung là Phơăngxo Phécđinăng khi ông ta đang thăm Bốt-xnia.

+ Nhân sự kiện này, ngày 28/7/1914, Áo – Hung tuyên chiến với Xécbi; ngày 1/8, Đức tuyên chiến với Nga; ngày 3/8, Đức tuyên chiến với Pháp và ngày 4/8, Anh tuyên chiến với Đức. Như vậy, trong vòng 1 tuần lễ, các nước đế quốc của 2 khối quân sự đều tham chiến,... Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

b. Bảng biên niên các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và kết quả của nó:

Năm	Các nước tham chiến	Kết quả chiến tranh
1894 – 1895	Trung– Nhật.	Nhật chiếm được Triều Tiên, Mãn Châu, Bành Hồ, Đài Loan,... và 300 triệu lạng bạc.
1898	Mĩ – Tây Ban Nha.	Mĩ chiếm được Philíppin, Cuba, Haoai, Guyan, Puécô Ricô.
1899 – 1902	Anh – Bôơ.	Anh chiếm được Nam Phi.
1904 – 1905	Nga – Nhật.	Nhật gạt bỏ ảnh hưởng của Nga. Khẳng định quyền thống trị ở Mãn Châu, Triều Tiên và một số đảo ở Nam Xakhalin.
1912	Liên minh Bancăng – Thổ Nhĩ Kỳ.	Liên minh Bancăng chiến thắng (Xécbi, Môngtênêgôrô, Bungari, Hi Lạp).
1913	Bungari – Xécbi, Hi Lạp.	Xécbi được Nga ủng hộ chiến thắng. Nga mâu thuẫn với Đức, Áo – Hung.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chu Văn An)

Câu 68:

Trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có sự đối đầu của hai khối đế quốc. Hãy nêu những nội dung cơ bản của các hiệp ước dẫn đến sự hình thành hai khối đế quốc đó.

ĐÁP ÁN

Các nội dung cơ bản của các hiệp ước dẫn đến sự hình thành hai khối đế quốc:

a. Hiệp ước đồng minh:

– Giữa Đức, Áo – Hung, được kí kết tháng 10/1879 quy định: Nếu một nước bị Nga tấn công thì nước kia có nghĩa vụ mang toàn bộ binh lực hỗ trợ. Phía Đức cho rằng, đây là một liên minh để đối phó với

Pháp. Phía Áo – Hung cho rằng, đây là một liên minh chống Nga. Hiệp ước được giữ bí mật.

– Phía Hiệp ước ba nước:

Giữa Đức, Áo – Hung và Italia, được kí kết vào tháng 5/1882, Đức và Italia thoả thuận khi có chiến tranh với Pháp sẽ giúp đỡ nhau bằng quân sự. Ba nước cam kết khi có chiến tranh với nước khác, thì các thành viên còn lại phải trung lập. Nếu một nước chống hai kẻ thù, thì những nước kia có nghĩa vụ viện trợ quân sự. (Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ thì Italia rút khỏi liên minh này).

b. Hiệp ước tay đôi:

– Giữa Anh và Pháp được kí kết ngày 8/4/1904, xác định Pháp thừa nhận Anh chiếm Ai Cập, Anh thừa nhận cho Pháp chiếm Maroc. Về hình thức, đây là một văn bản trao đổi thuộc địa, nhưng thực chất là một hiệp ước đồng minh làm cho quan hệ Anh – Pháp gắn bó với nhau.

– Hiệp ước giữa Anh và Nga ngày 31/8/1907, trong đó thừa nhận Nga chiếm Tuốc-mê-ni-a, Anh chiếm Á-p-gan-xi-tan. Hai nước chia đôi ảnh hưởng ở Iran và quy định Tây Tạng phải trả về Trung Quốc, không thuộc bên nào. Cùng nhau chống phá phong trào cách mạng ở phương Đông.

Khối 3 nước Hiệp ước Anh, Pháp, Nga được hình thành bằng những hiệp ước tay đôi.

Như vậy, qua việc kí các hiệp ước ở châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối lập. Đó là Đức, Áo – Hung, Italia và Anh, Pháp, Nga.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Du)

Câu 69:

Phân tích sách lược của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đối với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

ĐÁP ÁN

Sách lược của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích:

– Trong suốt thời gian diễn ra Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng Bôn-sê-vích do Lênin lãnh đạo không bị dao động, vẫn trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đảng Bôn-sê-vích đã giương cao ngọn cờ đấu tranh kiên quyết chống chiến tranh đế quốc và chống chủ nghĩa xã hội Sô-vanh.

– Căn cứ vào nguyên lí của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề chiến tranh, Đảng Bôn-sê-vích đã đề ra sách lược của mình đối với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, đối với Chính phủ Nga hoàng. Trung ương Đảng Xã hội Dân chủ Nga đã ra một bản tuyên ngôn chống chiến tranh, trong đó nêu lên hai khẩu hiệu: “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng” và “Làm cho chính phủ mình thất bại trong chiến tranh đế quốc”.

+ Khẩu hiệu biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng có ý nghĩa là quần chúng lao động các nước đế quốc, trước hết là công nhân, nông dân mặc áo lính phải quay súng chống lại các chính phủ tư sản nước mình, làm cách mạng lật đổ các chính phủ nước mình, chứ không phải chống lại anh em mình ở các nước khác.

+ Khẩu hiệu làm cho chính phủ tư sản nước mình thất bại là biểu hiện của chủ nghĩa quốc tế vô sản vì nó xuất phát từ lợi ích của cách mạng vô sản thế giới, đồng thời là biểu hiện của lòng yêu nước chân chính của những người Bôn-sê-vích.

+ Đó là sách lược duy nhất đúng đắn lúc bấy giờ, vì nó căn cứ vào tính chất đế quốc của cuộc chiến tranh, xuất phát từ sự trung thành đối với lợi ích của giai cấp vô sản và tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đảng Bôn-sê-vích không chỉ kêu gọi chống chiến tranh, đình chỉ chiến tranh, mà còn kêu gọi lợi dụng những khó khăn do chiến tranh gây ra để lật đổ chính quyền Nga hoàng, kêu gọi giai cấp vô sản và quần chúng các nước cùng đứng lên đấu tranh cách mạng. Kêu gọi binh lính quay súng chống chính phủ đế quốc nước mình, đòi hoà bình, chính nghĩa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chu Văn An)

Câu 70:

Trình bày nguyên nhân chính dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).

Hãy giải thích nhận xét của Lênin về Chiến tranh thế giới thứ nhất: “Trong cuộc chiến tranh này, chín mươi chín phần trăm là phi nghĩa...”.

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân: (xem đáp án câu 67-a)

b. Giải thích nhận xét của Lênin về Chiến tranh thế giới thứ nhất:

– Đây là cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc, chỉ đem lại nguồn lợi cho giai cấp tư sản cầm quyền.

– Là cuộc chiến tranh xâm lược nhằm cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của đối phương.

– Là cuộc chiến tranh phi nghĩa: cả hai phe tham chiến đều phi nghĩa, tổn phí và hậu quả của nó đè nặng lên đời sống của người dân lao động và nhân dân thuộc địa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Khiết)

Câu 71:

Nguyên nhân, tính chất và kết quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất? Vì sao nói nền hoà bình do Hiệp ước Vécxai đem lại không phải là một nền hoà bình công bằng bền vững?

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân, tính chất và kết quả: (xem đáp án câu 61)

b. Nền hoà bình do Hiệp ước Vécxai đem lại không phải là một nền hoà bình công bằng và bền vững vì:

Hiệp ước Vécxai làm cho mâu thuẫn giữa các đế quốc càng thêm gay gắt vì các nước đế quốc thắng trận thu được nhiều món lợi lớn (Anh, Pháp, Mĩ), còn các nước bại trận chịu những điều khoản ràng buộc rất nặng nề.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn)

Câu 72:

Hãy trình bày khái quát những sự kiện quan trọng đã xảy ra trong 20 năm đầu của thế kỉ XX. Theo em, sự kiện nào quan trọng nhất, vì sao?

ĐÁP ÁN

a. Nêu khái quát những sự kiện quan trọng:

– Chủ nghĩa đế quốc đã trở thành nguy cơ mang lại nhiều thảm hoạ cho nhân loại (học sinh phân tích sự xuất hiện của chủ nghĩa đế quốc gây hiểm hoạ đối với các dân tộc, nhân dân lao động trên thế giới).

– Chủ nghĩa đế quốc Âu – Mĩ đã phân chia xong các thuộc địa và đang trở thành sợi dây xích siết chặt các dân tộc và nhân dân lao động trên thế giới.

– Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa các thế lực đế quốc mới (Đức, Áo – Hung) và các đế quốc (Anh, Pháp, Nga) dẫn đến sự hình thành hai khối Liên minh và Hiệp ước, mầm mống của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– Cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên nổ ra giữa Nga và Nhật (1904 – 1905).

– Cuộc cách mạng tư sản kiểu mới nổ ra ở Nga năm 1905. Lần đầu tiên giai cấp vô sản đứng ra làm cuộc cách mạng tư sản để xoá bỏ chế độ phong kiến ở Nga và tự mình xây dựng một chế độ xã hội mới.

– Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), nổ ra nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa hai thế lực đế quốc. Cụ thể là hai khối quân sự – chính trị (khối Liên minh và khối Hiệp ước). (Học sinh nêu khái quát về cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và kết quả của nó).

– Cuộc Cách mạng vô sản Nga năm 1917 (học sinh trình bày ngắn gọn nguyên nhân nổ ra, thành quả, tính chất và đặc điểm của cuộc cách mạng).

b. Sự kiện quan trọng nhất là cuộc Cách mạng vô sản Nga năm 1917 (Học sinh có thể nêu các yêu cầu sau):

– Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thắng lợi ở Nga và trên thế giới, lật đổ chế độ phong kiến và chính quyền tư sản của nước Nga. Xây dựng một chính quyền hoàn toàn mới: Chính quyền của những người lao động – chính quyền của công nhân và nông dân.

– Cách mạng vô sản Nga năm 1917 là bước ngoặt lịch sử vĩ đại, nó kết thúc lịch sử cận đại và mở đầu lịch sử hiện đại của thế giới – mở ra thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

– Từ sau cách mạng vô sản Nga, chủ nghĩa đế quốc đi vào thời kì suy yếu, phong trào cách mạng thế giới đã có những thành tựu to lớn, nhất là phong trào cách mạng ở các thuộc địa.

– Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có được chỗ dựa vững chắc: đó là lí luận chủ nghĩa Mác – Lênin và sự trợ giúp chân thành, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Tiền Giang)

CHƯƠNG VI

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917

Câu 73:

Qua diễn biến của cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pêtorôgrát, hãy làm sáng tỏ vai trò của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đối với Cách mạng tháng Mười.

ĐÁP ÁN

– Tuy ở xa quê hương nhưng Lênin bằng thiên tài của mình, đã nhận định rằng những điều kiện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang thắng lợi đã chín muồi, chủ trương tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và vạch ra một kế hoạch tài tình cho cuộc khởi nghĩa ở Pêtorôgrát. (Những bức thư Lênin gửi cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Bôn-sê-vích).

– Việc Lênin quyết định chuyển thời gian khởi nghĩa vào sáng ngày 25/10 sang đêm 24/10 đã tạo nên yếu tố bất ngờ đối với kẻ thù, dẫn đến cách mạng nhanh chóng thắng lợi mà không gặp phải tổn thất nào đáng kể (khống chế hầu khắp thủ đô Pêtorôgrát, bao vây Chính phủ tư sản trong Cung điện Mùa Đông).

– Kế hoạch khởi nghĩa tài tình do Lênin vạch ra: tập trung ưu thế lực lượng đánh chiếm những vị trí then chốt như nhà ga, sở bưu điện, tổng đài điện thoại, trụ sở, các cầu bắc qua sông Nêva.

– Đêm ngày 25/10: Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc, tuyên bố nước Nga là nước Cộng hoà Xô viết của công nhân và nông dân, thành lập Chính phủ Xô viết do Lênin đứng đầu, nhanh chóng tổ chức ổn định tình hình, giải quyết những yêu cầu cấp bách của vô sản Nga, để đối phó những tình thế mới, khó khăn, phức tạp hơn, bảo vệ vững chắc thành quả Cách mạng tháng Mười.

(Đề thi chính thức năm 2000)

Câu 74:

a. Hãy trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga.

b. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng này đối với Cách mạng Việt Nam?

ĐÁP ÁN

a. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử:

– Nguyên nhân:

+ Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, động viên giai cấp công nhân, nông dân và một bộ phận binh lính đứng lên làm cách mạng, tự giải phóng khỏi ách thống trị và bóc lột của giai cấp tư sản, địa chủ, trở thành người chủ đất nước, xã hội.

+ Sức mạnh của khối đoàn kết công – nông và tài năng lãnh đạo của những người cộng sản đã đưa đất nước vượt qua được cơn thử thách nguy hiểm, đã lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản, đập tan sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động trong nước.

– Ý nghĩa lịch sử:

+ Đập tan ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở nước Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, cách mạng đưa công nhân, nông dân lên nắm chính quyền, xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

+ Đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở một khâu quan trọng của nó là đế quốc Nga, làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.

+ Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

+ Cung cấp cho phong trào cách mạng thế giới những bài học kinh nghiệm quý giá.

+ Đi vào lịch sử nhân loại như một sự kiện trọng đại, mở đầu cho một thời kì mới: Thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

b. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt Nam:

– Năm 1920, sau khi đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam – đi

theo Cách mạng tháng Mười Nga (1917). Con đường cứu nước cụ thể là kết hợp phong trào công nhân và phong trào yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

– Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”¹ được sự huấn luyện giảng dạy trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc đã nâng cao ý thức chính trị cho thanh niên Việt Nam. Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc vạch trần tội ác của thực dân Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh nghiệm tổ chức Đảng vô sản kiểu mới ở Nga.

– Cách mạng tháng Mười Nga (1917) đã ảnh hưởng đến Việt Nam thông qua con đường sách báo bí mật, qua các thanh niên tiến bộ dự lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

– Từ kinh nghiệm thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga là được sự lãnh đạo của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, tiền thân của Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (ngày 3/2/1930) lãnh đạo Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác: Cách mạng tháng Tám (năm 1945), chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954) và chiến thắng mùa Xuân (năm 1975).

Trong các cuộc cách mạng này, Đảng ta cũng học tập kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Mười Nga là đoàn kết công – nông – binh thành một khối để tạo nên sức mạnh vĩ đại.

(Để thi chính thức năm 2001)

Câu 75:

Bằng những sự kiện đã học trong bài “Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga”, em hãy giải thích và chứng minh:

a. Tại sao sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, Đảng Bôn-sê-vích chủ trương phát triển cách mạng bằng phương pháp hoà bình? Tại sao nói đó là một khả năng rất quý nhưng rất hiếm có trong lịch sử?

¹ Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, 1998.

b. Tại sao sau sự kiện tháng 7/1917, khả năng phát triển cách mạng bằng phương pháp hoà bình không còn nữa? Đảng Bôn-sê-vích đã chuyển hướng sách lược đấu tranh một cách sáng suốt như thế nào?

ĐÁP ÁN

a. Sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, Đảng Bôn-sê-vích chủ trương phát triển cách mạng bằng phương pháp hoà bình vì:

– Cục diện nước Nga hình thành hai chính quyền song song tồn tại: Chính quyền tư sản và Chính quyền Xô viết. Giai cấp tư sản chưa dám sử dụng bạo lực đối với quần chúng.

– Đây là một khả năng rất quý nhưng rất hiếm có trong lịch sử nước Nga vì:

+ Vũ khí nằm trong tay nhân dân mà nhân dân lại ủng hộ các Xô viết.

+ Đảng Bôn-sê-vích hoạt động công khai hợp pháp, chủ trương dùng phương pháp đấu tranh hoà bình để giành chính quyền về tay các Xô viết.

b. Sau sự kiện tháng 7/1917, khả năng phát triển cách mạng bằng phương pháp hoà bình không còn nữa vì:

– Tháng 7/1917, 50 vạn người biểu tình ở Pê-tơ-rô-grát đòi lật đổ Chính phủ đã bị đàn áp đẫm máu. Chính phủ lâm thời ra lệnh đàn áp Đảng Bôn-sê-vích và lùng bắt Lênin.

– Sự kiện tháng 7/1917, đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Nga. Do đó, Lênin quyết định chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.

Đảng Bôn-sê-vích đã chuyển hướng sách lược đấu tranh một cách sáng suốt, cụ thể là:

– Thực hiện quá trình Bôn-sê-vích hoá các Xô viết.

– Vạch trần bộ mặt phản bội của bọn Mensê-vích và Xã hội cách mạng.

– Tích cực chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: Đại hội Đảng lần thứ tư quyết định giành chính quyền bằng khởi nghĩa vũ trang.

(Đề thi chính thức năm 2002)

Câu 76:

Tường thuật diễn biến, nêu tính chất của cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga. Tại sao sau cách mạng lại có hiện tượng hai chính quyền song song tồn tại?

ĐÁP ÁN

a. Diễn biến Cách mạng tháng Hai năm 1917:

– Ngày 9/1/1917, kỉ niệm ngày chủ nhật đẫm máu, toàn thể công nhân Pêtrôgrát đã xuống đường biểu tình phản đối chiến tranh, mở đầu cho cách mạng dân chủ tư sản tháng 2/1917.

– Từ ngày 17 đến ngày 18/2, công nhân xưởng Putilốp bãi công.

– Ngày 23/2, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Bôn-sê-vích, gần 9 vạn công nhân của 50 xí nghiệp ở Pêtrôgrát bãi công.

– Ngày 24/2, cuộc bãi công thu hút 20 vạn người tham gia.

– Ngày 25/2, chuyển thành tổng bãi công. Chính phủ Nga hoàng ra sức trấn áp nhưng làn sóng đấu tranh ngày càng dâng cao.

– Ngày 26/2, từ tổng bãi công chuyển lên khởi nghĩa vũ trang.

– Ngày 27/2, khởi nghĩa lan khắp thủ đô Pêtrôgrát, các Xô viết đại biểu công nhân và binh lính ra đời.

– Chiều 27/2, Hội nghị các Xô viết đại biểu toàn Pêtrôgrát họp bầu ra cơ quan lãnh đạo thống nhất: Xô viết đại biểu công nhân và binh lính Pêtrôgrát làm chức năng của một chính quyền nhà nước.

– Cùng lúc ấy, giai cấp tư sản cũng vận động để nắm chính quyền, được những người Mensêvích trong Xô viết Pêtrôgrát ủng hộ đã thành lập Chính phủ lâm thời (Nga hoàng Nicôlai II bị truất ngôi, Chính phủ lâm thời do Hoàng thân Lơvốp đứng đầu).

Như vậy, sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, ở Nga có hai chính quyền song song tồn tại: Chính phủ lâm thời (tư sản) và Chính quyền của giai cấp công – nông là các Xô viết. Điều này cho thấy tính chất của Cách mạng tháng Hai là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

b. Hiện tượng hai chính quyền song song tồn tại vì:

– Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản đang nắm trong tay bộ máy nhà nước.

– Còn chính quyền có tính chất bổ sung, bổ trợ là chính quyền giám sát mà đại diện là các Xô viết đại biểu công nhân và binh lính ở các địa phương. Chính quyền này không nắm bộ máy nhà nước nhưng nó có sức mạnh vì được sự ủng hộ của tuyệt đại đa số quần chúng, đặc biệt họ được vũ trang.

– Trên cơ sở một nền kinh tế không thể có hai chính quyền. Hiện tượng hai chính quyền song song tồn tại chỉ diễn ra trong một hoàn cảnh đặc biệt. Trước hết, do tương quan lực lượng giai cấp vô sản chưa đủ mạnh để một mình nắm chính quyền. Bọn Mensêvích và Xã hội cách mạng sau khi nắm chính quyền đã nhường cho giai cấp tư sản. Còn tư sản cũng chưa đủ mạnh để một mình nắm chính quyền nên nó phải dựa vào sự ủng hộ của các Xô viết và mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại đó.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Bến Tre)

Câu 77:

Nêu diễn biến Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga. Vì sao giai cấp công nhân Nga chưa nắm được chính quyền trong Cách mạng tháng Hai?

ĐÁP ÁN

a. Diễn biến Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga: (xem đáp án câu 76-a)

b. Giai cấp công nhân Nga chưa nắm được chính quyền trong Cách mạng tháng Hai vì:

- Lúc này, Lênin và các lãnh tụ Đảng Bôn-sê-vích đang ở nước ngoài.
- Giai cấp vô sản chưa đủ mạnh để nắm chính quyền.
- Chính quyền của giai cấp tư sản đang nắm trong tay bộ máy nhà nước.
- Phái Mensêvích và Xã hội cách mạng sau khi có chính quyền đã nhường cho giai cấp tư sản.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Hùng Vương)

Câu 78:

Vì sao Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản? Mối quan hệ giữa cách mạng dân chủ tư sản

kiểu mới với cách mạng xã hội chủ nghĩa như thế nào? Mối quan hệ đó đã được thể hiện ở Nga vào năm 1917 ra sao?

ĐÁP ÁN

a. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là cách mạng dân chủ tư sản: Vì đã thực hiện nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

Nhiệm vụ đặt ra cho cuộc cách mạng là giai cấp nông dân và đông đảo quần chúng nhân dân lao động, ngoài ra còn có binh lính.

b. Mối quan hệ giữa cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới với cách mạng xã hội chủ nghĩa:

– Theo lí luận cụ thể của chủ nghĩa Mác – Lênin, giữa cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và cách mạng xã hội chủ nghĩa không có bức tường ngăn cách. Vì mục đích cuối cùng của giai cấp công nhân là lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nền chuyên chính vô sản.

– Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới là thời kì chuẩn bị để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

c. Cụ thể ở Nga:

– Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 thắng lợi, lật đổ nền quân chủ chuyên chế Nga hoàng nhưng quyền lực lại rơi vào tay giai cấp tư sản.

– Trước tình hình đó, Lênin về nước vào tháng 4/1917 để lãnh đạo cách mạng. Người đã đọc Luận cương tháng Tư tại hội nghị Đảng Bôn-sê-vích, nêu lên nhiệm vụ: phải chuyển Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa và giành lấy “toàn bộ chính quyền về tay Xô viết”.

– Nhờ sự lãnh đạo kịp thời của Đảng Bôn-sê-vích đứng đầu là Lênin, nên Cách mạng tháng Mười Nga đã diễn ra nhanh chóng và giành thắng lợi hoàn toàn, thiết lập nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn)

Câu 79:

Phân tích chủ trương của Lênin trong việc chỉ đạo Cách mạng tháng Mười Nga từ tháng 4/1917 đến tháng 7/1917.

ĐÁP ÁN

a. Hoàn cảnh: Sau Cách mạng tháng Hai năm 1917, nước Nga xuất hiện tình trạng hai chính quyền song song tồn tại:

- Chính quyền của giai cấp tư sản (Chính phủ lâm thời).
- Chính quyền của giai cấp công nhân và nông dân (Chính quyền Xô viết).
- Trong đó chính quyền tư sản chiếm ưu thế. Vì thế, từ Thụy Sĩ về nước, Lênin quyết định chuyển cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa trong bản Luận cương tháng Tư (1917).

b. Chủ trương:

"Tuyệt đối không ủng hộ Chính phủ lâm thời", thực hiện phương pháp đấu tranh hoà bình với khẩu hiệu: "Tất cả chính quyền về tay các Xô viết", nhằm vận động, tuyên truyền, giác ngộ quần chúng ủng hộ cách mạng, vạch mặt bọn tư sản phản động.

c. Nhận xét: Đây là chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Lênin, vì trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, khả năng đấu tranh hoà bình có thể thực hiện được:

- Quần chúng nhân dân có trong tay chính quyền của mình là các Xô viết.
- Giai cấp tư sản chưa dám dùng bạo lực với quần chúng.
- Hơn nữa, vũ khí đang nằm trong tay nhân dân mà nhân dân lại ủng hộ các Xô viết.
- Đảng Bôn-sê-vích lại có quyền hoạt động công khai trong quần chúng.
- Thực hiện khả năng đấu tranh hoà bình thì rất quý vì nó đỡ tổn xương máu cho nhân dân.
- Chủ trương trên đúng đắn nên đã phát huy tác dụng qua sự kiện tháng 7/1917, với 50 vạn quần chúng diễu hành hô to khẩu hiệu "Tất cả chính quyền về tay Xô viết!", "Đả đảo chiến tranh!".
- Điều đó chứng tỏ sự tín nhiệm của quần chúng đối với Đảng và cô lập kẻ thù.

(Đề thi đề nghị của Trường Trung học Chuyên ban Cao Lãnh)

Câu 80:

Trình bày tiền đề và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

ĐÁP ÁN

a. Tiền đề cách mạng:

– Tiền đề kinh tế: Tư bản Nga kém xa các nước tư bản khác. Nông nghiệp vẫn chiếm vai trò quan trọng (97% dân số sản xuất nông nghiệp), nông dân bị Nga hoàng cướp đoạt ruộng đất.

– Tiền đề chính trị: Đầu thế kỉ XX, Nga là nước đế quốc quân phiệt, quyền lực tập trung vào tay phong kiến chuyên chế Nga hoàng, Đảng Bôn-sê-vích ra đời, đấu tranh chống chính quyền Nga hoàng.

– Tiền đề xã hội: Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, nước Nga là nơi tập trung cao nhất những mâu thuẫn của thời đại:

+ Tư sản với vô sản.

+ Đế quốc với đế quốc.

+ Đế quốc với thuộc địa.

+ Nhân dân với Nga hoàng.

Đầu năm 1917, tình thế cách mạng đã xuất hiện ở Nga. Nước Nga có đầy đủ điều kiện khách quan, chủ quan để đưa cách mạng đi đến thắng lợi. Đảng Bôn-sê-vích do Lênin lãnh đạo được tập dượt qua cuộc Cách mạng 1905 – 1907 và Cách mạng tháng Hai (1917), do đó có nhiều bài học kinh nghiệm để đưa Cách mạng tháng Mười đến thành công.

b. Ý nghĩa:

– Đối với nước Nga :

+ Cách mạng tháng Mười đã giải phóng nhân dân Nga và các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga. Đã xóa bỏ mọi ách áp bức bóc lột của dân tộc, đem lại quyền làm chủ cho nhân dân lao động.

+ Cách mạng tháng Mười đã đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới dưới hình thức nhà nước Xô viết, lập ra nền dân chủ kiểu mới.

+ Cách mạng tháng Mười đã đưa nước Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc, cứu nước Nga ra khỏi thảm họa diệt vong.

– Đối với thế giới:

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thành công trên thế giới. Nó mở đầu kỉ nguyên mới trong lịch sử loài người – kỉ nguyên quá độ từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa.

+ Cách mạng tháng Mười thành công đã đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở khâu quan trọng, đó là đế quốc Nga. Hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới không còn như trước nữa.

+ Cách mạng tháng Mười có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh.

Lưu ý: Cách nhìn nhận thành quả của Cách mạng tháng Mười Nga: Hiện nay, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã sụp đổ. Đó là sự thất bại của mô hình xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô chứ không phải là sự sụp đổ của chế độ xã hội – xã hội chủ nghĩa.²

(Để thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lâm Đồng)

Câu 81:

Vì sao nói cách mạng vô sản sẽ nổ ra và thành công ở khâu yếu nhất trong chuỗi các nước đế quốc và khâu yếu nhất đó là nước Nga?

ĐÁP ÁN

– Khâu yếu nhất trong chuỗi các nước đế quốc:

+ Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa đế quốc trở thành hệ thống, chúng cấu kết với nhau thành một thế lực chính trị siết chặt nhân dân lao động ở chính quốc và nhân dân thuộc địa.

+ Muốn bứt tung sợi dây xích đang siết chặt nhân loại đó, trước hết phải tìm nơi nào yếu nhất trong toàn bộ hệ thống của nó. Và theo Lênin, khâu yếu nhất là đế quốc Nga.

² Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu Giáo dục Công dân 72, Nxb Giáo dục, 1994.

- Nước Nga lại là khâu yếu nhất vì:

+ Trong hệ thống tư bản chủ nghĩa ở châu Âu, đế quốc Nga được xem là nước yếu.

+ Mâu thuẫn nội tại ở nước Nga rất phức tạp: nhiều mâu thuẫn của chế độ phong kiến chưa được giải quyết xong (phong kiến với nông dân, phong kiến với tư sản, đế quốc Nga với các dân tộc,...); những mâu thuẫn mới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa (đế quốc với đế quốc; đế quốc với thuộc địa, tư sản với vô sản). Nước Nga là nơi tập trung tất cả những mâu thuẫn đó và ngày càng trở nên nặng nề, gay gắt hơn.

+ Sự thành lập Đảng Bôn-sê-vích cùng với sự lãnh đạo của Lênin. Đây là yếu tố quyết định, là động lực chính chặt đứt khâu yếu nhất (nước Nga) trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Nguyễn Du)

Câu 82:

Hãy trình bày cuộc khởi nghĩa Pê-tơ-rô-grát (tháng 10/1917). Việc xây dựng chính quyền Xô viết và công cuộc chống thù trong giặc ngoài của chính quyền Xô viết và nhân dân Nga đã diễn ra như thế nào?

ĐÁP ÁN

a. Cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grát:

- Sự kiện tháng 7/1917: kết thúc đấu tranh hoà bình, mở đầu giai đoạn khởi nghĩa vũ trang.

- Đầu tháng 7/1917, 6 vạn quân Nga bị tiêu diệt ở Lembe.

- 50 vạn nhân dân ở Pê-tơ-rô-grát biểu tình đòi hoà bình.

- Chính phủ lâm thời đàn áp đẫm máu công nhân - binh lính.

→ Sự kiện tháng 7/1917, đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Nga: quyết định giành chính quyền bằng khởi nghĩa vũ trang.

- Sự kiện tháng 8/1918, giai cấp tư sản Nga đưa tướng Cooc-ni-lốp tổ chức đảo chính (lật đổ Chính phủ tư sản Kê-ren-xki) để lập chế độ độc tài quân sự... bị thất bại.

– Tháng 10/1917, Lênin bí mật từ Phần Lan trở về Pêtorôgrát để lãnh đạo trực tiếp cuộc cách mạng.

– Đêm ngày 24/10, Lênin trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở viện Xmonui: quân khởi nghĩa chiếm toàn bộ Pêtorôgrát chỉ trừ Cung điện Mùa Đông.

– Đêm ngày 25/10 vào lúc 21 giờ 40 phút, chiến hạm Rạng Đông nổ súng lệnh báo hiệu tấn công Cung điện Mùa Đông.

– 2 giờ sáng ngày 26/10, toàn bộ Chính phủ lâm thời tư sản đều bị bắt (trừ thủ tướng Kêrenxki).

– Ngày 25/10, là ngày đi vào Lịch sử, ngày thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

– Ngày 2/11/1917, cách mạng thắng lợi ở Mátxcova.

– Năm 1918, cách mạng giành thắng lợi trên toàn nước Nga rộng lớn.

b. Việc xây dựng chính quyền Xô viết:

– Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai (ngày 25/10).

– Nước Cộng hoà Xô viết của công nhân và nông dân.

– Sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất.

– Ngày 2/11/1917, ra tuyên bố về “Quyền của các dân tộc trong nước Nga”.

– Khẳng định quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

– Nhiệm vụ đầu tiên, quan trọng nhất: đập tan bộ máy nhà nước cũ (tư sản + địa chủ); lập bộ máy nhà nước mới của giai cấp vô sản; Nhà nước Xô viết: toà án nhân dân – công an nhân dân – Hồng quân – xoá bỏ đẳng cấp xã hội phong kiến.

– Thực hiện Sắc lệnh ruộng đất: Hè năm 1918, việc tịch thu ruộng đất của địa chủ hoàn thành – ruộng đất là sở hữu toàn dân.

– Ngày 3/3/1918, kí Hoà ước Brêtlitốp với Đức, đưa nước Nga ra khỏi chiến tranh.

– Tháng 7/1918, Hiến pháp Xô viết ra đời.

c. Chống thù trong – giặc ngoài:

– Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất chấm dứt năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Đức,...) cấu kết với bọn Bạch vệ trong nước để can thiệp vũ trang vào nước Nga Xô viết. Nước Nga Xô viết trong tình trạng hết sức nguy ngập về mọi mặt, đặc biệt là bị phong toả kinh tế.

– Chính phủ Xô viết phải thực hiện: “Chính sách Cộng sản thời chiến” nhằm đưa nước Nga Xô viết vượt qua cơn hiểm nghèo. Nội dung: (xem sách giáo khoa).

– Từ năm 1919 đến năm 1920, Hồng quân lần lượt đánh tan các cuộc tấn công của đế quốc và bọn Bạch vệ: Đênhikin (phía Nam), Iudênhich (phía Bắc), Côn-sắc (phía Đông), tiếp đó đánh tan quân của chính phủ tư sản Ba Lan, quân của tướng Vrăngghen và đánh tan cuộc tấn công can thiệp của 14 nước đế quốc.

Như vậy, nhà nước Xô viết đã được bảo vệ và giữ vững.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong)

Câu 83:

Trình bày vai trò của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích trong việc chỉ đạo nhà nước Xô viết xây dựng và bảo vệ chính quyền sau Cách mạng tháng Mười Nga (1918 – 1920).

ĐÁP ÁN

a. Sau Cách mạng tháng Mười, nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, khó khăn về mọi mặt.

– Trong nước: các lực lượng Bạch vệ, phản động nổi dậy liên kết với đế quốc chống lại cách mạng.

+ Kinh tế kiệt quệ, suy sụp mọi mặt.

+ Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

+ 3/4 lãnh thổ và 60% dân số rơi vào tay kẻ thù.

– Ngoài nước: năm 1918, 14 nước đế quốc tấn công can thiệp vào nước Nga. Từ tình hình trên, nhiệm vụ củng cố, bảo vệ và xây dựng chính quyền Xô viết là yêu cầu cấp thiết.

b. Xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền:

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Lênin phân tích: “chính quyền là vấn đề cốt tử của mọi cuộc cách mạng”, vì vậy trước hết phải xây dựng chính quyền vững mạnh. Người nói: “Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng khó hơn”.

– Xây dựng, củng cố chính quyền: Đảng Bôn-sê-vích và Lênin chỉ đạo Nhà nước Xô viết tích cực xây dựng, củng cố chính quyền, bảo vệ hoà bình, chống đế quốc và nội phản.

– Ngay trong đêm ngày 25/10/1917, Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai được triệu tập tại Viện X-môn-nui, toàn thể đại biểu là Bôn-sê-vích. Đại hội đã tuyên bố:

- + Chính quyền về tay nhân dân.
- + Lênin thông qua sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất.
- + Gấp rút xây dựng nhà nước mới.
- + Thành lập các đơn vị Hồng quân.
- + Ban hành Hiến pháp mới, chuyển thủ đô về Mátxcơva.
- + Khôi phục, phát triển kinh tế: giao thông vận tải, thương mại, ngân hàng,...
- + Chính phủ Xô viết ra bản: “Tuyên bố về quyền các dân tộc Nga”.
- + Thành lập uỷ ban ruộng đất: “chia ruộng đất cho nông dân”.
- Bảo vệ chính quyền Xô viết:
 - + Đề nghị đàm phán hoà bình (Anh, Pháp từ chối).
 - + Tháng 3/1918, Nga kí với Đức Hoà ước Brétlítốp rút nước Nga ra khỏi chiến tranh, tranh thủ thời gian hoà bình để củng cố chính quyền.
 - + Tháng 11/1918, Đức đầu hàng, Chiến tranh thế giới kết thúc. Chính quyền Xô viết tuyên bố xoá bỏ Hoà ước Brétlítốp.
 - + Trước sự tấn công của đế quốc và bọn phản loạn, Chính phủ Xô viết tuyên bố: “Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lâm nguy”, đưa ra khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến”.

+ Chính phủ ban hành “chính sách Cộng sản thời chiến”.

+ Kết quả: Những biện pháp kiên quyết, cứng rắn của Đảng Bôn-sê-vích và Lênin đã động viên được nhân dân tham gia đông đảo.

+ Đến năm 1920, nước Nga Xô viết đánh bại thù trong giặc ngoài.

+ Nhân dân Nga gìn giữ được độc lập, chính quyền Xô viết non trẻ đã đứng vững.

+ Nước Nga Xô viết chuyển sang thời kì hoà bình xây dựng đất nước.

Kết luận:

– Vai trò của Đảng Bôn-sê-vích và Lênin rất quan trọng, có tính chất quyết định trong xây dựng củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng.

– Với biện pháp kiên quyết, cứng rắn, linh hoạt đã đưa đất nước vượt qua cơn hiểm nghèo.

– Đường lối của Đảng đúng đắn, sáng tạo, kịp thời đã đưa nước Nga vượt qua cơn hiểm nghèo, thoát khỏi chiến tranh, giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

– Biết vận dụng sức mạnh đoàn kết của toàn dân.

– Thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

(Đề thi đề nghị của Trường THPT Quốc Học Huế)

Mục Lục

Lời nói đầu	3
-------------------	---

PHẦN I: CÁC ĐỀ THI CHÍNH THỨC

	Đề	Đáp án
ĐỀ THI NĂM 2007	5	15
ĐỀ THI NĂM 2008	8	22
ĐỀ THI NĂM 2009	9	29
ĐỀ THI NĂM 2010	10	35
ĐỀ THI NĂM 2011	11	41
ĐỀ THI NĂM 2012	12	46
ĐỀ THI NĂM 2013	13	53

PHẦN II: CÁC ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ

	Đề	Đáp án
ĐỀ 1	60	75
ĐỀ 2	61	80
ĐỀ 3	62	88
ĐỀ 4	63	96
ĐỀ 5	64	103
ĐỀ 6	65	108
ĐỀ 7	66	114
ĐỀ 8	67	120
ĐỀ 9	68	126
ĐỀ 10	69	132
ĐỀ 11	70	140
ĐỀ 12	70	146
ĐỀ 13	71	152
ĐỀ 14	72	159
ĐỀ 15	73	163
ĐỀ 16	74	169

PHẦN III. CÁC CÂU HỎI THEO CHUYÊN ĐỀ

CHƯƠNG I. CÔNG XÃ PARIS	175
CHƯƠNG II. NHẬT BẢN	185
CHƯƠNG III. TRUNG QUỐC	200
CHƯƠNG IV. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX	219
CHƯƠNG V. QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT	241
CHƯƠNG VI. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917	256

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

***HỆ THỐNG NHÀ SÁCH & SIÊU THỊ CỦA**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA DU LỊCH GIA LẠI TRÊN TOÀN QUỐC

***HỆ THỐNG NHÀ SÁCH & SIÊU THỊ CỦA**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM TRÊN TOÀN QUỐC

***davibooks.vn**

NHÀ SÁCH TRỰC TUYẾN

ĐT: 62972354

- HUẾ:** **CÔNG TY CP SÁCH&TBTH HUẾ** – 76 Hàn Thuyên – TP. Huế
- ĐÀ NẴNG:** **NS LAM CHÂU** – 129 Phan Chu Trinh
- QUẢNG NGÃI:** **NS TRẦN QUỐC TUẤN** – 526 Quang Trung
- NHA TRANG:** **CÔNG TY CP PHS** – 34 – 36 Thống Nhất – Nha Trang
SIÊU THỊ TÂN TIẾN – 11 Lê Thành Phương – Nha Trang
- BÌNH THUẬN:** **NS HƯNG ĐẠO** – 328 Trần Hưng Đạo – TP. Phan Thiết
- ĐỒNG NAI:** **NS KIM NGÂN** – 88 Cách Mạng Tháng Tám – TP. Biên Hòa
NS BIÊN HÒA – 35 Cách Mạng Tháng 8 – TP. Biên Hòa
NS MINH ĐỨC – 156 Đường 30/4 – TP. Biên Hòa
- VÙNG TÀU:** **NS ĐÔNG HẢI** – 38 Lý Thường Kiệt
NS HOÀNG CƯỜNG – 163 Nguyễn Văn Trỗi
- GIA LẠI:** **CÔNG TY SÁCH TBTH** – 40B Hùng Vương – TP. Plieku
- DAKLAK:** **NS LÝ THƯỜNG KIỆT** – 55 – 57 Lý Thường Kiệt
- KONTUM:** **CÔNG TY CP SÁCH TBTH** – 129 Phan Đình Phùng
- LÂM ĐỒNG:** **CÔNG TY CP SÁCH TBTH** – 09 Nguyễn Văn Cừ – Đà Lạt
NS CHÍ THÀNH – 72D Bùi Thị Xuân – Đà Lạt
- DẮK NÔNG:** **NS GIÁO DỤC** – 30 Trần Hưng Đạo – Gia Nghĩa
- TÂY NINH:** **NS VĂN NGHỆ** – 295 Đường 30 tháng 4
- LONG AN:** **CÔNG TY PHS** – 04 Võ Văn Tần – TX. Tân An
- TIỀN GIANG:** **CÔNG TY CP SÁCH TBTH** – 22 Hùng Vương – TP. Mỹ Tho
- ĐỒNG THÁP:** **NS VIỆT HƯNG** – 196 Nguyễn Huệ – TP. Cao Lãnh
- BẾN TRE:** **CÔNG TY CP SÁCH TBTH** – 03 Đồng Khởi
- SÓC TRĂNG:** **NS TRỄ** – 41 Trần Hưng Đạo
- KIÊN GIANG:** **NS ĐÔNG HỒ I** – 98B Trần Phú – Rạch Giá
NS ĐÔNG HỒ II – 989 Nguyễn Trung Trực – Rạch Giá
- BÌNH DƯƠNG:** **NHÀ SÁCH 277** – 518 Cách Mạng Tháng Tám – Thủ Dầu Một
- CÀ MAU:** **NS MINH TRÍ** – 44 Nguyễn Hữu Lễ
- AN GIANG:** **NS THƯ QUÁN** – 3/5 Tôn Đức Thắng – TP. Long Xuyên
NS THANH KIÊN – 496 Võ Thị Sáu – TP. Long Xuyên
TT VĂN HÓA TỔNG HỢP – 15 – 17 Hai Bà Trưng

SÁCH CÓ BÁN LẺ TẠI CÁC CỬA HÀNG SÁCH TRÊN TOÀN QUỐC



Nhà sách **HỒNG ÂN**

www.nhasachhongan.com.vn

Email: nhasachhongan@hotmail.com

20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38246706 - 08083021 - 39107095 ♦ Fax: 08083017

Điểm đến của tri thức

Lời nhà sách

Quý thầy cô kính mến!
Các em học sinh yêu quý!

Lại một kì thi Olympic sắp đến. Có lẽ các bạn học sinh cũng đang hi vọng mình sẽ là người đạt danh hiệu cao nhất trong kì thi quan trọng này. Để góp một phần nhỏ trong thành tích ấy, Nhà sách Hồng Ân với phương châm xuất bản những ấn phẩm thật sự bổ ích cho việc dạy và học đã mạnh dạn liên kết xuất bản bộ sách “*Tuyển tập 20 năm đề thi Olympic 30 tháng 4*”. Với mong muốn gửi đến Quý thầy cô và các em những kiến thức quý giá, đồng thời cũng lưu giữ lại các tư liệu mà Ban tổ chức kì thi đã tốn rất nhiều công sức, tâm huyết theo đuổi và duy trì đến hôm nay.

Bán tại

- NS MINH TÂM, 245 Trần Nguyễn Hân - HP * ĐT: (0313) 858699
- 29&31 Phan Bội Châu - Hải Phòng *ĐT: (0313) 839599
- 04 Lý Thái Tổ - TP. Đà Nẵng *ĐT: 0511.3823421
- 259 Lê Duẩn - TP. Vinh - ĐT: 0383.554777
- 3 Hàng Tre - Hà Nội * ĐT: (04) 38246605
- 67 Nguyễn Khoái - Hà Nội * ĐT: (04) 39845439
- 10 Chương Dương Độ - Hà Nội
- 828 Đường Láng - Hà Nội * ĐT: (04) 35575385

ISBN: 978-604-939-037-1



8 935092 755991

Giá: 60.000đ

DV
134